HUỲNH-MINH

ĐỊNH-TƯỜNG

XƯA và NAY



TRẬN THỦY CHIẾN LỊCH-SỬ :

Nguyễn-Huệ đại phá 2 vạn quân Xiêm
tại sông Rạch Gầm vào năm Giáp Thìn 1874

Loại sách sưu Khảo

HUỲNH-MINH
Sưu-tầm — Khảo-cứu
các tỉnh miền Nam nước Việt
Bảo tồn di tích lịch sử nước nhà

ĐỊNH-TƯỜNG

Xưa và Nay

Nội-dung gồm :

- LỊCH-SỬ ĐỊNH-TƯỜNG TRẢI QUA CÁC THỜI-ĐẠI
- ĐỊA-LÝ TỔNG-QUÁT
- DANH-NHÂN NGÀY XƯA, ANH-HÙNG LIỆT-SĨ KHÁNG PHÁP
- DI-TÍCH LỊCH-SỬ, LĂNG MỘ DANH-NHÂN
- HUYỀN-SỬ, GIAI-THOẠI, THỔ-NGHI
- CÁC BỘ MÔN VĂN-HOÁ NGHỆ-THUẬT
- ĐỊNH-TƯỜNG TRÊN ĐÀ KIẾN-THIẾT, SINH-HOẠT CÁC NGÀNH
- TỔNG KẾT DÂN SỐ TRONG TỈNH
- ĐỊNH-TƯỜNG VỚI VƯỜN HOA LẠC-HỒNG NGÀY NAY

tác-giả xuất-bản

Từ kho sách xưa của Quán Ven Đường

Non nước Định-Tường



Mỹ Tho cảnh vật nên thơ
Dệt tình luyến ái bên bờ Long Giang.
Khoa Huân tô đậm son vàng
Trong Nam Quốc sử rỡ ràng Rồng Tiên
Danh còn vang dội sơn xuyên
Ngũ Linh Thiên Hộ oai rền muôn thu
Cồn Phụng rạng tiếng nhà tu
Nghìn phương mây gió phiêu du đồng về
Gió chiều thổi nhẹ lê thê
Ai người trĩu nặng tình quê Định Tường
Mau về giải kiếp phong sương

LỜI NÓI ĐẦU

Trên đường sưu tầm xuyên qua các tỉnh miền Nam tiền giang và hậu giang đã xuất bản như Kiến-Hoà xưa và nay, Bạc Liêu, Cần-Thơ, Vĩnh-Long, Gò-Công nay trở lại tìm hiểu đất đai và nhân vật tỉnh Định-Tường qua nhiều khía cạnh, lịch sử, địa lý, danh nhân, di tích, huyền-thoại, sinh hoạt v. v...

Định Tường từ xa xưa vẫn là một tỉnh lớn trong sáu tỉnh của miền Nam. Tuy có kém quan trọng về mặt hành chánh, vì rất nhiều cơ-quan đầu não thiết lập tại Vĩnh-Long, nhưng Định-Tường lại rất trọng yếu về mặt quân sự. Những địa danh vang lừng về quân sự như Rạch Gầm, Nguyễn-Huệ đại phá quân Xiêm, Đồng tháp Mười gắn liền với những tên tuổi lớn Thủ Khoa Huân, Thiên hộ Dương, Lãnh binh Cần, có những trang sử oai hùng làm tăng phần quan trọng của Định-Tường chẳng nhỏ.

Lại nữa, bao nhiêu nhân-vật ưu-tú của miền Nam, sau khi sáu tỉnh Nam-Kỳ thuộc Pháp, lui về sống đời ẩn dật để bảo tồn tiết tháo của bậc sĩ-phu, rải rác ở các nơi Thuộc-nhiêu, Vĩnh-Kim, Cai-lậy, càng làm đẹp cho phong-khí Định-

Tường. Đến ngày nay, nhắc lại những Phan-Hiển-Đạo, Phạm-Viết-Chánh, Học Lạc, Cử Đa, Mai-văn-Ngọc, yêu mến các sĩ phu ấy bao nhiêu, ắt lòng càng trìu mến quê hương xứ Mỹ bấy nhiêu.

Nhân tài Định-Tường về sau và gần đây cũng đều lỗi lạc. Về mọi ngành, đều có người xứng đáng làm tiêu biểu. Như cổ nhạc có nhạc sĩ Trần văn Triều tức bảy Triều xuất sắc, văn học thì có Nguyễn-văn-Bá Cao-hải-Đề, Lương-khắc-Ninh v v... Riêng về giới phụ nữ, thuở trước có Sương-Nguyệt-Ánh, về sau có Trần ngọc-Diện đều là những người có tài uy-tín đạo đức cao, đóng góp tâm huyết để điểm tô trang sử Định-Tường đậm nét huy-hoàng.

Nhìn quá trình lịch sử của tỉnh Định-Tường, lắm điều vẻ vang khiến được các thế-hệ sau tin tưởng ở khí thiêng non nước đã chung đúc vào mảnh đất « địa linh nhơn kiệt » ấy.

Dù không nhiều danh lam thắng cảnh, nhưng những vườn dừa tươi tốt, vườn cây trái xum-xuê, nước sông Cửu-Long êm-đềm, tất cả giúp Định-Tường có bộ mặt khả ái nên thơ và quyến rủ du khách. Rồi đây với những chương-trình kiến thiết quy mô, trong tương lai tỉnh Định Tường càng nhiều hứa hẹn.

Chúng tôi không dám tự phụ sưu tầm đầy đủ, không bỏ sót một khía cạnh nào. Nhưng với tất cả cố gắng của chúng tôi, cuốn sách này ít nữa cũng giúp cho quý vị có một quan niệm tổng quát về tỉnh Định Tường trong dĩ vãng và hiện tại.

HUỲNH-MINH

tài-liệu tham-khảo

gồm các sách báo Pháp, Việt

SÁCH PHÁP :

— Monographie de la province Định-Tường

— Paulin Vial, Les premières années de la Cochinchine (Tomes I-II)

— P-Cultru, Histoire de la Cochinchine Française des Origines à 1883

— Bulletin administratif de la Cochinchine

SÁCH BÁO VIỆT :

— Lục-tỉnh Nam Việt

— Địa-phương chí Định-Tường

— Gia-Định Thống-chí (Trịnh-Hoài-Đức)

— Đại-Nam nhứt-thống chí (Tu-trai Nguyễn-Tạo)

— Đại-Nam thực lục chánh biên

— Liệt truyện

— Tạp-chí Tri-Tân

— Việt-Nam văn-học sử (Dương-Quảng Hàm)

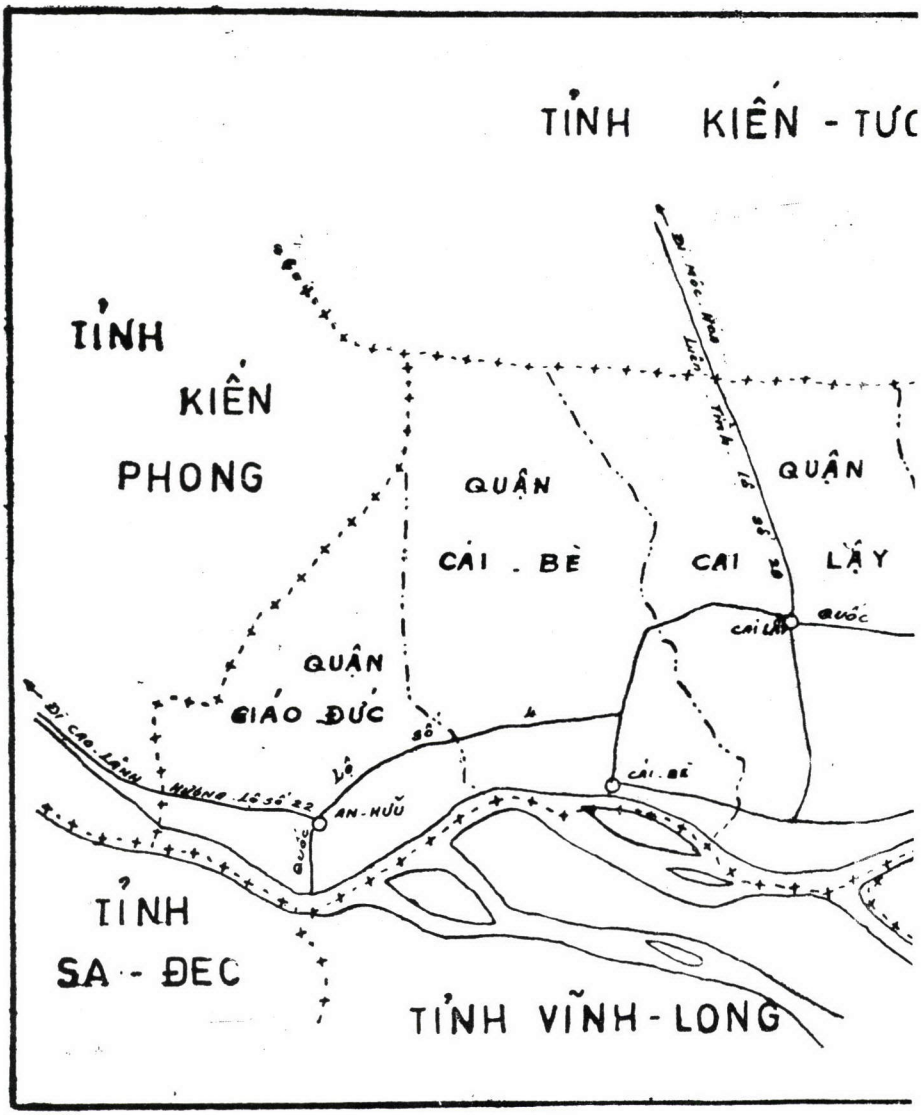
— Nam-kỳ phong-tục diễn-ca (Nguyễn-Liên-Phong)

— Lịch-trình hành-chánh Nam-phần (Đào-văn-Hội)

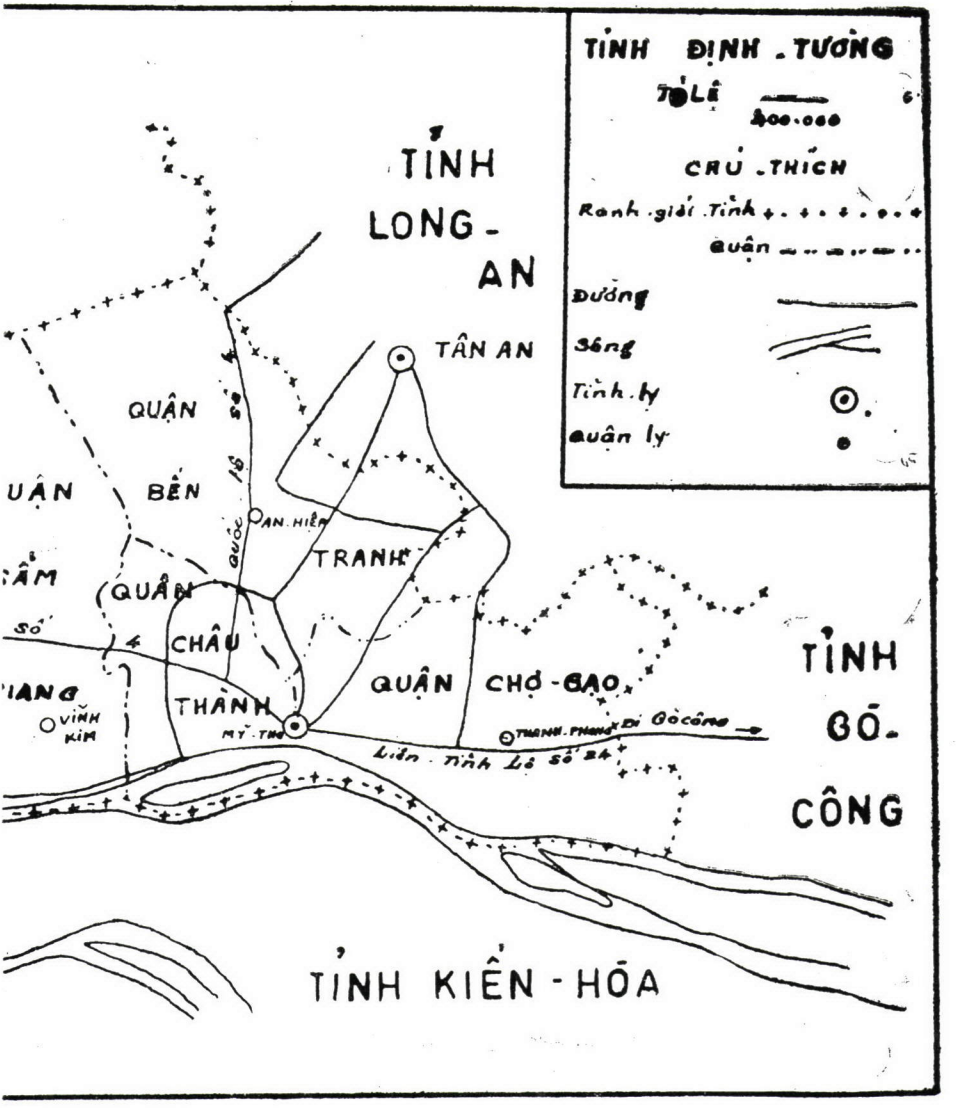
— Anh-hùng kháng Pháp miền Nam (Đào-văn-Hội)

Và xuyên qua những truyền thuyết của các bô-lão, thân-hào nhân-sĩ địa-phương kể lại.

BẢN ĐỒ TỈN


TỈNH KIÊN - TƯ
TỈNH
KIÊN
PHONG
QUẬN
CÁI . BÈ
QUẬN
CAI LẬY
QUẬN
GIÁO ĐỨC
AN-HỮU
CÁI BÈ
TỈNH
SA - ĐEC
TỈNH VĨNH-LONG

ỊNH-TƯỜNG


TỈNH ĐỊNH - TƯỜNG
TỶ LỆ
400.000
CHÚ - THÍCH
Ranh giới Tỉnh
Quận
Đường
Sông
Tỉnh lỵ
Quận lỵ
TỈNH LONG - AN
TÂN AN
QUẬN
BẾN
AN HIỆP
TRANH
QUẬN
CHÂU
THÀNH
MỸ THỌ
QUẬN CHỢ - GẠO
TỈNH GÒ - CÔNG
VĨNH KIM
Liên tỉnh Lộ số 24
TỈNH KIẾN - HÒA

Phần thứ nhứt :

— **Sử-lược trải qua các thời-đại**

— **Địa-lý tổng quát**

SỬ-LƯỢC

Lịch-sử tỉnh Định-Tường dĩ nhiên khởi thủy đồng thời với Nam-phần Việt-Nam, lúc trước có tên là Nam-Kỳ Lục-tỉnh.

Do công trình khảo cứu của nhiều học giả thì từ thế kỷ thứ nhứt đến thế kỷ thứ sáu Cơ Đốc kỷ nguyên, miền Nam Việt-Nam và Cao-Miên ngày nay do dân-tộc Phù-Nam chiếm trị.

Sau đó nước Phù-Nam sụp đổ, trong một khoảng thời-gian suốt ngàn năm, trên dãy đất hoang vu mà ban sơ người Việt-Nam ta gọi là Thủy-Chân-Lạp, người Tàu kêu là Cổ Chiêm Thành, sau này người phương Tây gọi là Basse Cochinchine, rồi Cochinchine, do các nhà hàng hải Bồ-đào-Nha thấy miền duyên hải miền Nam nước Việt giống như miền duyên hải xứ Cochin nước Ấn-độ, nên gọi là « Cochin de Chine » tức Cochin gần nước Tàu (Chine) để cho khỏi lầm với Cochin bên Ấn-độ trên dãy đất rộng mênh mông nầy, sống rải rác nhiều dân-tộc, người Miên, Chàm, Mã-Lai, và người Tàu, phần đông chuyên về trồng tỉa hoặc bán buôn mà không có một chánh-quyền cai-trị nào vững chắc.

NHÂN DÂN TRUNG PHẦN DI CƯ VÀO NAM :

« Đầu thế kỷ thứ 17, nhân dân miền Nam Trung-phần vùng Quảng-Nam, Qui-Nhơn, Phú-Yên thường hay mất mùa phải đói khổ luôn vả lại lúc ấy Chúa Nguyễn, Chúa Trịnh đánh nhau cho nên số đông dân chúng gánh gồng, dìu dắt nhau tản cư, tìm nơi an toàn, phì nhiêu mà sanh sống.

Đoàn di dân tiến về phía Nam nước Chiêm-Thành, có lẽ bây giờ là Cù-Mi, La-gi, đổ bộ lên đất liền, lập nghiệp sanh cư, nơi đấy thuở ấy gọi là Mô xoài (hay Mô xúy) là vùng đất giữa Biên-Hoà và Phước-Tuy (Bà-Rịa) ngày nay.

Đoàn khác lại theo dòng thủy triều mà tấp vào một nơi khác trên phần đất gò nổng có nhiều điều thú đa số là loài công, do đó truyền miệng nhau gọi là Gò-Công (Khổng-tước-nguyên).

Đoàn người trôi dạt khác lại do theo cửa Cần-Giờ ngược dòng Nhà Bè trở lên một đồng bằng, có lẽ nơi đây họ gặp nhiều bầy nai thản nhiên ăn cỏ giữa cảnh thiên nhiên, cho nên đặt tên vùng đất mới là Đồng-Nai (Lộc dã) tức là Biên Hòa ngày nay.

Lại có toán di dân tản lạc lên tới bình nguyên Prey-Kor mà khai khẩn ấy là Sài-Côn mà bây giờ là Saigon.

BANG GIAO GIỮA VIỆT VÀ MIÊN :

Như trên chúng tôi đã nói, trên mảnh đất hoang dã mênh-mông có tên Thủy Chân-Lạp, di dân Việt-Nam bắt đầu khai thác, trồng tỉa, nơi đây đã có rải rác người Cao-Miên mà đa số lười biếng bỏ phế những nguồn lợi thiên nhiên.

Một lẽ thông thường là người Cao-Miên đa số không chịu nhọc nhằn để sinh sống, tất nhiên tâm lý cướp giựt đã nảy nở trong quần chúng nghèo nàn và biếng nhác. Lúc bấy giờ dân Việt-Nam phải bị nhũng nhiễu và mất mạng rất nhiều, trước những bàn tay của thần dân Miên vương. Lẽ dĩ nhiên Việt quân phải ra tay để bảo vệ tài sản và sanh mạng của những đồng bào tha hương ấy.

Sự bang giao chánh thức giữa các chúa Nguyễn với Miên vương khởi đầu vào năm 1623.

Nguyễn Sãi vương là quốc trượng của vua Chân-Lạp Préas Chenchetta II lập thuế thương chánh và thương đầu ở xứ Prei Nokor, tức là Saigon.

Năm 1658, để binh vực dân Việt-Nam làm ăn ở Thủy Chân-Lạp bị ngược đãi, Chúa Hiền vương sai Hồ tướng Doanh Phú Yên là Nguyễn-phúc-Yến đánh bắt vua Miên là Nặc ông Chân, giam ở Quảng-Bình một độ rồi cho về nước, nhưng phải triều cống và bảo-vệ người Việt-Nam sang làm ăn trong vùng Đồng-Nai.

Kế đó, từ năm 1658 cho đến 1759, ngót trăm năm, bao nhiêu lần trong hoàng tộc Cao-Miên, hoặc giữa anh em, hoặc giữa chú cháu xảy ra những vụ tranh chấp để dành ngôi vua thì họ cầu cứu cùng chúa Nguyễn, và sau khi đặng mãn nguyện rồi họ cắt những vùng đất trên Thủy Chân Lạp mà tạ ơn chúa Nguyễn mà thật sự họ cũng không thiệt thòi gì.

Trong phạm vi nhỏ hẹp thiên khảo cứu về địa phương chí tỉnh Định-Tường, chúng tôi không thể kể rành mạch từng vị một vua Miên «cầu cứu» cùng chúa Nguyễn và nay cống tỉnh này, mai dâng tỉnh nọ.

Chúng tôi chỉ thuật qua cuộc di cư quan trọng của nhân-dân miền Trung tự động vào Nam đầu thế kỷ thứ 17 như trên đã nói, rồi sau đó là cuộc di dân của bọn người Tàu vào Đông Phố và Định-Tường vào năm 1679, sau cùng là cuối thế kỷ 17, Thống soái Nguyễn-hữu-Cảnh chiêu mộ những dân nghèo từ Quảng-Bình vào Nam.

CUỘC DI DÂN CỦA NGƯỜI TÀU VÀO NAM

Năm Kỷ Mùi 1679, Tổng binh thành Long-Môn (Quảng tây) nhà Minh tên là Dương-ngạn-Địch, Phó tướng là Huỳnh-Tấn và Tổng binh Châu Cao, Châu Lôi và Châu Liêm (Quảng tây) là Trần-thượng-Xuyên, phó tướng là Trần-an-Bình, cử binh phản nhà Thanh để mưu khôi phục cơ nghiệp nhà Minh.

Thất bại, hai vị Tổng binh đem tướng sĩ xuống thuyền chạy sang hải phận nước Nam, thần phục chúa Nguyễn Hiền Vương.

Chúa Hiền vương có ý nghi lòng thành thật của đoàn người này, bởi vì, trước đây dưới đời Trần, quân nhà Nguyên đã chẳng có lần muốn mượn đường Việt Nam xuống đánh Chiêm-Thành, để gây cuộc can qua với Việt-Nam nhưng cũng không thể xua đuổi họ được bởi lẽ họ đã cố ý xin thần phục mình.

Nhân đó, Hiền-vương nghĩ cách đưa họ vào đất Thủy Chân Lạp một là để dùng họ làm những nhân công khai thác các vùng đất hoang hai là để tránh xa bọn người chúa không trọn tin.

Thế là nhứt cử lưỡng tiện vậy.

Rồi ngài liền phong quan chức cho bọn Dương Trần và viết thơ giới thiệu bọn người Trung-Hoa này với Phó vương Nặc ông Non ở Saigon (Prei Kôi) yêu cầu tiếp nạp trọng hậu mấy người ấy. Thế là bọn quân sĩ trung-nghĩa của nhà Minh lại phải lên đường. Đến vũng Gành Rái, đoàn người lưu vong chia ra làm hai ngã :

— Bọn Trần thương Xuyên vào cửa Cần-Giờ, ngược dòng Đồng-Nai đổ bộ lên đất Ban lây (Biên-Hoà) và Đông-phố (Gia-Định) lập ấp doanh cư ;

— Bọn Dương ngạn Địch và Huỳnh-Tấn theo dòng sông Cửu-Long lên cắm trại ở một vùng mà ngày nay gọi là Mỹ-Tho.

Bây giờ Ban-lây (Biên-Hoà) là trung tâm điểm của nông-nghiệp và Thương-nghiệp, vì thế có nhiều nhà buôn bán Âu-châu Trung-Hoa, Mã-Lai, Nhựt-Bổn, thường lui tới mua bán, đổi chác hàng vật.

Còn vùng đất Mỹ-tho lại là nơi tiếp nạp những khách hải hồ vô trật tự.

Năm 1688, Phó tướng Long môn là Huỳnh-Tấn giết chủ tướng Dương ngạn Địch mà cướp lấy binh quyền, tự xưng là Phấn-Dũng hồ oai đại tướng quân, lập đồn đắp lũy ở phía bắc Mỹ-Tho, cướp bóc khuấy nhiễu cả vùng Tiền-giang và uy hiếp cả Nam-Vinh (Nam-vang — Phom-Penh). Trước tình thế loạn lạc trong đất Chân-Lạp do bọn người Tàu gây ra, cố nhiên vua Chân-Lạp là Nặc-Thu sinh hờn chúa Nguyễn mà bỏ lệ triều cống.

Đường khác, Nặc-Thu nhờ viện binh Xiêm tiến đánh phó vương Ông Non (thân Việt) ở Sài Côn, nhưng phải bại binh lui về Long Úc (Oudong).

Chúa Nguyễn Vương Nguyễn-Phúc-Trăn gởi một đạo viện quân đến thanh trừng bọn loạn Tàu và luôn tiện phạt Nặc-Thu.

Viên tướng chỉ-huy quân Việt gạt bọn Tàu làm cho họ lầm tưởng Việt quân tiến đánh Nặc-Thu, rồi tương kế tựu kế giết chết Huỳnh-Tấn, tiêu diệt bọn đồng lõa.

Tiếp theo, Việt quân gởi thông điệp gọi tướng Trần thượng Xuyên ở Mô Xoài (đem binh đến liên hiệp đánh Nặc-Thu).

Khi liên quân Việt-Nam đột nhập Nam Vinh (Pnom Penh) Nặc Thu không dám cự xin thần phục và chịu dâng lễ triều cống như cũ.

CHÚA NGUYỄN ĐẶT NỀN HÀNH CHÁNH TRÊN NAM PHẦN

Năm Mậu Dần (1698) chúa Ninh Vương Nguyễn Phúc Chu, nhân năm 1697 đã thâu được cả đất Chiêm-Thành vào bản đồ rồi, bây giờ bèn sai Nguyễn hữu Cảnh làm Thống soái đem binh vào kinh lược đất Chân-Lạp.

Tổ tiên ta bắt đầu chiếm trị Nam-Kỳ kể từ đấy.

Nguyễn hữu Cảnh chia đất Đông phố ra làm dinh làm huyện :

— Ở Đồng Nam đặt ra huyện Phước-Long (nay là Biên-Hòa), lập Trấn biên dinh.

— Ở Sài-gòn, đặt ra huyện Tân bình (nay là Gia-Định, lập Phiên trấn dinh ; sai quan cai trị, mỗi dinh đặt một quản lưu thú, coi về việc hành chánh, một quan cai bộ (thủ quỹ) để giữ ngân khố và một ký lục (thẩm phán) hay về việc hình án.

Người đặt đồn canh giữ, mở mang đất đai ra đến ngàn dặm, được hơn bốn vạn nóc gia, lại chiêu mộ những dân nghèo từ Quảng bình vào, đặt thành xã thôn, khẩn ruộng đất, lập ra sổ dinh điền, lại hợp bao nhiêu người Tàu ngụ tại Trấn-biên đặt làm một xã Thanh hà, và người Tàu ngụ tại Phiên trấn, đặt làm một xã Minh hương.

Người Trung-Hoa ở hai xã này cũng như người Việt được hưởng một chế-độ cai trị như nhau.

Năm 1731, người Lào tên Sa Tốt đem binh Chân-Lạp vào cướp phá Gia-Định, chúa Ninh Vương Nguyễn-phúc-Chu tức giận liền chiếm đất Định Tường và Long-hồ, tức Vĩnh-Long (lập châu Định viễn và Trà Vinh (Vĩnh bình ngày nay).

Cũng năm nầy, tỉnh lỵ Định-Tường từ Cái Bè được dời đến chỗ cũ bên kia bờ rạch Bảo định và vẫn chiếm địa điểm trên ấy mãi đến khi người Pháp đến.

Năm 1753, chúa Võ Vương lập đạo Trường Đồn gồm đất Mỹ-Tho và Cao lãnh rộng đến biên giới Cao-Miên.

Và sau đây là kết quả khai cương thác địa của dân tộc ta trên phần đất Thủy Chân Lạp.

NĂM 1698 : Chúa Ninh-vương Nguyễn-phúc-Chu lập :
Trấn biên dinh (Biên hoà) và Phiên trấn dinh (Gia-Định).

NĂM 1714 : và mấy năm sau, nhận Hà-Tiên trấn do Mạc-Cửu và Mạc Thiên Tích khai thác và qui phụ vào Nam triều :
Hà-Tiên (Phú-Quốc)
Long-Xuyên (Cà-Mau)
Kiên-Giang (Rạch-Giá)
Trấn-Giang (Phong-Dinh)
Trấn-di (Bạc-Liêu, Bãi-Xàu)

NĂM 1732 : Chúa Ninh-Vương Nguyễn Phúc Chu chiếm :
Định-Tường và Long-hồ (Vĩnh-long)

NĂM 1744 : Chúa Võ Vương Nguyễn-phúc-Huợt lập :
Trấn biên dinh
Phiên trấn dinh
Long hồ dinh và
Hà tiên trấn

NĂM 1753 : lập đạo Trường-Đồn, tức là Mỹ-Tho và Cao-Lãnh

NĂM 1755 : nhận Tầm bôn và Lôi-lạp tức vùng Soi-rạp (Tân-an bây giờ)

NĂM 1757 : nhận Trà Vang tức Trà-Vinh (Vĩnh-Bình) Ba Thắc (Bassac, Sóc-trăng) Tầm phong long (vùng phía Bắc Bassac).

Sau cùng, năm 1759, chúa Võ Vương lập 5 đạo :
Đông khẩu đạo (Sadec)
Tân châu đạo (cù lao giêng)
Châu đốc đạo
Kiên giang đạo và
Long xuyên đạo (tức An-xuyên ngày nay)

ĐỊNH-TƯỜNG ĐẪM MÁU DƯỚI THỜI TÂY-SƠN và NGUYỄN-ÁNH

Định-Tường là một tỉnh còn lưu lại nhiều thành tích lịch sử quan-trọng, sau khi được thâu vào bản đồ Việt-Nam. Chính Định-Tường đã nhiều phen chứng kiến những trận oai hùng giữa Chúa Nguyễn Ánh và Nguyễn Tây-Sơn.

Bị đánh đuổi vào Nam, Nguyễn-Ánh lê gót trên đường tẩu quốc khắp lục tỉnh Nam-kỳ và luôn dùng Định-Tường làm bàn đạp để tấn công Saigon do binh Tây-Sơn chiếm giữ.

Lần đầu tiên, tháng 11 năm Bính thân 1776, Nguyễn Ánh đến Ba-Giồng, tức là một vùng đất rộng từ Rạch Gầm (Mỹ-tho) tới Giồng Cái én — Tân-an) để chiêu dụ quân Đông sơn mà Đỗ-thành-Nhân là chủ tướng.

— Sau khi hai phen chiếm Saigon rồi lại thất thủ, tháng ba năm Nhâm dần (1782) Nguyễn-Ánh chạy xuống Ba-Giồng lần nữa vì thất một trận thủy chiến ở sông Ngã ba, gần cửa Cần-Giờ.

Tháng tư, ngài đến giồng Cai Lữ (vùng Rạch Gầm) thâu thập tàn quân độ 300, đánh chém được đô-đốc Tây-Sơn là Nguyễn Học thừa thắng đến Trấn định dinh (Tân-hiệp Mỹ tho).

Vào khoảng tháng 2 năm Quí-Mão (1783) bị Nguyễn-Huệ và Nguyễn Lữ đánh tan chiến thuyền tại sông Saigon, Nguyễn-Ánh chạy xuống Ba-Giồng, tùng thần chỉ còn 5, 6 người, binh lính không đầy một trăm.

— Bị bại nhiều trận liên tiếp, đến năm Giáp Thìn 1784, Nguyễn Ánh qua Xiêm lần thứ nhứt, viện được hai tướng Xiêm là Chiêu Tăng và Chiêu Sương dẫn 20.000 quân và 300 chiến thuyền theo giúp.

Tháng 11, Nguyễn Ánh lấy lại được đồn Ba-Rài và Trà-Tân, vùng Cai-Lậy (Mỹ-Tho) Nghe Nguyễn Ánh ở Xiêm về, Nguyễn-Huệ từ Qui-Nhơn dẫn quân vào. Hai bên gặp nhau ở Rạch Gầm, Huệ đánh bại binh Xiêm chẳng còn mạnh giáp, đến đỗi

Chiêu-Sương Chiêu-Tăng phải bỏ cả binh thuyền đạp đường bộ chạy về Vọng Các, còn Nguyễn Ánh chạy qua Cần-Thơ, rồi năm 1785 lại sang Xiêm lần thứ hai.

ĐỊNH TƯỜNG DƯỚI THỜI GIA-LONG

Năm 1788, sau khi khắc phục thành Gia-Định, chúa Nguyễn Phúc-Ánh sửa sang đất Nam-kỳ kêu là Gia-Định, chia địa phận làm 4 Dinh :

Phiên trấn dinh (Gia-định)
Trấn biên dinh (Biên-Hoà)
Trấn Vĩnh dinh (Vĩnh-Long) và
Trấn Định dinh (Định tường)

Nhờ nhiều tướng tài phò tá và binh Pháp hộ trợ. Nguyễn-Ánh đánh bại Tây-Sơn, thống nhứt Nam Trung Bắc và xưng đế hiệu là Gia-Long năm 1802, định đô ở Phú-Xuân (Huế) mới có danh hiệu Nam-Bắc.

Phàm những tỉnh thuộc về Thừa Thiên thì gọi là Kinh Kỳ.

Những tỉnh ở hướng Bắc thì gọi là Bắc kỳ, còn những tỉnh ở về phía Nam thì gọi là Nam kỳ hay là Gia-Định trấn, thuộc hạt có :

4 trấn
4 phủ và
15 huyện

Và phụ thêm một trấn Hà-Tiên : 2 Đạo, 2 huyện.

Vĩnh tường trấn (Định-Tường) là 1 trong 5 trấn gồm :

1 phủ : Kiến An
và 3 huyện : Kiến Đăng, Kiến Hưng, Kiến Hoà

Gia-Định trấn đặt chức Tổng Trấn và Phó Tổng Trấn để cai trị mọi việc, gồm coi cả 5 trấn.

Ở các trấn thì đặt quan lưu trấn hay là quan trấn thủ, quan Cai bạ và quan ký lục để cai trị trong trấn.

Trấn lại chia làm phủ, huyện như ta đã thấy trên, đặt dưới quyền Tri phủ và Tri huyện.

DƯỚI TRIỀU MINH-MẠNG

Năm Minh Mạng thứ 13 (1832), vua bãi bỏ chức Tổng-Trấn thành Gia-Định và đổi trấn làm tỉnh, chia Nam-kỳ làm sáu tỉnh, cộng 18 phủ, 43 huyện, tức là :

Gia-Định (Phan-Yên)
Biên-Hòa (Đồng-Nai)
Định-Tường (Mỹ-Tho)
Vĩnh-Long (Long-hồ)
An-Giang (Châu-Đốc)
và Hà Tiên

Trong mỗi Tỉnh, vua Minh-Mạng đặt những chức Tổng đốc Tuần-phủ, Bố chánh sứ, Án sát sứ và Lãnh binh để đảm nhiệm việc chánh-trị, hành chánh và quân sự.

DƯỚI TRIỀU TỰ-ĐỨC

Đến năm 1851, dưới triều Tự-Đức, Nguyễn-tri-Phương được bổ nhậm làm chánh sứ với chức Kinh lược 6 tỉnh Nam kỳ, Phan-thanh-Giản, làm Phó kinh lược. Cả hai nguyên sinh tại Nam kỳ, đều tài năng xuất chúng, trội hơn các kẻ đồng thời Tỉnh Định-Tường thuở đó đặt dưới quyền cai trị của Tuần-phủ Trà đình Túc, trực thuộc Tổng-Đốc ở Vĩnh-Long.

Lúc binh đội Pháp vào đánh lấy Sài-gòn (1859) thì xứ Nam kỳ phân ra ba quận, mỗi quận do quan Tổng đốc cai trị.

1.- Quận Định biên gồm : tỉnh Gia-Định, tỉnh Biên-Hòa.
2.- Quận Long-Tường : tỉnh Vĩnh-Long, Định-Tường.
3.- Quận An hà : tỉnh An-Giang, Hà Tiên.

Riêng tỉnh Định-Tường gồm 2 phủ, 4 huyện :

Phủ Kiên An, 2 huyện :
Kiến Hưng
Kiến Hoà
Phủ Kiến Tường, 2 huyện :
Kiến Phong
Kiến Đăng

QUÂN PHÁP XÂM CHIẾM NAM-KỲ
ĐỊNH-TƯỜNG THẤT-THỦ (ngày 12-4-1861)

Năm 1859, vịn vào sự cấm đạo Gia-tô xảy ra từ đời Minh Mạng, ngày càng trở nên khắc nghiệt đi đến chỗ giết giáo sĩ, người Pháp và Y-pha-Nho đem binh thuyền sang đánh nước ta, chiến cuộc giữa Việt-Nam và Pháp bắt đầu từ đó và chấm dứt bằng sự thảm bại của ta đưa đến cuộc thống trị của người Pháp, kéo dài suốt 86 năm trời từ 1859 đến 1945.

Sau khi đánh chiếm Đà-nẵng vào tháng 7 năm Mậu Ngọ (1858) quân Pháp dưới quyền chỉ-huy của Rigault de Genouilly đánh lấy thành Gia-Định (Saigon) nhằm tháng giêng năm Kỷ-Mùi (18-2-1859).

Hai năm sau. Từ Saigon, quân Pháp tiến đánh thành Mỹ-Tho (Định Tường) vào cuối tháng hai năm Tân dậu (1861)

Trận đánh nầy được xem là một trận chiến quan hệ nhất để mở đường cho quân Pháp đánh chiếm 3 tỉnh miền Tây Nam kỳ sau đó.

Thuở ấy, tỉnh Định-Tường do Tuần phủ Nguyễn-đình-Tân cai trị, trực thuộc Tổng-đốc Trương-văn-Uyển ở Vĩnh-Long.

Quân Pháp chia làm hai đội tiến binh theo hai ngã :

— Một do đường sông, do Trung-tá Hải-quân Bourdais chỉ huy, với lực-lượng gồm hai pháo hạm La Mitraille và l'Alarme, 5 tiểu pháo hạm số 18, 20 và 31, 200 thủy-thủ, 20 quân Y-pha Nho và 1 súng tạc đạn.

— Một theo đường biển do Phó đô đốc Page chỉ huy, cánh quân này có 3 chiến hạm Fusées, Lily và Sham Rode.

Có hai ngọn rạch nằm theo sông Vũng Gu (Vàm cỏ Tây : Vaico Occidental) thông với sông Tiền giang.

1)- Rạch Arroyo de la Poste người Việt gọi là Bảo định hà sâu, đồ mau, trừ ra chỗ giáp nước. Lúc bấy giờ, rạch này có nhiều khúc hàn bít lại, một con đường lộ bị nhiều ngọn nước nhỏ bứt ngang, chạy dọc theo bên phía Tây rạch ấy và đang khởi

bờ khúc cách xa không đồng, còn các cầu đã bị phá sập hết.

b)- Rạch Arroyo Commercial (Rạch Thương mãi) từ sông Vàm cỏ mà qua Tiền-giang thì mấy khúc của Rạch ấy lại gọi là Rạch Chanh, Kinh Bà bèo, rạch Cua và Rạch Ba Hài.

Rạch này bị cỏ cây với bùn sình lấp cạn chỉ có ghe nhỏ đi được mà thôi và chỗ đó đồ ra là phía trên Mỹ-Tho.

Đường nước này xem dường như là con rạch Arroyo Chinois nối dài, đi thấu qua trong xứ.

Cánh quân của Trung Tá Bourđais phải mất gần một tháng để dò theo ngã sông Vàm cỏ tây (Vaico occidental) tiến tới được vào Bảo-định-hà, nhưng trước khi theo ngã này để tiến đánh Mỹ tho thì quân Pháp đã mất nhiều ngày giờ tiến quân vô hiệu quả bằng ngã Rạch Thương mãi (Arroyo Commercial).

— Ngày 1-3-1861, quân Pháp bắt đầu lần theo Bảo-định hà đánh chiếm đồn thứ nhứt của ta.

Ngày 2 và 3, quân Pháp phải lo nhổ mấy cây cừ do Việt quân cắm dưới lòng rạch làm chướng ngại vật cản đường tàn quân Pháp. Thêm một đồn của quân ta thất thủ.

Ngày 4-4, viện binh Pháp từ Saigon được gởi đến, gồm một chiến hạm Echo với 200 bộ binh, 2 trung đội thủy quân Lục-Chiến, 100 lính thủy, 50 công binh, 2 đại bác, 2 súng tạc đạn, 20.000 viên đạn và một ban cứu thương.

— Sau khi vượt qua 6 chướng ngại vật, ngày 5-4 quân Pháp vừa đến chướng ngại vật thứ 7 bị quân ta mai phục hai bên bờ rạch bắn xả xuống, quân Pháp thấy bất lợi, liền án binh chờ thêm tiếp viện.

— Ngày 6-4 một đoàn viện binh thứ nhì được gởi tiếp đến gần một trung đội thủy thủ, một pháo thuyền có trí một khẩu súng tạc đạn nòng 15 ly, những pháo hiệu, hai khẩu súng cối 16 ly bắn được 200 phát và nhiều pháo hạm để phá chướng ngại vật.

Viện binh đến chướng ngại vật thứ 8, đoàn này được trung đội thủy thủ thứ 10 tăng cường, tức là 50 quân Tây ban Nha và nhiều súng tạc đạn (được tháo ra và mướn phu Hoa kiều khiêng).

Quân Pháp đổ bộ và tiến dọc theo tả ngạn Bảo định hà, dưới quyền chỉ huy của Trung-tá Công binh Allizé de Matignicourt, pháo hạm chạy sau.

Quân ta chận đánh, nhưng bị quân Pháp phản công mạnh nên tan rã, quân Pháp chiếm thêm một đồn quân.

— Ngày 10-4, quân Pháp tiến gần đến Mỹ tho và khi đánh chiếm đồn quân thứ năm của ta, một pháo hạm bị trúng đạn, trung tá Bourdais bị tử thương.

— Ngày 11-4, quân Pháp chiếm lấy đồn thứ 6, tức là đồn chót của ta bỏ trống, gần làng Trung lương, cách Mỹ-tho ba cây số.

Tối 11-4, thêm viện binh đến, gồm có ngựa, 2 khẩu đại bác 12 ly và một đoàn xe chở quân nhu.

— Ngày 12-4 sau khi cầu kỳ, đường sá được sửa chữa, quân Pháp tiến đánh thẳng vào Mỹ-Tho. Lúc cánh quân này còn cách Mỹ tho 1.500 thước, thì cùng lúc đó, cánh quân do Phó đô đốc Page theo đường biển đã tới, vào ngày 10-4 tại vàm sông Tiền giang, vượt qua một chướng ngại vật thứ nhứt trong đêm nay, mặc dầu bị quân ta ở tiền đồn bắn ráo riết.

Ngày 11-4, đoàn quân thứ hai này vượt qua một cản thứ nhì do 2 đồn binh yểm trợ. Ngày thứ 2, sau khi xạ kích mãnh-liệt đồn binh ta, họ bỏ neo đối diện với thành Mỹ tho vào hồi một giờ rưỡi trưa.

Thành trì quân ta đã bỏ trống 3 giờ trước, thủy thủ dưới quyền của Trung-Tá hải quân Desnauve chiếm thành Mỹ-tho và thượng cờ Pháp lên.

Ngày 13-4, cánh quân thứ nhất theo rạch Bảo định, khi tiến sát thành Mỹ-tho đã thấy phất phơ cờ tam sắc và đoàn quân viễn-chinh Pháp chánh thức vào thành Mỹ-tho ngày 12-4-1861.

Thành này có trí súng đại bác lớn, kho lúa gạo và tiền kẽm bị đốt, quân Pháp gặp đặng vài chiếc thuyền lớn tốt đóng bằng cây giá tị, để dùng về quân sự.

Cuộc chiếm đóng Mỹ-Tho gây một hậu quả trực tiếp và tất nhiên là sự chiếm cứ toàn thể lãnh thổ Định-Tường, lúc đó do Toàn phủ Nguyễn đình Tân (1) cai trị.

Quân Pháp dời tỉnh lỵ sang địa điểm hiện thời, địa điểm cũ trở thành chợ Cũ ngày nay.

Quân Pháp đặt nhiều đồn binh khắp nơi, nhứt là Cái Bè, Chợ gạo. Đó là những trung tâm hành chánh gọi là Toà Tham biện, luôn luôn có một tiểu đội yểm trợ.

---

(1) Theo « Việt-Nam Sử lược » của Trần Trọng Kim, khi hai cánh quân Pháp tiến đánh thành Mỹ-Tho thì quan Hộ đốc là Nguyễn công Nhàn bỏ thành chạy.

ANH HÙNG HÀO KIỆT ĐỊNH TƯỜNG DỰNG CỜ KHÁNG PHÁP NHIỀU NƠI

Mặc dầu lúc bấy giờ quân đội V.N. đã bại trận ở Saigon (đồn Chí Hoà thất thủ) thành Mỹ-Tho bị chiếm, song cuộc chống Pháp của dân ta vẫn tiếp diễn, do những ông Phủ Cậu, Thiên hộ Dương, Trương công Định, cầm đầu và được triều đình Huế âm thầm khích lệ. Vì thế cuộc thương thuyết giữa Nguyễn-bá-Nghị, khâm sai đại thần, với Thiếu tướng Pháp Bonard không có kết quả.

Pháp quân bắt đầu triệt thoái những đồn binh nhỏ như Gia-thành, Cà hôn, kế đó là Gò-Công, Chợ-Gạo.

Tháng 11 năm Tân-dậu (1861) quân Pháp tiến đánh Biên-Hoà rồi chiếm đồn Bà-Rịa.

Tháng 3 năm Nhâm Tuất, quân Pháp sang đánh Vĩnh-Long, lúc đó do Tổng-đốc Trương-văn-Uyển cai trị. Vĩnh Long thất thủ, Triều đình Huế ở vào thế chiến bại nên ngày 5-6-1862 phái đoàn Phan-thanh-Giản và Lâm-duy-Hiệp ký kết với Bonard một Hoà ước, gọi là Hoà ước năm Nhâm Tuất, nhượng cho Pháp ba tỉnh miền đông : Biên-hoà, Gia-định, Định Tường và đảo Côn-Nôn.

Mất ba tỉnh miền Đông, lòng dân càng công phẫn những cuộc kháng Pháp càng gia tăng. Riêng về tỉnh Định-Tường có những cuộc kháng chiến quan trọng của hai nhà nghĩa sĩ :

— Thủ khoa Huân tức Nguyễn hữu Huân (1863-1874) và

— Thiên hộ Dương, tức Nguyễn duy Dương (1) (1865-1866) mà chúng tôi sẽ nói sau với nhiều chi tiết.

Ngoài ra, còn có nhiều cuộc kháng chiến lẻ tẻ, chúng tôi chép sau đây :

---

(1) Có nơi chép Võ-duy-Dương.

1.— PHỦ CẬU :

Phủ Cậu (không biết rõ chắc là tên gì) hoạt-động mạnh trong vùng Cai-Lậy, lập tổng hành dinh tại vùng Thuộc nhiêu và Nhị Quí, và từ đó phái quân đánh phá các đồn binh Pháp, nhứt là đồn Cai Lậy bị công hãm thường hơn hết.

Viên tham biện Pháp hồi bấy giờ là Đại tá hải quân phải thân hành đôn đốc quân Pháp hành quân chống lại quân của Phủ cậu.

Đến ngày 6-1-1862 Phủ cậu chuẩn bị đánh đồn Cái Bè, nhưng lại bị quân Pháp dưới quyền chỉ huy của Đại úy hải quân Rieunier bao vây giữa Cái Bè và Cai Lậy và chẳng may ông Phủ Cậu bị bắt và bị xử giảo ngày hôm sau (7-1-1862).

Cái chết của Phủ Cậu càng thúc đẩy sức kháng Pháp của người Việt Nam và các cuộc tấn công ngày càng gia tăng.

Ngày 10-1, nhiều toán nghĩa quân từ Gò Công đến công phá các đồn binh Pháp, chận đường tiếp tế lương thực quân nhu, thiêu hủy trung tâm Rạch Cà hôn (xã Xuân đông, quận Chợ Gạo).

— Ngày 22-1, công hãm đồn Rạch Gầm, đánh phá cùng một lượt 4 đồn Cái Bè, Cai Lậy, Thuộc Nhiêu, Rạch Gầm trong ngày 28-1-1862.

Trong việc tảo thanh nghĩa quân kháng chiến, lập được nhiều công trạng nhứt đối với Pháp là Trần-bá-Lộc, nguyên là đội nhứt, được thăng Tri huyện năm 1865 và về sau thăng Đốc phủ sứ và hàm phong Tổng Đốc tỉnh Thuận-Khánh.

Trần bá Lộc được ủy thác quyền hành chánh trong vùng Cái Bè và Cai Lậy (gồm các quận Sùng hiếu, Giáo đức và Khiêm Ích ngày nay).

Huyện đường đặt tại Cái-Bè, sau đổi qua Cần Lố (Sadec).

2.— PHAN LIÊM, PHAN TÔN :

Tháng 11, 1867, hai người con của Phan-thanh-Giản là Phan Tôn và Phan-Liêm nổi lên chống Pháp tại Bến Tre. Cuộc khởi nghĩa lan tràn qua Mỹ-Tho nhờ uy-tín cụ Phan, dân quân hưởng ứng đông đảo, xây đồn đắp lũy khắp nơi.

Phan-Tôn và Phan-Liêm thất bại, xuống thuyền ra Bình-Thuận.

3.- THÂN-VĂN-NHIẾP

Ngày 1-5-1868, một nhóm nghĩa quân dưới quyền Thân văn Nhiếp đột kích thành Mỹ-Tho, tấn công kho lương thực, hạ sát người giữ kho.

Đêm 24-12-68, một nhóm nghĩa quân khác cùng các phó tướng là ông Rồng, ông Được, ông Long tấn công đồn Cai-lậy thiêu hủy nhiều căn nhà, nhưng bị 25 tên lính tập giữ đồn chống trả mãnh liệt, phải rút lui.

Về sau, cả 4 người bị Trần-bá-Lộc bắt được và đem ra xử giảo tại chợ Cai-lậy.

Tháng 5, năm 1860, một nhóm nghĩa quân có súng ống tấn công làng Đồng-Xuân huyện Bảo-An (Bến-Tre) giết viên cai tổng và người em làm xã trưởng, rồi rút về Định-Tường.

4.- TRƯƠNG-HUỆ :

Năm 1870, Trương-Huệ, con của Lãnh binh Trương-Định khởi nghĩa ở Cai-Lậy rồi tử trận tại đấy.

5.- THỦ-KHOA NGUYỄN-HỮU-HUÂN

Trong các vị anh hùng khởi nghĩa, xin kể ông Nguyễn-hữu Huân vào hàng sĩ phu số 1 thời ấy.

Ông sinh năm 1841, tại tỉnh Định-tường, năm chưa đầy 20 tuổi, ông thi đỗ Thủ khoa đời vua Tự-Đức.

Gặp buổi nước nhà nghiêng ngửa, ông gác bỏ công danh để hưởng ứng phong trào khởi nghĩa và năm 1861, đứng ra tổ chức nghĩa quân chia đi hoạt động khắp trong tỉnh Định-Tường đến tận các miền Kiên-Giang, Hà-Tiên, Châu-đốc. Ông quyên được nhiều tiền và giao thiệp với các tàu buôn Hải-nam để mua khí giới ở Trung-Hoa.

Sau hết lương thực, ông xuống Hậu giang chờ khí giới chở sang. Thế cùng, lực tận, ông phải giải tán bớt nghĩa binh và về ẩn náu ở Chợ Gạo, Định Tường để mưu một cuộc khởi nghĩa khác.

Năm 1863, bị quân đội Pháp bao vây, ông chạy thoát đến Châu-đốc, nhưng bị bắt giữ lại rồi giao cho Pháp.

Viên Tư lịnh Pháp dụ dỗ ông đầu hàng, nhưng ông nhứt-quyết không chịu.

Rốt cuộc, ông bị đày đi Côn đảo rồi đưa sang đảo Réunion ở Đông Nam Phi Châu.

Khi sắp đi đày, ông có làm một bài thơ để tỏ nỗi cảm khái của mình :

Muôn việc cho hay số bởi Trời,
Chiếc thân hồ hải biết đâu nơi !
Mấy hồi tên đạn ra tay thử,
Ngàn dặm non sông dạo gót chơi ;
Chén rượu Tần đình nào luận tiệc,
Vần thơ cố quốc chẳng ra lời.
Cương thường bởi biết mang nên nặng,
Kẻ đứng làm trai chác nợ đời.

Năm 1874, sau khi Nam triều đã ký hoà ước, nhường đứt sáu tỉnh miền Nam cho Pháp Thủ khoa Huân được chúng cho về, nhưng để quản thúc tại nhà Tổng đốc Đỗ-hữu-Phương, tại Cholon, là chỗ quen biết của ông, lại là một người giúp việc đắc lực cho Pháp.

Ông Phương tổ chức một bữa tiệc long trọng để mừng gặp lại bạn xưa, có mời các quan người Việt đã theo chính phủ tân trào đến dự.

Sau bữa tiệc, nhiều người xin ông Thủ Khoa cho một bài thơ để kỷ niệm.

Ông tức cảnh và làm bài bát cú như sau :

Nghĩ thẹn râu mày với nước non
Nhìn nay tùng, cúc bạn xưa còn ; (1)
Miếu đường cách trở bề tôi chúa,
Gia thất riêng buồn nỗi vợ con.
Áo Hán nhiều phen thay vẻ lạ,
Rượu Hồ một mặt đắm mùi ngon ; (2)
Giang Đông nổi tiếng nhiều tay giỏi,
Cuốn đất kìa ai, dám hỏi đon !

Nghe đọc xong, các vị quan có mặt trong tiệc tỏ vẻ cảm động, nhưng âm thầm hổ thẹn, nhứt là hai câu luận :

Áo Hán nhiều phen thay vẻ lạ,
Rượu Hồ một mặt đắm mùi ngon.

Nói lên cái vô sỉ của những kẻ mãi quốc cầu vinh, và hai câu kết hỏi ai là người chí sĩ hãy tranh đấu giành độc lập cho nước nhà.

Ở nhà Tổng đốc Phương ít lâu, ông được trả lại tự do, và sau đó vài tháng, ông lại ngấm ngầm tổ chức và võ trang nghĩa quân nổi lên chống Pháp.

Đến tháng 4 năm 1875, ông bị quân Pháp bao vây và bắt do bọn gián điệp chỉ đường

---

(1) Có chỗ chép : « hãy thơm còn »
(2) Có nơi chép : « đẫm mùi ngọn »

Lần này, bộ Tư-Lệnh Pháp cũng dụ ông đầu hàng, song ông nhứt quyết lãnh cái chết cho tròn bổn phận tôi con nước Việt

Ông bị điệu về hành hình tại chợ Phú-Kiết tỉnh Định Tường (1)

Theo một tài-liệu khác thì « Trần-bá-Lộc bắt được ông, có dụ dỗ ông đầu hàng Ông đáp lại bằng những lời chửi mắng, nên bị chở về Mỹ-Tho. Lúc đi đường, người ta trói ông để trên mui ghe cho thiên hạ xem. Ông vẫn bình thản ngâm thơ như thường » (2).

Tài liệu này hơi khó tin được, nhưng chúng tôi cũng chép ra đây để độc giả suy gẫm, vì lẽ :

— Thủ khoa Huân là người nho nhã, châm biếm quan Việt phụng sự người Pháp một cách kín đáo và cay đắng mà thôi, chắc không đến nỗi thô lỗ như vậy.

— Và từ trước, quan Pháp đã tỏ vẻ kính nể ông, không lý dám cột ông trên mui thuyền cho mọi người xem, làm một việc rất thất sách, cho đồng bào ta càng thêm công phẫn.

Trước khi lên đoạn đầu đài, ông xin cho vợ con tế sống và xin một tấm vải để viết một bài thơ tuyệt mạng như sau :

Hạn mã gian quan vị quốc cừu,
Chỉ nhân binh bại chí (3) thân hưu ;
Anh hùng mạc bả doanh dư luận,
Vũ trụ thường khang tiết nghĩa lưu.
Vô bố dĩ kinh Hồ lỗ phách,
Bất hàng cam đoạn Tướng quân đầu.
Đương niên Tho Thủy ba lưu huyết (4)
Long đảo thu phong khởi mộ sầu.

---

(1) Tài liệu của giáo sư Nguyễn văn Kiết.

(2) Tài-liệu của (Bùi đức Tịnh » « Lịch sử giải phóng VN ».

(3) Có chỗ chép : Tri

(4) Có chỗ chép lưu ba huyết

Cụ Phan bội Châu dịch :

Ruổi dong vó ngựa trả thù chung,
Binh bại cho nên mạng phải cùng.
Tiết nghĩa vẫn lưu cùng vũ trụ,
Hơn thua sá kể với anh hùng !
Nỗi xung mất vía quân Hồ-lỗ
Quyết thác không hàng rạng núi sông ;
Tho thủy ngày rày pha máu đỏ,
Đảo Rồng hiu-hắt ngọn thu phong.

Trong một bài nói về văn chương của Thủ khoa Huân (3), tác-giả có chép rằng, trước khi bị hành hình, Thủ khoa Huân có ứng khẩu ngâm bài thơ tuyệt mạng như vầy :

Hai bên thiên hạ thấy hay không ?
Một gánh cương-thường há phải gông !
Oằn oại hai vai quân tử trúc
Long lay một cổ trượng phu tòng ;
Sống về đất Bắc danh còn rạng,
Thác ở thành Nam tiếng bỏ không.
Thắng bại dinh dư trời khiến chịu,
« Phản thần », đéo quả đứa cười ông !

*
* *

Hiện nay, tại Đô thành Saigon, tên vị anh hùng ái quốc này còn nêu trên con đường nằm trong quận II, đường Thủ-khoa-Huân, từ đường Lê thánh Tôn đến đường Nguyễn Du.

---

(3) « *Tế cải văn* » của cụ Thủ khoa Huân (Nguyễn văn Hậu — Bách khoa số 92 — 1-11-60

THIÊN-HỘ-DƯƠNG VỚI CHIẾN KHU ĐỒNG THÁP

Trước khi thuật chuyện Thiên-hộ-Dương tức Nguyễn-duy-Dương cứ hiểm Đồng Tháp Mười kháng Pháp, làm cho Pháp quân rối trí điên đầu, điêu đứng khổ sở nhiều năm, chúng tôi thiết tưởng nên hướng dẫn độc giả «làm quen» cùng Đồng Tháp Mười.

Thuở xưa, Đồng Tháp Mười là cái vịnh to, lần lần đất phù sa sông Cửu Long bồi đắp lâu ngày mới thành đất liền.

Tuy nhiên, mãi đến nay, trung tâm Đồng Tháp Mười vẫn còn là một lòng chảo, nước đọng quanh năm.

Tại đó, có vùng hoàn toàn là một bãi cát mênh mông cho nên người ta gọi là Láng Biển.

Nơi đây, người ta còn gặp được nhiều di tích thuyền bè bị đắm như, cột buồm, lòi tói, mỏ neo v v...

Trước đây Đồng Tháp Mười còn hoang vu, cho nên có những nơi như Bàu Sen, Láng bông súng, Lung Năng, Đồng Lác, Đồng đưng, Rừng tràm, cỏ cây mọc la liệt, không hàng ngũ chi, liên tiếp nhau chạy mút tầm còn mắt, xa tận chân trời.

Đó là nơi ẩn trú của vô số thú rừng thời xưa, có chỗ voi đi thành đìa lầy, nên gọi là Láng Tượng.

Rắn ở Đồng Tháp có con to hơn bắp chưn, đã vậy người nào mạo hiểm vào Đồng Tháp bị muỗi chích đập không kịp phải lấy tay mà vuốt và khi thọc chân xuống nước thì bị vắt cắn đìa đeo.

Muỗi và đỉa Cà Mau đã nổi tiếng nhưng nếu so sánh với Đồng Tháp Mười còn phải thua xa. Có câu :

Muỗi kêu như sáo thổi,
Đỉa lội tợ bánh canh.

Vùng Đồng Tháp cũng chẳng kém chi.

Về sông rạch : thì con sông Cần lố, tiếng Miên có nghĩa là «nước lộn» quanh co khúc khuỷu, hai bên mé sông mọc um-tùm đế, nga, sậy cùng lau, lên đến gần một cái tháp nằm giữa đồng.

Tháp này là một thứ tháp xây cất toàn bằng những tảng đá xanh to lớn, kiến trúc theo kiểu Đế Thiên Đế Thích trên Cao-Miên.

Tháp toạ lạc trên một động cát tại ấp Tháp Mười, làng Mỹ-Tho quận Cao Lãnh (nay là tỉnh Kiến Phong).

Một điều lạ lùng gần như kỳ dị là chung quanh vùng này chẳng có một ngọn núi nào, mà người xưa kiến trúc được cái Tháp bằng đá xanh thật cũng lắm công phu, nếu ta nghĩ rằng xưa kia sự chuyên chở vô cùng khó khăn và vùng Đồng Tháp là một nơi khí hậu hết sức độc địa, thêm đủ loài thú dữ ăn thịt người.

Sau này, lúc ông Phủ Trần văn Mẫn làm chủ quận Cao-Lãnh, ông có phúc trình lên thượng cấp nói về ngọn tháp ấy, nên năm 1931, ông Parmentier, nhà khảo cổ Viễn đông, đến tận tháp này để viếng.

Parmentier đọc những chữ trên mấy tấm bia đá sứt mẻ vì vì phong sương tuế nguyệt và tan tác ngổn ngang giải nghĩa rằng cây tháp thứ 10 trong số 10 cái tháp của vua nước Thủy chân Lạp lập ngày xưa

Vì thế mà dân chúng đã gọi cái đồng mênh mông có cái Tháp thứ 10 ấy là Đồng Tháp Mười.

Một mớ cổ vật như tượng Phật, đồ thờ bằng đá, bằng đồng được đoàn khảo cổ đem về Saigon chưng bày ở Bảo-tàng-viện.

Theo lời Thiếu tướng Nguyễn văn Là, nguyên chỉ huy trưởng khu chiến Đồng Tháp Mười thì Đồng này có nhiều nguồn lợi thiên nhiên, chẳng hạn như có những đìa cá nhiều vô số kể, có thể gọi là « Tiểu Biển Hồ » Cao-Miên ở Nam-phần.

Và nếu Đồng Tháp được khai thác hẳn hòi thì trong một ngày gần đây, sẽ là một kho tàng lúa và cá của miền Nam nước

Việt (1).

Hiện nay, quân đội Việt-Nam Cộng-Hòa đã đắp xong con đường dài gần 50 cây số ngàn, chạy từ quận Cai-lậy vô tới tỉnh lỵ Kiến-Tường tức quận Mộc-Hóa cũ, và cất một cái tháp 10 từng nhưng lại bị phá hủy, tiếc thay !

Theo kết quả khảo cứu của một nhà khảo cổ khác là P. Pelliot thì đất Nam phần xưa thuộc nước Phù-Nam, lập quốc trên miền Tây nam bán đảo Đông dương, từ thế kỷ thứ nhứt cho đến thế kỷ thứ sáu, kế bị vua Chân Lạp xâm chiếm.

Và toà Tháp gọi là Tháp Mười là công trình kiến trúc của vua Phù Nam Gunavarman là con vua Jayavarman để kỷ-niệm sự lấp hào vũng, lập một thính đường để tôn thờ dấu chơn của Vishnou Thiên thần.

KHÁNG CHIẾN : THIÊN HỘ DƯƠNG LÀ NGƯỜI THẾ NÀO ?

Theo tài liệu ông Nguyễn văn Hầu (1) thì Thiên-Hộ Nguyễn-duy-Dương (hay Võ-duy-Dương) là người miền Nam, một nhà hào phú nhơn mộ quân đồn điền được 1.000 quân nên được cụ Nguyễn tri Phương phong làm Thiên hộ.

(Vào năm 1860 cụ Nguyễn tri Phương phụng mạng triều đình Huế vào Nam tổ chức cuộc chống Pháp, mộ quân lập đồn điền, đặng thực hiện cuộc trường kỳ kháng chiến, như Gia Cát Khổng Minh xưa lập đồn điền làm kế lâu dài phạt Ngụy).

Thiên hộ Dương là một người tài kiêm văn võ, sức mạnh hơn người, một tay nhổ nổi một cây tra mở to (để đập giập làm lạt buộc những bè cản ngăn tàu Pháp trên sông rạch).

Ông còn cử nổi năm trái linh (1), hay tay hai trái, hai nách

---

(1) Theo tài liệu « Đường về Đồng Tháp của N.H. »

(2) Thiên hộ Võ duy Dương của Nguyễn văn Hầu (văn hóa nguyệt san số 50 tháng 5-1960.

(1) Trái linh nặng một «yến», tức là 10 cân, lối 6 kilô.

kẹp hai trái và miệng cắn một trái, nên được nhiều người kính phục mà gọi là Ngũ linh Thiên hộ.

Hưởng ứng lời kêu gọi của vua Tự-Đức và các ông Nguyễn tri Phương và Phạm thế Hiển, Thiên hộ Dương kéo cờ Cần-Vương, tổ-chức những bộ đội du kích, phục kích, cướp đồn giựt súng và thẳng tay trừng trị bọn Việt gian mãi quốc cầu vinh.

Tổng hành dinh của Thiên hộ Dương đặt tại trung tâm cánh Đồng xung quanh cái Tháp.

Từ ngoài vô đến Tổng hành dinh, chỉ có ba con đường mòn một đường từ Gò Bắc Chiêu (Mộc hóa) đi xuống, một đường từ Rạch Cần lố (Cao Lãnh) đi lên và một đường từ Cái Nứa (Cái Bè) đi tới.

Trên ba con đường ấy, Thiên hộ có lập ba cái đồn rất là kiên cố : Đồn tả trên đường đi Bắc Chiên, Đồn Hữu hướng về Cao Lãnh và Đồn Tiền day ra Cái Nứa.

TIẾP TẾ :

Lúc ấy ba Tỉnh miền Tây vẫn còn thuộc Nam triều, chưa có sự chiếm đóng của Pháp quân, cho nên các quận Cao-Lãnh, Cai Lậy, Mộc hóa, Hồng ngự, Sadec lãnh phận sự tiếp tế lương thực cho kháng chiến quân.

Về việc vận tải khí giới đạn dược thì dân chúng các miền Hà-Tiên Rạch-Giá đảm nhiệm việc chuyên chở đến Đồng Tháp Mười.

Nói tóm lại, dân chúng Việt-Nam nhiệt-liệt ủng hộ cuộc kháng chiến chống Pháp từ tinh thần đến vật-chất.

TRONG HÀNG NGŨ KHÁNG CHIẾN

Sau khi các ông Trương Định, Nguyễn trung Trực, Thủ khoa Huân đã lần lượt thất bại trong cuộc kháng chiến, nhiều đoàn thanh niên nam nữ xung-phong vào Đồng tháp Mười chiến-đấu dưới lá Cờ Cần-Vương do Thiên hộ Dương lãnh đạo.

Dưới sự chỉ huy của ông, có trên 1 000 binh, trong đó có nhiều lính Tagals (cũng như lính lê dương (légion étrangère) của Pháp bây giờ đào ngũ sang giúp ta để chống cự lại quân Pháp, bởi những lính Tagals phần nhiều là tù binh của Pháp ở Maroc, Algérie, Tunisie...

Những chiến sĩ Bắc Phi ấy, tuy ngôn ngữ bất đồng với ta, nhận thấy rằng không thể cầm súng chống lại đoàn quân kháng chiến Việt-Nam.

Không những thế mà thôi, trong hàng ngũ kháng chiến còn có một người Pháp chánh tông tên là Linguet đã giúp ta chống lại đoàn binh xâm-lược.

CHIẾN CÔNG OANH LIỆT

Tháng 7 năm 1865, Thủy sư đô đốc De la Grandière về Pháp giao quyền chỉ huy cho Thủy sư đô đốc Roze. Ngày 22 tháng 7 năm 1865 Nguyễn-duy-Dương từ mặt trận du-kích biến ra mặt trận đại quy mô.

Từ Đồng Tháp Mười, đoàn nghĩa quân rần rộ kéo binh đánh phá quân Pháp ở Mỹ Trà, Sadec.

Đô đốc Roze được tin cấp báo đem quân Pháp và Việt gian đến nghinh chiến, quân ta và quân Pháp kịch chiến suốt mấy ngày đêm liền. Quân Pháp hết sức chống cự nhưng không nổi, bị nghĩa quân hạ đồn, đốt chợ Mỹ-Trà và thiêu hủy của Pháp một chiếc tàu dùng để liên-lạc.

Trận này quân Pháp chết hại rất nhiều và, sau khi thâu thập được súng đạn, nghĩa quân liền rút lui.

Thiên hộ Dương mở một mặt trận thứ nhì tấn công Cái-Bè, Mỹ Quý, chọc thủng phòng tuyến của Pháp, đánh tan nhiều cánh quân Pháp đóng giữ vùng này, quân ta bắt sống được trên 50 quân Pháp và gần 100 Việt gian.

Bởi Thủy sư đô đốc Roze thua ta liên tiếp mấy trận lớn, nên chánh phủ Pháp triệt hồi Roze về Pháp.

Về phần Nam triều, hay tin Thiên hộ Dương gây tổn thất nặng nề cho quân đội Pháp, vua Tự-Đức giáng chỉ phong chức Lãnh binh cho nhà ái quốc.

QUÂN PHÁP PHẢN CÔNG

Như trên đã nói, Tổng hành dinh của Thiên hộ bấy giờ ở giữa Đồng Tháp, chung quanh có Tiền đồn, Tả và Hữu, mỗi đồn có lũy đất bao bọc ở ngoài, cao hai thước và dày thước rưỡi, trong và ngoài lũy đều có một hàng cừ bằng cây sao, lũy có chừa lỗ để bắn ra ngoài. Mỗi đồn có lối vài ba trăm lính, 10 khẩu súng và 4, 5 thớt súng bắn đá, vài khẩu đại bác.

Ở xa hành dinh, còn có nhiều hàng đồn nhỏ giữ các nẻo hiểm, cũng có binh sĩ và súng lớn phòng thủ (1)

Năm 1866, De la Grandière được phái trở sang Nam-kỳ.

Vừa đến Saigon, De La Grandière khởi sự nghiên cứu kế hoạch tấn-công Đồng-Tháp.

Sau nhiều ngày chuẩn bị, tháng tư năm ấy, quân Pháp động viên lực lượng quân đội chia ra làm ba mặt tấn công Đồng Tháp.

Tư lịnh của Pháp quân gồm có mấy Tướng :

— Boubée

— Pâris de la Bollardière

— Gally Passebosc

— Quản Tấn (Huỳnh-công-Tấn)

— Huyện Lộc (Trần bá Lộc)

Như thế ta đủ hiểu rằng quân Pháp quyết đánh tan kháng chiến quân Việt-Nam với chiến thuật cá lớn nuốt cá bé. Lần lượt, quân ta bị thất bại, nhưng hết lớp này tới lớp khác nổi lên chống cự, không lùi bước trước quân xâm-lăng cướp nước.

Tinh thần càng lên cao, gương hy sinh, lòng dũng cảm của người Việt làm cho Pháp quân thán phục.

(1) Thiên hộ Dương (Nguyễn văn Hầu — Bách Khoa số 51 trg 563)

Kế tiếp Đốc binh Lê công Kiều, hùng cứ cả một vùng Mỹ-quí, nhưng binh lực ta kém, nên không bao lâu Đốc binh Kiều cũng thất bại và kháng chiến của nghĩa quân Việt-Nam Đồng Tháp lần lần tan rã.

Thiên hộ mất, nhân dân lập đền thờ ông tại Đồng tháp và tên ông còn lưu truyền thiên thu trên miền Nam đất Việt.

Để tưởng niệm cuộc kháng-chiến anh dũng của Ngài Thiên-hộ Chánh Phủ Việt-Nam Cộng-Hòa đặt tên «Đường Tháp Mười» một con đường trong quận IV, đi từ đường Võ di Nguy đến đường Phạm đình Hổ và đường Nguyễn duy Dương cũng trong quận IV, nối liền đường Nguyễn Trãi với đại lộ Lý-Thái-Tổ.

Trong một cuộc sang chơi Đồng Tháp, nhà thơ Nguyễn công Minh có làm câu đối điếu Nguyễn duy Dương như vầy : (1)

— Ẩm hận anh hùng, tự Bắc tự Nam, Thập Tháp (2) hương yên trường diễu-diễu,

— Kiên can tuấn-kiệt, nhi kim nhi cổ, Ngũ Linh phong độ thượng y-y.

Dịch nghĩa :

— Ngậm ức anh hùng, tiếng nổi Bắc Nam, Thập Tháp lửa hương còn phới phới,

— Chắc gan tuấn-kiệt, danh truyền kim cổ, Ngũ Linh dáng cách vẫn như-như.

---

(1) *«Nguyễn công Minh, một nhà thơ...» của Nguyễn văn Hầu (Bách khoa số 79 ngày 15-4-1960).*

(2) *Chỉ Tháp Mười.*

ĐỊNH-TƯỜNG HÀNH CHÁNH DƯỚI CHẾ ĐỘ TÂN TRÀO

Lập nền hành chánh trên ba tỉnh miền đông, năm 1864, đô đốc De La Grandière chia mấy tỉnh này làm 7 khu vực quân sự mà Mỹ-Tho là một, gồm hai huyện Kiến hưng và Kiến-Hòa.

Tỉnh Mỹ-Tho rộng lớn, bề cai trị khó khăn, do Nghị định ngày 3-6-1865, Phó Đô đốc Rosée, quyền Thống đốc, chia Mỹ-tho làm 4 khu hành chánh, mỗi khu do những quan Tham biện (Inspecteur) sĩ quan Pháp cai trị.

1) — MỸTHO, châu thành : Mỹ-tho huyện Kiến Hưng

2) — KIẾN-HÒA, châu thành : Chợ Gạo huyện Kiến-Hòa

3) — KIẾN-PHONG, châu thành : Cần-Lố, huyện Kiến-Phong

4) — KIẾN-ĐĂNG, châu thành : Cai-lậy, huyện Kiến-đăng

Trước đó, tổng Hưng long, tổng Hưng nhượng ở ven sông Vàm cỏ và Rạch Bảo định cho đến tận khởi điểm Rạch Bà Lý được tách ra khỏi Huyện Kiến-hưng sát nhập với trung tâm Tân an thành lập năm 1864 cùng một lượt với Gò Công.

Một nghị định ban hành năm 1867 xác nhận sự thay đổi khu vực này bằng cách ấn định rằng tỉnh Định Tường gồm 4 khu vực hành chánh đánh số như sau :

Chợ Gạo (Kiến Hòa), số 13 Mỹ Tho (Kiến Hòa) số 14

Cai lậy (Kiến đăng) số 15 Cần lố (Kiến Phong) số 16

Đồng thời, tỉnh Định-Tường bị thu hẹp lại sau khi thành lập những tỉnh mới :

— Mỏ Cày (nay Bến-Tre)
— Cần-Thơ (Phong-Dinh)
— Trà-Vinh (Vĩnh-Bình)

có một diện tích gần như ngày nay (1).

---

(1) *VNCH Địa phương chí tỉnh Định Tường lập ngày 31-12-1963*

Kể từ năm 1899, nghị định ngày 20-12 bãi bỏ chữ « tham-biện » và gọi là Tỉnh (Province), chữ Inspecteur (quan tham biện) đổi ra là Administrateur, Chef de Province (quan cai trị chủ tỉnh).

Kể từ năm 1862, ba tỉnh miền đông bị nhượng cho Pháp-quốc, hai chữ Định-Tường không còn nữa mà thay thế bằng chữ Mỹ-Tho.

Theo lịch sử thì chữ Mỹ-Tho xuất hiện từ năm 1744 chúa Võ Vương lập đạo Trường-Đồn gồm đất Mỹ-Tho và Cao-Lãnh.

Theo truyền thuyết, chữ Mỹ Tho do tiếng Miên (Mi-saur) có nghĩa là « Cô gái đẹp. Do quyển « Le Cambodge » của Đ. Aymonier, thì chữ « Mỹ-Tho chỉ là tiếng Mé so (nàng tiên, cô kỹ-nữ) đọc trại (My tho, en effet, n'est autreque la corre de Méso) ».

ĐỊNH TƯỜNG TRƯỚC 1945 :

Trước 1945, tỉnh Mỹ-Tho gồm có 5 quận : An-Hoá, Cái-Bè, Cai-Lậy, Châu thành và Chợ Gạo.

Sau này, Cù lao An-Hoá (quận An-Hoá) sáp nhập về tỉnh Bến-Tre (đổi tên là Kiến-Hoà). Dụ số 143-NV ngày 22-10-1956 của Chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa xóa bỏ phần nhiều tên tỉnh do Chánh-phủ Pháp đặt ra và dùng lại những tên cũ của Nam phần.

Hai tỉnh Mỹ-Tho và Gò-Công sáp nhập làm một, lập thành tỉnh Định-Tường gồm 8 quận, 16 tổng và 124 xã.

— Bến Tranh
— Chợ Gạo } do 10 xã lấy trong quận Cái Bè và
— Giáo Đức } 5 xã của quận Cai Lậy.
— Gò-Công } tức là tỉnh Gò-Công cũ.
— Hoà-đồng }
— Khiêm-Ích (Cai-Lậy cũ)
— Long Định (Châu Thành cũ)
— Sùng Hiếu (Cái Bè cũ)

Mới đây, vì lý do chánh-trị, hai quận Hòa đồng và Gò-Công lại tách rời khỏi Định-Tường để lập lại tỉnh Gò-Công cũ.

ĐỊA LÝ

VỊ-TRÍ.—

Xuyên qua các sử liệu của triều-đình Huế và quyển Monographie de la province de Định-Tường quan sát bản đồ Lục-Tỉnh Nam kỳ thời Tự-Đức, chúng ta thấy tỉnh Định Tường xưa chiếm trọn vẹn một khoảng giữa Nam kỳ, bắc giáp với Cao-Miên, Nam giáp Vĩnh-Long và Nam-Hải ; bên hữu, có Gia-Định, Biên-Hòa, bên tả, tức là vùng Hậu-giang, hai tỉnh An Giang và Hà-Tiên.

Địa phận Định-Tường gồm hai Phủ, 4 huyện, rộng minh mông, bao trùm : Đồng tháp Mười, một phần đất các tỉnh : Tân an (Long an ngày nay) Châu-Đốc, Sadec và Bến-Tre,

Tỉnh Kiến-Tường và Kiến-Phong bây giờ đều nằm trong tỉnh Định-Tường cũ vậy.



Những hình ảnh của quê hương
Vàm chợ giữa dưới rặng dừa soi bóng

Trong thiên khảo cứu này, chúng tôi đề cập một phần lớn đến Đồng tháp Mười khi xưa là trung tâm kháng chiến của Thiên-hộ-Dương, Đốc-binh Kiều suốt mấy năm trời. Oanh liệt làm cho Pháp quân điêu đứng và trung tâm ấy thời bấy giờ vào năm 1866 thuộc tỉnh Định-Tường (1),

Từ ngày quân Pháp xuân chiếm Nam Kỳ làm thuộc địa rồi cắt sáu tỉnh của Nam triều ra manh mún làm hai mươi tỉnh nhỏ đến ngày nay, dưới chánh thể Cộng hòa, mấy tỉnh nầy lại nhiều phen thay đổi tên và ranh giới, sáp nhập rồi phân chia mà lập thành một số trên 20 tỉnh, thì Định Tường bây giờ nhỏ không bằng phân nửa Định-Tường xưa, giáp ranh với các tỉnh sau đây :

— Tây bắc : Kiến-Tường, tức là Mộc hóa cũ
— Đông bắc : Long-an, là Tân-an sáp nhập với Cholon
— Đông : Gò-Công, có tên là Khổng-tước nguyên dưới Nam triều.
— Tây : Kiến-Phong, tức là quận Cao-Lãnh cũ.
— Nam : Vĩnh Long
— và Đông Nam : tỉnh Kiến Hòa

Mặc dầu ngày nay, Định-Tường không còn rộng lớn bao la như xưa, song còn giữ nhiều đặc tính về lịch sử, cũng như về địa-lý.

Là một tỉnh cổ cựu, được khai thác từ lâu (bọn người Tàu lưu vong đến sanh cư lập nghiệp nơi đây từ năm 1679), Định-Tường là một trong các tỉnh phong phú nhất Nam-phần, Định-Tường là một trong những mạch máu nối liền trung tâm thủ đô và các tỉnh miền Đông và miền Tây, về trục giao thông rất thuận, chở hàng hóa vô Cấp muốn chạy Nam Vang, Lào thì phải đi vòng xuống biển Gò-Công đổ lên cửa Đại sông Cửu-Long Định-Tường, rồi xuyên qua các tỉnh miền Tây Vĩnh-Long Sadec Long Xuyên, Châu đốc Tân Châu rồi thẳng Nam-Vang. Tỉnh Định-Tường tốt về Địa lý.

(1) *Căn cứ theo bản đồ của vua Tự Đức*

Nhờ có sông Tiền giang mà thông suốt ra biển, có lẽ trong một tương lai gần đây, tỉnh lỵ Định-Tường sẽ trở thành một hải cảng quan trọng của Nam phần Việt-Nam với bộ mặt huy-hoàng để nói lên một tỉnh trù phú của tiền giang, so sánh với Cần Thơ người ta tặng cho là Tây Đô, Định-Tường cũng hãnh diện về cảnh trí xinh đẹp, danh tiếng là trung tâm kháng chiến của các anh hùng liệt sĩ đã góp mặt làm rạng rỡ tô điểm cho phần đất mến yêu bao đời ghi nhớ.

ĐỊA CHẤT : Định-Tường nằm trong lưu vực sông Cửu-Long (Mékong) hoàn toàn cấu tạo bởi đất phù sa do con sông vĩ-đại này chuyển vận qua các thời đại.

Không có bằng chứng nào xác định rõ rệt thời kỳ bồi đắp dải đất này. Tuy nhiên, với sự tiến triển hiện đại của khoa địa chất học, có thể nói rằng đất ấy không xưa lắm. Trước kia, một vùng biển to bao phủ cả Định-Tường và miền tây Nam-Việt.

Đất phù-sa do sông Cửu-Long mang đến đã lấp bằng một cái vịnh cũ, biến thành một vùng châu thổ phì nhiêu, từ miền Biển Hồ (Tonlésap) thuộc Cao-miên.

Có lẽ một bình nguyên rộng lớn từ đáy biển Nam-hải nhô dần lên đã cấu tạo mau lẹ những miền ấy và ta có thể ức đoán rằng giải đất Định-Tường mới tượng hình lối vài ngàn năm nay (1).

Về đất cát, những nhà nông học quan sát Định-Tường thấy rằng tỉnh này có ba lớp đất :

a)- dài theo bờ sông Cửu-long, là lớp đất sét do phù-sa tạo thành.

Đất phù sa len lỏi theo các phụ lưu và chi lưu để biến những vùng ngập lụt hoặc bùn lầy thành những vùng đất liền, có thể trồng trọt được. Cũng nhờ phù sa mà đất liền lan rộng thêm mãi, theo ven biển cũng như dọc các cửa sông Cửu-Long.

b)- Trong vùng Đồng tháp (người Pháp gọi là Plaine des Jones) (đồng lác, đồng cói) đất vùng này gồm một lớp đất gần như đất sét :

(1) « *Địa phương chí* » tỉnh Định-Tường 31-12-63.

Lớp trên mặt là đất sét hoà với bã lác, bã lác với các khoáng chất trầm dưới nước, lâu ngày gây những phản ứng hoá học liên tiếp, những ngày quá nóng bức, nước đọng bốc thành hơi để lại trên mặt đất chất phèn.

Cứ thế, năm này sang năm khác, lớp phèn càng dày, càng thấm sâu vào lòng đất, khiến cho đất đai Đồng tháp mười không dung túng bất cứ loại trồng trọt nào.

Dưới lớp đất sét lẫn lộn bã lác ấy, có một lớp đất sét trắng hơn và chắc hơn.

c)- Ngoài đất sét và đất phèn, Định-Tường còn có đất cát, tạo những cuộc đất cao ráo, thường gọi là « Giồng ».

Dài theo quốc lộ Tân-an, Mỹ-Tho qua khỏi thị trấn Tân-hương vài cây số du khách gặp hai bên đường những giồng cát cao, rộng, đồng bào ta trồng thuốc, khoai mì, bắp, rau cải v.v...

Định Tường có nhiều giồng như Giồng Cái-én, giồng Trau-Trảu, giồng Lữ, giồng Thuộc nhiêu, giồng Tân hiệp v.v... Nổi danh nhất về phương diện lịch-sử là Giồng Tháp, trung tâm kháng chiến của Thiên-hộ-Dương và Ba giồng là nơi Đạo quân Đông sơn Đỗ thành Nhân tụ nghĩa năm 1776.

ĐẤT ĐAI : Về phần đất đai, Định-Tường có thể chia ra làm hai vùng :

a)- VÙNG ĐẤT CŨ : nằm trọn từ sông Cửu-Long đến con đường liên tỉnh Saigon-Phong-Dinh (Cần-thơ) và từ ranh tỉnh Long-an đến ranh tỉnh Kiến-Phong (Cao-Lãnh).

Vùng này, thảo mộc sum suê, tươi mát, nhứt là hai bên bờ sông Cửu-long có nhiều kinh rạch, đất phù sa tương đối cao ráo, tạo thành một đường viền dài theo sông cái.

Ngoài những ruộng lúa minh mông mà ít có năm thất mùa, nông dân lập vườn trồng nhiều thứ cây ăn trái quanh nhà.

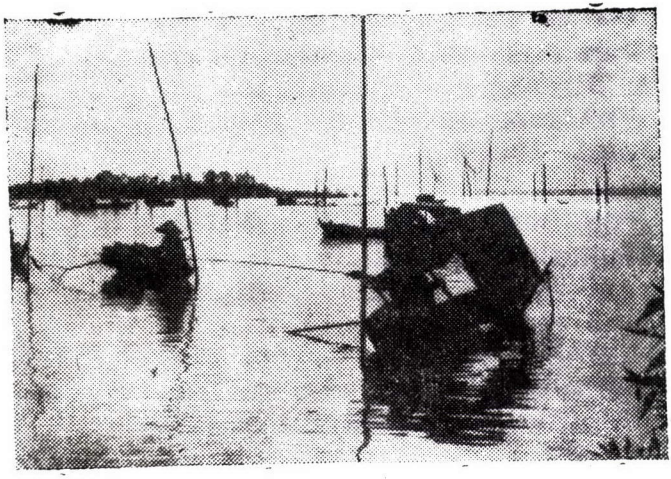
Lại nhờ có lắm kinh rạch chằn chịt nối liền sông Cửu-Long với Rạch Bảo-định, nên miền này có một hệ thống thủy-vận dễ dàng và sung mãn, dân cư đông đảo, phố phường tấp nập.

Du khách từ Gò Công đi Mỹ-tho đến Cái Bè tất phải lưu ý đến vẻ vui tươi mát mẻ nơi đây, những thửa ruộng đều đặn với những bờ mẫu thẳng tắp nổi bật giữa rặng cây xanh.

Trông quanh làng mạc, khách sẽ để ý thấy dọc bờ sông Cửu Long đất hơi cao và trồng toàn dừa. Tiến mãi về phía tây, khách sẽ băng ngang Bảo định hà và những cánh đồng lúa dài đến tận bờ sông, nhờ sông Cửu-Long và nhiều rạch con tươi mát.

Sang sông Ba-rài, đi đến Cái-bè và đậu đến ranh giới tỉnh Kiến Phong, du khách không ngớt trầm trồ những khu vườn cây trái sum suê tươi tốt, dọc bờ rạch Cái-cối, đây mới là đất vườn liệt vào bực nhứt của tỉnh Định-Tường.

b)- VÙNG ĐẤT MỚI : tức là vùng Đồng-tháp-Mười, chúng tôi đã đề cập qua Đồng này trong chương « Định-Tường kháng chiến » và sẽ còn dành cho Đồng-thap một chương đặc-biệt sau nầy.



Một cảnh thơ mộng giữa dòng sông Cửu-Long
Ngư-phủ thả mồi câu cá ngang cù-lao Rồng.

CỦ LAO

Giữa sông Cửu-Long thuộc địa hạt Định-Tường, có lắm cù lao quan-trọng, nhứt là cù lao An-hoá gồm cả một quận, hai tổng, nằm trọn giữa hai sông Tiền-Giang với sông Ba-Lai, nhưng từ năm 1956 cù lao này đã sáp nhập với tỉnh Kiến-Hoà.

Kế đó là cù lao Rồng, xã Tân-Long, ngang châu thành Mỹ-Tho ;

— Cù lao Thới-sơn, xã Thới Sơn, quận Long-Định, nay đổi lại Sầm-Giang.

— Cù lao Năm thôn, xã Ngũ hiệp, quận Khiêm-Ích (Cai-Lậy cũ). Chung quanh cù lao này có các đồn : Long-Đức, bà Huyện, Tân Châu, Cồn Tròn.

— Cồn qui thuộc xã Thanh Hưng, quận Giáo-Đức.

SÔNG NGÒI

Hệ thống sông ngòi của tỉnh Định-Tường tập trung vào sông Cửu-Long.

Trước hết ta nghiên cứu giòng sông Cửu-Long trong địa-phận tỉnh Định-Tường và ảnh hưởng con sông ấy đối với thủy-triều.

Kế đó, ta hãy xét về những rạch chảy chằn chịt nội địa Định-Tường và vùng cù lao.

SÔNG CỬU-LONG :

Người Pháp gọi là Mékong, là một con sông lớn và dài trong các con sông lớn thế-giới, sông Cửu-Long dài 4.200 cây số ngàn phát nguyên từ Tây-Tạng, trên một cao-nguyên vùng Vân-Nam, chảy qua Ai-lao, Cao-miên và Việt-Nam, làm biên-giới thiên-nhiên cho Ai-Lao và Thái-Lan.

Tới Nam-Vang (kinh đô Cao-miên) dòng Cửu Long chia làm ba nhánh :

a) Một chảy ngược vào Biển Hồ (Tonlésap) trên đất Cao-Miên.

b và c) Hai nhánh kia : Tiền giang (Fleuve Antérieur) và Hậu giang (Fleuve Postérieur hay Bassac) cả hai cùng chảy song song ra biển.

Chính vào lúc sông Tiền giang chia làm năm cửa để đổ ra Nam-Hải thì khúc sông ấy chảy ngang địa hạt Định-Tường.

Nhánh chánh của sông Cửu Long vẫn ở phầnđất Định-Tường rồi thì :

— Cửa thứ nhứt là sông Cổ Chiên tách ra để tưới mát Vĩnh Long :

— Ngay tầm cù lao Ngũ-hiệp, phát khởi cửa thứ nhì, là sông Hàm luông, chảy ngang tỉnh Kiến-Hoà (Bến Tre).

— Cách đấy một khoảng, đối diện với miền đông cù lao Ngũ hiệp, cù lao An-hoá chia sông Tiền giang làm hai nhánh ra tận biển Nam-hải, bên hữu là sông Ba-lai, bên tả là Cửa Đại, tức là cửa chính của sông Cửu-Long.

— Bên tả Cửa Đại là cửa Tiểu tức là cửa thứ năm của sông Cửu-Long, chảy ngang quận Hòa đồng và tỉnh Gò-Công.

Sông Tiền-giang, khi nhập vào địa phận Định-Tường thì quanh co hai lượt, trước và sau Cái-bè, rồi sau khi uốn tròn mình trước tỉnh-lỵ Mỹ-tho, lại chảy thẳng ra biển To Cửa Đại.

Khi chảy ngang Mỹ-tho chỗ phà Rạch Miễu, sông rộng ba cây số ngàn và chiếc phà phải chạy vòng theo chữ S, trước đầu cù lao Rồng phía Mỹ-Tho và hai cù lao nhỏ là cù lao Lân và cù lao Phụng ngang cầu Bắc Rạch Miễu.

Lúc đổ ra biển, tại vàm Kỳ-hôn, sông Tiền giang rộng non năm cây số ngàn.

Sông Cửu-Long chảy mạnh, lực lượng dồi dào, lòng sông lắm nơi rất sâu, nhiều tàu lớn có thể ngược giòng Cửu-long đến Mỹ-tho và tỉnh lỵ này khả dĩ tạo thành một bến cho tàu biển lui tới.

Nước sông luôn luôn đục ngầu vì đất phù sa và cây lá mục nát dữa mòn bờ sông ở vài nơi những nơi nằm ngay ngọn nước bị mòn mau chóng và nhiều bưng đất lở sâu vào nội địa bị nước cuốn đi đem bồi nơi khác, như mỏm cực tây cù lao Rồng ngang tỉnh lỵ Mỹ-tho bị lở mãi còn bên kia đông cù lao lại được bồi lần, thành thử người ta có cảm tưởng rằng cù lao ấy cứ chuyển mình xê dịch càng ngày càng gần bờ châu thành Mỹ-tho.

Chính sự hùng hậu của giòng Cửu-long đã tạo nên dãy đất Định-Tường và vẫn tiếp tục biến hình vùng ấy mãi, nay thì lấp vài nhánh phụ lưu, mai lại nhô lên những cồn mới, hoặc bồi rộng những cù lao khác và lấn đất mãi ra biển nhờ những lớp phù sa phong phú.

Vì chưng sông Cửu-long bắt nguồn từ các đỉnh non cao nên chịu nhiều ảnh hưởng mùa tuyết tan ở các vùng ấy và lại nhận tất cả nước ở thung lũng cao do nhiều phụ lưu mang đến.

Thế nên, sông ấy có những mùa nước lũ vô cùng tai hại, nhứt là khi chảy dọc theo những miền núi non chập chồng như Lào thì lại có mưa to, nước chảy ầm ầm, cơ hồ như không có một trở lực nào ngăn cản nổi. Nhờ ở gần biển, Định-tường không sợ nạn hoàn toàn ngập lụt, nhưng miền Đồng tháp là một vùng lòng chảo, luôn luôn bị đe dọa và chính năm 1929 và năm 1961, nước lũ đã làm thiệt hại rất nhiều các vùng ngoài ranh Đồng Tháp.

Ngoài mùa nước lũ đặc biệt ấy, sông Cửu-Long còn một thời kỳ nước kém, lúc mùa nắng, và một thời kỳ nước nổi, vào mùa mưa.

Ngoài sông Cửu-Long, hệ thống sông ngòi của Định-Tường rất đầy đủ, nhứt là trong vùng « đất cũ » nhờ có các con rạch, thuyền bè lưu thông dễ dàng, dân chúng nhiều khi đào kinh nhỏ nối liền mấy con rạch để cho nước chảy thông.

Định-Tường có tám con rạch chánh chảy từ tây sang đông :

1.- RẠCH CÁI-THIA, chảy ngang hai Tổng Phong-phú và Phong-hòa, quận Giáo-đức. Lưu vực này chia làm ba nhánh :

a) rạch Cái-cối, dài 21 cây số, bắt nguồn từ Sadec ;

b) rạch Cái-thia dài 12 cây số, bắt nguồn từ Đồng-Tháp ;

c) rạch Mỹ-thiện cũng dài cỡ 12 cây số.

2.- RẠCH TRÀ-LỐT, chảy ngang qua tổng Phong-hòa, quận Sùng-hiếu (Cái-Bè) dài 18 cây số.

3.- RẠCH CÁI-BÈ, chia làm 2 nhánh :

a) nhánh tây, chảy ngang qua Tổng Phong-hòa, quận Sùng hiếu

b) nhánh đông, chảy ngang Tổng Lợi-thuận cùng một quận



Cù-lao Thới-sơn, một trong những cù-lao phong-phú nhứt của tỉnh Định-tường nằm trên dòng sông Cửu-Long, ngang quận Cái-Bè.

Hai nhánh này gặp nhau tại chợ Cái-bè, làng Đông-hòa-hiệp, tạo thành một vàm rộng lớn trước khi đổ vào sông Cửu-long.

4.- RẠCH BA-RÀI, chảy ngang Tổng Lợi-trinh quận Khiêm Ích (Cai-lậy) và Lợi-Thuận quận Sùng-hiếu, dài 22 cây số.

5.- RẠCH TRÀ-TÂN, trong tổng Lợi-hòa, qnận Khiêm-Ích.

6.- RẠCH GẦM, chảy ngang tổng Thuận bình, quận Long-định, dài 11 cây số.

7.- RẠCH BẢO ĐỊNH, chảy ngang tổng Thanh-quơn, quận Bến tranh và tổng Thuận-trị, quận Long định (Châu thành). Rạch này rất quan trọng vì là con đường lưu thông giữa hai sông Vàm Cỏ (vàm cỏ Đông và vàm cỏ Tây) với sông Cửu-long.

Thời Pháp thuộc, rạch này gọi là « Arroyo de la Poste » (Rạch Bưu chính) vì do đó mà thơ tín, bưu-điện, từ Tân an chở qua Mỹ-tho, khứ hồi.

8.- RẠCH KỲ-HÔN, chảy ngang tổng Hòa-hảo, quận Chợ Gạo.

Chúng ta nhận thấy trong 8 con rạch tỉnh Định-tường, đã hết 5 rạch làm đường lưu-thông vận chuyển đất phù sa bồi đắp cho vườn ruộng Cái-Bè và Cai-lậy cũ, nay là Sùng hiếu, Giáo Đ ức và Khiêm-Ích nhờ đó tăng thêm sự sung túc màu mỡ cho các loại hoa màu và cây ăn trái được oăn sai, mỗi năm hai vùng này thâu vô một số huê lợi khá to về số sản xuất cây trái rau cải chở lên thủ-đô tiêu thụ đem lại sự thịnh vượng no ấm cho đồng bào với đời sống thanh thoản dư ăn dư để.

Chúng tôi đã trình bày về phần tổng quát Địa lý của Định-Tường nói chung, các quận nói riêng nhận thấy đất phù sa trồng cây gì xuống cũng mau tốt và chóng có trái vì nước mặn lên không tới, từ Ba-rài đổ lên Sùng-Hiếu, Giáo-Đức đều là nước ngọt quanh năm, một nguồn lợi thiên nhiên đáng kể dưới lòng sông Cái-Bè có rất nhiều ốc gạo mỗi năm bán hàng mấy triệu bạc, ốc này chánh-phủ có cho đấu giá thủy lợi hàng năm đem lại một số lợi tức cho tỉnh đáng kể,

Phần thứ nhì :

— DANH NHÂN
— Anh hùng nho sĩ kháng Pháp



ĐỖ-THÀNH-NHÂN

Chúa tướng binh Đông-Sơn tiết liệt, đóng quân tại Ba-Giồng Định-Tường.

Đỗ-thành-Nhân quê ở huyện Hương-Trà, tỉnh Thừa-Thiên (Trung-Việt), sau dời vào Nam, ngụ ở huyện Kiên-Hưng, thuộc tỉnh Định-Tường xưa.

Ông cùng với Võ-Tánh, Châu-văn-Tiếp nổi danh « Gia-Định Tam-hùng», có thuyết cho rằng « Gia-Định tam hùng » là Đỗ-thành-Nhân, Võ-Tánh và Nguyễn-huỳnh-Đức chớ không phải Châu-văn-Tiếp. Nhưng theo đa số sách báo xưa nay đều ghi « Gia-Định tam hùng » như chúng tôi đã nêu trên.

Tinh thông võ nghệ, nhân thời loạn Ông chiêu tập và đào luyện dân tráng quanh vùng đề phòng khi có biến cố gì thì đủ sức đương đầu. Bởi thế, khi Chúa Định-Vương Nguyễn-phúc-Thuần cùng với cháu là Nguyễn-Ánh bị Tây-Sơn đánh đuổi chạy vào Nam. Ông đã sẵn có lực lượng xướng nghĩa phò chúa Nguyễn. Vốn người có uy-tín, một tiếng gọi đàn của Ông, đủ có hàng ngàn người đáp ứng trong một thời gian ngắn. Đầu hôm sớm mai, Ông thành lập ngay đạo binh nghĩa dũng hơn 3.000 người, đóng ở căn cứ địa Ba-Giồng một vùng hiểm trở trong tỉnh Định-Tường. Để đủ oai quyền chỉ-huy binh tướng, Ông tự xưng là Phương danh hầu, và để biểu-lộ rõ rệt ý-chí sắt đá chống đối Tây-Sơn binh của Ông gọi là binh Đông-Sơn.

Tây-Sơn hùng mạnh, Đông-sơn của Ông cũng chẳng kém gì. Mỗi khi Đông Tây chạm nhau, binh Ông mười trận thắng đến bảy. Oai danh ông lừng lẫy đến nỗi quân Tây-Sơn vẫn thường bảo nhau phải đề phòng khi thấy cờ hiệu của Ông xuất hiện.

Đinh-Dậu 1777, chúa Định-Vương chạy xuống huyện Long-Xuyên (Cà-Mau) bị Tây-Sơn đón bắt được, giải về Sài côn

(Saigon) hành quyết. Trước cái tang lớn ấy, ông càng căm hận quyết chẳng đội trời chung với Tây-Sơn, hăm hở dốc toàn lực ủng-hộ Nguyễn-Ánh tiếp tục chiến đấu, chiếm lại thành Gia-Định.

Mậu-Tuất 1778, trong trận đại chiến với Tây-Sơn ở sông Bến Nghé, Ông và Lê-văn-Quân giết Tư Khấu Oai, dũng khí đằng đằng, ba quân đều kinh khiếp.

Bấy giờ, Chân Lạp có nội loạn, gây biến động đến bờ cõi ta, Ông và Hồ văn Lân vâng mạng chúa Nguyễn đi đánh dẹp. Sau khi giết hoàng thân Nặc ông Vinh là người đã gieo mầm rối rắm, Ông cho phù lập con của Nặc-ông-Tôn là Nặc-Ấn lên ngôi Chân-Lạp, không đầy một tháng đâu đó bình định xong. Ông lưu Hồ văn Lân ở lại Chân-Lạp với tư-cách bảo-hộ, giám quốc; còn Ông thì trở về Gia-Định.

Công lao của Ông rất to, nên năm Canh-Tý 1780, Ông được phong Quận-Công. Và cũng từ đấy Ông đâm ra ngạo mạn, tự phụ vì công cao chức trọng của mình mà hách dịch vô cùng. Đã thế, tính ông vốn cương-trực khẳng-khái, dám nói dám làm không kiêng nể chi ai. Do đó, Ông bị chúng ganh ghét. Mặc ! Ông không một chút quan tâm, vẫn thẳng thắn trong công việc mình làm.

Ngày kia, Ông ra lịnh cho các quan địa-phương cung-cấp quân-lương, tu tạo chiến thuyền. Nhiều nơi trễ hạn kỳ, Ông trừng phạt gắt gao ngay.

Có quan huyện Đặng-hữu-Tâm vốn người thanh-liêm mẫn cán, rất được lòng dân. Thấy lịnh của ông quá nghiêm-khắc, Đặng-hữu-Tâm thân đến dinh Ông mà trần tình lẽ thiệt hơn, xin Ông triển hạn và nới tay cho dân chúng bớt xôn xao lo lắng, Ông chẳng những không nghe, lại còn giết Đặng-hữu-Tâm đi.

Dân chúng thương tiếc quan huyện, tỏ vẻ bất bình. Ông càng đàn áp mạnh.

Chưởng Cơ Huỳnh Thiên Lộc gièm với Nguyễn-Vương :

— Đỗ quận Công càng ngày càng ỷ thế lộng quyền, không khéo sẽ làm mất lòng dân mà bất lợi cho đại cuộc. Hơn nữa, bấy lâu nay tôi xem ra Đỗ quận Công còn nuôi chí soán đoạt, vì cậy có binh ròng tướng mạnh. Nếu nay Chúa thượng không trừ đi, e sanh hậu hoạn.

Nguyễn-Vương trầm ngâm giây lâu khẽ hỏi :

- Ta phải làm sao ?

Huỳnh-Thiên-Lộc đáp nhỏ :

- Phải làm như thế... như thế...

Nguyễn-Vương khen hay. Cách mấy hôm sau, Đỗ thanh Nhân bỗng tiếp được chỉ triệu bàn việc cơ mật. Ông chẳng chút nghi ngại, lên ngựa ra ngay ? Nào hay bị gạt vào Nghị sự đường, quân mai phục đổ xô ra bắt Ông trói lại Rồi đó Ông bị ghép vào tội phản nghịch, hành quyết trong ngày 23 tháng 3 năm Tân Sửu 1781.

Ngay khi được tin chẳng lành, hai tướng thuộc hạ trung kiên của Ông là Võ-Nhàn và Đỗ-Bảng lấy làm căm gan tím ruột bảo nhau :

— Chủ tướng của ta tội tình gì mà bị bắt xử trảm ? Đây là tên xàm nịnh Huỳnh-Thiên-Lộc cố ý ganh tỵ hãm hại chủa tướng của ta. Để xem Vương thượng có thái độ nào, chừng ấy ta sẽ đối phó. Đến khi thấy Nguyễn Vương một mực xuống chiếu hành quyết Đỗ-thành-Nhân, hai dõng sĩ Võ-Nhàn, Đỗ-Bảng dậm chân bảo nhau :

— Thế này đã rõ là Vương Thượng lòng dạ quá hẹp hòi, chưa chi đã học thói đặng chim bẻ ná, đặng cá quên nôm !

Chúng ta không thể tùng phục được nữa.

Một mặt, hai tướng xin xác Đỗ-thành-Nhân về chôn cất, một mặt dự trù kế hoạch phản kháng. An táng xong, cả hai rút binh Đông-Sơn về Ba-Giồng, xưng hùng một cõi, chống cả

Tây-Sơn lẫn Chúa Nguyễn. Và chẳng bao lâu, binh Đông-Sơn bắt được Huỳnh-thiên-Lộc, đem giết để trả thù cho chủ tướng.

Nguyễn Vương hay tin này lấy làm hối hận cho việc làm đã lỡ, bèn phái người đi khuyến dụ :

— Ngày trước chỉ vì chúa thượng tin gièm, nên mới giết oan Đỗ quận-công. Kẻ xàm nịnh ấy chính là Huỳnh-Thiên-Lộc nay đã đền tội. Vậy xin tướng sĩ Đông-sơn hãy quên chuyện cũ, chung nhau lo việc lớn. Chúa Thượng quyết chẳng quên ơn, sẽ truy điệu phong tặng hương hồn Đỗ quận công trọng hậu.

Nhưng hai tướng Võ-Nhàn, Đỗ-Bảng không tin nữa, cương-quyết chẳng trở về với Nguyễn-Vương, thà đành một chết và toàn thể binh Đông-sơn giải tán cho trọn niềm với chủ cũ.

Quả thật hai tướng ấy chống đối với chúa Nguyễn đến cùng, gây bao cảnh núi xương sông máu, về sau thất cơ binh Đông-sơn tan vỡ, không một ai ra đầu chúa Nguyễn.

Cách nay hơn nửa thế kỷ, có nhà thơ Nguyễn-Liên-Phong đề vịnh, có ý trách họ Đỗ qua một bài thơ dưới đây :

Cờ nghĩa Đông-sơn nổi tợ phao.
Tấm kình Nam-Hải sóng đang xao
Thời may gặp chúa trang trần thánh
Vận rủi xui tôi thói Mãng Tào
Mấy thứ công lao trôi bích thủy,
Ba hùng danh tướng nhẹ hồng mao.
Suối vàng như gặp Châu hùng võ
Hồn luống ăn năn biết tại sao.

Họ Đỗ bị giết, oan hay ưng ? còn nghi vấn, xuyên qua việc hai tướng Võ-Nhàn, Đỗ-Bảng nối chí họ Đỗ mà chỉ-huy binh Đông-Sơn, một mực không phục Chúa Nguyễn nữa, đủ tỏ giác

ít ra Chúa Nguyễn đã có phạm lỗi lầm một phần nào trong việc giết Đỗ-Thanh-Nhân một danh-tướng lẫy-lừng, Tây-Sơn nghe qua khiếp sợ.

Hiện nay chúng tôi mới vừa tìm được ngôi mộ của vị anh hùng dân-tộc toạ lạc tại Phú-Lâm trong vuông đất của Hòa Đồng Tôn Giáo, phía sau quốc lộ số 4 vô chừng hai trăm thước.

Ngôi mộ này nằm trên một gò đất cao ráo, chung quanh có xây tường bằng hồ ô vướt, rêu phong cỏ mọc, trước có dựng một mộ bia bằng đá cẩm-thạch khắc mấy dòng chữ nho như sau :

Uy-nghiêm tướng quân, Thần sách quân tả quân thống-chế, gia cấp thị trung cẩn, Đỗ phủ quân thần mộ. Hiếu tử Hồng nhân lập thạch !

Chúng tôi đến viếng mộ lòng luống bâng khuâng, hồi tưởng đến công nghiệp của Ngài, hy sinh xương máu bảo vệ non sông, nhưng vì lòng cang trực ngay thẳng của Ngài, bị sự hiểu lầm của nhà vua làm mất một trang anh hùng của dân tộc.

Đây chúng tôi chỉ tóm tắt qua vài nét đại cương về cuộc đời của Ngài, muốn rõ chi tiết xin đón đọc quyển « Gia-Định Xưa và Nay » sẽ được thỏa-mãn qua phần tiểu sử.



TẢ QUÂN
LÊ-VĂN-DUYỆT

Xuất thân theo phò Chúa Nguyễn tại Long-Hưng (Định-Tường), vị Tổng-Trấn đầu tiên ở miền Nam, oai đức vang rền.

Một trong những nhân vật lừng-lẫy ở Nam Kỳ, thời xưa lưu danh hậu thế là Ngài Tả quân Lê-văn-Duyệt, gốc người Chương Nghĩa tỉnh Quảng Ngãi (Trung Phần). Thời kỳ Nguyễn Trịnh tranh phong, Ông nội Ngài là Lê-văn-Hiếu vào đất Nam Kỳ nương ngụ tại làng Hoà Khánh thuộc tỉnh Định-Tường vàm Trà Lọt, với con là Lê-văn-Toại (kêu là Phước).

Sau ông Toại sanh đặng 4 trai, Lê-văn-Duyệt là con trưởng. Tướng người lùn thấp, ăn nói nhanh lẹ tỏ ra thông minh đĩnh ngộ, Ngài ưa thích chơi gà nòi, hằng bữa ngài thường đến các chỗ có gà đề cho nước, vì Ngài chơi với một lý tưởng cao thượng, gà là một giống gan lì thà chịu chết tại trường chớ không lùi trước sự tấn công của địch thủ, nhờ chơi gà mà Ngài nuôi được cái chí cang trường, với tinh thần bất khuất.

Ngài mới lên 8 tuổi Ông nội Ngài đã vương bịnh thời khí bỏ mình. Sau khi an táng tại vàm Trà-Lọt, Ông Lê-văn-Toại thân sinh Ngài qua cư trú tại Rạch Gầm, nay là làng Long-Hưng, tại Rạch Ông Hổ cũng về tỉnh Định-Tường, lúc nhỏ Ngài có học chữ nho song Ngài không thích lai vãng sân Trình lại chuyên về võ nghệ.

Bởi chưng gia đình của Ngài vào sinh cơ lập nghiệp ở Nam kỳ từ đời ông nội, nên đồng bào miền Nam xem Ngài là người sanh trưởng ở Định-Tường vậy.

Ngài lại hoạn, nhưng sức khoẻ, võ nghệ hơn người, thường than rằng : Làm trai sống trong thời loạn không giúp ích gì cho quê hương xứ sở là một điều rất tủi nhục, Ngài đã hoài bão đến nước non, nuôi ý chí chờ cơ hội thực thi nguyện vọng.

Năm Canh-Tý (1780) Nguyễn-Ánh trên đường bôn tẩu vào Nam ghé qua Định-Tường, gặp Ông tại làng Long-Hưng thâu nạp, lúc bấy giờ Ông theo chân chúa Nguyễn, một lòng phò tá, vào sanh ra tử, Ông được sung Thái giám nội đình, năm 1783 khi Chúa Ngu ễn chạy sang Xiêm. Lê-văn-Duyệt lãnh bảo-hộ cung quyến tại Phú-Quốc, lúc ấy Ngài được thăng làm Cai-Cơ, quản suất hai đội quân thuộc nội.

Mùa thu năm Đinh-Tị (1787) Nguyễn Vương chiếm được thành Gia-Định, Lê-văn-Duyệt mộ thêm binh và lệ tùng Tả Quân.

Từ ấy, Ngài lập nhiều chiến-công oanh-liệt, nhứt là năm Tân-Dậu (1801) ngày 16 tháng giêng đại phá chiến thuyền Tây-Sơn tại cửa biển Thị-Nại. Rồi cùng chúa Nguyễn ra đánh lấy Phú-Xuân (Huế) một cách dễ dàng.

Năm Nhâm Tuất (1802) Gia-Long nguyên niên, Ngài được thăng Khâm Sai Chưởng Tả quân Dinh Bình-Sơn tướng quân, Tước quận công cùng Lê-Chất, đem bộ binh đi tiền phong tiến đánh tới Bắc-Thành bắt được Nguyễn-Quang-Toản là con Nguyễn-Huệ.

Thâu phục và sắp đặt yên bài nước Nam rồi, Vua Gia-Long còn chưa chịu bãi binh, muốn đề đặng đắp thành bồi lũy, hầu kiên cố đế đô cho vững chắc. Lê-văn-Duyệt là viên võ-tướng duy nhứt can đảm nhiều lần nhắc nhở nhà vua xin thả lính về quê, bởi vua Gia-Long có hứa ngày nào khắc phục cơ đồ thì lính Nam-kỳ được phóng hồi hưu tức.

Năm 1812 Vua Gia-Long phái Ngài làm Tổng trấn Gia-Định-Thành, Trương-tấn-Bửu ở huyện Kiến-hòa làm phó Tổng trấn, Ngô-Nhân-Tịnh làm Hiệp Tổng Trấn.

Năm 1813, Vua Cao Miên là Nặc-ông-Chân bị em là Nặc-ông-Nguyên viện binh Xiêm-La đánh đuổi chạy xuống Saigon. Vua phái Ngài điều đình việc Xiêm Nguyên. Ngài dẫn binh đưa Nặc Ông về Lộ-Bích thành (Lovek) Xiêm lui binh không dám cự địch và từ đấy Nặc-ông-Chân chịu quyền bảo-hộ của nước Việt-Nam.

Trong mấy năm qua, Lê-văn-Duyệt bình định đất Nam kỳ trừ hung khử bạo, bắt tên hung đồ là « Phụng ba đuôi », dẹp bọn giặc mọi Đá Vách ở dọc theo dãy Trường-sơn, từ Quảng-Ngãi giáp Quảng-Nam, đánh tan bọn giặc Miên do một nhóm thầy chùa Thổ tên Kê cầm đầu tại Định-Tường.

Xuyên qua cuộc đời công lao khổ nhọc của Lê-văn-Duyệt giúp vua Gia-Long thống nhứt sơn hà gồm thâu thiên hạ, Lê Tả quân còn bộc lộ trong việc chọn cung. Ngài cùng một nhóm quan khác, xin tôn hoàng tử Đán là con trai lớn của Đông Cung Cảnh đã từ trần, trái ý vua muốn lập hoàng-tử Đảm là con dòng thứ sanh trong Gia-Định.

Vì việc này nên khi tức vị, hoàng tử Đảm lấy niên hiệu Minh-Mạng, hằng đem lòng cừu hận Ngài Tả quân. Trong khi Lê-văn-Duyệt trấn nhậm Nam-kỳ, không hề tư vị kẻ có tội, bất câu sang hèn, Ngài ra lịnh xử trảm Huỳnh-công-Lý là một người tánh tình, tà vạy, ỷ mình là quốc trượng nên làm nhiều điều ngang dọc.

Từ khi Huỳnh-Công-Lý bị giết, Lê-văn-Duyệt luôn luôn bị dòm ngó.

Trong việc trị quốc an dân, Ngài thương xót gia đình của những người vì nước bỏ mình, lập ra hội cứu cấp kêu là hội « Anh Hài » cùng hội « Giáo-Dưỡng » để cứu giúp những trẻ mồ côi cùng những người quả phụ của binh sĩ. Lúc bấy giờ nước Xiêm La hay quấy nhiễu xứ Cao-Mên là một xứ được Việt Nam bảo hộ nên Lê Tả Quân có một chương-trình chinh-phục Xiêm-La.

Ngài tính chia binh đánh cả hai mặt, một mặt đường bộ thì do ngã Cao-Miên kéo qua, còn mặt thủy thì Ngài ra lịnh đào kinh Vĩnh-Tế nối liền Châu-Đốc Hà-Tiên để làm trục giao-thông, thật ra chiến-lược, chiến-thuật của Ngài rất tinh-tế, kinh Vĩnh-Tế vừa đào xong thì vua Gia-Long băng hà, vua Minh-Mạng và Lê Tả quân bất đồng ý kiến nên cuộc diện Nam kỳ từ đó mới có cuộc gió mây thay đổi.

Năm Nhâm Thìn 1832 đêm 30 tháng 7 Lê Tả Quân thất lộc hưởng thọ 69 tuổi, rồi cũng không bao lâu sau đó Lê Tả quân mạng phụ cũng tạ thế.

Khi Ngài chết rồi vua Minh-Mạng phái người vào thành Phiên An, viên Bố Chánh Bạch-Xuân-Nguyên với mật lịnh mở cuộc điều tra về cách cai trị của Tổng-Trấn Lê-văn-Duyệt kiếm cớ buộc cho có tang tích ngõ hầu bắt tội và làm nhục Ngài cho bõ ghét.

Vì cuộc điều tra thiên lệch của Bạch-Xuân-Nguyên mà nhóm võ quan tâm phúc của Tả quân là Lê-văn-Khôi, Hoành và Trấn nổi lên làm phản giết Bạch-xuân-Nguyên, chiếm cứ cả Nam Kỳ mãi đến năm 1835 Khôi thọ bệnh chết, binh Triều mới dẹp an.

Vua Minh-Mạng dạy kết án phạt Lê Tả quân những tội không chánh đáng, do lòng căm hờn nhỏ nhen kết tạo, truyền quan tỉnh Gia-Định đục tên trước mộ Lê Công rồi dạy dựng một tấm bia đá để chữ to : « Quyền yêm Lê-văn-Duyệt phục Pháp Xứ » (nghĩa là nói tên hoạn to quyền Lê-văn-Duyệt chịu

pháp nước. Thật ra việc làm của Minh-Mạng đối xử một bực công thần như thế đáng cho lịch sử phê phán sau này...

Năm Mậu Thân (1848) vua Tự-Đức vị giải hàm oan cho Tả quân, Ngài ra lịnh thủ tiêu tấm bia trước mộ và cho xây đắp ngôi mộ của Ngài lại như chúng ta đã thấy ngày nay tại làng Bình-hoà xã trước Toà Hành-chánh Gia-Định.



Linh vị thờ Đức Tả quân tại đình thần Long-hưng.

Theo một vài truyền thuyết của các vị bô lão Long-Hưng Định-Tường kể lại, ngôi mộ ở Gia-Định là nơi Ngài trấn nhậm xây để tượng-trưng, còn ngôi mộ tại Long-Hưng chính là nơi Ngài gởi nắm xương tàn trên mảnh đất quê hương khi Ngài xuất thân phò chúa Nguyễn.

Theo truyền thuyết trên đây không biết cái nào đúng ?

Đây là những nét đại cương qua cuộc đời thân thế của một đấng công thần, lưu lại những trang sử oai hùng, nêu cao thanh giá cho đất nước nói chung, tỉnh Định-tường nói riêng.

Ngày nay tại Gia-Định có đền thờ và lăng Ngài, có ban quản trị lo việc trùng tu tế tự hàng năm, mỗi lệ cúng có hát bộ ba thứ, khách thập phương cũng như đồng bào quanh vùng đô thành với lòng sùng-kính vô biên. Chúng tôi có dịp đọc qua những đàn giáng cơ của Ngài về khuyên bảo lê dân tu hành, và cho biết tương lai đất nước Việt-Nam v. v...

HỒ-VĂN-LÂN

Thiếu bảo Quận Công lừng danh trận đánh tại Mỹ-Tho từng nắm quyền bảo hộ Chân-Lạp

Kể về việc nắm quyền bảo vệ Chân-Lạp, hẳn không ai không nghe tiếng « Bảo-hộ Thoại » và « Bảo-hộ Lân ». Chính ông là người điều-khiển guồng máy nội an của Chân-Lạp, còn Thoại-ngọc-hầu Nguyễn-văn-Thoại thì mãi về sau mới xuất hiện trên chính trường Chân-Lạp một dạo. Đức độ và tài-năng của Ông Hồ-văn-Lân, từng được dân chúng Chân-Lạp mến-phục.

Ông người huyện Kiến Hưng, thuộc tỉnh Định-Tường. Sát cánh với hổ tướng Dương-công-Trừng và chúa tướng binh Đông-Sơn là Đỗ-Thành-Nhân chiến-đấu oanh-liệt chống Tây-Sơn, Chân-Lạp, ông nghiễm nhiên là chiến-hữu đắc lực của hai nhân vật lừng danh ấy.

Cũng như bao võ tướng miền Nam đứng về phe ủng-hộ Chúa Nguyễn-Ánh, ông đã dày công hạn mã, tận tâm tận lực với Chúa Nguyễn đến phút cuối cùng. Và điểm đặc biệt ở ông tuy là võ tướng mà tính nết ông rất mực khiêm cung, nhu-hoà. Bởi thế, trong trường hợp đi đôi với Đỗ-Thành-Nhân hay Lê-văn-Quân, tính nết nóng nảy kiêu căng của họ Đỗ và họ Lê nhờ có thái-độ ôn-hoà của Ông chế khắc, đem lại nhiều thắng lợi vẻ vang trong việc chinh phục lòng dân.

Từ khi theo khuôn phò chúa Nguyễn-Ánh nơi Mỹ-Tho, có thể nói rằng cuộc đời chinh-chiến của ông đã từng gian khổ hơn hết các tướng, trên khắp nẻo đường khói lửa miền Nam.

Xuất thân làm Cai Cơ, ông xông pha trận mạc rất oai hùng.

Đinh Dậu 1777, hội binh nơi Long-Hồ, ông cùng với Dương Công-Trừng tảo thanh Tây-Sơn ở khắp mặt trận. Vừa yên, lại được lịnh cùng với Đỗ-thành-Nhân đi dẹp cuộc nội loạn ở Chân-Lạp.

Bấy giờ, lực lượng quân đội của ta do hai tướng Đỗ thanh Nhân và ông chỉ huy, chỉ trong một thời gian ngắn bình định xong Chân Lạp Đỗ-thanh-Nhân giết chết Nặc-ông-Vinh, lập con Nặc-ông-Tôn là Nặc-Ân lên ngôi Vua Chân-Lạp, đoạn kéo binh trở về Gia-Định phục mạng. Còn ông thì ở lại đây nắm quyền giám quốc, lo việc bảo hộ.

Chẳng bao lâu Tây Sơn vào đánh lấy Gia Định. Chúa Nguyễn chạy sang Xiêm. Ông lập tức trở về, thâu thập binh ròng dàn trận tại Long Hồ, ra sức ngăn chống. Chúa Nguyễn phong ông làm Chưởng Cơ, điều khiển tướng sĩ. Nhưng thời thế chưa nên, sức người có hạn, sau mấy lượt tấn công vô hiệu quả, ông đành lui quân, tạm cho phân tán để bảo toàn chủ lực chờ cơ hội. Sắp đặt xong, ông sang Xiêm bái yết Chúa Nguyễn báo cáo tình hình và hoạch định chiến lược ứng phó về sau.

Đinh Tỵ 1787, liệu đã đủ sức đẩy lui Tây Sơn, Chúa Nguyễn chuẩn bị lìa nước Xiêm kéo quân về. Ông được lịnh đi trước về Kiên Giang, tập họp tướng sĩ nhóm tại Mỹ Tho. Rút kinh-nghiệm trận đánh ở Long Hồ ngày nọ, phen này ông tổ chức tình báo hoàn bị, truyền thông tin tức nhanh chóng để phòng khi kêu gọi tiếp ứng nhậm lẹ. Mặt khác, các cơ cấu phòng thủ ông cũng bố trí chặt chẽ. Có thể nói cuộc hội binh nơi Mỹ Tho đây, một phần lớn do cơ mưu trí lược của ông sắp xếp, khiến toàn thể tướng lãnh đặt dưới quyền ông chỉ huy, ai nấy đều phục tài và sẵn sàng tuân lệnh chiến-đấu dũng mãnh.

Dường như ông có quyết tâm cứu vãn danh dự mình trong trận thua thiệt ở Long Hồ, nên ông dàn trận tại Mỹ Tho trăm phần châu đáo. Ông lại hiệu triệu tướng sĩ với những lời lẽ khích động sôi nổi, thúc đẩy người người phải đứng lên đánh một trận to tát để đời.

Quả nhiên, với kế hoạch đã có nghiên cứu kỹ, với quyết tâm chiến thắng, phục thù rửa hận, đại binh ông toàn thắng trong những trận quyết-liệt, vượt mọi chướng ngại để khắc phục từng vị trí một. Từ Mỹ-Tho dần dần đại binh ông phối-

hợp với các đạo binh khác, tiến như vũ bảo, thẳng lên Gia-Định. Thành công đúng như kế hoạch của ông đã trình bày cùng Chúa Nguyễn khi còn lưu vong nơi Vọng-Các.

Luận công phong thưởng, Chúa Nguyễn khen ngợi và ban lễ vật cho ông trọng hậu.

Tiếc thay ! Giữa cảnh vinh quang, ông đã cảm thấy thân-thể uể-oải nhuốm bịnh. Hẳn là vì đã lao tâm lao lực quá độ trong một trận mà ông đã tuyên ngôn quyết để đời. Và ông đã hoàn thành được theo như lời đã tuyên bố. Còn gì vinh hạnh bằng. Thế nên nhuốm bịnh mà ông vui sướng chẳng có điều gì phải ân hận. Những ngày ông nằm bệnh là chuỗi ngày ông tận hưởng được tất cả hương vị của tình bạn bè lui tới viếng thăm ca tụng.

Điều chẳng ai ngờ, ông bịnh không bao lâu thì mất. Chúa Nguyễn và các chiến hữu của ông những tưởng ông chỉ cần nghỉ ngơi trong ít lâu thì bình phục sức khoẻ như thường, dè đâu ông lại mất đi như thế.

Thân làm tướng, chết giữa sa trường là sự thường, hay mang thương nặng mà lây lất tháng ngày đến bỏ mình cũng là điều thường thấy, và hai lẽ vị quốc vong thân ấy, đều khiến được người người cảm khái. Đến như tâm kiệt lực để thành toàn cho kỳ được chí nguyện, rồi phút cuối cùng nằm phần thắng lợi thì ngã bệnh mà mất, càng chứng tỏ tâm trí kiên trì tắc thành không gì lay chuyển nổi, đáng thương mến vô cùng.

Cố nhiên, Chúa Nguyễn phải hoài niệm công ân của ông hơn ai hết. Sau khi nhất thống sơn hà, lên ngôi vua tức Gia-Long, nhà vua truy phong ông là Thiếu Bảo Quận-Công. Âu cũng chút đền bồi, an ủi tấm lòng tận trung của người thiên cổ đáng kính.

LƯƠNG NĂNG BÁ NGUYỄN VĂN HIẾU

Một võ tướng thanh-liêm, cương-nghị.

Nói đến các Danh nhân khuôn phò chúa Nguyễn thống nhứt san-hà, chúng tôi phải nói đến ông Nguyễn văn Hiếu người Định-Tường có công rất lớn với vua Gia-Long, ông là người có tài, có đức, tánh tình cương trực và liêm khiết, quan dân đều kính nể.

Ông Nguyễn văn Hiếu người thuộc tỉnh Định-Tường (Mỹ-tho) ông thân sinh húy là Đán, được tặng chức Chưởng-vệ Cẩm y, Ông Hiếu lúc còn hàn vi, cắt cỏ thuê để sinh sống. Năm Ất-tị 1785, ông theo Võ-Tánh khởi nghĩa binh ở Gò Khổng tước (tức Gò Công), cùng giặc giao chiến, giết được giặc rất nhiều tại đầm Vạn-Thắng. Mùa thu năm Đinh-mùi 1787, đức Thế-Tổ Cao-Hoàng ở Vọng-Các về, gởi trao ông Hiếu chức Tổng-nhung Cai-cơ. Đại binh tiến đóng ở Hồi-oa (nước Xoáy), ông Hiếu đến yết kiến, được trao chức Khâm sai Cai-cơ, và một cái yêu bài (thẻ bài đeo ở lưng) để theo quân đánh giặc. Năm Tân-hợi 1791, ông được bổ chức Cai-đội Hữu-chi Nhập-nội-đạo ; sau đó được thăng Cai-cơ ; năm Bính-thìn 1796, thăng Hữu-chi Phó trưởng-chi ; liền sau đó, được thăng Chánh Trưởng-chi. Năm Tân-dậu 1801, ông theo ông Võ-Tánh giữ thành Bình-định, đánh với quân địch ở cửa Đông thành trúng đạn ở châu, nên bị địch bắt, sai Ông đem binh của Chi mình làm kỳ binh (binh lẽ ở ngoài, thừa lúc địch vô ý mà đánh) hậu tập. Ông Hiếu bèn dẫn quân chạy về với quân ta. Tháng 9, ông đánh úp quân địch ở Trà Sơn, thắng được thưởng 7 trăm quan tiền Năm Nhâm-tuất 1802, Ông được thăng Phó tướng Hữu-quân, đem binh đồn thú Bình-định. Năm Quí-hợi 1803, xuống chiếu sai Ông theo Tả quân Lê-văn-Duyệt đem binh đánh Ác-nam ở Quảng-Ngãi (tức mọi Đá-vách). Năm Mậu Thìn, 1808, ông quyền lãnh chức lưu thủ Bình-định, rồi lại được phái theo ông Lê-văn-Duyệt trong việc binh. Sau đó, ông được triệu về kinh. Năm Canh-Ngọ 1810, ông được phái đem

binh ở Bắc-thành, mùa đông năm ấy ông kiêm lãnh chức Đề-Thinh rồi kế gặp tang mẹ ông nghỉ việc. Sau đó, ông được làm trấn-thủ Sơn-nam-hạ (tức tỉnh Nam-định).

Ông Hiếu tính người thanh-liêm, cương-nghị, không cầu thả trong việc lấy của người khác, thường nghiêm cấm bọn môn hạ, không cho giao thiệp với người ngoài, trong những dịp lễ tiết, có ai biếu tặng vật gì Ông đều khước từ, vì vậy mà khi làm quan, chốn hoạn-xá rất tiêu-điều, lương bổng chỉ đủ dùng, cuối năm là hết, thế mà ông cũng không mong cầu cho dư đủ. Bà phu-nhân thường đem điều ấy thưa với ông, ông cười nói : « Bà không nhớ lúc cắt cỏ thuê sao ? Lúc ấy khi đi đâu thì vợ chồng phải đổi áo mà mặc, chỉ lo cái ăn đủ mỗi ngày, nay sánh với xưa, đã hơn gấp mấy lần, thế mà còn muốn lấy của bất nghĩa để làm giàu sao ? » Từ đó, bà phu-nhân không dám đem tài lợi mà thưa với ông nữa.

Ông Hiếu tuy xuất thân Võ biền, nhưng hành động, cử chỉ, có phong độ một Nho thần. Các vị cử-nhân tân khoa đến yết, ông tiếp đãi rất ân cần, rồi hiểu thị rằng : « Mười năm đèn sách mới có ngày nay, tôi xin mừng cho các thày. Ngày sau, được bổ dụng làm quan, cũng nên gìn giữ như lúc tân khổ hồi đi học, chớ có xa xỉ thái quá để mang vết xấu cho thân danh, và phụ ý tốt chọn lựa nhân tài của Triều-đình ».

Ông Hiếu khi làm quan đã thi thố nhiều huệ chính, nên được dân thương mến ; lại nghiêm trị thuộc lại, thuộc lại đều kính sợ. Trong Hạt nhiều trộm, ông Hiếu đến, bọn trộm bảo nhau rằng : « Ông Trấn-thủ là người nhân hậu, ấy là Phật xuất thế, bọn chúng ta phải tránh đi ». Vì đó, ông đến đâu thì trộm đều tránh xa.

Năm Minh-Mạng thứ 2, giá Thánh-Tổ Nhân-hoàng-đế Bắc tuần, nghe ông Hiếu trị dân có chứng tích, triệu đến hành tại ở Thăng-Long, thăng thưởng một cấp, ban cho một thiên-lý kính mạ vàng, một con dao có chạm khắc và mạ vàng, và một khẩu súng chữ kim, rồi bổ ông làm Án-trấn Thanh-Hóa.

Ở Thanh hóa, một hôm có chức Thổ-ty đem lễ hậu đến ra mắt, ông Hiếu lấy lời ôn tồn từ khước, bảo đem ra. Có một gã đầu xanh ở nhà bếp lẻn ra theo, doạ nạt người Thổ-ty, lấy một nửa lễ vật. Ông Hiếu biết được, giận lắm, lập tức sai kéo ra chém, các quan đều can gián, nhưng ông không nghe. Chém rồi, ông xin chịu tội với Triều-đình. Vua cho là ông Hiếu thiện tiện giết, giáng 3 cấp, vẫn lưu lại chức cũ.

Năm Minh-Mạng thứ 7, ông Hiếu cùng quan trấn Nghệ an hội binh bắt được tên giặc Ninh-Tạo, vua xuống chiếu hậu thưởng và triệu ông về kinh, ông vào bái kiến, vua hỏi : «Trấn khanh có yên không ?» Ông tâu : «Yên». Lại hỏi : « Khi trước khanh trấn Nam-định, thấy dân vật, phong-tục trấn với Thanh hóa thề nào ? » Ông tâu : « Dân Nam-định đa trá, không bằng dân Thanh-hóa thuần phác hơn » . Liền đó ông được thăng Thần sách Tả dinh, Phó đô Thống-chế, lãnh chức trấn thủ Nghệ-an.

Năm Minh-Mạng thứ 8, thổ phỉ đã dẹp xong, vua sai ông Hiếu xưng chức kinh lược Đại-thần, cho bạc 200 lượng, cùng Hình bộ thượng thư là Hoàng-kim-Xán làm Phó sứ, Binh-bộ Thị lang là Thân văn Duy làm Tham-biện Kinh-lược sự vụ đến Nam-định, tuần hành các làng, ấp, xét quan lại, chẩn cấp cho dân bần cùng, xét các việc kiện tụng, gian dối còn ẩn giấu, phái bộ đến đâu cũng thu xếp yên ổn ; khi về, vua sai Bộ Lại xét thưởng, ông Hiếu được thăng Thần-sách Tả dinh đô-thống-chế, vẫn lãnh chức Trấn thủ Nghệ-an như cũ.

Minh Mạng thứ 9. quan binh kinh lược biên giới Nghệ an, ông Hiếu lo việc chuyển vận và điều bát binh lính, không khi nào thiếu thốn. Minh-Mạng năm thứ 10, ông Hiếu vì tuổi già sức yếu, thường đau ốm, xin giải chức, vua thuận và cho được lãnh toàn bổng.

Đến khi lành bệnh, ông vào chiêm cận, vua hỏi han và an ủi rất lâu, rồi cho lấy chức Đô-thống lãnh trấn-thủ Nghệ an. Có lần hội-đồng các quan đồng liêu để xét án các tên tù ăn trộm

có đứa đã thú tội rồi, mà vẫn còn bị tra tấn, ông Hiếu thong thả nói : « chúng nó vì cùng cực mà phải làm việc gian phi, đêm khuya soi tường khoét vách, khó nhọc lắm mới lấy được tiền của người ta, nay nó đã nhận tội thì cứ theo luật mà trị, hà tất phải vẽ vời thêm làm gì ? Thử hỏi : Ở các nha-môn coi việc Hình, có những kẻ trên nhà cao, ngồi nệm, dựa gối, giữa ban ngày, vầy ngòi bút mà làm tiền người ta không chút khó nhọc, các người ấy sánh với bọn ăn trộm kia, tội ai nặng hơn ? Nghe ông nói, ai cũng giật mình.

Năm Minh-Mạng thứ 12, đổi Trấn làm Tỉnh. Ông Hiếu bổ chức Tổng đốc Hà-ninh (Hà-Nội và Ninh-Bình). Khi Phó lỵ, đi ngang qua phủ Lý-nhân, thấy viên quản thủ là Nguyễn-văn-Sáng suy yếu, mềm mại, ông liền tâu xin bãi chức. Vua dụ rằng : « Khanh mới tựu chức, đã biện biệt được nhân-phẩm, thật đáng khen ! ».

Năm Minh-Mạng thứ 13, ông được thăng Thự Tả-quân Đô-thống-phủ Chưởng-phủ-sự. Năm Minh-Mạng thứ 14, được phong Lương-năng-Bá. Rồi ông mất, thọ 70 tuổi.

Vua nghe tin rất thương xót, thực thụ hàm Tả quân Đô-thống-phủ Chưởng phủ sự, vẫn tước Bá, và cấp 1.000 quan tiền, lập đàn tế một lễ. Năm Tự-Đức thứ 5, ông được thờ ở miếu Trung-hưng Công-thần.

Năm Tự-Đức thứ 11, ông được thờ ở Hiền-lương từ.

Ông Hiếu bình sinh tánh người thuần phác, làm quan thì thanh-liêm cần mẫn, đãi người hoà-nhã, dễ dãi, trải qua các chức trong Triều, ngoài Trấn, đều được tiếng tăm và có chính tích thời bấy giờ, nói đến hạng « thuần-lương » (1) thì ai cũng nói là ông.

---

(1) *Trích theo tài-liệu của ông Phan-Khoang, giảng viên Đại học dịch đúng theo nguyên văn ở sách Đại Nam chính biên liệt truyện, số tập 16, « mục chú thần liệt truyện ».*

Ông Hiếu có 6 con là các ông Nhâm, Tồn, Túc, Tình, Ân, Nhân, ông Nhân có tật ở chân, vô tự, Ông Tồn làm Vệ-Úy Tả-vệ Bình-Định, tập tước Lương-năng-Tử, sau bị can, bị cách, rồi được khởi phục chức Suất đội. Ông Túc lấy Công chúa Chương-Gia, làm Phò mã Đô-úy. Ông Tình làm Thành-thủ-úy. Ông Ân làm Phó-quản-Cơ. Ông Nhân làm Lãnh-binh Khánh-Hòa.

Xuyên qua cuộc đời của Ông Nguyễn-văn-Hiếu, người xuất thân ở miền Nam, đã lập được nhiều chiến công hiển-hách, trên đường hoạn lộ lắm bước thăng trầm, nhưng lúc nào ông vẫn giữ một lòng chung thủy với nước non, không lùi bước trước sự gian nguy và thử thách, ngày nay tại Khổng-tước-nguyên (tức là Gò-Công) người ta cũng còn nhắc đến ông và Quận Công Võ-Tánh oai danh lừng lẫy nơi Ao Đồn binh và Đầm Vạn-thắng, nói đến danh-nhân Gò-công mà không nhắc tới Ông Nguyễn-văn-Hiếu là một điều thiếu sót lắm vậy.

Theo sự tra cứu của chúng tôi về dòng họ của ông Lương năng-Bá tục gọi Tổng đốc Nguyễn-văn-Hiếu hiện nay con cháu còn ở tại Thừa Thiên (Huế) cũng khá đông, được biết hồi ấy các vị công thần trong Nam theo giúp vua Gia-Long khi ra Huế có lập một hiệp hội lấy tên là Nam-châu-Hội, ông Hiếu là một sáng lập viên khởi xướng. Trong hội này gồm các đại thần họ Nguyễn (Nguyễn văn Hiếu) họ Phan (giòng Phan-thanh-Giản) họ Phạm (giòng Phạm-ngũ-Vân) v.v... Về sau hội Nam châu đổi thành làng Nam-Trung, (người Nam ra làm quan tại Trung-kỳ), hiện nay làng Nam-Trung có một ngôi đình tọa lạc tại cửa đất lớn ở gốc đầu cầu Kim-Long hướng về cánh hữu lầu Ngọ-môn Đại nội Huế.

Hằng năm Xuân thu nhị kỳ tế lễ kỳ an rất trọng thể, ông Lý trưởng Chủ-tịch Xã đến tận từng gia đình con cháu Đại thần quyên góp tiền lễ cúng để tưởng niệm vị khai quốc công thần với triều nhà Nguyễn. Thật ra, đất Định-Tường từ xưa tới nay đã sản xuất lắm bậc nhân tài ra phò vua giúp nước, tô đậm những trang sử oai hùng danh lưu muôn thuở.

CHƯỞNG CƠ ĐẶNG VĂN LƯỢNG
Trận vong nơi Ba-Lai còn đề tiếng

Các tướng lãnh miền Nam theo phò chúa Nguyễn Ánh, số người được phong Chưởng-Cơ kể ra cũng khá nhiều. Biết bao « ông Chưởng » lừng danh như Mai-tấn-Huệ, Nguyễn-hữu-Cảnh. Nhưng hầu hết các vị Chưởng-Cơ trong thời kỳ Gia-Long tẩu quốc đều tốt số mạng chung trong tuổi già, hoặc vương bịnh. Duy ông Chưởng Đặng-văn-Lượng sớm đền nợ nước, ngoài trận tuyến bi hùng cảm khái.

Ông người huyện Kiến-Hưng, tỉnh Định-Tường. Tinh thông võ nghệ, ông hăng ra tài dẹp lũ kiến chòm ong ở quanh vùng, đem lại sự an ninh cho dân chúng. Kịp khi chúa Nguyễn vào Nam, đến Định-Tường nghe danh ông, cho người dời đến, lấy lễ đối đãi trọng hậu. Cảm ý ân cần của chúa Nguyễn, ông tình nguyện theo phò. Từ ấy, trên bước đường luân lạc của nhà chúa, ông sẵn sàng chia xẻ mọi gian lao nguy-hiểm. Trong hàng trăm trận giao-phong cùng Tây-Sơn, ông lập chiến công cũng nhiều, dần dần thăng đến chức Chưởng-Cơ.

Ông dõng mưu đầy đủ, lắm lúc cầm quân cự địch, quân số của địch đông gấp năm gấp mười, ông vẫn thừa mưu lược lấy ít chọi nhiều, dùng kế để nuôi quân dịch, chiếm phần thắng lợi. Vì thế, chúa Nguyễn-Ánh thường hỏi kế nơi ông, nhất nhất ông trình-bày kế-hoạch tác chiến đều được nghe theo. Ông nghiễm nhiên là nhân-vật quan trọng trong bộ tham mưu của chúa Nguyễn. Do đó, khi tình thế bắt buộc phải tạm lui, chúa Nguyễn thẳng sang Xiêm bên cạnh có ông hộ vệ. Tại Vọng-Các, Ông cùng tướng Châu-văn-Tiếp rất thông thạo tiếng Xiêm, giúp đỡ chúa Nguyễn đắc lực về ngoại giao. Mỗi khi cuộc hội nghị thảo-luận tình hình nội bộ và đặt kế hoạch về tấn công Tây-Sơn, nhiều vị tướng lãnh đưa ý kiến nên cầu viện thêm quân Xiêm trợ lực, ông bác bỏ ngay.

Chúng ta sang đây sống với cuộc đời lưu vong, cầu được có chỗ tạm dung thân và luyện binh, rèn khí giới, tạo chiến thuyền đã là may lắm rồi, sao còn ỷ lại đến sức người mà làm chi ? một khi đưa quân nước người vào bờ cõi ta, nếu thua thì họ sẽ hoạch hoẻ ta, nếu thắng thì họ sanh kiêu nằm ỳ ăn vạ, đàng nào cũng khổ cho ta cả. Lại nữa sẽ vì đó mà mất lòng dân-chúng thật là điều không nên.

Nguyễn Vương khen phải và hỏi :

—Nếu không cậy đến ngoại viện, ta phải làm thế nào thắng địch ?

Ông rằn rỏi đáp :

—Trước phải chinh phục lòng dân, có dân chúng làm hậu-thuẫn, ta đã có cơ thắng lợi. Đồng thời, lợi dụng lúc này mà luyện binh cho tinh, chuẩn bị quân-nhu cho đầy đủ, lo gì không thắng địch.

— Chinh-phục lòng dân cách nào ?

—Cho người đi khắp nơi tuyên dương chính nghĩa, vỗ về dân chúng đã khốn-khổ về nạn binh đao, hứa hẹn mưu cuộc tương lai tốt đẹp cho toàn dân, phong thưởng trọng hậu cho những ai có công lao Dân cảm phục tự nhiên sẽ theo về ta, hết lòng ủng-hộ ta.

Ông lại nhấn mạnh :

— Điều cần nhất phải tránh cái nạn cõng rắn cắn gà nhà, việc ta to lớn, cậy đến người ngoài e chẳng khỏi lòng dân xôn xao kinh động có hại cho đại cuộc.

Tuy Chúa Nguyễn khen hay, song trong lòng vẫn lo mình không đủ sức đương đầu với Tây-Sơn, vả lại trong đám tòng thần, vẫn có đa số đứng về phe tán thành nên cầu viện binh Xiêm tiếp tay, vì thế Chúa Nguyễn lại thuận theo phần đông mà cầu Xiêm giúp sức. Ông biết chuyện ấy lòng thấm buồn, nhưng chẳng dám phản đối và tuyệt không đưa ý kiến gì nữa. Hàng ngày, ông cùng các tướng lấy việc thao luyện quân sĩ làm trọng trách, vừa có ý phô trương lực lượng quân đội và tài năng của các tướng lãnh ta, vừa lấy đó làm nguồn an ủi, tạm khuây nỗi sầu cố quốc và nỗi hận Chúa Nguyễn quá chú trọng đến sự cầu cạnh binh sĩ nước người.

Giáp Thìn 1784 Chúa Nguyễn từ Xiêm kéo quân về nước ông lãnh lịnh cầm một đạo binh đánh Tây-sơn tại Định-Tường. Đã sẵn mang mối hận lòng vì chúa Nguyễn chẳng nghe theo mình, đưa thêm quân Xiêm vào cõi bờ, nỗi ưu tư phiền muộn làm héo hắc tâm can ông, làm suy giảm nhuệ-khí anh hùng. Trong trận đột chiến với Tây-Sơn nơi sông Ba-Lai, ông thất cơ tử trận. Quân sĩ dưới quyền của ông đều căm hận về cái chết của ông, liều mình tử chiến trong trận này, tuy thua song oai hùng trong hương khói vẻ vang.

Sau khi Vua Gia Long thống nhứt sơn hà, ông được cho thờ vào miếu Hiền-Trung và miếu Trung-Hưng công thần.

Xuyên qua cuộc đời binh nghiệp của ông Đặng-văn-Lượng đã góp công tô điểm dãy gấm vóc non sông, nhứt là tỉnh Định-Tường ông đã từng oanh-liệt chống lại Tây-Sơn, vào sanh ra tử, ngày nay nói đến Định-Tường không thể quên một danh tướng đã làm chấn động oai danh trong thời Nguyễn sơ tầu quốc.

ANH HÙNG TRƯƠNG VĂN HOẰNG
Xuất thân tại huyện Kiến Đăng Cai-Lậy (Định-Tường)

Ông xuất thân trong một gia đình nông dân, có chút võ nghệ, tánh tình hào hiệp, ăn nói hoạt bát, tỏ ra có nhiều chí khí.

Ông sinh trưởng tại huyện Kiến-Hưng vùng Cai Lậy bây giờ, ông rất ham mộ về con đường võ nghiệp, ông hằng lui tới kết giao với những vị anh hùng hào-kiệt, ông hằng mộ danh Nguyễn-huỳnh-Đức đến nhập ngũ tùng quân. Nguyễn-Huỳnh-Đức thấy ông là người có nhiều khí tiết, liền thâu nhận và hết lòng dạy võ nghệ thêm cho. Sẵn lòng phục thiện ông coi Nguyễn-huỳnh-Đức vừa là bạn vừa là thầy, chuyên cần theo học tập, tài nghệ thêm tinh tiến.

Đến khi chúa Nguyễn Ánh chạy vào Nam, nhân nghe Nguyễn-huỳnh-Đức đã về chung sức với chúa tướng Đông-Sơn là Đỗ-thanh-Nhân kéo cờ khởi nghĩa, ủng hộ chúa Nguyễn, ông theo gương ấy, cũng ra ứng mộ.

Những khi xông pha trận mạc, ông dũng cảm chẳng tiếc gì thân khiến chúa Nguyễn nghe các tướng chỉ huy báo cáo lại, đem lòng thương mến ông, cho theo hầu cận. Đáp lại ơn tri ngộ, ông hằng tỏ dạ trung-kiên, sẵn sàng hy sinh bảo vệ chúa Nguyễn trong những cơn nguy khốn. Nhờ sự gan dạ của ông phần nào, lấy thân che chở cho chúa, nên chúa Nguyễn lắm phen thoát chết, càng tin cẩn ông hơn. Khi thất thế phải chạy sang Xiêm nương náu. chúa Nguyễn Ánh vẫn đem ông theo trong đám tòng thần có danh vọng to, xem ông như người thân và quý mến tài nghệ ông chẳng kém gì Dương-công-Trừng, Châu-văn-Tiếp, Hồ-văn-Lân Do cảm tình sâu đậm ấy, ông tự nguyện chết sống cùng chúa Nguyễn, những ngày sống cuộc đời lưu vong nơi Vọng-Các, ông hết lòng lo lắng cho chúa Nguyễn, nào chiêu mộ quân sĩ và thao luyện cho tinh thục, nào lo đóng chiến thuyền tổ chức sai người về nước dọ thám tình hình địch.

Chính ông và Ngô-công-Quý, Lê-Tần là 3 người hộ trợ chúa Nguyễn đắc lực nhất khi ở Vọng-Các. Lúc nào Ông cũng nóng lòng chờ đợi cơ-hội đưa chúa Nguyễn kéo binh về khôi phục giang san.

Đinh Tỵ 1787, ông hăm hở phò chúa Nguyễn trở về nước, hiệp cùng các tướng đẩy lui các đạo binh Tây-sơn ở khắp nơi miền Nam, khắc phục thành Gia-Định. Chúa Nguyễn phong ông làm dũng vệ. Ông đảm nhận chức vụ Hộ giá chúa Nguyễn mỗi khi chúa Nguyễn thân chinh đi đánh nơi nào. Lắm lúc thấy cái chết trong đường tơ kẽ tóc, thế mà ông vẫn bình tỉnh trong rừng gươm giáo của quân địch bao vây tứ phía, chiến thắng oai hùng.

Kỷ Mùi 1789, tòng chinh quân Qui-Nhơn gặp phải lực lượng hùng cường của địch, ông vẫn lăn xả vào vòng chiến, chẳng nao núng gì. Nhưng sức người có hạn, dẫu dũng cảm có thừa mà thất cơ cũng khó bảo toàn được tính mạng. Thua luôn mấy trận đầu nhưng ông không thối chí ngã lòng quyết một phen tử chiến với địch cho hả dạ. Vì hăng say chiến đấu, thà chịu chết chớ không hèn nhát triệt thoái, ông bỏ mình nơi trận mạc ngày mùng 7 tháng 4 năm 1799.

Chúa Nguyễn hay tin thương tiếc vô cùng ôm mặt khóc.

Ông là một vị công thần vào sanh ra tử không quản gì gian lao khổ cực trọn lòng thờ chúa lập được nhiều chiến công hiển-hách.

Về sau Ông được truy tặng chức Chưởng cơ, thờ nơi miếu Trung-Hưng Công Thần và miếu Hiền Trung.

Người dân Định-Tường ngày nay cũng còn nhắc nhở cảm niệm người anh hùng áo vải đã làm rạng rỡ quê hương với tinh thần bất khuất.

CHƯỞNG CƠ LÊ-VĂN-THỤY

Dũng lược dẹp tan quân Xiêm, bắt sống tướng Xiêm

Riêng trong tỉnh Định-Tường, chúng ta đã thấy hai vị Chưởng Cơ Trương-văn-Hoảng và Đặng-văn-Lượng có sắc thái đặc biệt, không kém gì các vị Chưởng Cơ lừng danh của tỉnh khác trong miền Nam như Nguyễn-hữu-Cảnh, Nguyễn-văn-Thoại. Nhưng hãy còn vị Chưởng Cơ Lê-văn-Thụy mà chúng tôi lược kể tiểu sử dưới đây, võ dũng và mưu lược cũng đáng liệt vào hàng ưu tú thượng thặng.

Ông người huyện Kiến-Hưng thuộc tỉnh Định-Tường. Xuất thân nông dân, nhưng có học ít nhiều về nghiệp văn, lại rất chuộng nghiệp võ nên côn quyền thao lược đủ nêu cao tên tuổi với đời muôn thuở.

Cũng như phần đông võ tướng miền Nam, ông theo phò chúa Nguyễn-Ánh. Xuất thân làm tượng quân cai đội, suốt thời gian tùng chinh, ông đục pháo xông tên, lắm phen đương đầu cùng Tây Sơn dữ dội, dũng cảm chẳng ai bằng.

Tuy nhiên, tên tuổi ông sở dĩ không nổi bật như bao hào kiệt dũng sĩ đương thời : Đỗ-thành-Nhân, Võ-Tánh, Châu văn-Tiếp, Nguyễn-Huỳnh-Đức v.v... vì đang buổi loạn to, những tên tuổi lớn như đã kể trên, gần như là những ngôi sao sáng chói quá, dễ làm át mất ngôi sao bổn mạng của ông đi. Biết người, biết mình, hiểu rõ thời thế chưa thuận tiện để mọi chân giá-trị đều được minh định hẳn hoi nên ông cam phận thủ thường không kiêu căng tự đắc mà cũng không ganh ghét gì ai. Dầu không được chúa Nguyễn có mắt xanh biết đến, ông vẫn chẳng buồn

phiền gì, một mực tận tụy phục vụ, vì tự nghĩ mình đã chọn lấy một con đường mà dấn bước, âu là cứ đi dốc chí đi cho trọn, rồi cũng sẽ có ngày vinh diệu. Chưa phải là muộn.

Thế nhưng, qua giai đoạn chống Tây-Sơn, thống nhất sơn hà, lên ngôi vua, luận công phong thưởng, vua Gia-Long chỉ phong ông đến chức Tượng Vệ Vệ-úy.

Vì công lao của ông kém hơn đồng bạn chăng ? Vì ông thiếu bề thế chăng ? Vì sao cũng mặc. Như ai thì đã nản lòng. Trước sau ông vẫn ung dung, không hờn trách người trên thiếu sáng suốt, cũng không đố kỵ tài năng với các chiến hữu may mắn hơn.

Mãi đến đời Minh-Mạng năm thứ 15 (Giáp Ngọ 1834), người ta mới có dịp nhận xét rõ tài nghệ ông. Nhân quân Xiêm tiến xâm bờ cõi, Vua Minh Mạng phái ông đi đánh dẹp.

Chống nhau với Tây Sơn ngày trước, dẫu sao cũng là người cùng dòng giống, chẳng qua vì tranh chấp quyền lợi, ý thức nên bất đắc dĩ gây ra trường huyết chiến, đồng loại tương tàn tương sát. Nay đi chống nhau với quân Xiêm, tình thế khác hơn. Chống ngoại xâm để giữ non sông, gìn nòi giống, ấy mới là nhiệm vụ cao cả của con dân yêu nước, yêu đồng bào. Có lẽ nghĩ vậy, hoặc lòng yêu nước nồng nàn thúc đẩy mãnh liệt, ông đã chiến đấu xuất thần, vô cùng oanh liệt, đánh những trận để đời.

Một khi chủ tướng đã nhiệt thành ái quốc, sẵn sàng hy sinh tính mạng để bảo vệ non sông, thì lịnh truyền là cả một hồi còi vang dậy xua toàn quân dưới quyền chỉ huy của mình đều dũng cảm phấn phát, noi gương của chủ tướng và nghe theo tiếng gọi của sông núi mà liều mình. Chủ tướng có tinh thần

hy sinh, toàn quân sẵn sàng cảm tử, ấy là nguyên động lực làm cho quân đội được thần thánh hóa, trở nên một lực lượng xung kích vô địch. Bởi thế trước kia Tây Sơn từng nếm mùi thất bại với quân Chúa Nguyễn, thế mà khi Chúa Nguyễn viện binh Xiêm về, Nguyễn Huệ lại đại phá quân Xiêm một trận ở Rạch Gầm. Ấy là lòng dân đã biểu lộ ý chí phản đối, sợ nạn ngoại xâm về sau sẽ khốc hại hơn nội loạn buổi bấy giờ. Và chính vì thế, Lê văn Thụy giờ đây cũng thành công vẻ vang đánh đuổi quân Xiêm.

Khéo khích động tinh thần yêu nước của đồng bào địa-phương, dân chúng sẵn sàng làm hậu thuẫn cho ông. Dưới sự chỉ huy tài giỏi, toàn quân điều động tuân lịnh ông triệt để. Chỉ trong vài trận quân ông ai nấy đều trổ dũng lực tranh tiến, bắt sống tướng địch, dẹp tan quân địch.

Đắc thắng ban sư, ông được triều đình và dân chúng nhiệt liệt đề cao oai danh ông. Dân chúng hoan nghinh ông như vị anh hùng cứu quốc. Triều đình thăng thưởng ông chức Chưởng Cơ và phong tước Thông cương nam.

Trong trường hợp vinh thăng của ông, chức Chưởng Cơ đầy vẻ vang xứng đáng, và nghiễm nhiên là một vị Nam tước, đời ông tự đấy mới được an ủi phần nào về cảnh ngộ ngày trước, trở nên người của lịch-sử, tinh hoa của nòi giống Việt.

LÊ-VĂN-QUÂN

Bình-Tây Đô-Đốc Chưởng Tiền Quân Quận-Công tự sát vì một phút bồng-bột kiêu-căng

Trong hàng tướng lãnh miền Nam từng sát cánh cùng chúa Nguyễn-Ánh chiến đấu với Tây-Sơn trong giai đoạn bôn ba tầu quốc, Lê-văn-Quân cũng là một danh tướng đã nhiệt-liệt ủng-hộ chúa Nguyễn, công lao vẫn chẳng kém chi những viên tướng thượng thặng Lê văn-Duyệt, Võ-di-Nguy, Trương-Tấn-Bửu, Nguyễn-huỳnh-Đức v. v... Nhất là kể về danh tướng sinh quán thuộc tỉnh Định-Tường, bên cạnh Đỗ-thanh-Nhân, Hồ-văn-Lân, Nguyễn-huỳnh-Đức, công lao và chiến tích oai hùng của ông chẳng nhượng một ai.

Ông người huyện Kiến-Hưng, tỉnh Định-Tường. Vốn là bạn thân với Nguyễn-huỳnh-Đức, họ Nguyễn vang danh «hổ tướng» thì tài võ nghệ của ông cũng chấn động được một thời.

Khi Nguyễn-huỳnh-Đức gia nhập binh Đông-sơn tiếp tay với Đỗ-thanh-Nhân, thì ông cũng theo giúp Châu-văn-Tiếp dưới bóng cờ « Lương sơn tá quốc », đồng tâm hiệp lực phò Nguyễn-Ánh. Nếu Đỗ-thanh-Nhân, Châu-văn-Tiếp (và Võ-Tánh) nổi tiếng « Gia-định tam hùng », cố nhiên Nguyễn-huỳnh-Đức và ông vốn là cộng sự viên đắc lực của hai nhân vật ấy đáng được chia sớt phần vinh diệu. Huống chi, sau này Đỗ-thanh-Nhân mất đi, Nguyễn-huỳnh-Đức nổi bật bao nhiêu, thì Lê-văn-Quân cũng tỏ ra xuất sắc bấy nhiêu qua sự kết hôn với em gái Châu-văn Tiếp là nàng Châu-thị-Đậu. Phải biết rằng nàng Châu-thị-Đậu tức Châu muội nương vốn là trang cân quốc anh hùng, tài võ nghệ chẳng kém anh nàng là mấy. Đã có lắm tay hào kiệt đương thời gấm ghé, nàng đều không lưu ý một ai, thế mà Lê văn-Quân được nàng để vào mắt xanh, đủ chứng tỏ tài năng của ông đã chinh phục được anh em họ Châu nói riêng, áp đảo được các hào kiệt đương thời nói chung.

Dũng cảm, thiện chiến, ông đến đâu đánh dẹp cũng đều lập chiến-công, khiến quân địch khiếp nể oai phong. Nhưng vốn tính nóng nảy cang cường, ông dễ sinh ngạo mạn, nên trong quân thường có điều xích mích với anh em. Nhất là đối với Võ-Tánh cũng là người nóng nảy chẳng kém gì ông, và tài-năng cũng tương đương, khiến cả hai gây lắm chuyện bất hoà, hục hặc với nhau mãi. Hơn nữa, Võ-Tánh cưới công chúa Ngọc-Du, nghiễm nhiên là em rể của chúa Nguyễn-Ánh, điều ấy càng khiến ông với Võ-Tánh khó nỗi thân cận nhau. Chẳng những các tướng biết việc ấy, mà Nguyễn-Vương cũng nghe nói đến, hằng có lời khuyên bảo cả hai nên vì đại cuộc xóa bỏ hiềm riêng. Rồi xem ra cả hai vẫn chẳng thông cảm với nhau, Nguyễn Vương khéo léo xếp đặt không để ông và Võ-Tánh đứng chung trong một trận tuyến nào. Và đặc biệt, Nguyễn-Vương vẫn mến ông hơn, không vì lẽ Võ-Tánh là em rể mà binh Võ-Tánh bỏ ông bao giờ.

Giáp Thìn 1784, Nguyễn-Vương chạy sang Xiêm, ngụ ở Vọng Các. Trong đám tòng thần, có ông theo bảo vệ. Gặp lúc quân Miến điện xâm phạm bờ cõi Xiêm, ông cùng với Nguyễn-văn-Thành vâng mạng đem quân bản bộ trợ lực đánh đuổi.

Đinh Tị 1787, ông cùng các tướng khắc phục thành Gia-Định, trong cơn khói lửa ông đã thúc ngựa xung phong cực kỳ oanh liệt, chiếm lấy công đầu. Nguyễn Vương khen ngợi, phong ông làm Bình tây Đô đốc Chưởng tiền quân, tước Quận-Công.

Đến năm Canh Tuất 1790, ông hăm hở lãnh binh đi đánh ở Phan-Rang, Võ-Tánh can khéo :

— Tướng quân đi chuyến này đem theo bao nhiêu quân sĩ ?

Vốn đã không hợp với Võ-Tánh, nghe hỏi như thế, ông cau mày :

— Tôi nhằm Tây-Sơn như cua đã gãy càng, không cần phải dùng đến binh đông tướng nhiều làm chi !

Sở dĩ Võ-Tánh gạn hỏi, vì họ Võ đã nghe biết ông ngạo mạn

đem quân theo rất ít. Nghe ông đáp, họ Võ thêm ái ngại lo ra.

— Không nên khinh địch đâu. Từ miền Trung trở ra Bắc, Tây-Sơn có nhiều cứ địa hiểm yếu, binh ròng lương đủ, chẳng phải như mấy lúc chúng kéo vào Nam. Nếu tướng quân không hết sức cẩn thận, e khi ăn năn chẳng kịp.

Ông cười lạt, không nói năng chi nữa. Rồi đó kéo quân ra Phan-Rang.

Quả đúng như lời Võ-Tánh tiên liệu, ông bị Tây-Sơn vây khốn, binh sĩ hao mất hơn phân nửa. Lâm nguy ông mới giựt mình thì đã không còn phòng bị kịp. Tình thế mười phần nguy ngập, chỉ còn trông mong binh cứu viện của Võ-Tánh. Nhưng bấy giờ Võ-Tánh án binh bất động, bảo các thuộc hạ :

— Ta liệu Lê tướng quân đi đánh Phan-Rang phen này, lành ít dữ nhiều. Vì quá khinh địch, Lê tướng quân sẽ nguy đến tính mạng chớ chẳng không.

Chẳng mấy ngày, được tin Lê-văn-Quân bị Tây sơn bao vây ngoài ấy, cho người về cầu cứu, Võ-Tánh vẫn án binh bất động, lại bảo các thuộc hạ :

— Lê tướng quân tài cao trí rộng, đã chẳng kể chi đến lời khuyên của ta, thì có cần chi ta đâu ?

Nơi Phan-Rang, binh Tây-Sơn càng lúc càng đông. Lê-văn-Quân thỏn mỏn chờ binh cứu viện mà chẳng thấy động tỉnh gì, đánh liều một trận cuối cùng, thua to chạy dài.

Sau trận này, ông bị đưa ra nghị tội và bị cách hết chức tước. Vừa hổ thẹn vừa đau đớn, ông phẫn uất tự sát.

Nghe tin ông mất, Võ-Tánh cũng luống ăn năn, bàng hoàng tự trách mình đã vì hiềm khích mọn mà để hư việc lớn, thiệt thân bạn. Từ ấy họ Võ răn lòng, không ngạo mạn, ích kỷ nữa.

Công nghiệp bình sinh và cái chết của Bình-tây đô-đốc Chưởng tiền quân Quận công Lê-văn-Quân, đối với sự ăn năn hối lỗi sửa mình của Võ-Tánh, âu cũng là bài học quý giá cho muôn đời.

LÃNH-BINH NGUYỄN-VĂN-CẦN

Và 2 Vị Tướng Lãnh Lê-Văn-Ông — Nguyễn-Văn-Khả Lừng Lẫy Oai Danh Vùng Cái Bè

Để bồi dưỡng tinh thần yêu nước trong dân chúng, khoảng năm 1956, ông quận trưởng Cái-Bè là Phạm-công-Kỉnh có ra thông tư cho các Chi thông tin ở các tổng, xã, thôn, phổ biến về thành tích tranh đấu của ba vị anh hùng liệt sĩ cận đại chống giặc xâm-lăng tại Đồng tháp Mười, quận Cái Bè. Ấy là ba vị :

— Đốc binh Nguyễn Tấn Kiều

— Thiên hộ Võ duy Dương

— Lãnh binh Nguyễn-văn-Cần.

Công nghiệp kháng Pháp cứu quốc của Đốc binh Kiều và Thiên hộ Dương, ngày nay không ai là không biết. Nhưng xem ra tiểu sử Lãnh-binh Cần thì hãy còn mai một, nên chúng tôi xin ghi lại đây để tưởng niệm thêm một người con đất nước đáng quý mến.

Từ năm 1862, giặc xâm lăng Pháp phát động từ Định-Tường tiến đánh lần xuống miền Tây, vấp phải sức kháng cự mãnh liệt của các vị anh hùng liệt sĩ lập căn cứ tại Đồng Tháp Mười. Ngoài hai vị Đốc-binh Kiều và Thiên-Hộ-Dương lừng-lẫy tiếng tăm, còn có ba vị Lãnh-binh dũng cảm đáng ca ngợi là Nguyễn-văn-Cần, Lê-văn-Ông và Nguyễn-văn-Khả.

Ba ông sau đây giữ đường vô Đồng Tháp Mười :

1. — Thiên-Hộ-Dương đóng binh tại Hòa-Khánh, Thông-Lưu và Mỹ-đức-Tây.

2.— Lãnh binh Khả đóng đồn tại Cao-Lãnh và Hồng-Ngự.

3.— Lãnh binh Ông đóng đồn tại ngã ba Rạch Ruộng.

Hai ông Lãnh binh Cần và Đốc binh Kiều thì giữ Đồng Tháp Mười.

Quân Pháp đánh phá ròng rã 3 năm mà không chọc phủng được phòng tuyến Đồng Tháp Mười, chúng mới cầu hòa, xin cắt tỉnh Vĩnh Long và vùng Sadec đổi lấy căn cứ Đồng Tháp Mười.

Hai ông Lãnh binh Nguyễn văn Khả và Lê văn Ông chấp-thuận đề nghị ấy, bằng lòng rút binh về Sadec và Vĩnh Long, đến sau quân đội của hai ông đều bị Pháp ly tán.

Đốc binh Kiều, Thiên hộ Dương và Lãnh binh Cần sáng-suốt hơn, bác ngay đề nghị của giặc, cùng nhau cương quyết giữ chặt căn cứ hiểm yếu đề kháng Pháp đến cùng.

Đã xui khiến được hai vị Lãnh binh Khả và Ông ly khai lực lượng kháng chiến ở Đồng Tháp Mười, quân đội Pháp bèn vây đánh căn cứ ấy trọn 40 ngày đêm.

Sự chống trả bên ta yếu lần, vì thiếu lực lượng, cạn lương thực tiếp tế. Ngày 9-3-1865 quân đội Pháp tràn vô Đồng Tháp Mười.

Thiên-hộ-Dương xuất quân tiên-phong giữ thành Đồng Tháp, lãnh binh Cần giữ hậu tập, đốc binh Kiều giữ trung tâm.

Quân Pháp ồ ạt xua quân tấn công ráo riết. Trong tình thế nguy-ngập, chẳng bao lâu đốc binh Kiều và thiên-hộ Dương đều anh dũng đền nợ nước. Chỉ còn lại một mình lãnh binh Cần vẫn khẳng-khái hiên-ngang bất-khuất. Ông rút binh về Hồng ngự cố thủ.

Nhưng vừa tới vàm Hồng-ngự, tàu binh của ông Nguyễn-văn Cần lại bị quân Pháp và thân binh của Trần-bá-Lộc bao đánh trọn ngày. Ông gắng sức mở đường máu chạy thoát được về miệt Gia-Định, nấu mình chờ dịp quật-khởi.

Gom góp binh tàn, chiêu mộ thêm binh mới, ít lâu sau ông lại xuất hiện đánh phá quân Pháp ở nhiều nơi. Đặc biệt là nghĩa quân của ông có phen hạ được thành Châu-đốc, nhưng phải bỏ chạy về núi Sập Long xuyên vì quân Pháp trở lại đánh vỡ.

Tinh thần dũng cảm có thừa, khổ nỗi sức người có hạn. Lực lượng của ông dần dần bị tiêu hao, không bổ sung được, ông đành khóc hận bãi binh, lui về xã Mỹ-Lợi (Cái-bè), lập cảnh chùa nơi đây, và cất thêm chùa tại Đồng tháp Mười thờ đốc binh Kiều và thiên-hộ Dương.

Đến ngày 25-12-1902 lãnh binh Cần qua đời, hưởng thọ đúng 100 tuổi và được mai táng tại Mỹ-Lợi. Mộ ông nay còn tại xã này và được nhân dân tu bổ, sùng bái. Tương truyền anh linh của ông hiển hách, kẻ nào làm dơ ngôi mộ thì về đau ngay, van vái mới hết.

Ông có hai người con trai đều chết : Nguyễn văn Cự và Nguyễn văn Thái. Cháu nội ông là Nguyễn thị Trực và Nguyễn văn Hoà nay đều đã trên 70, 80, còn sống tại xã Mỹ-Lợi. Chắt nội ông gồm có :

1. Nguyễn văn Mạnh ở Tân hoà Vĩnh-Long
2. Nguyễn văn Tình ở Đông hoà hiệp (Cái bè)
3. Nguyễn văn Công, cai tổng Phong-phú (Cái bè)
4. Nguyễn-văn-Cương
5. Nguyễn-văn-Đôn
6. Nguyễn-văn-Phú

} đều ở xã Mỹ Lợi (Cái Bè)

7. Nguyễn-văn-Linh ở Mỹ-An (Mộc Hóa)

Năm 1918, tỉnh trưởng Pháp ở Mỹ-Tho bắt ông Nguyễn-văn Thái, khiến phải nạp bằng sắc của vua Tự-Đức phong ông Cần làm Lãnh binh, và thiêu hủy các tờ sắc ấy để không còn di tích chi của vị anh hùng liệt sĩ này.

*
* *

ÂU-DƯƠNG-LÂN
ĐỀN NỢ NƯỚC TẠI BỜ SÔNG MỸ-THO

Bên cạnh những người con đất nước dũng cảm chống xâm-lăng, bảo vệ đất Định-Tường nói riêng, tổ-quốc nói chung, những tên tuổi lớn như Thủ-khoa-Huân, Thiên-hộ Dương. Đốc binh Cần v.v... thiết tưởng chúng ta không thể không nhắc đến Âu-dương-Lân. Ông đã đáp lời sông núi, tổ-chức đoàn quân nghĩa dũng kháng Pháp đến cùng, và đền nợ nước trong vinh diệu, tại Mỹ-Tho.

Từ tháng Juin 1862, quân-đội Pháp Chiếm đóng Mỹ-Tho, thiết-lập các cơ quan quân sự và hành chánh, toan đặt quân ta dưới ách nô-lệ. Trước tình cảnh dân nước lầm than, Âu-dương Lân cũng như bao người có tâm huyết khác, há dễ cam lòng chịu nhục, tai ngơ mắt lấp trong lúc non nước tan tành, bởi quân cướp nước sao ? Vốn là một sĩ phu tăm tiếng ở đất Định Tường, ông càng cảm thấy tủi nhục hơn ai cả, nếu cúi đầu làm kiếp tôi đòi, xu phụ giặc. Ông đứng lên, chiêu-mộ tráng đinh, cùng với các bạn đồng tâm đồng chí trương cờ khởi nghĩa kháng địch. Dù biết mình thế yếu, ông vẫn cương-quyết hy sinh. Cảm tấm lòng trung-liệt của ông, dân chúng dần dần theo về với ông khá đông, toàn thể đều nhiệt-liệt tham gia kháng chiến, nêu cao tinh thần bất khuất. Ông t ng sát cánh với cụ Thủ-khoa-Huân, xua binh đốc chiến với quân Pháp nhiều trận, khiến chúng phải kiêng nể.

Bộ tham mưu quân đội Pháp vẫn thường mượn tay các Việt-gian như Trần Bá Lộc đàn áp có, khuyên dụ có, nhưng không lay chuyển được tấm lòng đã quyết vì nước hy sinh của ông và các đồng chí. Ông càng tỏ ý quyết-liệt chống đối, tổng đốc Lộc càng nóng lòng tâng công với giặc, ra tay khủng-bố dân chúng và giăng bẫy rập để bắt sống hoặc hạ sát ông cho kỳ được Tình thế cực kỳ nguy-ngập cho ông, nhưng ông vẫn thản nhiên, mượn lời của cụ Đồ-Chiểu mà tự nhủ rằng : «Thà chết

mà được câu địch khái, còn hơn sống mà mang chữ đầu Tây" và thống thiết phủ dụ quân dân :

« Chúng ta cứ làm hết sức mình, việc không thành âu cũng lòng trời, ta không có gì mà phải tủi thẹn với vong linh các vị tiền nhân.

Tuy nhiên, quân cướp nước vẫn có trăm ngàn thủ đoạn để chiếm đoạt, độc hại nhất vẫn là kế sách mua chuộc đám tay sai, đem bã vinh-hoa hứa hẹn làm mồi cám dỗ lung lạc dân tình, song song với sự đàn áp để đặt ách thống trị. Do đó, lực-lượng kháng chiến của ta ngày một tiêu hao, cụ Thủ khoa Huân bị bắt bị đày đôi ba lượt. Thiên-hộ Dương tử trận, Trương Định bị hại về tay tên lãnh binh Huỳnh Công Tấn. Và rồi Âu-dương-Lân cũng chịu chung số phận bi đát rơi vào tay tổng đốc Lộc và bọn nha trảo khuyển ưng !

Đã sa cơ bị bắt sống, ông vẫn khẳng khái không chịu cúi đầu khuất phục.

Hết Tổng đốc Lộc doạ nạt, rồi đến Tôn thọ khuyên dỗ, trước bao lời đường mật xui giục ông hãy trở mặt về theo chánh-quyền mới, ông quắc mắt bảo :

—Ta chỉ có một con đường đã chọn : hoặc đánh đuổi được bọn ngươi, hoặc chết đi đền nợ núi sông, hầu khích-lệ đàn hậu sanh noi theo cứu nước, giữ nước nêu cao tinh-thần dân tộc.

Bị mắng như tát nước vào mặt, đám tay sai của Pháp cả giận, khép án tử hình ông.

Một sáng tinh sương khoảng tháng 4 năm 1868, Âu dương Lân bị hành quyết tại mé sông Mỹ-Tho. Dân chúng Định-Tường được chứng kiến, người người đều xúc cảm khóc thầm.

Người xưa đã khuất, nhưng tinh anh bất tử với thế gian. Tên tuổi Âu dương Lân đã đi vào lịch sử. Bao giờ những Nguyễn hữu Huân, Võ duy Dương vẫn được các thế hệ muôn đời chiêm ngưỡng, thì Âu dương Lân cũng chói lọi vàng son trang sử Việt trong ngày Định-Tường thất thủ.

PHAN HIỀN ĐẠO

Danh Nho sĩ - khí
Nâng chén thuốc độc tuẫn-tiết

Cụ Phan Hiền Đạo là con của cụ Phan-Hiền-Tần sanh quán tại làng Vĩnh Kim Đông ngày nay là Vĩnh Kim, quận Long-Định, tỉnh Định Tường.

Dưới triều Tự-Đức thứ 9 (1856) cụ Phan-Hiền-Tần làm quan án sát tại tỉnh Gia-Định. Lúc bấy giờ triều đình Huế khoa kỳ sắp mở hội cụ án Phan Hiền Tần có viết một phong thư đưa cho con là Phan-Hiền-Đạo quá giang ghe bầu ra Huế, đưa thơ này cho cụ Phan-Thanh-Giản, xin gởi con ở chờ dự kỳ thi.

Lúc bấy giờ cụ Phan-thanh-Giản đương kiêm Hiệp biện đại học sĩ và kiêm lãnh Bộ thượng thơ tại triều. Thấy Phan-hiền Đạo diện mạo khôi ngô, lời ứng, đối mẫn tiệp, cụ Phan thanh Giản rất khen.

Kỳ thi này có ba môn, cụ Phan thanh Giản làm chánh chủ khảo thi được hai môn rồi, Phan-hiền-Đạo làm bài vở rất hay, bỗng đâu có hung tin ở miền Nam ra tới, cho hay thân mẫu đã từ trần. Cụ Phan thanh Giản lưu thơ lại, để chờ Phan-hiền Đạo thi môn thứ ba sợ e đưa hung tin ra thì Phan-hiền-Đạo vì chữ hiếu mà phải lỡ bước công danh.

Chừng thi qua môn thứ ba thì Phan hiền Đạo đậu được Tấn sĩ đệ nhị. Lệnh vua truyền ngày sau ban đồ triều phục, đãi yến tân khoa và cho về bái tổ vinh qui.

Kế tối lại cụ Phan thanh Giản đưa hung tin ấy ra, Phan hiền Đạo thương xót mẹ không cùng, bèn làm cúc biểu và ghim theo lá thơ tang dâng lên Đức Vua xin từ khước việc yến tiệc để về cư tang cho mẹ. Qua ngày sau Đức Vua lâm triều xem cúc biểu và thơ tang của Phan hiền Đạo, nhận thấy thơ ra trước ngày thi mà sao Phan hiền Đạo không vì chữ hiếu mà ở lại lo việc lập bước công danh. Đức Vua rất giận và phê rằng :

Hà hữu Phan hiền Đạo vi tử như thế, vi thần nhược hà Nghĩa là : tại sao có Phan hiền Đạo, làm con như thế, làm tôi thế nào.

Mặc dầu vậy đức vua cũng gởi thánh chỉ cho quan Bố chánh Định-Tường dạy làm chủ lễ cho Phan hiền Đạo thọ phong.

Cụ Phan hiền Đạo đứng trước bàn hương án nguyện hương vọng vái hoàng thiên, lấy đồ triều phục mặc vô, đứng ngưỡng mặt về hướng Bắc lạy vua ba lạy rồi đỡ Thánh chỉ ra xem. Thấy đức Vua chê mình, cụ Phan hiền Đạo ôm đầu nhào lăn xuống đất mà than khóc. Các quan có mặt trong cuộc lễ đỡ cụ dậy, biết qua sự thể thì mới hay cụ mắc hàm oan. Các quan đem hết lời khuyên nhủ, và nói rằng : việc hàm oan này sẽ có ngày được cởi mở.

Mặc dầu cụ Phan hiền Đạo rất đau khổ cũng vưng Thánh chỉ làm Học chính Định-Tường.

Qua năm Tự-Đức thứ 15 (1862), quân Pháp chiếm xứ Gia-Định có gởi công hàm cho Vua để nói về việc nghị hoà. Lúc ấy Vua sai cụ Phan-thanh-Giản và Lâm duy Hiệp làm nghị hoà, Chánh phó sứ toàn quyền đại-thần. Khi hai ông vào Gia-Định cộng đồng hội nghị, thì Thủy sư đề đốc Bonard lấy thế lực mà ép phải nhượng giao ba tỉnh Gia-Định, Định-Tường và Biên hoà với bồi thường các khoản binh phí, là một triệu đồng.

Cụ Phan-thanh-Giản nhiều phen chẳng chịu nhượng giao, nhưng xét lại thì sức yếu thế cô, nên rốt cuộc rồi cũng phải làm theo lời đề nghị của Pháp soái. Khi hòa ước ký kết xong rồi, thì cụ Phan-hiền-Đạo bỏ Sở học chính Định-Tường không làm nữa.

Lúc bấy giờ các bạn văn thân như Đỗ-Chiểu, Cử-Trị, Thủ khoa Huân vẫn chống Pháp mãnh-liệt, còn Tôn-thọ-Tường, thì ra đầu Pháp. Nhưng Phan-hiền-Đạo thì riêng nghĩ phận mình, trở về quê quán tại Vĩnh-kim-Đông mà nương náu.

Nhiều khi nhà cầm quyền Pháp đến tận nhà cụ mà tặng lễ

vật và khuyến-khích cụ trở lại nhậm chức. Nhưng cụ một mực từ chối và âm thầm mượn chén độc dược mà chấm dứt cuộc đời.

Lúc bấy giờ, trong Nam, người ta có câu hát như vầy :

Lớp sau Thanh-Giản tiếng đồn,
Là Phan hiền-Đạo với Tôn-thọ-Tường.
Ông thời nho-nhã văn-chương,
Ông thời thi-phú tốt đường diệu công.
Ông về thác Vĩnh kim đồng,
Ông ra giúp nước bụng đồng tương tri,
Một còn, một mất trọn nghì,
Ngàn thu bia tạc Nam-Kỳ danh nho.

Hiện nay mồ mả của cụ và gia-quyến vẫn còn tại ấp Vĩnh-Hòa, xã Vĩnh-Kim, quận Long-Định, Định-Tường.

Cháu chắt bên ngoại của cụ ngày nay là nhà học giả Trần-văn-Khê, còn đang ở hải ngoại, Trần-văn-Trạch nghệ sĩ và các người cô.

Chúng tôi có đến viếng mộ cụ dâng hương, xem qua mấy dòng mộ chí, lòng luống bâng khuâng cảm khái.

Mộ cụ nằm tại ấp Vĩnh-Hòa, xã Vĩnh-Kim, quận Long-Định, tỉnh Định-Tường, bằng đá ong. Tấm mộ bia bằng một tảng đá trắng cao 1th20, ngang 6 tấc, dày 1 tấc, khắc mấy dòng chữ Hán :

« Công húy Hiền-Đạo, tánh Phan-thị, dĩ tiến sĩ ly quan chí Định-Tường học-chính.

« Tự Đức niên, Pháp-lan khâu quốc thông vang, công bất khuất, tử táng ư Vĩnh-kim-đông chi-hương.

« Ô hô ! Sĩ cùng kiến tiết nghĩa, thế loạn thức trung thần Đường cử nhân Phan-bộ-Tam.

Ngậm ngùi đứng trước mộ phần của bậc vĩ nhân một đời giữ chữ thanh bạch ái quốc trung quân, nêu gương hậu thế, mặc dù cụ đã thác nhưng tên tuổi vẫn còn sống mãi với non sông.

NGUYỄN VĂN LẠC

(Học Lạc)

Nhà thơ có khí tiết, mượn giọng trào phúng đả kích chính khách xôi thịt

Nguyễn-văn-Lạc, hiệu Sầm-Giang, người tỉnh Mỹ-Tho, làng Mỹ-chánh.

Thuở nhỏ, ông học rất giỏi, ai ai cũng biết tiếng. Về nho học, ông xấp xỉ với Đồ-Chiểu và Cử Trị. Đến tuổi trưởng thành bởi không có chức tước chi nên hàng xóm bà con kêu ông là là Học sanh Lạc (vì Lạc có chơn học sanh) sau lần lần mất chữ « sanh » còn lại hai chữ « Học Lạc » .

Ông hình dung nhỏ thó, nước da trắng, không râu, tiếng nói rang rảng như chuông, và sở trường nghề bói quẻ diệc.

Lúc người Pháp chiếm lấy ba tỉnh miền Đông Nam kỳ, ông bị nạn binh hoả, dời lên ở tại chợ Thuộc nhiêu (cũng tỉnh Mỹ-tho) . Ở đó, ông cất ba căn nhà lá sơ sài để dạy chữ Nho. Ông lại chuyên nghề hốt thuốc, cứu dân độ thế nhiều phen.

Ông mất năm 1915.

Ông có làm bài thi về chợ Thuộc nhiêu :

Đất linh bồi đắp cuộc Ba-giồng
Cảnh Thuộc-nhiêu nhiều khách ngộp trông.
Đường thẳng ngựa biêu chơn ngán bước
Rạch cùn cá lội mến quên sông,
Trường văn giới kẻ thêu rồng cọp
Miễu võ thờ tay chí bá tòng
Cứng cát thú quê vui tục cũ
Thềm dâu ruộng lúa dễ cho không.

Nguyễn văn Lạc tánh khí khái, trọng nghĩa khinh tài, không chịu phục tùng hương chức. Nhiều khi ông làm thơ biếm nhẽ làng xã một cách nặng nề cay đắng, cho nên làng rất oán ghét ông, hễ có dịp là làm khó cho ông.

Thơ « ÔNG LÀNG » (của hát bội)

Chi chi trong khám sắp ngang hàng ?
Nghĩ lại thì ra mấy bợm làng,
Trong bụng trống trơn mang cỗ giữa,
Trần đầu trọc lóc bịt khăn ngang
Vào buồng gọi tổ châu đầu lạy
Ra rạp rằng con nịt nách ngang
Dám hỏi : hàm ân người lớp trước
Hay là một lũ những quân hoang ?

CON TRÂU

Mài sừng cho lắm cũng là trâu,
Gẫm lại mà coi thật lớn đầu
Trong bụng lam nham ba lá sách
Ngoài cằm lém đém một chòm râu
Mắc mưu đốt đít tơi bời chạy
Làm lễ bôi chuông giốn giác sầu
Nghé ngọ già đời quen nghé ngọ,
Năm giây đờn khảy biết nghe đâu.

CHÓ CHẾT TRÔI

Sống thì bắt thỏ, thỏ kêu rêu,
Thác thả dòng sông xác nổi phều
Vằn vện sắc còn phơi lẫn đẫn
Thúi tha danh nỡi nổi lêu-bêu.
Tới lui bịn rịn bầy tôm tép,
Đưa đón lao xao lũ quạ diều
Một trận gió dồi cùng sóng dập
Tan tành xương thịt biết bao nhiêu !

CON TÔM

Chẳng phải vương công, chẳng phải hầu,
Học đòi đai kiếm lại mang râu
Khoe khoang mắt đỏ trang dòng bích
Chẳng biết mình va cứt lộn đầu,

TỰ SỰ

Hóa An-nam, lứ khách trú,
Trăn trối, lằng nhằng chung một lũ,
Ngoài mặt ngỡ ngàng lạ Bắc Nam
Trong tay cắc cớ xui đoàn tụ
Bợm làng chẳng vị sĩ năm kinh
Ông Bồn không thương người bẩy phủ
Phạt ta xong rồi trở lộn về
Hóa thì hốt thuốc, lứ bong vụ.

Về chuyện Học-Lạc bị đóng trăn này, có người thuật rằng: một hôm gặp sòng bong vụ, Lạc đứng coi chớ không có đánh, rủi bị bắt chung với người khách trú làm cái, hai người bị khóa tay làm một. Xong việc rồi, Học-Lạc mới làm bài tự sự trên đây, nhứt là câu chót tỏ bằng một ý tứ rất kín đáo rằng làng bắt tầm bậy, vì một đàng cũng vẫn bong vụ, một đàng cũng vẫn hốt thuốc, hai đàng không dính dấp nhau mà lại bắt làm một.

Có một lần tới lễ Kỳ Yên (cầu an) Học-Lạc đem cúng đình một mâm xôi, trên vành mâm đề hai chữ to « Thắng Lạc ». Làng thấy mâm xôi làm không theo phép lại đề chữ như vậy, cho rằng Học-Lạc giễu cợt thánh thần và khinh khi hương chức. Làng sai bắt và phạt. Lạc bèn làm bài thơ sau đây :

TẠ HƯƠNG ĐĂNG

Vành mâm xôi đề « Thắng Lạc »
Nghĩ mình ti tiểu không đài các
Văn chương chẳng phải bọn mèo quào
Danh phận không ra cái cóc rác
Bởi thế bơ thờ thẹn núi sông
Dám đâu vúc vắc ngạo cô bác
Việc này dầu có thấu cùng chăng ?
Trong có ông thần ngoài cặp hạc.

Một hôm lỡ đường vào quán ăn cơm, người chủ quán nhìn biết Học-Lạc, nhờ Lạc viết cho câu liễn dán cửa quán. Lạc viết :

Mạc vi quán trung vô Phiếu Mẫu,
Chỉ hiềm lộ thượng thiều vương tôn.

Nghĩa là : chớ nói trong quán không bà Phiếu Mẫu, chỉ hiềm trên đường ít có vương tôn.

TỨC CẢNH BAN CHIỀU

Ngó ra ngoài ngõ gió hiu hiu
Xem thấy cảnh trời, trời đã chiều
Hăm hở trẻ con múa lại hát
Đứa thì làm tướng, đứa làm yêu.

Tả cảnh ghe chạy buồm, Học Lạc có câu :

Lục thọ tẩu sông ngạn
Hồng nhựt chiếu cô châu

Nghĩa là : cây xanh chạy hai bên bờ sông, còn mặt trời đỏ soi một chiếc thuyền lẻ loi.

Thật là một cảnh đẹp mà hai câu thi như vẽ ra, thật linh động.

Vợ Học Lạc là bà Bảy Khánh cũng hay thơ nôm, lúc ông chết, bà có làm bài thơ :

THUYỀN LỠ VỜI

Đùng đùng sóng gió khéo nương hơi
Chiếc bách linh đinh mới lỡ vời
Lố xố hoa thêu khoan lại thúc
Lao xao gấm vẽ nhặt rồi lơi
Mảnh buồm lững đững trôi trên nước
Bánh nguyệt chơi vơi đứng giữa trời
Chèo hạnh so le ngơi mái nhịp
Thuyền tình thong thả dễ buông khơi.

CỬ NHÂN NGUYỄN-VĂN-THẠNH
với lòng Ái-Quốc chống xâm-lăng.

Bên cạnh những nhà Nho khí tiết miền Nam như các cụ Thủ-khoa Nguyễn-hữu-Huân Bùi-hữu-Nghĩa, Phan-văn-Trị, Huỳnh-mẫn-Đạt. Trương-gia-Mô v.v... hãy còn một vị cử-nhân tính khí cực kỳ phóng-khoáng nhiệt thành ái quốc khí tiết cao ngạo, ấy là cụ cử Nguyễn-văn-Thạnh, tục gọi là cụ cử Thạnh lúc đương thời và hậu thế đã khâm phục các cụ kể trên bao nhiêu thiết tưởng cũng đáng xót xa cho cụ cử Thạnh bấy nhiêu Khi tiểu sử của cụ chưa được nhiều người biết đến. Cụ Nguyễn văn-Thạnh vốn người miền Trung (quê quán nơi nào rất tiếc chúng tôi chưa kê cứu được rõ). Cụ đỗ Cử nhân đời Tự-Đức xuất chính làm tri huyện Trung phong tỉnh Bình-Thuận. Lãnh nhiệm vụ nhân dân trong một huyện cụ có nhiều tính tốt. Đặc sắc nhất là cụ rất cương trực. Gặp những vụ án oan khuất của dân đen một khi tra án minh bạch, thấy có dính líu đến các vị đương quyền dù họ quan cao chức trọng đến đâu cụ cũng thẳng thắn tố-giác. Do đó dân đen đội ơn cụ vô cùng. Và cố nhiên đám tham quan ô lại lấy làm phiền ghét cụ.

Triều đình cũng biết đức tính liêm-khiết đôn hậu của cụ nên trước sau cụ vẫn được an toàn dẫu đám quan liêu ghen ghét kiếm cách làm hại nhưng cụ chẳng hề gì.

Giữa lúc triều đình sắp thăng trật cho cụ thì non nước gặp nạn binh đao khói lửa quân Pháp đã nổ súng tấn công quân triều đình trên khắp lãnh thổ. Đáp lời sông núi, cụ cùng vài bạn đồng chí từ miền Trung khăn gói vào Nam định mai danh ẩn tích quan sát tình hình một ít lâu rồi sẽ chờ cơ hội quật-khởi.

Trên chiếc ghe bầu lên đênh theo các sông rạch miền Nam, cụ và năm ba đồng chí dưới lốt thương buôn giang hồ trôi nổi từ Bình-Thuận cặp bến Saigon lên vùng bến Nghé chưa được một tuần bỗng có mật thám xét ghe.

Chúng tìm thấy dưới lớp hàng hoá có giấu cất một khẩu súng đã được ngụy trang nên cụ và các đồng chí bị bắt.

Tin cụ bị bắt lan truyền. Tên tuổi cụ từ lâu đã khiến đốc phủ sứ Tôn-thọ-Tường đem lòng hâm mộ. Tôn-thọ-Tường liền can thiệp, yêu cầu quân Pháp nới tay với một bậc danh sĩ đáng mến. Tôn-thọ-Tường tình nguyện đứng bảo lãnh. Nhờ thế cụ được trả tự-do.

Họ Tôn rước cụ về nhà mình, ân cần khuyên dỗ cụ ra làm quan với tân trào. Cụ cười lạt :

— Tôi đã bỏ quan vì nghĩa nay há lại làm quan phục vụ kẻ địch sao ? Tôi rất cám ơn ông đã can-thiệp cứu gỡ cho tôi nhưng nếu cố bày trò ơn nghĩa để lung lạc chí tôi, thà rằng cứ giam cầm hay chém giết tôi còn hơn, không bao giờ tôi chịu muối mặt làm điều vô sĩ được.

Tôn-thọ-Tường tái mặt, gượng gạo ôn tồn :

— Ai có chí nấy, cụ đã bảo cho biết như thế, thú thật tôi càng thêm cảm mến, đâu dám ép thêm điều chi nữa.

Nói xong, họ Tôn cầm cụ ở lại dinh chơi vài ngày. Thiết đãi trọng hậu, rồi để cụ được tự-do muốn đi đâu tùy ý.

Quả nhiên, nghĩa cử có ẩn ý khôn ngoan ấy của Tôn-thọ-Tường đã khiến cụ bâng khuâng khó nghĩ. Cụ rời Sàigòn thẳng xuống Định-tường, cư ngụ tại làng Trà-tân tổng Lợi-Mỹ, thuộc quận Cai-lậy.

Tuy nhiên, mỗi hành động của cụ dẫu sao vẫn bị nghi ngờ. Tổng đốc Trần-bá-Lộc khi ấy ở huyện Kiến-phong (Cái Bè bây giờ) càng sanh nghi hơn hết. Nhưng không tiện bắt ông làm tội, vì chưa có bằng cớ. Dẫu vậy bản tính đa nghi và hay muốn lập công với Pháp, Trần-bá-Lộc không để yên cho một kẻ tình nghi nguy hiểm được, quỷ quyệt hơn họ Tôn, họ Trần liền cho người đến mời cụ đến dinh tỏ ý muốn rước cụ về ngồi dạy

con mình là Trần-bá-Thọ. Cụ chán nghe tên tuổi Trần-bá-Lộc thế nào rồi. Biết họ Trần có lắm thủ đoạn và có thừa tàn-nhẫn để làm chuyện độc ác được một khi bị bất mãn, chớ không được khôn ngoan hoà nhã như Tôn-thọ-Tường, nên cụ đành nhận lời không tiện phản đối ra mặt.

Về ngồi dạy con họ Trần lúc nào cụ cũng tỏ phong độ khẳng khái, không khuất mình nịnh bợ.

Một hôm Trần-bá-Thọ đang ngồi học với cụ nhìn hình dạng cụ móm móm, ba chòm râu phất phơ, miệng phì phà điếu thuốc, ông Thọ buộc miệng nói :

— Xin thầy cho phép tôi ra một câu đối để thầy đối thử xem.

Quả là con nói. Nghe học trò mình ăn nói như thế, vụt cười lạt :

— Được, cứ đọc đi. Ông Thọ đọc :

« Râu ba chòm lém đém, miệng hút thuốc phì phà »

Học trò trêu cợt thầy đến thế nhỉ. Cụ đối lại theo dáng ông Thọ sói đầu tay hay cầm gậy

« Tóc ít sợi le the, tay cầm cây ngút ngắt ».

Ông Thọ cười xoà, lại đọc một câu khác, cố ý khoe khoang :

« Phụ từ tử hiếu sanh con thế ấy mới là vàng ».

Cụ được dịp bằng vàng để lợi dụng chữ nghĩa mà chửi phường sâu mọt :

« Tham phú phụ bần đụ mẹ thằng nào ở bạc ».

Đối chan chát lời lẽ chua cay rất mực ? Họ Trần đành nghẹn họng.

Cụ mất vào năm 1915 sau những cơn bịnh trầm trọng vì u-uất. Mộ cụ ở tại làng Tú Trân (nay là làng Long Trung thuộc quận Cai Lậy).

MAI - VĂN - NGỌC

Vị Ẩn Sĩ lừng lẫy tiếng tăm khắp Nam Bắc, được Nguyễn-an-Ninh và Phan-văn-Hùm kính phục

Khi quân Pháp đã chiếm trọn 6 tỉnh Nam-kỳ, tuy các lực lượng kháng chiến dần dần suy yếu, nhưng sĩ phu Đồng-Nai một phần lớn đều biết gìn tiết tháo, sống đời ẩn dật để mong đợi một thời cơ quật-khởi. Riêng tỉnh Định-Tường, khi Định-Tường thất thủ rồi, những nhân vật ở ẩn đáng ngợi, gồm có cụ Đồ-Chiểu, Nhiêu-Phang (Mai-đăng-Phương), Nhiêu-Tâm (Đỗ Minh-Giám hay Đỗ-Minh-Tâm) v.v... Về sau, lại nổi bật một vị ẩn sĩ Mai-văn-Ngọc, phẩm cách và học hạnh tuyệt vời trong sáng, rất đáng đề cao.

Trong tuần báo « Hòa đồng » số 68, ngày 14-5-66, nhà học giả Hồ-hữu-Tường viết về chí sĩ Nguyễn-an-Ninh, có nhắc đến đoạn Nguyễn-an-Ninh xuống Mỹ-tho tìm bạn đồng tâm đồng chí. Nơi Mỹ-Tho, ông Ninh đã vui mừng hạnh ngộ vị ẩn sĩ, mà giấu danh không được, nên tiếng nổi khắp xứ. Dưới ngòi bút trác lạc của học giả Hồ-hữu-Tường, cuộc đời ẩn sĩ Mai-văn-Ngọc được thuật lại một cách trung thực như sau :

« Cha mẹ của Ngọc là ai, thật ra không có ai được rõ. Khi Ngọc còn là xích tử, thì có một người đàn bà ẵm Ngọc đến một nhà có của, họ Mai, mà cho. Không biết người đàn bà ấy có phải là mẹ của đứa bé không, nhưng lại dặn rằng họ Mai nên nuôi nấng tử-tế, ngày sau sẽ không nhiều thì ít, làm rỡ danh cho họ Mai.

«Họ Mai chưa có con, bèn nhận trẻ ấy làm đứa con đầu lòng và sau này, thiên hạ gọi là Hai Ngọc. Lớn lên, Ngọc thông minh đĩnh ngộ, học chỉ chữ Hán, mà Hán học của Ngọc lừng-lẫy từ Bắc chí Nam Các bậc thâm nho trong xứ đều đồng ý mà cho rằng Ngọc xứng đáng đứng đầu... nếu người Nam kỳ (lúc ấy đã thuộc Pháp rồi) được phép dự thi. Danh tiếng ấy đến tai bà sương phụ Nguyệt-Anh, một nữ sĩ cùng nổi tiếng khắp nơi, vì là con gái của cụ Đồ Nguyễn-đình-Chiểu một phần nhỏ thôi, mà vì văn thơ và sĩ khí của bà làm cho ai cũng phải công nhận là có tài và có đức hơn hết trong giới nữ lưu. Sương-Nguyệt-Anh gọi Ngọc đến mà gả cho đứa con một, để cho được rể kỳ tài, ương giống quý để có cháu ngoại hay.

«Từ khi có vợ, Mai-văn-Ngọc tự mình học chữ Pháp, học từ ngữ, văn phạm, học kết câu. Trong mấy năm, rành tiếng Pháp, nói tuy đớ giọng và không mau, nhưng khi viết văn thì rất hay, một cử nhân văn chương Pháp chưa dễ qua mặt nổi. Bởi học giỏi như vậy, mà khắp xứ đều gọi tặng là thầy, mặc dầu không mở lớp, nhận học trò.

«Phật, Lão, Trang, Khổng, Mạnh, bách gia chư tử của phương Đông, các triết gia cổ kim của phương Tây, Mai-văn-Ngọc thảy đều rành Khi Phạm-Quỳnh lãnh lịnh của toàn quyền Albert Sarraut để tổ-chức tạp chí «Nam-Phong», thì Phạm-Quỳnh dự tính để ở ngôi giám đốc tạp chí một người mà học thuật Đông Tây thảy làm cho cả nước kính nể. Cho nên, Phạm-Quỳnh từ Hà-Nội vào Nam, có ý muốn mời Mai-văn-Ngọc nhận ngôi giám đốc tạp chí Nam-phong ấy. Trong quyển «Một tháng ở Nam-Kỳ», người ẩn sĩ mà Phạm Quỳnh tả với bao nhiêu sự kính nể. nhưng không viết tên ra, người ấy chính là Mai-văn-Ngọc...»

Xuyên qua những lời của Hồ hữu Tường nói về Mai-văn-Ngọc trên đây, chúng ta đủ thấy tài học về phẩm hạnh của ông như thế nào. Tài cao, học rộng nhưng trọn đời ông không màng tưởng đến công danh chi cả, sống đạm bạc, bình dị, dưỡng chí tu tâm.

Ông được Nguyễn an Ninh rất quý mến. Có lần, Nguyễn-An Ninh hỏi ông về cảm nghĩ đối với các nhà tư tưởng cổ kim Đông Tây, ông viết trao cho Nguyễn-An-Ninh 4 câu :

Thế sự bổn vô chân, ác, mỹ
Nhân sanh đồ tự vọng tham ô
Nhược giao đạo đức tùy nhân tạo
Tranh chấp tùng tư hữu sở do.

Xem xong 4 câu trên, Nguyễn-an-Ninh càng thêm kính phục ông. Học giả Hồ-hữu-Tường phê bình tuyệt diệu : « Chỉ trong 28 chữ, mà duy tâm, duy vật thảy bị vượt qua, ba vấn đề chân thiện, mỹ mất giá trị tuyệt đối và nền tảng chắc chắn của nhân bản được đặt ».

Như chúng ta đã biết, ông được bà Sương-Nguyệt-Anh (con gái cụ Đồ-Chiểu) chọn làm rể quý. Nhưng đường nhân-duyên của ông ngắn ngủi, vợ ông mất sớm, để lại một gái là Mai Huỳnh Hoa tức sau này là bà Phan-văn-Hùm vậy.

Chúng ta có thể nhận xét không sợ lầm : Sự nghiệp cách-mạng của Nguyễn-an-Ninh và Phan-văn-Hùm, một phần lớn do ảnh hưởng tinh-thần cao khiết của Mai-văn-Ngọc. Mỹ-Tho có được một vị ẩn sĩ lừng danh như Mai-văn-Ngọc, thêm vẻ vang cho đất Định-tường ngày trước biết bao.

TẠM KẾT-THÚC

Về phần tóm lược Danh-Nhân, anh hùng liệt sĩ của Định-Tường trong thuở xa xưa, từ thời Nguyễn-Ánh (Gia-Long) cho đến khi người Pháp đặt chân xâm chiếm nước ta, gây cảnh núi xương sông máu khắp trên lãnh thổ Việt-Nam nói chung, Định-Tường nói riêng, chúng tôi nhận thấy trong quá khứ hãy còn nhiều nhân vật quan trọng đã dày công tô điểm lịch sử tỉnh Định-Tường. Những nhân-vật nầy chưa được ghi chép đầy đủ, vì sự khiếm khuyết của ngành Sử học trong thời gian qua. Chúng tôi tin rằng, với sự nghiên cứu của những sử gia và sự tham gia của các nhà sưu tầm lần lượt sẽ đưa ra ánh sáng nhiều tấm gương tranh đấu bị bỏ quên chưa được nêu lên. Ước mong khi quyển sách nầy có dịp tái bản sẽ bổ túc thêm những nhân vật còn thiếu sót cho đầy đủ hơn. Suốt thời gian người Pháp cai trị, Định-Tường là nơi un đúc nhiều nhà ái quốc làm rạng rỡ quê hương.

BỐN MƯƠI NĂM QUA
CÁC NHÀ CÁCH MẠNG BỊ GIAM Ở MỸ-THO

Suốt thời gian người Pháp cai trị Mỹ-tho là nơi un đúc nhiều nhân-vật xu hướng khác nhau, kẻ thì phò tá đắc lực tiếp tay cho giặc phản bội giống nòi, người thì đứng ra chống đối, tôi nhớ lại cách nay trên bốn mươi năm, có một số nhà cách mạng, ở các nơi như Tạ-thu-Thâu, Nguyễn-an-Ninh, Phan-văn-Hùm và nhiều chiến sĩ khác nặng lòng yêu nước, bị Pháp bắt đem về tập trung ở Mỹ-tho một thời gian khá lâu, cầm chân các nhân vật nầy một chỗ không cho hoạt động, đứng trước lòng căm phẫn của dân ta nhiều người trong tỉnh Định-Tường ngấm ngầm chống đối, khi công khai, lúc bí mật. Lúc bấy giờ ở vùng Chợ Giữa, Vĩnh Kim, Thuộc Nhiêu, Cai Lậy, Ba Dừa, Chợ Bưng dân bắt đầu nổi dậy biểu tình phản đối người Pháp đầu tiên hết để gieo hột giống cách mạng từ đó. Nhưng thiết tưởng lịch sử là vấn đề phê phán lâu dài, chờ yếu tố thời gian, chúng tôi chưa dám vội nêu danh tánh các vị ấy, hoặc viết tiểu sử e quá sớm.

Dưới chánh thể Cộng Hòa ngày nay cũng có rất nhiều người sanh trưởng ở Định-Tường nên danh phận, góp công phụng sự xứ sở qua các ngành, xứng đáng là người của xứ được mang tên « Địa Linh Nhân Kiệt » sau nầy lịch sử sẽ đề cập đến.

Phần thứ ba :

— **Di-tích lịch-sử**

— **Đền thờ, Lăng mộ danh-nhân**

DI-TÍCH LỊCH-SỬ

ĐẠI THẠCH BIA
Thiết lập do Sắc chỉ của vua Gia-Long truy niệm các công thần

Gần chợ Thân-Trọng (hay chợ Phú-Kiết), thuộc quận Bến Tranh, có một tấm bia lớn (Đại thạch bia), khiến người người qua lại không khỏi chú ý. Bia dựng lên do Sắc chỉ của vua Gia-Long, để truy niệm những bậc công thần, gồm có : Nham Tinh hầu, Bửu-Thiện-hầu, Lý-vạn-hầu, An-Toàn-hầu, Dực-Quận-Công.

Bửu Thiện Phong là tước phong cho Ông Nguyễn-văn-Phong, người có công đào sông Bảo định (xin xem giai thoại Bảo định hà). An-Toàn hầu là tước phong Trịnh hoài Đức. Hầu hết các vị liệt kê trong bia đều là những nhân vật tức có công ơn nhiều ít đối với nhân dân Định-Tường.

ĐÀN XÃ TẮC

Khoảng năm Minh-Mạng thứ 14 (Quý Tỵ 1833), Sắc chỉ nhà vua thiết lập đàn Xã-Tắc tại tỉnh thành Định-Tường.

Đàn Xã-Tắc nằm ở phía Tây tỉnh thành, địa phận thôn Bình tạo, huyện Kiến-Hưng, mặt tiền day ngó về hướng Bắc. Ấy là nơi thờ thần Xã-Tắc trong bản tỉnh Thành nội chu vi 16 trượng 9 thước, cao 2 thước rưỡi. Thành ngoại chu vi 40 trượng 4 thước, cao 1 thước 30.

ĐÀN TIẾN NÔNG

Cũng trong khoảng năm Quý Tỵ (1833), trong khi xây đàn Xã-Tắc ở phía Tây tỉnh thành, thì đàn Tiên nông cũng được thiết lập về phía Đông.

Ấy là nơi thờ Thần Nông, chủ về sự nguyện cầu nông-nghiệp thịnh phát, dân giàu nước mạnh, nhà nhà an lạc. Đàn này nằm trong địa phận thôn Điều hòa, huyện Kiến-Hưng mặt day ngó về hướng Nam. Chu vi là 14 trượng 4 thước, cao 2 thước 70. Có 3 mẫu tịch điền và có kho thâu trữ lúa ở góc Đông-Bắc.

MIẾU THÀNH HOÀNG

Ở về phía Tây tỉnh thành, địa phận thôn Bình-tạo, huyện Kiến-hưng, khi xưa có miếu thờ vị thần Thành-Hoàng bổn xứ. Miếu này cùng với Đàn Xã-Tắc cũng ở gần đấy, đều là nơi tôn nghiêm, dân chúng hướng ngưỡng chiêm bái rất thành kính, trọng vọng.

Tiền đường gồm có ba gian, trang hoàng rực rỡ, khói hương thờ phụng nghi ngút quanh năm. Xây dựng từ năm Thiệu Trị thứ 2 (Nhâm Dần 1842). Đến năm Tự Đức thứ 2 (Kỷ Dậu 1849) sửa sang lại.

Tại xã Kim sơn, thuộc quận Long-định ngày nay, vẫn có ngôi miếu Thành Hoàng. Tương truyền đây là nơi thờ một viên Xá Trưởng (có sách chép là Xã Trưởng thì sai, chính là Xá chứ không phải là Xã, vì có chức Xá sai, tục gọi là Ông Xá. Có lẽ viên Xá Trưởng này là Mai-bá-Hương, người đã được các vua Gia-Long, Minh Mạng và Tự-Đức phong thần tử nghĩa).

Viên Xá Trưởng được giao trọng trách vận tải lương thực cho quân ta đang giao chiến với quân Xiêm trong trận Rạch-Gầm (xã Kim sơn). Vào năm 1750, thuyền chài chở quân lương của ông bị quân Miên bao vây. Ông cho lịnh đục thuyền chìm rồi chết theo, không để quân Miên bắt và tịch thâu lương thực. Triều đình truy phong làm Thành Hoàng.

MIẾU THỜ THẦN BÃO TỐ
(Hà dương thủy phủ chi thần)

Nơi vàm Mân (sông Cửu Long), thuộc làng Hòa-Khánh, quận Sùng-Hiếu (Cái Bè) có miếu thờ thần bão tố, xây bằng gạch.

Khúc sông này rất nguy hiểm cho tàu bè, nước xoái do các triều-lưu mấy nhánh sông Cửu-Long đổ đến, vô cùng tai hại lúc trời nổi cơn giông. Bởi thế ngày xưa dân chúng đã xây dựng ngôi miếu để thờ vị thần linh ngự trị giông bão. Mỗi chủ ghe qua lại nơi đây đều phải đốt pháo chào vị thần tại miếu, hoặc thành tâm khấn nguyện thì mới yên cho.

Tương truyền có một viên tri phủ là Hồ trung Dinh, một hôm kinh lý qua vàm Mân, thuyền bị sóng to gió lớn. Ông ra lịnh ghé thuyền và lên bờ ngắm cảnh, quan sát hình thể khúc sông và đất đai chốn nầy.

Đứng trước ngôi miếu nhỏ bằng cây lợp lá, dáng hoang tàn, trên cửa có tấm biển đề « Phong ba miếu ». Ông khấn vái : « Nếu quả thật thần Phong ba linh thiêng, xin cho sóng lặng gió êm. Ông sẽ trùng tu miếu võ ». Lời nguyện của ông được linh ứng ngay. Ông bèn ra lịnh cho các quan địa phương xây lại ngôi miếu, đổi tên lại là « Hà dương thủy phủ chi thần » (Thần bão tố) thay vì « Phong ba miếu » (miếu sóng gió).

Lần lần ngôi miếu được giới ghe thương hồ mở rộng và xây cất thêm đẹp đẽ, mỗi năm hễ đến những ngày 22, 23 tháng 3 và mùng 9, mùng 10 tháng 10, khi đáo lệ kỳ yên thì giới thương hồ lũ lượt kéo đến cúng bái linh thần.

ĐỀN THỜ PHÚ-THỌ

Trên con đường vào Đồng tháp Mười, tại xã Mỹ-Lợi thuộc quận Sùng-Hiếu (Cái Bè) có đền thờ Phú-Thọ, kiến trúc theo lối Ấn-Độ. Đền này do các Ông chủ đất đầu tiên hùn tiền dựng lên để ghi ân Tổng-Đốc Trần-bá-Lộc, vì đã giúp ích cho nông-nghiệp tại vùng Đồng Tháp bằng cách đào kinh đắp đập.

VỊ CỒ PHẬT BẰNG ĐÁ

Tỉnh Định-Tường ngày nay còn lưu lại một di tích quý giá mà ít người biết đến, đó là vị cồ Phật bằng đá hiện nay trong xã Phước-Yên, sau đổi là Phước Lộc và sau này đổi là Hưng-Mỹ-Thạnh thuộc quận Long-Định.

Khi xưa do một nông dân tìm được tượng Phật vào đời Lê Hiền Tông, khoảng năm Nhâm-thìn (1772) tại kinh Bà Bèo địa phận Đồng Tháp Mười.

Vị cồ Phật hiện thờ tại Linh-Phước-Tự kêu là chùa Phật-Đá.

Các Phật-tử và đồng bào quanh vùng có tinh-thần tồn cồ, gìn giữ coi đó là một bảo vật quý báu nhứt của tỉnh nhà.

Lúc Pháp đến đô hộ xứ ta quan chánh tham biện Định-Tường định đem cốt Phật này lên Bảo tàng viện Saigon, nhân dân trong làng đứng ra làm đơn gởi lên Thống đốc Nam Kỳ phản kháng và xin giữ lại làm của di tích cho tỉnh nhà, cho đó là của bất khả xâm phạm sự tự do tín ngưỡng của đồng bào Phật tử ở đây.

Với lời lẽ cương quyết, nhà cầm quyền trung ương đành nhượng bộ và để y tượng Phật chỗ cũ cho đến ngày nay.

(Xin xem đoạn Huyền Sử nói rõ ràng hơn)

AO THA LA TÂN LÝ TÂY
QUẬN BẾN TRANH NGÀY NAY

Tại Tân-Hiệp ngày nay còn có một di tích lịch sử thời đàng cựu, là chỗ trường đua ngựa của các quan đầu tỉnh thuở xưa, trường đua này nằm trên một giồng đất cao trên 2 mẫu, toạ lạc tại Tân Lý Tây. Sau người Pháp đến chiếm nước ta chúng mở ra đường xe lửa Saigon—Mytho, cho dân đến lấy đất trên cái giồng cao này để đắp đường rầy xe lửa lộ Đông dương, lấy sâu thành một cái ao to nước đọng quanh năm.

Người địa phương thường kêu là ao Tha La, có lẽ tiếng Tha La là tiếng của người Miên khi xưa ở tại cuộc đất này nên mới có danh từ Tha La đến ngày nay.

MIỀU THỜ TRINH-NỮ NGUYỄN-THỊ-LIỆU

Tại làng Mỹ-đông (nay là Long-tiên, quận Khiêm-Ích Cai-lậy), bên bờ rạch Trà-tân, có ngôi miếu thờ trinh nữ Nguyễn-thị-Liệu.

Dưới triều vua Thiệu-Trị năm thứ 5 (Ất-Tỵ 1845), khi nước ta cùng dân Miên có sự gây hấn, một thiếu nữ 16 tuổi gốc gác tại làng Mỹ-đông, cùng cha đi buôn ở Kompong Chàm, bị giặc bắt mang đi. Cô giữ trinh tiết, đập đầu vào đá mà chết.

Hồn linh ứng mộng cho quan Trấn Châu-đốc biết trước các dự định hành quân của quân-đội Miên. Nhờ đó quân ta đánh tan quân giặc.

Thanh bình trở lại trên đất nước. Quan Trấn Châu-đốc đệ sớ về triều, tâu rõ sự tình. Triều đình truy tặng một tấm biển, khen ngợi người trinh nữ thôn Mỹ-đông, tổng Lợi-mỹ, tỉnh Định-Tường. Dân chúng cũng ngưỡng mộ tiết liệt ấy, lập miếu thờ.

(Xin xem phần Huyền-Thoại rõ hơn)

CÁC NGÔI CỔ MỘ

MỘ CỤ THÂN-SINH TẢ-QUÂN LÊ-VĂN-DUYỆT

Tại vàm rạch Trà lọt, làng Hòa-khánh, quận Sùng hiếu (Cái-bè) có mộ cụ thân sinh Đức Tả quân Lê-văn-Duyệt. Mộ xây bằng gạch. Mộ chí bằng đá xanh.

Vì Đức Tả quân Lê-văn-Duyệt từng ngồi chức Tổng-Trấn Gia-Định thành (tức như vị Thủ-Hiến Nam-kỳ) nghiễm nhiên là vị đại thần trọng vọng, nên cụ thân sinh là Lê văn Toại được truy phong tước Hầu.

Bia mộ ghi mấy dòng :

« Hiền thảo tặng quan Tân Chiêu-Nghi tướng quân Cai cơ Lê Hầu chi mộ.

« Tạ thế tại Giáp-tuất, trọng hạ nguyệt, kiết nhật.

« Hiếu-tử Khâm-Sai Chưởng cơ tư tái lập ».

Nghĩa :

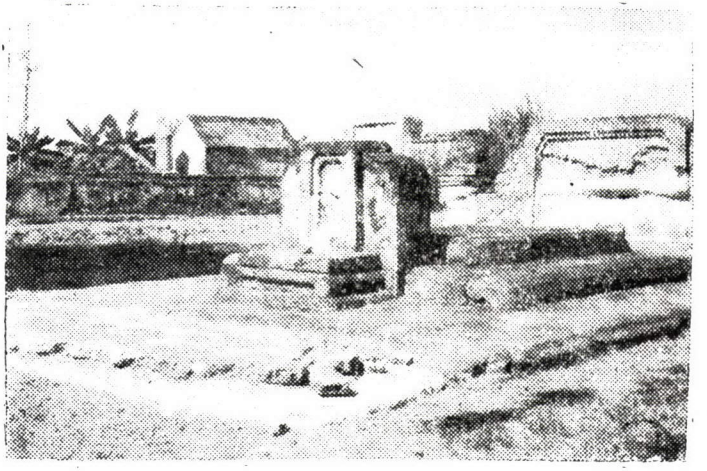
« Mộ thân sinh của tôi hàm phong Cai cơ Lê Hầu. Mất trong ngày tốt, tháng tư năm Giáp Tuất (1754). Con là quan Khâm Sai Chưởng cơ xây cất ».

MỘ TỔNG ĐỐC LỘC

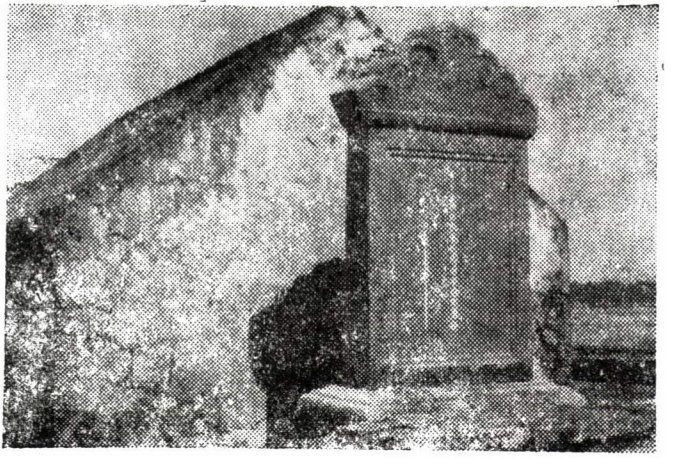
Sau nhà thờ Cơ-đốc ở Cái-bè (quận Sùng-hiếu ngày nay), có mộ Tổng-đốc Trần bá Lộc. Mộ xây cất bằng xi măng cốt sắt, theo lối kiến-trúc Âu-Mỹ và đạo Thiên-Chúa.

Nơi nhà mồ dựng rất nhiều bia. Có những tấm bia liệt-kê chiến-tích, nhiệm vụ và huy chương. Trên bia đá cẩm thạch thì khắc những dòng chữ sau đây :

« Manuel Trần bá Lộc,
« Tổng đốc Thuận-khánh.
« Hội viên Hội-đồng Tối cao Đông dương.
« Tam đẳng bội tinh.
« Sinh tại cù lao Giêng, tháng 2 năm 1839,
« Mất tại Cái bè ngày 26-10-1899.



Hai ngôi cồ mộ của thân sinh Tả-quân Lê-văn-Duyệt toạ lạc tại vàm Trà lọt.



Mộ bia đá cẩm thạch có khắc những hàng chữ ghi tên họ ngày chết ông bà thân sinh của đức Tả-quân dựng trước đầu mộ.

MỘ CHƯỞNG CƠ KỲ THIỆN HẦU

Sau chùa làng Mỹ-đức-Tây (nay thuộc quận Giáo đức) có ngôi mộ quan Chưởng cơ Nguyễn văn Kỳ, xây bằng gạch.

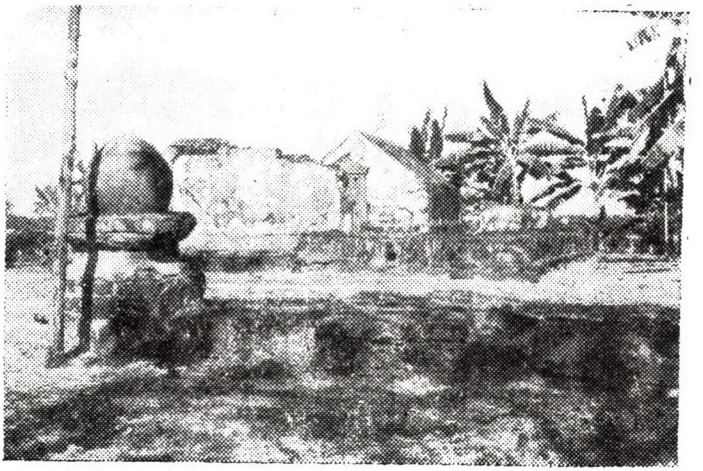
Ông Nguyễn văn Kỳ là một vị danh tướng của vua Gia-Long, dày công hạn mã, được phong đến chức Chưởng Cơ, tước Kỳ Thiện Hầu.

Oai quyền ông lừng lẫy một thời, khi ông mất dân chúng rất thương tiếc, xưng tụng ông là quan Thống-Chế, mộ ông gọi là mộ Thống-Chế Kỳ.

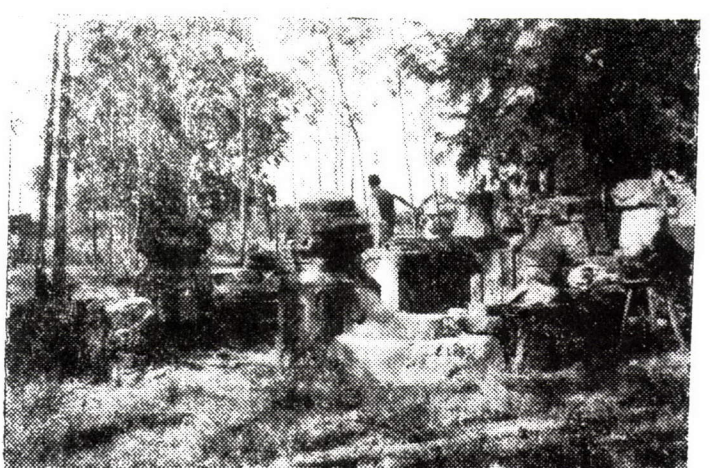
MỘ HAI VỊ THƯỢNG QUAN ÔNG KINH, ÔNG ĐẠT

Làng Hoà-tịnh xưa (nay là Mỹ tịnh an), thuộc quận Bến-Tranh) vốn là quê hương của hai vị danh nho Phạm tấn Kinh và Phạm hoàng Đạt. Hai ông đã ra khuôn phò vua Gia Long, công lao rất dầy Về sau Ông Phạm tấn Kinh làm quan đến quan Trấn, Phạm hoàng Đạt thì làm Án-Sát, đều ngồi nhậm chức ở Định-tường. Đến khi mất, an táng tại quê nhà,

Mộ hai ông xây bằng gạch, nằm song song tại làng Mỹ tịnh an, ngang kinh rạch Nhứt-tân Do lòng cảm mến ân đức hai ông, và để tưởng niệm ghi dấu tích, dân gian đặt tên vịnh ấy là vịnh Ông Trấn (quan Trấn) hay vịnh Ông Kinh, Ông Đạt).



Những ngôi cổ mộ thân nhân
của đức Tả-quân tại Long-hưng



Mộ bà thân sinh đức Tả quân

MỘ TỨ KIỆT, CŨNG GỌI BỐN ÔNG Ở CAI LẬY

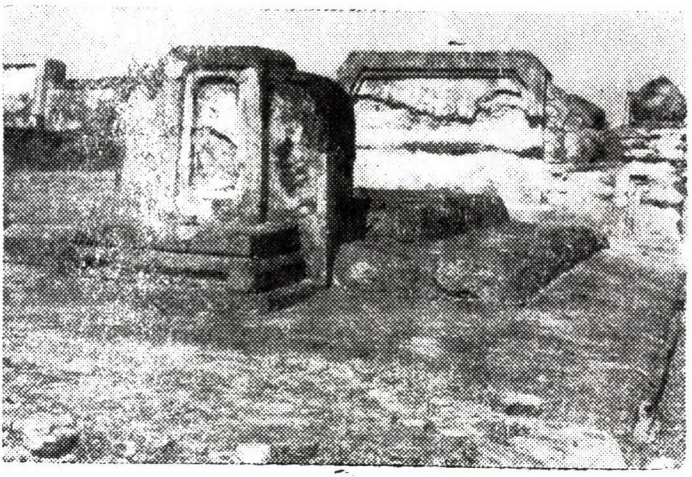
Tại Cai-Lậy, (nay là quận Khiêm-ích) có ngôi mộ Tứ Kiệt cũng gọi là mộ « Bốn Ông », bằng vôi. Ấy là bốn trang hào-kiệt tộc danh là Ông Thân, Rồng, Đước và Long.

Ông Thân là thủ lãnh nhóm nghĩa quân kháng Pháp và ba vị kia là đồng chí thâm giao, cùng nhau sát cánh chung lo việc nước, đặt căn cứ tại Cai-Lậy. Dưới quyền chỉ-huy của Ông Thân (thường gọi là Nguyên-soái Thân), nghĩa quân từng đánh phá đồn lũy quân Pháp nhiều trận lừng lẫy tiếng tăm, khiến quân Pháp khiếp đảm. Đáng kể là trận đánh thành Mỹ-Tho trong ngày 1 tháng 5, tên Việt gian Bếp Hữu bị bốn Ông bắt được và đốt cháy.

Sau cả bốn Ông bị Tổng đốc Trần-bá-Lộc bắt được đem xử giảo tại chợ Cai-Lậy.

Tương truyền rằng ngày mới bị hại, bốn Ông phải ra đầu hàng để rồi bị bắt giữ như trường hợp Nguyễn-trung-Trực, vì quân Pháp bắt hết thân-nhân trong gia đình bốn Ông. Khi bị kết án tử hình, linh hồn bốn Ông còn hiển linh xuất hiện khuấy phá trong vùng, gây những cuộc hỏa hoạn kinh hoàng. Từ khi ngôi mộ được lập và thường niên được cúng tế, nạn hỏa hoạn mới chấm dứt

Tại Cai-lậy ngày nay, đồng bào dân chúng có dựng lên một cái đền thờ bốn Ông, có mướn Từ coi giữ khói hương. Dân làng có việc chi đến đây khẩn nguyện và hết lòng tin tưởng đến oai linh của các ngài, sanh vi tướng, tử vi thần danh lưu hậu thế.



MỘ TẢ QUÂN LÊ-VĂN-DUYỆT

Tọa lạc tại xã Long-Hưng thuộc quận Long-Định, chung quanh có lũy tre xanh bao bọc, ngôi mộ này kiến trúc theo lối lăng tẩm của nhà Vua, bên ngoài có hai con lân đứng chầu, trước có bia đá chạm trổ ghi công nghiệp của Ngài phò vua Gia-Long lập nhiều chiến công to. Sau được phong giữ chức Tổng-Trấn Gia-Định thành.

Theo các bô lão địa phương thổ lộ cho chúng tôi biết, ngôi mộ tại Long-Hưng ngày nay mới thiệt là nơi Ngài gởi nắm xương tàn trên mảnh đất quê hương. Còn ngôi mộ tại Gia-định là nơi trấn nhậm của Ông thuở xưa, quan Triều cảm mến công nghiệp xây đề tượng trưng lửa hương phụng sự, liên tục cho đến ngày nay, oai linh của Ngài rất hiển hách làm cho nhiều kẻ ngang ngược tới đậu cũng phải cúi đầu khâm phục.

Ngài là một đại công thần được Vua Gia-Long trọng vọng, khi Ngài qua đời Vua Minh-Mạng ghét Ngài, vì giết cha vợ là Ông Huỳnh-công-Lý nên bắt tội xiềng mả, lại đục khoét tên của Ngài trong hai ngôi mộ, lúc bấy giờ Lê-văn-Khôi dưỡng tử đứng lên chống lại triều đình.

Năm Mậu thân 1848 Vua Tự-Đức tức vị, giải hàm oan cho Ngài ra lệnh cho xây đắp khắc chữ lại trên mấy tấm mộ bia trước kia bị đục khoét.

DANH-LAM CỔ SOÁI

CÂU CHUYỆN CHÙA SẮC TỨ LONG-TUYỀN VỚI CHÚA NGUYỄN-ÁNH TRÊN ĐƯỜNG BÔN TẨU

Định-tường xưa có rất nhiều ngôi chùa cổ có tiếng. Đặc-biệt là ngôi chùa Long-tuyền (có sách chép là Long nguyên tự) ở địa phận xã Thạnh phú (Xoài hột), huyện Kiến-hưng, mang màu sắc lịch sử khá thú vị. Ba chữ « Long nguyên tự » chính do vua Gia Long đã ban sắc ngự tứ tên ấy, để tưởng niệm nơi đã cứu tử Ngài khi trước trên đường bôn tẩu tránh Tây-sơn, nên nay dân chúng con truyền tụng, tục gọi là « Chùa Sắc tứ Xoài hột », nay thuộc quận Long-định, cách Mỹ-tho 7 cây số.

Ngự tứ tên chùa là Long nguyên tự vào năm Gia-Long thứ 10 (Tân tị 1811). Đến năm đầu hiệu Thiệu-Trị (Tân Sửu) (1841), vua Thiệu-Trị mới ngự tứ đổi tên lại là chùa « Linh Thứu ». Bởi các triều vua đều tỏ dạ ân cần tưởng niệm đến chùa này như thế, nên chùa nghiễm nhiên là « ngôi chùa vua ». Sự tích lý thú như sau :

Tục truyền hơn 200 năm về trước, địa phận xã Thạnh-phú (Xoài hột) còn hoang vu, dân cư thưa thớt. Ngày kia, có một đám trẻ chăn trâu dẫn trâu ra đồng cho ăn, chúng tụ họp lại nơi một con giồng có cây cao bóng mát mà tránh nắng. Bày cuộc vui đùa, chúng móc đất sét nắn tượng, có đứa nắn ngay hình Phật, đem để trên gò đất. Đoạn bẻ nhánh cây làm chòi để che các tượng Phật kia, trông như một kiểng chùa.

Trẻ khôn ngoan đắc ý với trò chơi có vẻ sùng kính thiêng liêng, bèn bảo nhau :

—Chúng mình từ đây đã có chùa thờ Phật, có bánh trái gì thì cứ đem cúng, rồi chia nhau ăn cho vui.

Tất cả bọn trẻ đều đồng ý với nhau và thực hành nguyện ước ấy. Lâu ngày chầy tháng, chủ đất hay được quở trách đám trẻ và toan triệt hạ cảnh chùa kia ; nhưng lạ thay ! hễ mó

tay dẹp phá đi, sau đó chừng có đấng vô hình nghiêm phạt không cho. Gia quyến chủ đất khẩn vái và hứa cất chùa lại nơi đám đất ấy, tự nhiên trong nhà vô sự bình yên. Do như linh thính, xa gần dần đến chiêm ngưỡng, rồi dân làng hiệp nhau cất lên một ngôi chùa nhỏ bằng cây lá, thờ cốt Phật bằng đất với tất cả lòng thành dâng hương lễ bái.

Một hôm, có vị tu sĩ tên Nguyễn-phước-Chánh, pháp danh Nguyệt-Hiền đến trụ trì tại chùa, sửa sang lại thêm rộng rãi, đặt tên chùa là Long-Tuyền tự (có nghĩa là « Suối rồng »). Bá tánh khắp vùng đến qui y thọ giáo càng ngày càng nhiều. Chư sơn đại đức trong tỉnh bèn tặng Ngài Nguyệt-Hiền là Hoà thượng trụ trì.

Khoảng năm Ất Tị (1775), chúa Nguyễn Ánh tránh mặt Tây-Sơn chạy vào Nam, xuống tới Định-tường. Náu mình trong bộ y phục dân dả, Ngài cùng với năm sáu vị quan theo hầu đến xin tá túc nơi chùa Long-Tuyền.

Mặc dầu không rõ Ngài là ai, nhưng Hoà thượng trụ trì cũng sẵn lòng thương cảm bao dung, vì của chùa vốn chẳng hẹp ai. Gặp khi chúa Nguyễn đau yếu, Hoà thượng cũng tự tay chẩn mạch hốt thuốc điều trị cho rất tận tình.

Một đêm, có chim linh bay vần vũ quanh chùa, kêu la inh ỏi mãi dường báo điềm gì. Thấy lạ, Hoà thượng đánh tay xem điều hung kiết thế nào. Đoán biết sẽ có sự chẳng lành cho khách lạ phương xa, Hoà Thượng ngậm ngùi bảo chúa Nguyễn :

— Quý khách nên xa lánh chốn này, ở lâu ắt có chuyện chẳng lành xảy ra.

Chúa Nguyễn chỉ ngại Tây-sơn sẽ dò ra tông tích của Ngài, nên vâng theo lời khuyên, nửa đêm từ giã lên đường, thẳng tới làng Long-Hưng.

Quả nhiên, hôm sau có toán quân Tây-sơn kéo đến lục soát chùa. May cho chúa Nguyễn nhờ chim linh báo trước nên đã thoát thân kịp lúc.

Tại Long-Hưng, chúa Nguyễn gặp tướng tài phò tá là Lê-văn-Duyệt, rồi dần dần thu phục thêm hào-kiệt anh hùng miền Nam, vẫy vùng chống trả với Tây-Sơn, suốt mấy mươi năm mới thống nhất được non sông, lên ngôi Hoàng-đế. tức vua Gia-Long.



Chùa Sắc tứ tại Xoài hột, gọi chùa Suối Rồng.
Lúc Gia-Long bôn tẩu chạy vào đây lánh nạn.

Nhớ công ơn Hòa-thượng chùa Long-Tuyền, năm Gia-Long thứ 10 (Tân tị 1811) nhà vua ngự tứ tên chùa là Long Nguyên (bãi đất rồng), thay vì tên cũ chùa là Long-Tuyền (Suối Rồng), đồng thời cấp một số ruộng đất mấy mươi mẫu làm hương hỏa cho chùa, và cho quân lính gìn giữ ngôi chùa kể như chùa vua.

Rồi đến đời vua Thiệu-Trị, lại đổi tên chùa là « Linh-Thứu » (cũng gọi là Linh-Tựu) như đã kể ở đoạn trên.

Chúng tôi đã đích thân đến viếng chùa, được vị trụ trì hiện nay là Hòa thượng Thành-Đạo cho biết thêm :

Sau khi Hòa thượng đầu tiên là Nguyệt-Hiền viên tịch, kế tiếp mấy mươi vị trụ trì nữa coi giữ ngôi chùa cổ này. Đến năm 1802 thì có Hòa-thượng Trà Chánh Hậu là con của quan cựu trào trùng tu lại nguy nga. Rồi đến :

— Hòa thượng Ngô-chí-Thiền

— Hòa thượng Thích-chơn-Huệ

Kế Hòa thượng Thành Đạo trụ trì, nay tuổi đã trên 60, làm Giám-đốc Phật-Học Lục-Hòa, kiêm trụ trì chùa Phật-Ấn ở đường Trần-hưng-Đạo Saigon.

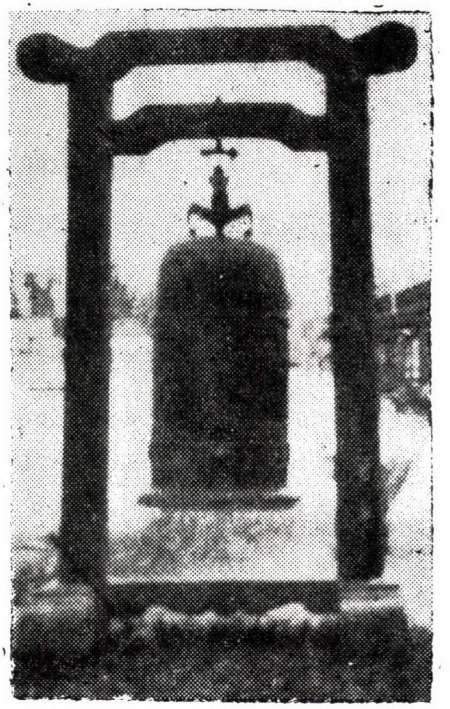
Khoảng năm 1937 triều-đình Huế hãy còn gởi giấy về chùa tặng thêm mấy chữ Long-Tuyền cổ tự.

Trên 20 năm nước Việt lâm cảnh chiến tranh, các vị sư Tăng không ở được, chỉ có các vị sư Cô trông nom.

Chùa Long Tuyền được liệt vào hạng chùa xưa nhứt tại đây, có một đại hồng chung niên hiệu Gia-Long và những pho tượng bằng đồng đen còn di tích tại chùa.

Ngoài ra, theo lời các vị đại lão Hòa thượng đã kể lại với chúng tôi, tỉnh Định Tường hiện nay còn có những ngôi chùa rất xưa trên 100 năm :

1. Phật Đá cổ tự (Long-Định)
2. Hội Tôn cổ tự ở xã Quới Sơn.
3. Bửu Lâm tự (Chợ xã Điều Hòa)
4. Phước Thạnh tự (Cái Bè)
5. Đức Lâm tự (Chợ-cũ Điều Hòa)
6. Linh Phong tự (Tân-Hiệp
7. Phù Dung tự (Cái Bè)
8. Thiên Hòa cổ tự (Đông Hòa Hiệp Cái Bè)
9. Chùa Rạch Tràm (Cai-Lậy).
10. Chùa Vĩnh Tràng.



Tiểu Hồng chung cổ từ đời Thiệu Trị nguyên niên 1841, tọa lạc tại Phù-Dung cổ tự.

CHÙA LINH PHONG TỤC GỌI CHÙA THÀNH

Trong hàng các chùa xưa đã được ghi chép trong sử sách, ngoài chùa Long Tuyền kể trên có chùa Linh Phong cũng là cảnh chùa được coi là tốt đẹp nhất từ thuở trước.

Chùa này ở địa phận thôn Tân Hiệp, huyện Kiến Hưng. Nguyên xưa do người Miên đã đắp một cái nền đất cao rộng, rồi xây gạch làm vòng thành. Người thôn Tân Hiệp là Lê-văn-Tâm sau đó mộ cuộc lạc quyên. Bá tánh chung nhau đóng góp, dựng lên một ngôi chùa Phật mang tên Linh Phong tự, tục gọi chùa Thành. Quanh chùa, bốn bề có hoa sen đua nở, xa gần ngưỡng mộ, khói hương không ngớt.

CHÙA BỬU-LÂM

Sau chùa Long-Tuyền ở Xoài hột và chùa Linh-Phong ở Tân hiệp, chùa Bửu-Lâm ở địa phận thôn Phú-hội, huyện Kiến-hưng (chợ cũ Điều hoà) cũng đã trải một thời gian trên 150 năm qua.

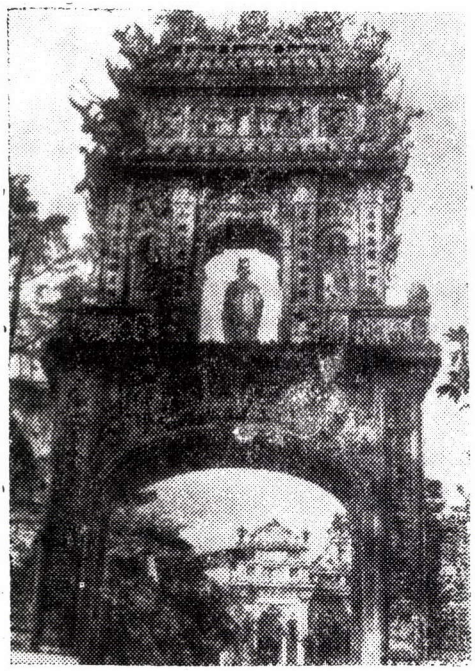
Vì thủa xa xưa đất đai hoang vu, tật bịnh tai ách thường liên miên xảy ra, dân chúng trong vùng ngưỡng trông ở thần quyền, cất ngôi chùa nhỏ bằng lá để làm nơi tỏ tấc lòng thành lui tới khấn nguyện. Do sự linh ứng hiển nhiên, bá tánh thêm nặng lòng tín ngưỡng, coi như tìm được một rừng của báu, vì nơi đây hữu cầu tất ứng, vạn sự vạn linh, bèn đặt tên chùa là Bửu-Lâm tự. Đến năm Gia-Long thứ 2 (Quý-Hợi 1803), có người trong thôn là Nguyễn thị Đạt nhờ được ơn trên gia hộ, cảm niệm công đức cao dày, bèn xuất của tu tạo ngôi chùa cho xứng đáng hơn, lưu đề đến ngày nay.

CHÙA VĨNH-TRÀNG

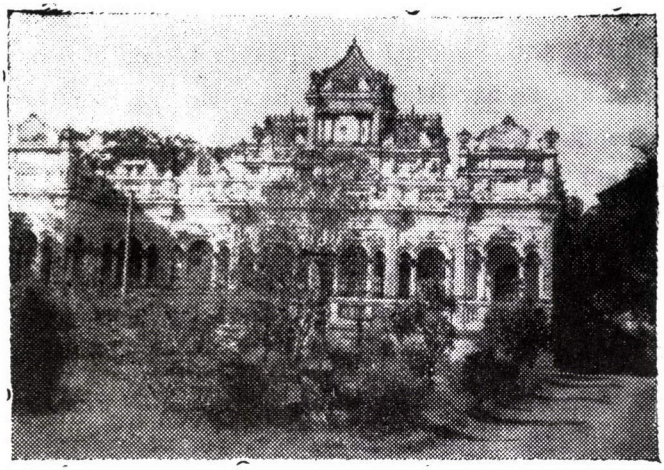
Tuy không xưa bằng các chùa mà chúng tôi đã kể trên, chùa Vĩnh-Tràng chỉ xây dựng non trăm năm trở lại đây, cũng vẫn đáng được xếp vào hàng cổ tích, vì cảnh trí mỹ quan của chùa này, và lòng tín ngưỡng sùng phụng của thập phương bá tánh đông đảo lễ bái quanh năm.

Chùa toạ lạc trong địa phận xã Mỹ phong, quận Chợ Gạo, sát bên cạnh tỉnh lỵ Mỹ-tho. Khung cảnh u nhàn thanh tĩnh, cây cao bóng mát sum suê, chùa Vĩnh-Tràng có nét đẹp vừa trang nghiêm vừa khả ái, khiến du khách đến viếng Mỹ-Tho thông thể không đi đến viếng chùa này. Mà đã thân đến quan chiêm, tất lòng ắt ghi đậm ấn tượng sùng đạo, một điều thanh tịnh tầm chơn.

Trước chùa lại có một cửa tam quan vô cùng tinh xảo, màu sắc óng ánh, kể cũng là một tuyệt tác hiếm thấy của ngành kiến trúc nước nhà. Bên trong chùa, cột và bàn thờ Phật đều bằng gỗ quý, chạm trổ mỹ thuật, vàng son rực rỡ. Còn có một tượng Phật cao độ 3 thước, thếp vàng óng ánh, càng tăng vẻ đẹp lộng lẫy nguy nga. Có thể nói chùa Vĩnh-Tràng vừa là chốn tôn nghiêm có tiếng trong nền Đạo mà cũng vừa là một cảnh đẹp dễ làm say đắm lòng du khách, gột rửa trần tâm, lâng lâng chẳng bợn chút trần ai giữa cuộc đời ngựa xe rộn rịp, bã vinh hoa nhiều cám dỗ.



Cửa Tam quan chùa Vĩnh-Tràng trên một pho tượng của cố Hoà-thượng Minh-Đàn, người sáng lập ngôi chùa này.



Mặt tiền chùa Vĩnh-Tràng, một trong những ngôi chùa lớn nhứt và đẹp nhứt của tỉnh Định-Tường

Phần thứ tư :

— **Sự tích**

— **Lịch sử**

— **Huyền sử**

— **Giai thoại**

SỰ TÍCH

CON KINH BẢO ĐỊNH HÀ

Từ khi Nguyễn cư Trinh dùng chính sách tam thực mà mở rộng miền Nam, các người sau kế tiếp nhau ruỗng rừng phá núi, công trình gian-lao khôn xiết kể. Mỗi một vùng đất, một con kinh, một ngọn rạch, cây cầu, thảy đều có mang di tích người xưa để lại.

Kịp lúc quân Pháp sang đây chiếm đoạt, các di tích xưa lần lượt bị khoác vào mình những cái tên... Tây, mà tên cũ non sông hầu như bị chìm trong quên lãng ! Như cầu Thị-Nghè mang tên là Arroyo de l'Avalanche, Bảo định hà mà cũng đội tên là Arroyo de la Poste, Miếu Kiến Trung thì gọi là Ô-ma (Aux Mares) hoặc Camp des Mares.

Arroyo de la Poste hay Bảo định hà xưa, nguồn gốc ra sao ? Ấy là một con kinh do Bửu-Thiện-Hầu Nguyễn-văn-Phong và Vân Trường Hầu Nguyễn-cửu-Vân đã đốc xuất quân dân đào vét thành hình.

Theo « Đại Nam Nhất thống chí » và theo tài-liệu của Ông Lê thọ Xuân trong tạp chí « Đại-Việt » số 9 năm 1952 đã nhận định như sau :

Thuở trước về phía trên, rạch Vũng Gù (Tân an) chảy từ Vàm cỏ Tây tới quán Thị Cai (?), về phía dưới, rạch Mỹ-tho chảy từ Tiền giang tới chợ Lương phú (nay là Bến-tranh), còn đoạn giữa thì ruộng giồng liên tiếp với nhau.

Đến năm Ất-Dậu 1705, đời chúa Nguyễn hiếu Minh Vương. Nguyễn cử Vân phụng mạng vào giúp vua Chân-Lạp là Nặc ông Yêm công phá binh Xiêm. Địch quân thường do vùng giồng cao ruộng thấp này mà đánh phía sau quân ta.

Nguyễn Cửu Vân bèn dạy đắp lũy dài từ quán Thị Cai đến Bến-Tranh, và dạy đào hai bên rạch Vũng Gù và Mỹ-tho cho nối liền nhau, để ngoài lũy có hào sâu rộng.

Về sau, theo dòng nước này, người ta vét thành một con kinh Nhưng vì đường nước đi xa lại phải qua nhiều khúc quanh co, nên những chỗ hẹp thì bùn đọng cỏ mọc, lâu ngày nơi thì cạn lên, nơi thì nhỏ lại, thuyền bè khó thông thương Nhất là tại chỗ giáp nước là chợ Thân-trọng ngày nay (thuộc làng Phú-kiết) nước chảy yếu quá nên càng cạn lắm, ghe đến đó phải cặm sào chờ nước lớn thật đầy mới qua được. Đó là chưa nói đến sự khó-khăn trong khi gặp nước ươn, nước kém.

Đến năm Kỷ Mão 1819, ngày 28 tháng giêng âm lịch, vua Gia-Long giáng chỉ dạy quan trấn thủ tỉnh Định-Tường (Mỹ-tho) là Bửu Thiện Hầu Nguyễn-văn-Phong đem 9.679 dân tráng trong trấn chia làm ba tốp, thay phiên nhau vét lại kinh này. Dân phu thì được cấp cho mỗi người một quan tiền và một vuông gạo trong một tháng.

Bấy giờ, Phó Tổng Trấn thành Gia-Định là Huỳnh-công-Lý giám đốc việc đào kinh. Hễ gặp chỗ hẹp thì vét rộng ra, gặp chỗ cạn vét sâu xuống, chỗ cong queo thì vét ngay.

Đến ngày mùng 4 tháng 4 nhuần thì hoàn thành đoạn kinh mới từ chợ Thân trọng đến Hóc-đồng (?) dài 14 dặm rưỡi (độ 9.000 thước), rộng 15 thước ta (độ 6 thước tây) và sâu 9 thước ta (3,50m). Đào xong, Huỳnh-công-Lý cho khắc bia kỷ-công dựng bên mé kinh, gần chợ Thân-trọng và chạy sớ về triều Nhà vua đặt tên cho cả dòng nước từ Vàm cỏ Tây tới Tiền-giang của trấn Định-Tường là Bảo định hà.

Thế là từ tháng 4 nhuần năm Kỷ Mão 1819, con sông Bảo định do vua Gia-Long ngự tứ danh hiệu, giúp nhân dân được nhiều tiện lợi.

Điều nên biết thêm, đến năm Minh Mạng thứ 6 (Ất Tị 1835). Bảo định hà này lại đổi tên là sông Trí-tường (Trí-tường giang), có tạc bia đá dựng nơi bờ sông thôn Phú-Kiết.

CON KINH TỔNG-ĐỐC LỘC

Khoảng năm 1895-1899, Tổng đốc hàm Trần bá Lộc điều-khiển việc đào kinh trong vùng Đồng Tháp Mười, tổng số các kinh đào ước lượng 289 cây số. Công cuộc khai kinh Tháp Mười hoàn thành, Chánh Tham-biện Mỹ Tho gửi công văn lên Saigon tường trình, xin quan Toàn quyền Đông Dương ban tên kinh mới là kinh Tổng đốc Lộc. Quan Toàn quyền chuẩn y.

Chẳng những kinh Tổng đốc Lộc còn truyền đến ngày nay, mà trên con đường vào Đồng Tháp Mười, tại xã Mỹ Lợi, thuộc quận Sùng Hiếu (Cái Bè) còn có đền thờ Phú Thọ, kiến trúc theo lối Ấn độ, dựng lên để ghi... ân Tổng đốc Lộc đã đào kinh, giúp ích rất nhiều cho nông nghiệp tại vùng Đồng Tháp.

Thế thì công nghiệp của Tổng đốc Trần bá Lộc ra sao ? Thiết tưởng cũng nên ghi lại đây vài nét tiểu sử để công đồng tường lãm.

Trần bá Lộc sinh ngày mùng 1 tháng 2 năm Kỷ Hợi 1839, tại Cù lao Giêng, làng Tân Đức, tổng An Bình, tỉnh Định-Tường. Xuất thân làm Cai tại Mỹ Tho trong năm 1861. Năm sau lên chức Đội nhì. Năm 1864 có công bắt đám trộm cướp, được thăng Đội nhứt.

Từ năm 1865, Đội Lộc trổ tài vừa giúp « mẫu quốc Lang-sa », đánh dẹp « bọn phiến loạn » tại Đồng tháp Mười, và có công « dẹp giặc » mấy trận tại Vĩnh Long, nên được ngồi chức Tri huyện Kiến Phong (Cái Bè xưa), được thưởng quân công ngân bài. Rồi thăng Tri phủ, thưởng Chánh quốc tam hạng bội tinh.

Năm 1887, có công phù tá quân Pháp đánh lấy Sadec, Cần-lố, bắt Tổng binh Bút, ngay năm sau được thăng chức Đốc phủ sứ.

Đáng kể nhất là ông đã bắt Thủ-khoa Huân trong năm 1876, được thưởng chánh quốc nhất hạng bội tinh Sau đó được thăng Thuận Khánh Tổng đốc hàm, ông ra sức đánh phá các đồn Văn Thân tại Bình Thuận, Khánh Hòa. Được Vua Đồng-Khánh ban Nhất hạng long tinh, Vua Miên ban Nhất hạng bửu tinh,

Năm 1887, ông bắt Mai-xuân-Thưởng, dẹp tan cuộc khởi nghĩa ở Bình định. Được sắc tứ Ngọc bội, Kim thánh, Kim tiền.

Và còn nhiều nữa. Nhất là chính ông đã bắt sống « Bốn Ông Cai-lậy » (Tứ Kiệt : Long, Thân, Rồng, Đước) đem xử giảo tại chợ Cai-lậy.

Đ ấy, đại khái công lao của ông đối với Chánh-Phủ Bảo-l ộ là như thế !

Chẳng hiểu ông đã đắc ý ra sao, nên trước dinh ông, có đề một đôi liễn xem ra như tỏ tâm chí mình là hạng ... yêu nước lắm :

« Thành gia chí tại sơn hà cố
« Báo quốc tâm đồng nhật nguyệt cao.

Cho đến năm 1899 ông mất, thọ 61 tuổi. Đám táng ông lớn nhất trong thời ấy. Quan tài thếp vàng, thợ vẽ thợ chạm làm suốt 10 ngày, 900 ngọn đèn cầy thắp luôn ngày đêm. Dân chúng khắp 45 làng thuộc quận Cái-Bè đều được lịnh phải bày hương án tiễn đưa Ông về chốn cuối cùng !

Đời Ông, công hay tội đối với quốc gia Dân tộc ? Điều nên biết, khoảng năm 1945, khi toàn dân đã vùng lên đòi lại độc-lập, anh dũng kháng Pháp, dân chúng đã đốt cháy tiêu dinh cũ của Ông.

Dị Nhơn Thị có bài thơ châm biếm :

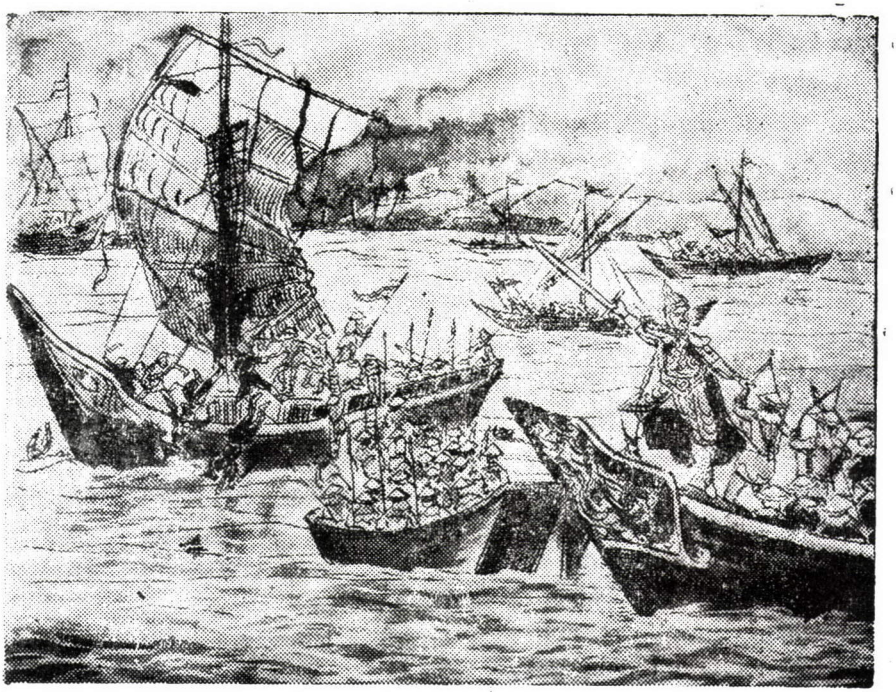
Dám đem xương máu của đồng bào
Mà cất cái dinh thật lớn lao.
Khói toả cung A rằng chuyện cũ,
Lửa thiêu dinh Bi khác đâu nào
Phi gia quân đối sơn hà cố
Báo oán dân đồng nhật nguyệt cao,
Nước rạch Cái-bè trong leo lẻo
Làm gương cho sách để về sau

LỊCH-SỬ

ĐỊNH-TƯỜNG VỚI TRẬN RẠCH GẦM : QUANG-TRUNG NGUYỄN HUỆ ĐẠI PHÁ QUÂN XIÊM

Rạch Gầm chảy ngang tổng Thuận-bình, quận Long-định, dài 11 cây số mang tên chữ là Sầm-Giang.

Sầm-giang cách tỉnh lỵ Mỹ-Tho 14 cây số, bắt nguồn từ làng Long-Tiên, uốn khúc quanh co qua các làng Mỹ-Phong, Bàn-long, Vĩnh-kim, Kim-Sơn, và cuối cùng đổ ra sông Cửu-Long. Ở cửa sông Sầm-Giang tục gọi rạch Gầm, từng ghi hai trận đánh vô cùng khốc liệt !



Trận thủy chiến lịch-sử : Nguyễn-Huệ đại phá 2 vạn quân Xiêm tại sông Rạch Gầm vào năm Giáp Thìn 1874

Lần thứ nhất, vào khoảng năm Canh-ngọ 1750, quân Xiêm kéo đến xâm-lăng, đánh nhau với quân ta dữ dội gần rạch

Gầm. Kết quả, quân ta thất trận để quân Xiêm vào chiếm Định-Tường. Nhưng chẳng bao lâu, quân ta quật khởi, đánh đuổi quân xâm-lăng đi được.

Lần thứ hai, cuộc ác chiến xảy ra giữa quân Tây-Sơn và viện binh Xiêm do chúa Nguyễn Ánh rước vào, khiến sóng nước rạch Gầm loang máu đỏ một vùng. Đây mới là trận đáng kể nhất trong lịch sử nước ta nói chung, và trên mảnh đất Định-tường nói riêng.

Năm ấy, Giáp-Thìn 1874, khoảng tháng 6 âm lịch, chúa Nguyễn Ánh từ Xiêm trở về nước, có hai viên Đại tướng Xiêm là Chiêu-Tăng và Chiêu Sương đem 20.000 quân Xiêm và 300 chiến thuyền theo giúp. Ấy là kết quả những tháng năm tá túc nước người, chúa Nguyễn đã cầu viện được lực lượng của nước người hỗ trợ.

Binh tướng Xiêm quả hùng dũng thật. Với một lực lượng 20.000 quân và 300 chiến thuyền, họ đã hoành hành trên đất nước ta như một quân đội hùng hậu vô địch, đánh đâu thắng đó, coi đám quân Tây-Sơn chẳng ra gì. Nhờ oai thế của họ, từ tháng bảy cho đến tháng 11, chúa Nguyễn lần lượt thu phục lại đất đai Rạch-giá, Cần-thơ, Sóc trăng (xưa gọi là Ba-thắc) Trà-Ôn, Mân-thít, Sa-đéc, Ba-rài và Trà-tân (vùng Cai-lậy, Mỹ-tho). Quân Xiêm được thế càng ngạo nghễ, tự đắc diệu võ dương oai, miệt thị Tây-Sơn như đồ bỏ.

Tuy nhiên, dầu thắt trận ở nhiều nơi trước quân đội ngoại viện đã ủng-hộ chúa Nguyễn, nhưng Tây-Sơn cũng đã chống trả chẳng hèn yếu gì. Bằng chứng là trong trận đánh ở Mân-thít, Tây-Sơn đã giết mất một viên Thượng tướng của chúa Nguyễn là Châu-văn-Tiếp.

Thấy Châu-văn-Tiếp bị giết, chúa Nguyễn có vẻ buồn rầu lo ngại, hai viên Đại-tướng Xiêm ngạo mạn thưa :

— Ngài chớ lo. Chúng tôi dư sức giúp Ngài tận diệt lũ Tây-Sơn cho, sá gì bọn chuột lắc ấy.

Nói xong, Chiêu-Tăng và Chiêu-Sương xua quân tấn công Tây-Sơn ráo riết, như để trả thù cho Châu-văn-Tiếp và như

phô trương tài nghệ của mình, thanh thế lấy lừng của quân-đội Xiêm thiện chiến.

Đương đầu với đám binh Xiêm háo thắng khinh địch, các tướng sĩ Tây-sơn thật ra chẳng nao núng gì. Nhưng cần thận hơn, và biết người biết mình, Đô-đốc Tây-Sơn một mặt cầm cự, một mặt cho người về Qui-Nhơn báo cáo tình hình với Chúa tướng Nguyễn-Huệ.

Hay tin, Nguyễn-Huệ cả giận, bỏn thân dẫn đại quân vào Nam. Hùng dũng, hăm hở tự tin, đoàn quân Tây-Sơn từ Qui-Nhơn kéo vào tiếp ứng, khiến toàn thể binh tướng Tây-Sơn đều lên tinh-thần, phấn-khởi chiến-đấu oai phong lẫm liệt.

Quân thám tử cấp báo cùng chúa Nguyễn-Ánh :

— Thật đáng ngại ; Chúa tướng Tây-Sơn là Bắc-Bình-Vương Nguyễn-Huệ đã vào Nam chỉ huy toàn quân kháng cự với binh tướng Xiêm.

Nguyễn-Ánh lo ra, cho vời hai tướng Xiêm thương nghị :

— Nguy rồi. Nguyễn-Huệ rất giỏi cầm binh. Hai vị tướng quân phải đề phòng cho lắm mới xong.

Chiêu Tăng, Chiêu-Sương cười lạt :

— Bọn tôi coi gã ấy chẳng khác đám vô danh tiểu tốt. Ngài có quá sợ thì hãy cứ lui lại xa mà chờ tin báo tiệp đắc thắng của bọn tôi.

— Cẩn thận vẫn hơn. Xin hai vị tướng quân chớ khá khinh địch.

— Bọn tôi đã có kế hoạch tấn công, sẽ đè bẹp chúng nó trong một sớm một chiều chẳng khó gì đâu.

Chúa Nguyễn Ánh vẫn thầm lo ngại, lặng lẽ chẳng nói gì nữa với tướng Xiêm, một mặt dặn dò tướng sĩ tâm phúc của mình, một mặt trở lại hòn Thổ-châu để chờ nghe tin tức thế nào.

Bấy giờ vào tháng chạp năm Giáp Thìn (1784). Đại quân Tây-Sơn do Bắc-Bình-Vương Nguyễn-Huệ đích thân chỉ huy từ Mỹ Tho kéo lên Trà-tân dự chiến. Tướng Xiêm Chiêu-Tăng và Chiêu-Sương vẫn cậy tài, xua quân nghinh chiến dữ dội.

Đã có sắp đặp chiến lược, mưu cơ, Nguyễn-Huệ vừa đánh vừa quan sát thêm lực lượng Xiêm. Thấy bọn chúng hữu dõng vô mưu, Nguyễn-Huệ cười lạt, càng vững tin tướng sĩ của mình sẽ đập tan đám quân Xiêm ngạo nghễ.

Giao phong suốt mấy tiếng đồng hồ, Nguyễn-Huệ bỗng ngầm ra hiệu. Tức thì tướng sĩ Tây-Sơn trá bại tháo lui. Binh tướng Xiêm hùng hổ đuổi theo. Chiêu-Tăng bảo Chiêu-Sương :

— Lũ chuột đã khiếp oai thế của ta, cuốn vó chạy dài như thế, nực cười chúa Nguyễn Ánh đi sợ một tên thất phu Tây-Sơn nhỉ.

Giữa lúc binh tướng Xiêm từ Trà-tân đắc ý đuổi theo quân Tây-Sơn, chúng nào hay Bắc-Bình Vương Nguyễn-Huệ đã âm thầm bủa lưới, bất thình lình trở lại vây bọc phía ngoài. Đồng thời, nơi rạch Gầm, lực lượng Tây-sơn cũng đã chờ sẵn đó, để thanh toán quân Xiêm nội một trận cho dứt khoát.

Đôi bên đụng độ kinh hồn tại Rạch Gầm. Trống trận vang trời. Quân Tây Sơn mai phục rải rác ở Rạch Gầm và Xoài mút đồ ra chận mặt trước và mặt sau của binh Xiêm. Đồng thời, đại quân do Nguyễn Huệ chỉ huy cũng đã trở lại bao vây phía ngoài chặt chẽ.

— Tiến ! Tiến ! Đừng để một tên quân Xiêm nào chạy thoát.

Quân Tây Sơn hò reo tở mở. Ba mặt đánh dồn mãnh liệt. Chiến thuyền Xiêm tan tác. Quân Xiêm hoang mang rối loạn, hồn vía chẳng còn, không còn lòng nào ham đánh nữa, kinh-hoàng xô nhau tìm đường chạy chết.

Giờ phút này Chiêu Tăng, Chiêu Sương mới hết dám coi thường Nguyễn Huệ. Nhưng đã muộn rồi. Manh giáp chẳng còn, hai Đại tướng Xiêm dẫn đám binh tàn bỏ hết chiến thuyền, tranh nhau thoát thân lên bờ.

Một tiếng pháo hiệu nổ vang. Tướng sĩ Tây Sơn cũng đã mai phục sẵn trên bộ từ lâu, đổ xô ra chận đánh quân Xiêm càng dữ dội hơn. Té ra đúng như chỗ dự liệu của Nguyễn Huệ, nhất nhất quân Xiêm lọt vào lưới bủa.

Rạch Gầm từ đây muôn thủa ghi nét vàng son trên lịch-sử. Trận Rạch Gầm vô cùng oanh liệt, chứng tỏ oai hùng và mưu lược của Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ trí toán chẳng kém Khổng Minh, tài cầm quân không nhường Hàn Tín.

Một trận Rạch Gầm đủ chôn vùi tên tuổi hai viên tướng Xiêm Chiêu Tăng và Chiêu Sương hữu dũng vô mưu. Ba trăm chiến thuyền Xiêm không còn một chiếc. Hai mươi ngàn quân Xiêm chỉ còn sót vài ngàn băng rừng vượt núi chạy về Vọng-Các thẳng một mạch, chẳng dám quay đầu ngó lại.

Nghe tin cấp báo quân Xiêm đại bại, Chúa Nguyễn Ánh chạy mặt Nguyễn Huệ, quay lại Cần Thơ rồi ra hòn Thổ châu, Cổ cốt, qua Xiêm lánh thân lần nữa !

Trận Rạch Gầm ! Quang Trung Nguyễn Huệ đại phá hai vạn quân Xiêm, dẹp tan 300 chiến thuyền, chứng tỏ tinh thần chiến đấu của nòi Việt có thừa anh dũng để chống cự với cường lân địch quốc bất cứ từ đâu đến. Huống chi, sau này, năm Kỷ Dậu 1789, Quang Trung Nguyễn Huệ còn thêm đại phá 20 vạn quân Thanh do Tôn sĩ Nghị thống lãnh, còn thêm nét kiêu hùng dũng cảm của nòi Việt biết bao.

Quí bạn đọc xem qua bài lược sử trận đánh Rạch-Gầm mà chúng tôi đã tường thuật kẻ có tâm chí hoài bão đến Quê hương, có đáng buồn, đáng tủi cho đất nước ta thời ấy không ? Cũng vì dãy gấm vóc non sông nầy, mà Gia-Long cầu viện ngoại bang, cỏng rắn về cắn gà nhà, gây cảnh núi xương sông máu khắp trên lãnh thổ, dân chúng chịu muôn ngàn khổ sở điêu-linh, và lịch sử cũng chứng minh điều đó.

HUYỀN-THOẠI

TẢ QUÂN LÊ-VĂN-DUYỆT
Với câu chuyện Xã Trưởng Vĩnh-Kim-Đông chở đá

Hồi Đức Tả quân còn làm Tổng-trấn Gia-định-thành giữa lúc mà quyền uy của ngài còn vang danh nhứt thời, mỗi khi người dân được lịnh Tả quân cho đòi hầu là cả một vấn đề sanh tử.

Có thể nói là kinh tâm động phách. Trường hợp ông Xã trưởng làng Vĩnh-Kim-Đông, một hôm được lệnh hỏa tốc phải đến hầu ngài Tả quân vào ngày giờ đã định.

Ông Xã trưởng hồn kinh phách lạc vội từ giã vợ con và hội tề, lòng tự kể như mình ra đi không có ngày về, ông xã trưởng đi bằng chiếc ghe lường có 3 tay chèo theo ngõ sông Bảo-Định giang. Ghe đi suốt một ngày, vào 8 giờ tối thì tới giáp nước sông Thủ-Thừa. Ghe ông cũng như bao nhiêu ghe khác phải ngừng lại đợi nước. Ông Xã trưởng nằm gát tay lên trán, lo sợ cho số mệnh của mình, nhứt là giờ diện kiến sẽ tới. Trong khi đó trên bờ sông Thủ-Thừa tại tòa cổ tự Linh-Sơn Thánh-Mẫu đang có cuộc cúng lễ và lên đồng. Tiếng trống cắt tung hòa với tiếng đờn cò ò-e não nuột giữa bầu không khí khói trầm nghi ngút. Bà bóng ngồi đồng ụa ngáp một hơi rồi bỗng nhiên cười ha hả tự xưng là Hỏa đức Tinh quân. Bà truyền cho chủ lễ phải chạy đi mời xã trưởng làng Vĩnh kim đông.

Chủ lễ lo ngại gạn hỏi Đức Bà Hoả tinh quân :

— Tâu lệnh Bà phải tìm ông xã trưởng Vĩnh-kim-Đông ở đâu ?

— Các ngươi hãy lại bờ sông nơi giáp nước chỗ đoàn ghe thương hồ đậu.

Gia nhân kẻ đuốc người đèn chạy vội vã xuống bến ghe và gọi lớn :

— Ghe nào là ghe của ông xã trưởng Vĩnh-kim-đông.

Ông xã trưởng đang nằm lo buồn, nghe gọi trúng tên lồm cồm bò ra khỏi mui ghe. Sau khi nghe rõ tự sự, ông lại giật mình lo sợ vội vã khăn áo theo gia nhân vào Miếu. Khi được đưa vào chính điện xã trưởng cúi lạy ra mắt, Hoả tinh quân cười ha hả.

— Kính chào Xã trưởng Vĩnh-kim-đông. Ta là Hoả tinh Nương Nương biết nhà ngươi có chuyện lo buồn vì được Đức Tả quân cho đòi hầu. Ta cho nhà ngươi biết đây là chuyện lành chớ không phải chuyện dữ, nhà ngươi hãy mừng và trấn tỉnh tinh thần, nhưng hãy nghe lời ta. Ngày mai, hãy đợi giờ Thìn là giờ Đức Tả quân vui hãy vào hầu. Khi vào van vái ta, ta sẽ phù hộ cho. Nói rồi bà thăng.

Ông xã trưởng đi từ ngạc nhiên nầy đến ngạc nhiên nọ bao nhiêu câu hỏi lộn xộn trong đầu óc.

— Tại sao Hoả tinh Quân xuất hiện, lại biết mình là xã trưởng Vĩnh kim đông.

— Tại sao Hoả tinh quân biết mình được lệnh Tả quân cho đòi hầu và hỗ trợ mình dặn phải đợi giờ Thìn mà vào. Thật là lạ lùng linh hiển. Từ giờ phút đó ông luôn van vái Hoả tinh nương nương, ông nguyện mọi sự sẽ êm đẹp như lời bà, ông sẽ lập miếu để thờ bà.

Ngày hôm sau khi ghe cập bến sông Sài Côn, ông xã trưởng khăn áo chỉnh tề và đợi đúng giờ Thìn xin ra mắt vào hầu Tả quân, ông không quên khấu nguyện Hoả tinh Quân phù hộ.

Sau phần nghi lễ, đức Tả quân niềm nở đón tiếp xã trưởng một cử chỉ ưu ái mà ít khi Ngài biểu-lộ với những người đến hầu.

— Ta cho đòi nhà ngươi đến để nhờ một việc. Ta có một số đá tản ong (loại đá tốt vùng Đồng Nai Biên Hòa), muốn nhờ nhà ngươi đem về để dùng xây lăng cho 2 cụ cố. Nhà ngươi thấy chở cách nào cho tiện.

— Bẩm quan lớn có thể cho đi đường sông nhưng khi về tới Định-Tường, thay vì vào ngõ sông Rạch Gầm ghe cặp bến sông Cửu Long chỗ Mỹ thuận Tây lên đá ở đó rồi cho xe trâu cộ về Long-Hưng thì tiện nhất.

Tả quân nghe trình bày gãy gọn rất bằng lòng, bèn kêu gia nhân cho tiếp sức với xã trưởng để lo việc vận tải đá không quên tặng thưởng xã-trưởng một số tiền thưởng.

Xã trưởng lạy tạ lui ra.

Trên đường về mặc dù phải trông nom 2 chiếc ghe lường nặng chở đá nhưng lòng ông xã trưởng thật vui mừng nhẹ nhõm. Ông lại còn tự xem mình như có phước lớn được đức Tả quân ưu đãi.

Khi về làng Vĩnh Kim Đông ông xã trưởng chọn ngày làm tháng tốt cho làm heo tạ lễ Hỏa tinh nương nương và trong buổi tiệc có đông đủ Hương chức Hội tề, ông kính cẩn thuật lại những việc lạ lùng huyền bí mà ông là người mắt thấy tai nghe. Hội tề Hương chức ai cũng ngạc nhiên cho là một chuyện huyền bí. Và thế theo lời yêu cầu của vị Tiên chủ trong làng, Hội tề và dân chúng đóng góp số tiền để kiến tạo ngôi miếu thờ Hỏa tinh nương nương Hiện nay tại làng Vĩnh Kim Đông, quận Long-Định, mặc dù thời cuộc chiến tranh, tang thương biến đổi nhưng ngôi miếu Hỏa tinh quân tục gọi là Miếu bà Hỏa vẫn còn nguyên vẹn.

Các vị chức sắc trong làng vẫn tổ-chức tế lễ mỗi năm 2 kỳ vào ngày rằm tháng 4 và rằm tháng 10 âm lịch.

Câu chuyện huyền thoại trên đây do bạn Khổng-Nghi (nhà văn sanh trưởng ở Sầm-Giang) thuật lại. Tác-giả dùng tốc ký ghi lại nguyên văn. Khi tác giả đến viếng Sầm giang (ngày 1-1-66 ông bạn Khổng Nghi có hướng dẫn tác giả đi thăm một số thân hào nhân sĩ như ông Chánh Ba (Nguyễn văn Hợi) ông Bái Ngọ và cuối cùng ông Nguyễn văn Dần (Tư Dần) chánh sắc Cao-Đài.

Quí ông đều xác nhận câu chuyện trên đây có thật, được các vị bô lão truyền tụng từ đời cha đến đời con, vì vậy các con cháu vẫn như còn nhớ từ lời của cha mình kể lại Ông Tư Dần còn xác nhận với tác giả rằng : Hoả tinh quân rất linh. Ban đêm người ta thường thấy những luồng ánh sáng xanh màu đọt chuối xẹt từ cây da cồ về toà cồ miếu hoặc từ toà cồ miếu về cây Dương, cao nhất trong làng. Người thấy biết là Bà giáng hạ, phải chắp tay cầu nguyện.

HỒN THIÊNG TRINH NỮ NGUYỄN-THỊ-LIỆU (1834-1852) RA HUẾ BÁO MỘNG KÊU OAN CÙNG VUA TỰ-ĐỨC

Làng Mỹ-đông xưa (nay là làng Long-tiên, quận Khiêm-ích tức Cai lậy ngày trước), bên bờ rạch Trà-tân. có nhà họ Nguyễn phước đức, sinh một gái là thị Liệu dung nhan xinh đẹp, phong tư phẩm cách đoan trang trinh liệt khác thường.

Năm 16 tuổi, cô Nguyễn thị Liệu (có sách chép là thị Liễu) càng nức tiếng hiền thục. Xa gần nhiều nơi cậy mai mối cầu hôn, nhưng song thân cô chưa quyết định bề nào. Riêng cô cũng không nghĩ gì đến việc hôn nhân hạnh-phúc đời mình, bởi lòng hiếu thảo, thấy cha mẹ còn vất vả làm ăn, cô không đành rời gia đình, hôm sớm tận tâm giúp đỡ song thân.

Bấy giờ nhằm đời vua Thiệu-Trị, năm thứ 5 (Ất-Tỵ 1845) nước ta đang cùng nước Chân-Lạp có điều hiềm khích gây hấn với nhau. Ngặt một nỗi, song thân cô theo nghề buôn, lại phải thường qua lại biên giới nước địch. Nhưng biết làm sao ! Cô khuyên thân phụ không nên mạo hiểm. Thân phụ cô thở dài :

— Một thời gian nữa cha sẽ tìm cách sinh nhai khác. Ta không gây thù kết oán với ai, một mực lo làm ăn, ai lại hại ta làm chi.

— Thưa cha, lúc này xin cha nên cẩn thận đề phòng.

Điều lo ngại của cô, quả nhiên chẳng phải là không có kiến thức Ngày kia, cô được tin thân phụ cô bị giặc cướp chận bắt trên đường Kompong Chàm. Nóng ruột cha, cô lặn lội đi dò thăm tin tức. Ngờ đâu sa vào bẫy rập của người Miên tên Thạch Giao, cô bị chúng áp bức toan xâm phạm tiết hạnh. Cô khẳng khái chống cự :

—Chúng bây giờ thói dã man, ta chết đi quyết sẽ hiển linh vì dân trừ hại.

Dứt lời cô đập đầu vào đá, quyên sinh tử tiết. Chúng không thỏa mãn được dục vọng, căm tức lôi thây cô dập vùi nơi rừng rậm

Thời gian qua . . .

Một đêm kia, tên Thạch-Giao đang cùng đồng bọn chia của trong một vụ mới đánh cướp của thương gia người Việt, rượu đôi chén tàng tàng, Thạch-Giao cất cao giọng ngạo nghễ :

—Thằng Thạch-Giao này làm mối nào thì ăn chắc mối đó, ai mà chạy thoát được.

Bỗng dưng Thạch-Giao đảo lia, đôi mắt long lên sòng sọc, trừng trừng nhìn đồng bọn thét to :

—Quân khốn kiếp ! Lũ bây một đời làm ác chẳng biết bao nhiêu, nay đã đến ngày đền tội. Ta là Nguyễn-thị-Liệu báo oán cho ta và cha mẹ ta đây.

Dứt lời Thạch Giao tự tay bóp cổ mình cho đến trào máu mà dẫy chết. Bọn cướp biết ngay hồn linh trinh nữ đã hiện ra báo oán, ai nấy kinh hồn thất sắc. Nhưng không gã nào chạy đâu được, dường như có bóng vô hình ghìm chân chúng lại. Rồi một tên trong bọn lại thét to, điểm mặt từng đứa trong bọn chúng :

— Thằng So, thằng Rô, thằng Soul, bây tàn hại một đời con gái của ta, bay phải tự giết lẫn nhau đi, cho xã hội hết phường dâm ác.

Thật lạ lùng ! Lời ấy như một mạng lịnh truyền ra, tất cả bọn chúng bỗng rùng rùng tuốt khí-giới chém giết lẫn nhau, chết sạch không sót gã nào, duy tên bị hồn trinh nữ nhập vào sai khiến, từ ấy đâm ra ngẩn-ngơ điên dại, đến đâu cũng xưng tội ác của mình đã làm, rồi khóc ròng lạy van xin cô Nguyễn-thị-Liệu tha cho.

Do đó, dân gian truyền nhau câu truyện trinh nữ Nguyễn-thị-Liệu hiển-linh.

Chẳng bao lâu, hồn cô Liệu cũng tìm ra được kẻ đã giết hại cha cô, trả thù rửa hận một cách kinh khủng. Dân gian càng cảm phục khiếp sợ oai linh cô, bàn nhau lập miếu thờ.

Đêm kia, quan trấn Châu-đốc đang nằm mơ màng trong phòng, bỗng thấy một bóng trắng thấp thoáng dưới ánh đèn lao xao gió tạt khi mờ khi tỏ. Giựt mình nhìn kỹ, quan trấn nhận ra đó là một người con gái. Bèn cất tiếng nạt :

— Đang đêm nàng là ai mà vào đây ?

Bóng trắng khép nép thưa :

— Tiện nữ là Nguyễn-thị-Liệu chẳng may xấu số bạc mạng. Đau lòng nỗi nhà nỗi nước, căm thù quân tàn bạo dã man, nên xin đến ngõ cùng thượng quan điều cơ mật : quân Chân-Lạp hiện đang đóng binh tại một vùng hiểm yếu. Thượng quan đêm nay hãy lập tức đến bao vây nơi địa điểm ấy sẽ có hồn linh tiện nữ giúp sức cho. Xin thượng quan lưu tâm, chẳng nên coi thường lời tiện nữ.

Bóng trắng biến mất. Bên tai như còn nghe văng vẳng tiếng người trinh nữ giục thúc, quan trấn vốn đã có nghe biết truyện Nguyễn-thị-Liệu, nên không nghi ngại gì, lập tức làm y theo lời chỉ dẫn.

Điểm binh xong, vừa kéo đi, lại thấy một con bướm trắng bay vờn theo, đuổi mãi không đi và nghiệm kỹ thấy như bướm cố ý hướng dẫn toán quân, quan Trấn càng tin linh hồn trinh nữ quả theo ra sức trừ giặc.

Trong cuộc bao vây tấn công chớp nhoáng, quân ta toàn thắng. Rồi sau đó, cứ cách vài đêm thì trinh nữ Nguyễn thị Liệu lại hiển hiện báo cho quan Trấn Châu-đốc biết trước về các dự định hành quân của quân đội Chân-Lạp. Nhờ đó quân ta dẹp yên loạn.

Khi thái bình trở lại trên đất nước, quan Trấn Châu-đốc đệ sớ về triều tâu rõ sự tình.

Triều đình dạy quan trấn thủ lập miếu thờ người nơi làng Mỹ-đông thượng và tặng cho nhà họ Nguyễn một đôi liền ghi nét vàng son để nhớ ơn người trinh nữ.

1.- *Thánh đức bao sanh dung thi tiết liệt khả khuyến,*

Nghĩa : chiếu hiệu nhà vua dũng thiệt người con gái trinh-tiết.

2.- *Thiên lương cảm phát vô vi cường bạo sở ô*

Nghĩa : Tánh lành của trời đất không dấy với kẻ cường bạo nơi chỗ nhơ.

TỰ-ĐỨC NGŨ-NIÊN

Câu chuyện trên đây trong liệt truyện đã ghi chép qua người con gái của Định-Tường ngày xưa, tuy đã chết nhưng nặng tình với nước non, đáng là một nử trung trinh danh bia muôn thuở.

OAI LINH ÔNG THẦN CẢ DÁM
(LÀNG KIM SƠN)

Chuyện Ông Cả Dám làng Kim-Sơn thành thần và hết sức linh hiển được đồng bào Kim-Sơn truyền khẩu một cách kính cẩn.

Tại làng Kim-Sơn từ ngày ông Cả Dám thành thần, trong làng không còn vị hương chức nào «diếm» nhận chức Hương cả và toàn thể đồng bào trong làng trong mẫu chuyện đối thoại đều nói « không diếm » thay vì không dám.

Để cống hiến cho độc-giả một câu chuyện huyền thoại có thật, chúng tôi chịu khó lặn lội đi tìm các vị bô lão trong làng vì thời cuộc chiến tranh các gia đình giàu có, khá giả hoặc có uy-tín ở dọc theo bờ sông Rạch-Gầm (Sầm giang) từ cầu sắt chợ Dam đến rạch Bà Hào đều tản cư đi lên Saigon hoặc ra tỉnh Mỹ-Tho Sự đi tìm tài liệu dẫn chứng đòi hỏi một sự cố gắng nếu thiếu thiện chí nhiều khi phải bỏ dỡ. Nhưng nhiều khi nhờ thiện chí chúng tôi được những sự khích lệ bất ngờ, thể hiện ở 2 câu thơ cổ « Đạp phá thiết hài vô mịch xứ, đắc lai toàn bậc phí công phu ». Đi tìm giày sắt tìm không thấy, đến khi tìm thấy chẳng bao công. Cuối cùng nhờ thiện chí chúng tôi được hân hạnh tìm gặp ông Nguyễn văn Sâm tục gọi ông Bảy Sâm hiện gia-đình định cư tại chợ Giồng-Nhỏ (Mỹ-tho), chính ông nội tổ của ông Bảy Sâm : ông Nguyễn-văn-Trí là người được thừa hưởng của ông Cả Dám 4 mẫu vườn, hiện nay ông Bảy Sâm thừa kế phần hương hỏa.

Ông Cả Dám hồi còn sinh tiền là người rất thanh liêm, ông đi đâu cũng bịt chiếc khăn nhiễu điều và xách giỏ trầu cau, ông không hề làm phiền đồng bào về việc trầu thuốc mặc dù miếng trầu là đầu câu chuyện. Khi ông chết và thành Thần ông đã nhập xác đồng nhiều lần để báo mộng cho người trong làng biết. Một số người tin một số người không tin cho là chuyện huyền hoặc dị đoan.

Nhưng từ khi ông Tư Đỏ bị hộc máu ngã chết tại giữa đình làng trong một đêm hát xây chầu, khi ông vừa xây xong một hồi trống ; và chuyện một kép hát bộ về hát trong làng. Mặc dù được nghe chuyện ông Cả Dám tên kép ngạo nghễ vẫn không tin, khi lên sân khấu tên kép ngang nhiên dùng chữ Dám, lái đi lái lại nhiều lần liền bị ngã hộc máu trên sân khấu trước mặt hàng ngàn khán giả. Từ đó hương chức hội tề trong làng cũng như toàn thể đồng bào Kim-Sơn mới tin tưởng kính vì và lập bài vị tôn thờ ông Cả như một vị thần làng, cũng từ lúc ấy những chuyện huyền thoại về sự linh hiển thể hiện cụ thể những câu chuyện thề thốt. Hồi đó trong làng khi 2 người làm ăn có chuyện cãi vả muốn được chứng minh nỗi oan ức của mình, họ đều dắt nhau đến miếu ông Cả để thề. Nếu ai có ý gian sẽ bị mưu hại, theo lời thề. Ông Cả là vị thần chứng minh trừ gian diệt ác, che chở người dân lương thiện làm ăn, cũng nhờ vậy mà người dân Kim-Sơn có được một truyền thống cao đẹp, thật thà chất-phác cũng không hề « diếm » thề thốt nếu xét thấy mình có ý gian.

Theo lời ông Bảy Sâm xác nhận, thì khoảng thời gian 1930 đến 1940 khoảng thời gian thanh bình và thịnh vượng của thôn quê miền Nam. Tại làng Kim-Sơn những cuộc đá gà lớn lao ăn thua to được tổ chức tại Kim-Sơn vào khoảng tháng 2 hay 3 âm lịch, quy tụ những người mộ điệu bốn phương, con trai ông tổng-đốc Lộc là tổng đốc Thọ là người theo đạo Thiên chúa không hề tin tưởng có chuyện thần linh, đến Kim-Sơn nghe chuyện ông Cả Dám, ông bật cười chế diễu. Để thực hiện lòng ngạo nghễ ấy trong những ngày mở mùa độ gà, ông dùng chiếc khăn nhiều điều bịt trên đầu để làm nổi bật cá-nhân ông trước quần chúng trong đấu trường. Ông Thọ mang theo những con gà Nòi đặc biệt nổi tiếng trăm trận trăm thắng. Nhưng, kỳ dị thay liên tiếp 3 ngày ông vẫn thua siểng niểng, càng bắt lớn càng thua to. Ông thua sạch túi tiền mang theo, cuối cùng phải vay mượn tiền của các vị thân hào nhân sĩ trong làng, bao nhiêu tiền mượn ông vẫn bị thua cháy túi ? Khi đến vay tiền Ông Nguyễn văn Trí nội tổ

ông Bảy Sâm, cụ Trí đem chuyện ông bịt khăn nhiều điều (khăn màu đỏ) ra phê bình và khuyên ông Thọ nên đến đình ông Cả khấn vái tạ tội. Ông Thọ nghe theo lời của một bậc nho sĩ khả kính, đến thắp hương tại đình ông cả, lột khăn đỏ và cầu nguyện ông Cả chứng minh sự linh thiêng cho ông gở lại. Những trận gà cuối cùng tại Kim-Sơn, ông Thọ thắng liên tiếp gở số tiền thua mà còn ăn thêm một số tiền khá lớn. Câu chuyện đá gà của ông Thọ được truyền tụng tăng thêm phần uy-linh của ông cả thành thần, gây thêm một tiếng vang cho chuyện huyền sử ông Cả Dám. Chuyện lạ lùng nhứt được đồn đãi là chuyện hai con Lân Sành gắn trên mộ của Bà Cả. Mộ bà Cả và ông Cả được kiến tạo song song với nhau trong khu vườn 4 mẫu mà ông Nguyễn văn Trí hưởng phần hương hoả. Tục truyền những trẻ chăn trâu vào vườn thấy 2 con Lân sành to lớn, trẻ nghịch ngợm thi nhau lên cỡi 2 con lân, nhưng đứa nào lên cỡi cũng bị lật té xuống. Bọn chăn trâu thuật lại chuyện kỳ-dị đó gợi sự tò-mò của một số nông-dân. Họ tìm đến và thử lên cỡi lân đều bị xô té ngã.

Câu chuyện ông Cả Dám thành thần đã được truyền khẩu qua khắp các tỉnh miền Tây. Có một đoàn ghe ở Ba-Động Trà-Vinh (1) thường vào mua bán đậu ghe ở bờ sông cạnh đình thờ ông Cả các ông lái ghe nghe thấy chuyện linh thiêng bèn nẩy ý-kiến ăn cắp lư hương ông Cả đem về thờ ở làng mình, cũng từ dạo ấy chuyện ông Cả Dám dường như bớt linh. Nhưng người dân Kim-Sơn cho đến ngày hôm nay vẫn không diếm dùng danh từ « không dám ». Đọc giả, quyển sách này gặp ai trong câu chuyện hàn huyên đối thoại nghe họ đáp « không diếm » thì đọc giả có thể tiên đoán phần chắc họ là người dân làng Kim-sơn quận Long-định tỉnh Định-Tường.

---

(1) Nhiều bô lão xác nhận lư hương thờ ông Cả hiện còn tại một ngôi đình Ba động (Trà-Vinh).

TÌM HIỂU CUỘC ĐỜI ÔNG CỬ ĐA, TẠI THUỘC NHIÊU

Đi tu tiên núi Trà Lơn đắc đạo xưng hiệu Ngọc-Thanh

Chúng tôi xin hiến quý bạn đọc cũng như quý đạo tâm, hằng nghe danh ông Cử-Đa qua sấm giảng, sách báo nói sơ qua, chứ chưa hiểu rõ cuộc đời hoạt-động của ông xuất xứ ở đâu. Trong quá trình, cũng như bao sĩ phu lên đường làm nhiệm vụ chống xâm-lăng cứu quốc, ông Cử-Đa nhiệt thành tham gia kháng chiến ngay từ phút đầu quốc nạn. Xuất thân võ cử-nhân, lại cũng có tài văn-chương, ông từng xả thân trong các trận đánh với quân xâm-lăng Pháp, ông gan dạ hăng say chiến-đấu diệt thù. Nhưng tình hình đất nước bấy giờ đang lâm vòng đen tối, các cuộc Cần-vương khắp Pháp dần dần lụn bại trước áp lực sắc máu tàn bạo của giặc, ông đành gạt nước mắt lui ẩn nơi rừng sâu núi thẳm.

Ôm lòng đau đớn vì quốc vận gian nan, giam thân cùng sầu trong cảnh thâm u cô tịch, có lẽ do đó tấm lòng ngộ đạo thương đời của ông phát sinh, mà ông phát bồ-đề-tâm quyết tầm đại đạo giải-thoát nghiệp trần.

Theo tài-liệu của Bác sĩ thú y Trương-tấn-Ngọc ở Vĩnh-Kim quận Long-Định (Định-Tường) Mỹ-tho có mỹ ý trao cho chúng tôi mượn tập « SỬ TÍCH ÔNG CỬ ĐA ĐI TU » gồm có mấy bài trường thiên về « Cảnh núi Tà-Lơn » và bài «Lan thiên» do chính ông Cử-Đa sau khi tu tiên đắc đạo lưu lại, chúng tôi nhận thấy :

Ông Cử-Đa sinh trong đời vua Tự-Đức, khoảng năm Canh-tuất 1850, tính đến năm 1968 nầy nếu ông còn giữ xác phàm thì đã hưởng dương 118 tuổi. Ông quê ở Thuộc-nhiêu (trong tỉnh Mỹ-tho), một nơi mà cụ Học-Lạc đã ca ngợi là chốn đất lành chim đỗ, sĩ phu về đấy ẩn dật khá đông :

« Đường thẳng ngựa biêu chân ngán bước
« Rạch cùng cá lội mến quên sông (1)

(1) *Xin xem toàn bài ca ngợi cảnh Thuộc-nhiêu, của Học-Lạc ở phần thứ năm « Định-Tường qua thi ca ».*

Từ xưa đầu xanh ông đã tận tụy đóng góp tâm huyết với đời thế nào, thì đến khi ông quyết chí lìa trần tìm đạo, lòng ông cũng thiệt thành vô biên. Dựa theo bài « Cảnh núi Tà-lơn » ngay mấy câu mở đầu đã nói rõ về bước đường của ông lánh trần tìm đạo :

« Tà-lơn bàn thạch dựa kề
« Thảo ra một bổn đem về phàm dân
« Kể từ ở chốn dương trần
« Năm Mùi tháng Sửu ngày Dần ra đi.

Tính ra, năm Mùi tức là năm Ất Tị 1895, tuổi ông vừa tròn 46. Ông thành thật cởi mở tâm tình qua mấy câu giải tỏ với đời :

« Tuổi vừa khôn lớn một khi
« Mẹ cha cũng đã dĩ quy huỳnh tuyền.
« Lòng ta luống những ưu phiền
« Một mình trực tiết không màng gió trăng.
« Trong mình cũng biết võ văn
« Trải chơi cuộc thế mấy năm giang hồ
« Ngùi ngùi nhớ chốn rừng già
« Bâng khuâng tưởng Phật Thích Ca màu thoàn

Lòng đạo của ông tăng trưởng, nên ông chí quyết :

« Làm sao thoát khỏi cõi trần
« Về nơi Trúc quốc non thần cảnh tiên.

Ông hăm hở lên đường tầm sư học đạo. Đầu tiên ông qua xã Phú-đức, tìm nhờ người thợ tên Châu, nhờ người nầy châu cặp tiền bạc. Rồi rạng ngày mùng 1 ông xuống thuyền ra đi cùng với một người bạn tên Thơ. Suốt sáu ngày lênh đênh trên sóng nước, thuyền cặp bến Cái-dầu vào ngày mùng 7. Rồi từ đó ông lưu lạc khắp nơi trong tỉnh Châu-đốc, vẫn chưa được toại nguyện. Lần hồi nghe đồn trên núi Tà-lơn có điều mầu nhiệm, ông liền tìm đến. Khi ra đi, ông ăn mặc theo lối tu sĩ. Người bạn là Hai Võ tiễn đưa ân cần căn dặn :

« Hai Võ phân nói thiệt thà
« Kinh kệ áo dà để lại chốn ni.
« E khi đi có gặp Tây
« Nó coi thấy đặng sắp bây không còn.

Thì ra trên đường tìm đạo, ông Cử Đa vẫn phải lần tránh quân Pháp nhưng dù đau xót, nguy hiểm thế nào ông vẫn tiến bước. Rồi lần sang Cần-Giọt (Kampot), Dung Trạch (Kompon-trach), trôi nổi ít lâu trên đất Cam-bốt. Tục gọi ông là Sư Bảy.

Cơ duyên dung ruổi, ông gặp được minh sư trên núi Tà-lơn. Đoạn này, trong bài trường thiên trạng cảnh núi Tà-lơn, chính ông đã tỏ tường quê quán :

« Tôn sư mới hỏi sự nhà
« Thung huyên, cô bác cùng là anh em.
« Chẳng hay hà xứ hà danh
« Băng ngàn tìm đến non xanh chốn này
« Sư Bảy (chính ông Cử Đa) quì xuống lạy thầy
«Chổ tôi quê ở ngày rày Thuộc-nhiêu (Mỹ tho).

Ông thí phát quy y vào ngày 14 tháng 3 năm Bính-thân (1896), cải danh đặt hiệu lại là Ngọc-Thanh, tu tại động Bồ-hong. Sau, ông được tôn sư đưa lên ở nơi Trung-tòa.

Thấm thoát bốn năm qua, ông đạt đến mức đạo cao lòng hồ phục, cảm khái thốt lời sau khi đã rõ lẽ-huyền vi :

Từ ta lên ở chốn này
Sớm khuya tích đức tháng ngày tu thân.
Cậy nhờ một vật hộ thân
Để sau cứu độ muôn dân khốn nàn,
Dầu ai có của muôn ngàn
Không bằng diệu pháp rõ ràng báu linh
Đi đâu có gặp yêu tinh
Xem thấy linh bửu thất kinh chạy dài
Giữ gìn sớm tối hôm mai
Một mình sớm tối non đoài cũng vui.

Gẫm trong thế sự ngược xuôi
Nghinh ngang một thuở đọa thôi Diêm phù
Sao bằng non núi ngao du
Thác chưng địa ngục khỏi tù Diêm la
Đời này nhiều quỷ nhiều ma
Cho nên trời đất khiến mà ngửa nghiêng.

Rồi đó ông vân du khắp chốn. Ít lâu, trở về non cũ, ông rời động Trung tòa, lên ở trên động Cao Vân. Đắc đạo, ông thổ lộ nỗi niềm trong một bổn thơ trường thiên lục bát, nhan đề là « Lan thiên », dài 472 câu, trong có đoạn :

Dương trần mỹ tự Cử Đa
Cõi tiên vốn thiệt hiệu là Ngọc Thanh

và nhắn nhủ người đời :

Thuyền ta đang chạy giữa dòng
Nào ai bát cạy lâm lòng thuyền xiêu
Trời chiều gió mát hiu hiu
Ngồi xem vạn lý thuyền xiêu cũng nhiều
Không đi đậu bến lều bều
Trong thuyền sạch quét mấy điều kim ngân
Lại thêm mắc nợ dương trần
Ham vui một thuở mười phần khó thay
Lộng khơi cho đặng mới hay
Tách vòng hải thủy vui say trong đời.

Trên đây chúng tôi tường thuật cuộc đời tu tiên của ông Cử Đa với những tài-liệu chân xác đáng tin. Chúng tôi xin hiến thêm quý bạn một vài mẩu chuyện liên quan đến ông Cử Đa, rất thâm thúy đáng suy gẫm :

Ông Cử-Đa có người cháu gái tên Tường, thứ tư (vốn là thân mẫu ông Huỳnh xuân Sanh, và là người cô thứ tư của Bác sĩ thú y Trương tấn Ngọc, người Mỹ-Tho). Có lần bà Tư Tường lên núi Tà-lơn (lúc bà còn sinh tiền, khoảng năm Bính-ngọ 1908 lối tháng 3) khóc than việc nhân duyên. Ông Cử Đa đọc 4 câu :

« Tiếc thay ! đũa ngọc bịt vàng
« Chả nem không gắp, đè hàng mắm nêm.
« Lên xe gẫy bánh tan tành
« Sá duyên chồng vợ sanh thành sao nên.

Ấy là tỏ ý tiếc cho người cháu thiếu căn tu, không sớm giác ngộ tầm đạo, vướng mắc tục lụy. Bà thị Huề là thân mẫu thú-y Trương-tấn-Ngọc bạch cùng ông Cử-Đa :

— Bạch thầy, xin thầy phổ-độ cho chồng tôi.

Ông Cử Đa nói :

« Người sao đắm trần đọa trần.
« Mắc dây biển ái mắc vòng hồn mê.

Thôi thôi tôi không dám độ đâu.

Lại nữa, thân mẫu của Bác sĩ thú y Trương-tấn-Ngọc, thường hay hát mấy câu hát, nói rằng của ông Cử Đa :

« Ngó lên biển bốn trời ba
« Thấy buồm giương chạy biết nhà là đâu.
« Nhà tôi ở dưới chín từng
« Ở trên non đảnh nửa lừng non cao.

Đặc biệt, trong số báo « Phục Hưng » Xuân năm Đinh hợi 1947, có bài nói về « *Ông Cử Đa hiện hình uống rượu với ông Phan-Khôi tại chợ Bến-thành* », tác giả là *Mộng-Hoa*. Hư thực thế nào không rõ, nhưng thật là một huyền thoại thú vị, chúng tôi xin ghi lại đây những điều đại khái trong bài ấy :

Khoảng năm Giáp tuất 1934, vào đêm trừ tịch, nhà văn Phan-Khôi u sầu dạo gót quanh chợ Bến thành trong lúc năm tàn.

Chợ đã vắng như chùa « Bà Đanh » ; nhưng kìa một cái quán bán cháo lòng, trong hiên chợ, còn sót lai hai người. Một cụ già râu tóc bạc như sương, đầu bịt khăn đầu rìa đỏ, đã có vẻ tiên phong đạo cốt khác thường mà thêm vẻ hiên ngang quắc thước nữa, đang ngồi uống rượu. Mé trong cái ghế dài để trước mặt, một người khách trú chủ quán, ở trần, đang lom khom đếm tiền.

Thấy lạ, ông Tú Phan-Khôi bước tới cúi chào. Ông tú Khôi

càng ngạc nhiên, chưa kịp nói gì, ông lão đã ôn tồn đàm đạo việc văn chương. Rồi bỗng nghe ông lão chép miệng than dài :

— Sài-gòn ngày nay khác xa với Gia-định thành ngày trước. Lâu rồi tôi không « xuống » chơi, chẳng dè phong cảnh và nhân dân đã đổi hẳn. Mới, mới tất cả, mới từ ngoài vỏ vô từ trong lòng ra Nghĩ đến câu : « Sơn hà phá toái thủy phiêu nhứ ; Thân thế phù trầm phong đả bình » mà lòng sinh vô cùng cảm khái. Nhà văn nghĩ như thế nao ?

Ông tú Phan-Khôi nhỏ nhẹ thưa :

— Cháu sinh sau để muộn, việc trước chẳng am tường. Mong cụ là bậc tiền bối chỉ dạy cho việc cũ để ngẫm lại việc bây giờ.

— Việc cũ ? Chuyện trần tôi gác hết ! Những bậc tiên xưa còn ai sánh bằng Liễu nhứt chơn nhơn, thế mà lúc quốc phá gia vong vẫn phải làm tròn nhơn đạo : « Tận trung ư Tề, tận hiếu ư Yên ». Tuy nhiên thánh triết đã dạy : « Nhất ẩm nhất trác giai do tiền định » thì dù cho Gia-Cát Võ hầu lấy hết gan óc ra mà đền ơn cho Lưu tiên chúa cũng chỉ tam phân đảnh túc là cùng. Việc cũ, trước tôi đã làm, lam không thành, tôi không hối tiếc, vì « tận nhân lực tri thiên mạng » ; sao tôi còn làm, làm để trọn nhơn đạo mới nên thiên đạo. Ông hỏi việc cũ, việc cũ của tôi chẳng có gì sánh với những vị đồng thời với tôi khác, vì thời-gian hoạt-động của tôi chỉ ngắn thua một giấc ngủ của ông Trần-Đoàn.

Ông tú Phan-Khôi có ý cảm mến, khẽ nói :

— Cụ cho cháu hân hạnh được biết quý tánh, cao danh ?

— Tên tuổi tôi à ? khách trần gọi tôi là Cử-Đa, vì tôi tên Đa, đậu võ cử. Về sau tôi lấy hiệu là « HƯ KHÔNG » khi nhận thấy người đời trong vũ-trụ chỉ là một hư không.

Ông tú Phan-Khôi mơ mơ màng màng, như say như tỉnh. Tiếng pháo giao thừa bỗng nổ vang tứ phía. Ông cụ già đứng đứng dậy cáo từ. Phan-Khôi sực nhớ ra cái tên Cử Đa là nhà cách mạng tu ở núi Tà lơn đắc đạo, và cái hiệu « Hư không » thỉnh thoảng có giáng cơ. Phan-Khôi vội vã chạy theo thì bốn bề vắng ngắt . . .

SỰ TÍCH CHÙA PHẬT ĐÁ
(LINH PHƯỚC TỰ)

Một cảnh chùa thành lập từ đời Lê Hiển Tông gần hai thế kỷ.

Chùa Linh-phước tục gọi là chùa Phật Đá nằm trong xã Phước-Yên (sau đổi là Phước Lộc) nay là xã Hưng thạnh Mỹ, quận Long-Định. Nay đổi lại Sầm Giang.

Theo sử ký của nhà chùa : Tìm được tượng Phật vào đời Lê Hiển Tông, khoảng năm Nhâm thìn 1772.

Thuở ấy, làng Phước-Yên trên kinh Bà bèo, địa phận Đồng Tháp Mười, chỉ là nơi rừng rậm hoang vu. Thỉnh thoảng người ta chỉ nghe tiếng hò đồng vọng của mấy gã mục đồng, rồi thì cảnh vật hoàn toàn chìm đắm trong bầu không-khí thâm u tĩnh mịch.

Một ngày kia, như thường lệ, ông Lương dắt trâu đến ao Bao sọ cho uống nước. Bất ngờ ông bỗng thấy hào quang chiếu sáng ở giữa ao. Ông sửng sốt nghĩ thầm : « Mọi hôm ta có trông thấy hiện tượng lạ lùng như thế nầy đâu. Sao hôm nay lại xảy ra cảnh tượng dị kỳ ? Hay dưới đáy ao có vật quý nào chăng ? » Còn đang bán tín bán nghi, ông bỗng giựt mình, vì trải thêm một cảnh tượng kinh dị khác nữa. Rõ ràng chẳng phải nắng quáng đèn lòa, ông trông thấy một tượng Phật vụt nổi lên, đưa hai tay như níu lấy một vật vô hình trên khoảng không trung.

Ông vừa sợ vừa mừng, ú ớ giây lâu mới hết kinh hoàng, gọi to các trẻ mục đồng tụ họp nhau lại, cùng xem hiện tượng lạ kỳ vừa xuất lộ. Các trẻ chăn trâu rập nhau phát biểu ý kiến :

— Chúng ta phải vớt lên, lập chùa thờ phượng. Biết đâu trời Phật đã hộ độ chúng ta, khiến cho được chiêm ngưỡng dung nhan Phật hạ thế.

Ông Lương khen phải, lập tức hiệp với các trẻ chăn trâu vớt Phật lên, thành kính khôn cùng. Phật hình đứng, toàn bằng đá xanh, có bốn tay. Hai tay đưa lên như cầm cái ngạch-quan. Hai tay dưới, phía mặt thì cầm trái châu, phía trái thì chống cây gậy.

Vớt lên xong, ông Lương và đám trẻ chăn trâu cùng nhau tạo phước duyên bằng cách tận lực làm công quả xây cất một ngôi chùa nhỏ bằng tranh để thờ Phật. Tiếng đồn chùa Phật Đá lan rộng. Có một vị vương hầu đi lại cầu siêu cho con được như ý nguyện, bèn xuất tiền thiết lập ngôi chùa bằng ngói gạch, để cho ông Từ Hòa phụng tự.

Ít lâu sau ông Từ Hòa mãn phần, hương tàn khói lạnh, trải qua bao cảnh mưa sa gió táp. Ngôi chùa hư sập, chốn hoang vu hoàn toàn trở lại hoang vu. Bọn trộm cướp thừa thế lấy nơi đây làm nơi trú ẩn. Trâu bò quanh năm thường bị chúng cướp. Do đó, dân gian thuở ấy có ca dao truyền tụng .

« Ai đuổi cướp ? Ai đi lùa ?
Mất trâu mất bò về chùa Phật Đá. »

Mãi đến sau, về đời chúa Nguyễn Ánh, khoảng năm Kỷ-dậu (1789), chỗ này mới có làng gọi là Phước yên. Các vị hào mục trong làng mới đứng ra dựng chùa lại. Tính từ khi tìm thấy tượng Phật Đá là năm Nhâm-thìn 1772, cho đến nay là 195 năm, gần 2 thế kỷ.

Làng Phước-yên ít lâu đổi tên lại là Phước lộc, tức là xã Hưng-thạnh-mỹ, thuộc quận Long-định bây giờ, Chùa hư sập, trước sau tu bổ lại được 5 lần. Quanh chùa những gốc sao cổ thụ tuổi thọ cũng gần một thế kỷ.

Trong chùa có đôi câu đối của ông Lưu Liệu người tỉnh Quảng-Nam (Trung Việt) :

« Giang san chuẩn đắc bồ đề thọ
Vũ trụ thường khai bát nhã huê. »

Có rất nhiều thơ bát cú của thiện nam tín nữ thập phương đến viếng chùa, vịnh để lưu niệm. Trong số ấy, có bài của hòa thượng Phong Sắc đầy đủ ý nghĩa hơn cả :

Phước lộc ngao du quá tiểu khê.
Am tiền dạ bạc ước vi nê
Thiên nhiên tứ thủ chân Bồ-tát ;
Pháp tự thiên thu tợ Chuẩn-đề.
Bảo hộ tích niên sùng tự viện,
Từ Hòa kim nhật thủ đan nghê.
Anh linh vạn cổ trường sanh thạch,
Hải ngoại trì danh nhậm phẩm đề.



Cửa ngõ Đình Điều-Hoà

ĐÌNH ĐIỀU-HOÀ CỔ KÍNH
(Thờ bốn vị nữ thần)

Xưa nay đình chùa khắp trên lãnh-thổ Việt-Nam nói chung, vẫn là nơi thờ phượng các vị công thần, tiền hiền có công khai hoang dựng ấp lập làng, tiêu biểu cho hậu thế nhớ đến công nghiệp của người xưa. Hằng năm, mỗi nơi có lệ kỳ yên cúng tế, dân làng đến chiêm ngưỡng. Hương chức Hội-tề có mặt thường xuyên trong những buổi tế lễ rất long trọng, và vị cao niên nhất trong làng : chánh bái, bồi bái, tế hiến, nguyện hương trước linh thần, thỉnh lá sắc trong một cái hộp sơn son thếp vàng Một vị chánh bái áo rộng xanh quì đọc, ở sau thì 12 vị hương chức tề tựu đứng hầu. Có nhạc ngũ âm, có học trò lễ dâng hoa dâng rượu, nhất bộ nhất bái.

Trước bàn linh thần trí tế một con heo sống đặt trên tợ, và những mâm hay ché rượu. Có chỗ vật trâu tế thần chớ không tế heo, tùy theo cổ tục của mỗi địa phương.

Có chỗ rước hát bội đến hát cúng ba thứ nơi võ ca đình để cho linh thần xem hát, và nhân dân trong làng đến cúng bái,

thưởng lãm trong ba bữa. Các làng kế cận cũng đến dự đông đảo. Quang cảnh thật tưng bừng náo nhiệt.

Trên đây là chúng tôi trình bày qua sự cúng tế theo tập tục của đình làng xưa nay trên toàn quốc, ngày nay vẫn còn duy trì với tinh thần tồn cổ của dân tộc ta. Riêng về tỉnh Định Tường ngày nay còn có một ngôi đình cổ nhứt, đó là đình Điều Hòa có trên một thế kỷ, nay nép mình bên bờ sông Bảo-định ở mé chợ cũ gần chùa chà, đất nước Định-Tường trải qua bao cuộc thăng trầm tang tóc, nhưng ngôi đình vẫn bền vững trơ gan cùng tuế nguyệt sừng sựng giữa trời mây. Từ trước đến nay đình đã được tu sửa nhiều lần, ngày nay nhờ quí vị hương chức và thân hào nhân sĩ tỉnh nhà đứng ra kiến thiết càng thêm uy nghi lộng lẫy, bên ngoài sân đình rộng rãi, lót gạch trồng nhiều chậu kiểng xưa uốn nắn khéo léo, trông qua như một huê viên nhỏ dành riêng cho của đình công cộng. Trước mặt lộ, đường vô đình có xây một cửa tam quan và hàng rào cửa sắt rất kiên cố, đứng trông vào thấy nền đúc cao hùng vĩ, hông đình day mặt ra sân dài trên 60 thước, tiến vào bên trong đình chánh, thấy thờ sắc thần để ngay giữa trên cao, làm một cái khánh khóa cẩn thận. Hương án trang nghiêm, lư đồng trầm hương nghi ngút. Đồ lễ bộ trang trí dài theo phía tả, phía hữu, tàng sắc thái oai nghi.

Hai bên góc cột giữa đình, mỗi bên để một cái ché xưa cao gần một thước. Hai cái ché nầy tuổi của nó chừng đôi ba trăm năm.

Chúng tôi dâng hương bái yết linh thần xong, bèn tìm hỏi các vị bô lão để biết qua lai lịch ngôi đình Điều Hòa. Một vị bồi bái mời chúng tôi xuống võ ca — chỗ để làm trường hát — cùng nhau đàm đạo. Dòm ra mé sau, thấy một dãy nhà, ấy là nơi tiếp tân khi có cúng đình.

Ông bái kể sơ cho chúng tôi biết qua sự hiển linh của đình thần và ân cần bảo chúng tôi :

— Quý ông muốn rõ câu chuyện về xa xưa của ngôi đình xin hãy tìm ông Đốc phủ Trần nguyên Lượng ở trên lộ cầu bắc, sẽ rõ nhiều chi tiết hơn.

Muốn có tài liệu đầy đủ, rồi từ giã ông bái, thân hành lên gặp cụ Trần nguyên Lượng, năm nay trên 80 tuổi. Cụ là người có đạo Cao-đài, có tinh thần hiếu cổ, trí nhớ dai. Cụ kể qua lịch sử đình thần cho chúng tôi được biết cặn kẽ.

Đình thần này đã có từ xưa, trên 120 năm. Từ trước đến nay đã sửa chữa tu bổ nhiều lần, hiện giờ mới được khang trang như thế. Xưa kia chỗ đình hoang vắng, nhà thưa người ít. Ngôi đình do các vị tiền hiền sáng lập và được vua Tự-đức phong sắc để thờ nơi đây,

Nhưng có một điều đặc biệt khác hẳn hơn các đình khác, là sắc phong nơi đình Điều Hòa là 4 vị nữ thần chớ không phải nam thần, lạ là thế. Tương truyền : Phần đông người đàn bà goá ở mé chợ cũ đều làm ăn thạnh vượng giàu có hơn hết, đó là đa số, còn phái nam thì không phát đạt cho mấy. Câu chuyện này là sự thật, quanh vùng ai ai cũng biết.

Còn gần đây trong khoảng năm 1946, khi quân đội Pháp đến tái chiếm Mỹ-tho, gồm có nhiều lính Lê-Dương, Sénégalais, Maroc v. v... đến đóng tại đình. Ai cũng tưởng đình sẽ bị hư hao bộn. Nhưng trái lại, khi chúng ra đi, nơi đình từ trong ra



Đình Điều Hoà

ngoài đều nguyên vẹn không bị sứt mẻ một món gì hết. Đồ đạc quý giá để thờ trong đình cũng còn y nguyên, chúng không dám rớ động, đó là sự linh ứng của đình Điều Hoà.

Riêng về các đình khác quanh vùng Tân mỹ chánh, đình Bến tranh, Chợ Gạo, chúng vô đóng thì ra tay vơ vét chẳng chừa món gì, đến nỗi chẻ bàn ghế nấu cơm, cây cối phá tán gần hết, khi ra đi như nhà hoang bị khánh tận.

Hiện nay, ban Hội hương đình Điều Hoà gồm các vị công-chức cao niên hồi hưu, dưỡng lão an chi, dự vào đây để lo việc cúng tế hàng năm.

Mỗi năm đình có hai lệ cúng Kỳ yên vào ngày rằm và 16 tháng 2 âl. đó là đại lệ và tiểu lệ cũng là ngày rằm và 16 tháng 10 âl. mỗi lệ cúng rất long trọng, trong văn tế đọc lên là : Tứ vị nương nương thượng đẳng thần, để chứng tỏ các vị thần ở đình Điều-Hoà là Nữ thần chớ không phải Nam thần như phần đông lầm tưởng. Mỗi lệ cúng đều có rước hát bộ đến hát ba chầu, trước cúng linh thần sau cho quan khách đồng bào xem. Mặc dù tình trạng trong nước bất yên trên 20 năm khói lửa, có nhiều ngôi đình khác bị sụp đổ hoặc còn mà hương tàn khói lạnh không người lui tới, còn riêng về đình Điều-Hoà vẫn liên tục lệ nào cũng cúng linh đình, khi viên mãn được bình yên không hề có xảy ra chi cả. Đồng bào dân chúng rất tin tưởng nơi sự oai linh của bốn vị Nữ thần hộ trì được an lành vô sự. Trên đây là những lời tường thuật của cố Đốc phủ Trần-nguyên-Lượng kể lại cho chúng tôi nghe khi ông còn sanh tiền, xin ghi chép hiến quí bạn đọc hiểu qua sự tích đình thần nầy với tinh-thần vô tư.

Lời của nhà biên khảo :

Chính cụ Trần nguyên Lượng cho chúng tôi biết Đình Điều Hòa thờ bốn vị Nữ Thần, nhưng cụ không biết chính xác là thờ vị nào, tôi đã tìm hỏi qua các cụ bô lão cao niên nhất ở Định Tường cũng không ai hiểu rõ bốn vị Thần đó là ai, vì không một ai dám xem lá sắc. Theo truyền thuyết của đồng-bào quanh vùng nói, Đình này thờ Bà Trưng Bà Triệu, chỉ nói như thế chớ không có gì làm bằng cớ, thành ra không thể trình bày rõ rệt được, xin bạn đọc thứ lỗi cho.

SỰ TÍCH ĐÁ MỌC
(trên thửa ruộng Bưng ngang)

Cuộc đời ruộng dâu hoá biển vẫn là thường, thì bao nhiêu chuyện biến thiên khác có chi đáng ngạc nhiên ! Trên khắp thế giới, không nơi nào là chẳng có những hiện tượng lạ xảy ra. Đời càng văn minh, càng đem ánh sáng khoa học chiếu rọi, nhân loại càng nhận thấy vô số chuyện quái gở được khám phá ra, mà chính các nhà khoa học cũng phải ngẩn ngơ thán phục tạo hoá đã cấu tạo nên vũ-trụ. « Máy huyền vi mở đóng khôn lường ». Chuyện đời vật đổi sao dời kể sao cho xiết.

Tương truyền đất Định-Tường xưa có chuyện « đá mọc » dị kỳ. Chuyện xảy ra thuộc khoảng giáp ranh hai xã Phước thạnh và Tam hiệp, thuộc tổng Thuận-trị, tỉnh Định-tường, cách tỉnh lỵ chừng 15 cây số. Thuở trước, vùng này kêu là Bưng ngang (gần Xoài hột) cách châu thành 6 km.

Chẳng rõ dưới lòng đất nơi vùng ấy có những biến chuyển ngầm thế nào, mà bỗng dưng dân chúng quanh vùng thấy xảy ra hiện tượng đá mọc khác thường. Gọi là đá mọc, vì có những tảng đá chẳng biết từ đâu lại chuyển mình vỡ đất mà nhô lên. Có tất cả 4 nơi như thế, trong tỉnh Định-tường,

Đầu tiên, hiện tượng đá mọc xảy ra nơi khoảng ruộng của ông chín Sang, cách lộ Đông dương đi Hậu-giang lối một cây số ngàn về hướng đông bắc. Một sáng tinh sương, nông phu quanh vùng bỗng ngạc nhiên nhìn thấy một hòn đá xanh từ dưới đất ruộng mọc lên tự bao giờ không ai hiểu, và cũng chẳng hề thấy có biến động gì lúc trước đó. Đất lặng lẽ chuyển mình đá thình lình nhô mọc, phi bàn tay huyền diệu của hoá công sắp đặt, người đời há dễ làm chuyện phi thường ấy.

Dân gian còn chưa ngớt bàn về hiện tượng lạ, lại một hôm trời giông tọ, sét đánh tét hòn đá xanh làm hai. Bấy giờ, trông hình hòn đá giống như một con sấu hả miệng, càng thêm oái oăm, khó hiểu : Vì sao thế ? Không ai giải thích được. Mà cũng không cần phải giải thích, hiện tượng trong trời đất biết làm sao mà nói cho cùng, xét cho cạn lẽ. Thôi thì sẵn có hòn đá mọc dị kỳ ấy, nông phu quanh vùng bèn đem dao và phảng ra mài thường bữa. Do đó, đá được láng mướt.

Cũng về hướng đông bắc, khoảng Bưng ngang ấy, liên tiếp xảy ra hiện tượng giống y như đất ruộng của ông chín Sang đã kể trên. Phía trước, cách chừng hai cây số, ruộng của ông Bộ Vĩnh thuộc xã Long-an, cũng có một chân đá mọc. Từ khoảng ruộng ông Bộ Vĩnh xuống chừng một cây số ngàn xã Long an nơi đất của bà Tám Tuyên cũng có mọc lên một chân đá nữa. Lại thêm ruộng của ông Dương-văn-Hưởng ở Sài-Gòn, về phía đông nam xã Long-an, vẫn cũng có mọc lên một chân đá như thế.

Nơi ruộng ông chín Sang, người ta đã khai mương liên tiếp làm vườn, trồng chuối, nhưng hòn đá mọc vẫn còn nằm trong liếp vườn, và đá vẫn há miệng mang dấu vết sét đánh độ nào.

Đá mọc đã làm quái gở. Còn thêm chuyện sét đánh tét hai như hình sấu hả miệng, khiến dân quê chất-phác không khỏi tưởng nghĩ buồn cười. Người ta truyền rằng : Nếu hòn đá mọc ấy mà không bị trời đánh, thì đến nay cả mấy chân đá ba chỗ kia lớn thêm, ắt làm choáng hết đất đai cả mấy xã kế cận, thì người không chỗ ở.

Sở dĩ chúng tôi có bài này, vì liên tưởng du khách đến viếng thăm Định-Tường, không nhiều thì ít ắt có nghe câu chuyện đá mọc, hàm hồ bán tin bán nghi chẳng rõ ra sao. Trên đây, chúng tôi do theo lời thuật của một vị cao niên ở Định-tường, mà ghi chép lại. Âu cũng là một huyền-thoại kỳ thú. Thiết tưởng đó chỉ là một trong muôn ngàn hiện tượng trong vũ-trụ mà thôi.

CHÙA BÀ KẾT (LONG PHAN TỰ)
một ngôi cổ tự của người Miên trên 200 năm, tọa lạc tại làng Bình Phan, quận Chợ Gạo

Nói đến chùa xưa miếu cũ ở Định-Tường, không thể không nhắc nhở chùa Bà Kết (Long Phan tự), một ngôi chùa cổ kính của người Miên, ngót 200 năm nay vẫn còn nhiều di tích mà ít người rõ biết.

Từ Chợ Gạo vô tới chùa độ 3 cây số ngàn. Có hai lối đi. Một là đường lộ đất, băng đồng xuyên qua những vườn cây rậm rạp. Hai là dùng đường thủy, ngồi ghe xuồng đi ngõ kinh Kỳ-hôn.

Vị trí ngôi chùa nầy nằm trên một gò đất cao, chung quanh có nhiều cây me cổ thụ gốc hai ba người ôm mới giáp. Cảnh vật u tịch, bóng mát tối ngày Theo lời đồng bào Phật tử địa-phương kể lại, ngôi chùa đã có trên 200 năm, có thể so sánh với chùa Sắc tứ ở Xoài hột (Rạch gầm), chùa Phật Đá ở Bà Bèo, chùa Phù-dung ở Cái-bè. Chùa Bà Kết vẫn đáng liệt vào hạng xưa nhất ở tỉnh Mỹ-tho, tuy nhiên không tiếng tăm bằng các chùa trên

Tương truyền : Nơi làng Bình-phan trước kia có cái gì kêu là gò Bà Kết, tên một người đàn bà Miên trú ngụ tại đấy, từng làm nhiều việc công đức, phước thiện. Và cũng chính Bà Kết đã dựng lên ngôi chùa trong Vùng, mang tên bà.

Chùa này đã trải qua lắm cơn binh biến, nhiều phen bị phá hủy, chỉ còn lại cái nền đó thôi.

Các bô lão sùng đạo đã chạnh lòng hoài cổ, từng hiệp nhau xây dựng lại để làm nơi thờ phượng uy nghi. Khoảng năm 1945, đoàn Thanh-niên tiền phong Định-tường đã dùng nơi nầy làm trụ sở. Khi quân Pháp trở lại, chúng đã kéo quân xuống Chợ

Gạo, đánh phá các vùng kế cận và phóng hỏa thiêu rụi ngôi chùa Lúc ấy các Phật-tử động lòng hoài niệm, đem chôn giấu các tượng Phật cổ theo lối điêu khắc của người Miên.

Qua năm 1949, tình hình nơi quận Chợ Gạo đã tạm yên. Bổn đạo mới làm đơn xin phép Quận-trưởng để lạc quyên số tiền xây dựng ngôi chùa cổ kính này lại.

Quí vị đã có công tu tạo ngôi tam bảo lần thứ ba này, chúng tôi được biết như sau :

Quí Ông : Nguyễn-vinh-Ba
Nguyễn Hoàng Phi
Võ văn Gia
Nguyễn-văn-Sen
Nguyễn-văn-Nhơn
Võ văn Lành
Nguyễn-văn-Hương

Quí Bà : Nguyễn-thị-Đợi
Nguyễn-thị-Của
Trần-thị-Lầu

Và còn rất nhiều người đạo tâm, chúng tôi chỉ kể một số tượng trưng.

Ngày khởi công trùng tu, khi đào đất chung quanh để đắp cho cao ráo xây nền, sâu xuống độ 1 m, bỗng phát giác dưới từng sâu có vô số gạch xưa dính liền dưới đất như một thành trì gì của cựu trào chôn vùi dưới lòng đất. Số gạch lấy lên được có đến mấy muôn, đem dùng xây nền chùa, xây tường chung quanh mà cũng không hết. Mỗi cục gạch dài chừng ba tấc, ngang một tấc rưỡi.

Chúng tôi đến quận Chợ Gạo sưu tầm tài liệu, được biết câu chuyện hi hữu như vậy. Đồng thời theo các bô lão đến chiêm ngưỡng cảnh chùa xưa nói trên. Hầu giúp quý độc giả có tinh thần hiếu cổ được thoả ý phần nào trong sự tìm hiểu.

BẾN THUYỀN NGÀY XƯA
với một đại hồng chung cổ dưới mé sông.

Tìm hiểu qua chuyện xưa tích cũ của tỉnh Định Tường, chúng tôi được nghe các bô lão tại làng Bình phan, thuộc quận Chợ Gạo ngày nay, thuật lại câu chuyện một đại hồng chung xưa nằm dưới bờ rạch làng Hòa thạnh giáp với làng Hòa an, có vẻ huyền bí lạ kỳ.

Dọc theo con rạch thiên nhiên thuộc địa phận hai xã Hòa-thạnh, Hòa-an, lúc đàng cựu ghe thuyền thường hay đậu nghỉ mát. Và có những chiếc đò ngang thường chực sẵn, đưa du khách sang sông. Do đó đồng bào dân chúng địa phương gọi là « Bến thuyền » thành danh cho đến ngày nay.

Khi quân đội Pháp chiếm đóng tỉnh Mỹ-tho, quang cảnh Bến thuyền dần dần thay đổi. Cho đến năm Đinh-tỵ 1907, chính quyền địa phương bắt đầu cho khởi công đào con kinh Kỳ-hôn, mở đường thông thương cho ghe tàu xuôi ngược trên kinh, chuyên chở hàng hóa từ Sài-gòn Chợ-lớn xuyên qua các tỉnh, đổ ra sông Cửu-long. Đồng thời, con rạch Bến thuyền cũng hoàn toàn thay đổi khác xưa Vì khi mở trục giao thông đường thủy kia, người Pháp nghĩ ngay đến việc chở đá hàn ngang một khúc rạch Bến thuyền để giòng nước lưu thông về con kinh Chợ gạo cho khỏi cạn Năm bảy mươi ghe đá trút xuống giữa lòng rạch để hàn bít, và dộng cừ xi-măng cốt sắt sát hai bên cho đừng lở.

Trong khi xúc tiến công tác làm con rạch Bến thuyền, dân phu bỗng phát giác một đại hồng chung cổ rất lạ kỳ.

Buổi sáng hôm ấy như thường lệ, một toán dân phu lội xuống rạch gom đá sóc cừ. Đang hì hục làm việc, bỗng nghe dưới lòng rạch, mé gần bờ có tiếng kêu rang rảng như động chuông. Thì ra người ta đã động cừ đụng nhằm vật lạ phát ra âm thanh văng vẳng ấy. Mọi người bàn tán xôn xao :

— Chắc là dưới nầy có một đại hồng chung. Chúng ta phải trục lên xem sao,

Nghĩ thế, chờ nước ròng sát, dân phu bèn rán sức đào xới nơi chỗ ấy. Giờ lâu, quả nhiên bươi gặp một cái hồng chung màu đen lòi cái quai lên 5 tấc. Cùng nhau hăm hở trục lên. Lạ thay ! Dẫu đã rán sức đến thế nào, vẫn không lay chuyển nổi đại hồng chung. Dường có mãnh lực huyền bí gì trì kéo xuống.

Kế nước lớn thì lấp bằng lại. Nước ròng, dân phu được lịnh đào xới lần nữa, để tìm cách trục lên cho kỳ được. Nào hay vẫn hoài công vô ích. Trông thấy rõ ràng đó, nhưng vừa rán sức lay chuyển thì con nước lớn làm cho dân phu phải dừng tay. Rồi thì nước ròng xem lại vật linh đã bị đất cát khoả lấp y như cũ. Lại phải ra sức đào xới như trước. Và cảnh trớ trêu tái diễn. Rốt cuộc sức người đànhchịu bất lực. Và thời gian qua, đại hồng chung kia biến dạng. Vẻ huyền bí càng bao trùm câu chuyện hi hữu

Thời ấy, các vị bô lão quanh vùng đều chứng kiến, có vị hiện ngoài 80 tuổi, thuật rành câu chuyện đại hồng chung.

Chúng tôi được gặp ông Lê Phú-Lộc, cựu hương chủ, năm nay 82 tuổi ; và ông Nguyễn Hoàng Phi tục danh là cậu Tư Hoàng, một nhân vật tên tuổi ở Chợ gạo, nói qua sự tích Bến thuyền và đại hồng chung cho chúng tôi ghi chép, và còn nhiều chuyện lạ ở địa phương.

Đại hồng chung cồ có tự đời nào ? Vì sao lại chôn vùi đáy sông sâu ? Xuất xứ của vật linh ấy là đâu ? Tại sao dính cứng với lòng đất và nước lớn lấp mất đi ? Đồng bào dân chúng đã đặt ra nhiều câu hỏi chuyện lạ nầy.

Viết đến đoạn nầy, chúng tôi nhớ lại trong quyển Địa linh nhân kiệt (Kiến hoà) chúng tôi có tìm viết về chuyện đại hồng chung ở làng Vĩnh thành thuộc Cái-mơn cũng có đại hồng chung tương tợ như trên, đến nay vẫn chưa ai lấy được.

Nước ta thật ra có lắm chuyện thần bí lạ kỳ mà khoa học chưa giải thích các hiện tượng ấy nổi. Trên tinh thần hiếu cổ, chúng tôi không nài khó nhọc sưu tầm qua những chuyện lạ của đất nước miền Nam, để hiến quý độc giả biết qua những gì thiêng liêng cổ kính.

GIỒNG ÔNG LŨNG BÌNH PHỤC NHỨT
mồ chôn hàng ngàn tử thi thời cựu.

Câu chuyện truyền tụng Giồng ông Lũng (hay là ông Dĩ ?) đến nay vẫn còn các bô lão quận Chợ Gạo thuật lại, với niềm cảm cựu, với nỗi ngậm ngùi khôn xiết.

Trong thời tao loạn, bao giờ cũng đầy dẫy cảnh trạng não nùng. Nhất là khi đất nước trải cơn ngoại xâm, nỗi bi đát diễn ra dưới mọi hình thức, không sao kể xiết Hoàn cảnh nước ta lúc quân Pháp chiếm đóng Định tường làm bàn đạp để tiến chiếm luôn ba tỉnh miền tây, đau thương khốn-khổ cho dân chúng vô cùng.

Những đứa con đất nước vùng lên chống trả hào hùng bao nhiêu, thì cũng có những hạng phản bội nòi giống đau xót bấy nhiêu. Đồng bào vùng Gò-công, Định-tường, Long-an không quên các bậc tiền nhân đã xả thân cứu quốc như Trương-công-Định, Thủ-Khoa Huân, Nguyễn-trung-Trực, thì cũng khó có thể quên những cái tên từng làm tay sai cho giặc như Huỳnh-công Tấn, Trần-bá-Lộc, Đỗ-hữu-Phương !

Chính vì những kẻ đã sát cánh với quân xâm lăng mà đàn áp lại những đứa con trung thành với Tổ-quốc, khiến nên có chuyện « Giồng ông Lũng (hay ông Dĩ)».

Một số bộ hạ của Pháp dọ dẫm khắp xóm làng để lùng bắt các nhóm võ trang kháng Pháp. Giữa tình thế nước non đổi chủ, dân ta bị dưới ách thực dân, lòng người sôi hận, mà trái lại lắm kẻ xu phụ phản lại giống nòi dặn Pháp đi ruồng bắt đồng bào vô tội gán cho là phản loạn.

Cảnh người Việt dẫn lính bắt người Việt cứ diễn ra mãi. Nghĩa quân cũng như các nhóm đảng không thể ngồi đó mà chịu bó tay, mới phải đối phó bằng cách thanh toán ngay những ai đã dựa vào thế lực của quân giặc mà hoành hành dân chúng. Do đó mà khi xưa mới có tổ-chức bắt những tên đầu sỏ có máu mặt từ làng này qua làng kia, đem về hành quyết vùi thây nơi giồng ông Dĩ ngày nay.

Năm ba mươi năm sau, dân chúng mới cuốc đất những con giồng này để trồng trọt, thì phát giác ra hằng ngàn bộ xương nằm sắp lớp ! Không khác « Thiết-khưu phần » thời xưa. Các bô lão còn cho biết đó là những tử thi vô chủ thời thực dân chiếm đóng Định-tường !

Vong hồn phưởng phất, âm khí nặng nề, cố nhiên không sao tránh khỏi những điều quái dị thường xảy ra nơi chốn có một lịch sử thê lương ấy.

Nguyên con giồng ông Lũng hay ông Dĩ rất sầm uất, cây cao bóng mát. Đường Gò công quốc lộ 24, từ chợ vô tới giồng chừng 1.500m. Đuôi giồng nằm vào địa phận làng Thạnh-nhựt, giữa giồng là làng Bình-phục-nhứt, hướng bắc là kinh Chợ Gạo vị trí rất u tịch vắng vẻ. Quanh năm có nhiều loại cu, chim, ó biển về đậu trên những tàng cây rợp bóng.

Giữa giồng này lại có một cái giếng nước ngọt, tục gọi là giếng trời sanh, không bao giờ cạn dân chúng quanh vùng thường lui tới gánh về uống trong tháng nắng.

Các nhà săn bắn địa phương thường đến đó bắn chim cu và ó. Nhưng khi bắn chim sa xuống giếng hay một gốc cây nào đó, chạy đến kiếm thì không thấy bóng dáng chim đâu nữa, dường như có bàn tay vô hình nào giấu mất. Nhiều lần xảy ra như thế.

Những lời tường thuật trên đây, do ông Nguyễn-khương-Ninh, ngoài 80 tuổi, đương kim Kế-hiền làng Bình-phan kể lại ; và ông Lữ-Quới, một địa chủ có tiếng ở vùng này, nói rõ những câu chuyện giồng ông Lũng hay ông Dĩ cho chúng tôi ghi chép, để biết câu chuyện rợn người từ xưa, mà đến nay cũng còn phảng phất ít nhiều quái dị.

Trong hiện tình, giồng Ông Dĩ cũng hoang vắng, ít người lui tới gánh nước được. Phàm những nơi âm khí tràn ngập như thế, càng hoang vắng lại càng nhuộm vẻ thê-lương áo não. Bao giờ con giồng lịch sử đau thương này trở nên trù phú thạnh mậu để xoá tan phần nào âm khí nặng nề ! !

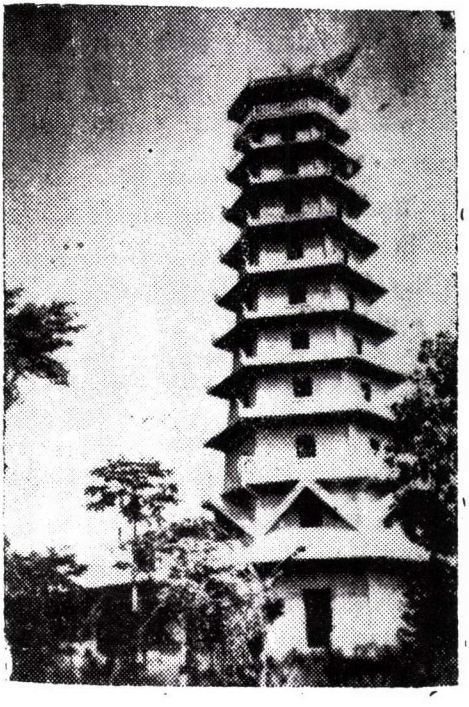
GIAI-THOẠI

VỀ ĐỒNG THÁP VÀ ÔNG THIÊN HỘ DƯƠNG

Đây chúng tôi xin hướng dẫn quý bạn đọc vài câu chuyện có tính cách lịch-sử lý thú của Đồng Tháp trong thời kỳ Thiên Hộ Dương kháng Pháp cách nay trên một thế kỷ. Đồng Tháp khi xưa thuộc tỉnh Định Tường, chúng tôi không thuật những chuyện viển vông, quái đản thường truyền tụng trong dân gian, những nơi đồng không mông quạnh, rừng rậm hoang-vu, nào là :

Muỗi như sáo thổi
Đĩa lền bánh canh
Cỏ mục thành tinh
Rắn đồng biết gáy

Nào là chuyện « Ông Tà », chuyện « Rắn báo oán » v . v . . .



Đây là toà Tháp Mười xây cất tại trung tâm Đồng-Tháp cách nay mười mấy năm, đã bị sụp đổ, và tháp xưa cũng tiêu tan từ lâu, không còn dấu vết gì cả.

Chúng ta hãy theo chơn du khách, không quản xa xôi, không ngại muỗi mòng đĩa vắt, rắn độc rét rừng, những đêm trăng tà gió lạnh, với một lái đò, với vài bô lão, với một thanh niên « sanh từ lòng đất », cùng nhau ôn lại chuyện xưa, những giai thoại kỳ thú của ngài Thiên-hộ Nguyễn duy Dương cùng những bộ hạ đồng kháng-chiến với ngài hoặc là cùng nhau viếng Toà cổ miếu, nấm mộ của vị anh hùng dân tộc, nếu đắc thời đắc thế thì thiếu gì vương bá, thiếu gì công khanh,

Chúng tôi xin lược thuật những điều du khách thấy nghe trong cuộc du lịch đầy thích thú (1).

RẮN THẦN TIẾP CHIẾN NGÀI THIÊN HỘ.

Như trên chúng tôi có nói, Tổng hành dinh đặt tại trung tâm cánh đồng, trên Đồng Tháp.

Từ ngoài vô đến Tổng hành dinh, chỉ có ba con đường mòn, một đường từ Gò Bắc Chiên (Mộc Hoá) đi xuống, một đường từ Rạch Cần-lố (Cao-Lãnh) đi lên và một đường từ Cái Nứa (Cái-Bè) đi tới.

Tại Vàm Cần lố, người ta thấy một cái doi nằm chắn ngang hai ngã, nước sông Cửu Long đổ lên sông con, một chạy vô Rạch Miễu (Tháp Mười) nơi đấy có đặt một cái đồn kiên-cố, người ta gọi là « Doi Đồn ».

Ba năm tử thủ, hai tướng của ngài Nguyễn duy Dương là Huỳnh-Lục, Huỳnh Thất trấn thủ, cầm chân quân Pháp không tiến vô được.

Doi Đồn sầm uất, chung quanh bao bọc nhiều thứ cây rừng chính giữa có nhiều cây me lâu năm lớn hai người ôm không giáp.

Tại đây có trí một khẩu súng đồng tục gọi là « Ông Cà lăm ».

Về việc vận tải, từ rạch Trà cú thượng đến rạch Trà cú hạ, qua kinh Phước, tức lọt vô vàm Xoài hột, đêm nào cũng có đoàn ghe vận tải đồ vật dụng về ngay hành dinh của Thiên hộ Dương.

Tiếng dân ca, hò hát trong đêm thanh vắng nghe buồn buồn bộc lộ tinh thần ái quốc.

---

(1) *Trích báo « Tiến Thủ » từ số 46 ngày 15-10-1955 bài « Tháp Mười điều ký » của Nguyễn tích Dần.*

« Non nước tan tành ngủ mãi sao ?

. . . . . .

« Vội vã dân làng thu dẹp cuốc
« Trong lòng đã rộn ánh binh đao.

Trên đoàn ghe khác có tiếng ngâm thơ đáp lại :

« Đã nghe sắc lửa âm thầm dậy,
Tiếng gọi từ xa thúc giục hoài
Há chịu làm thân trâu ngựa mãi,
Chim lồng sao để hót bi ai ?

Trời khuya, trên giòng kinh nước phèn xanh trong vắt. Tiếng róc rách lách nước của chiếc ghe mũi có chạm rồng. rẽ về Giồng Tháp.

Tại Đồng tháp, lúc bấy giờ là rừng đế, tràm sậy ngoài mấy cái trạm nghỉ chân của đoàn vận tải không một bóng nhà của dân chúng, tất cả đều tập trung trong Giồng Tháp, chung quanh hành dinh Thiên-hộ.

Thường thường, hàng tuần, có ba chuyến đò vận tải về, do ba ngã, nhưng phần nhiều lương thực, súng ống thuốc đạn từ Doi Đồn tiếp tế nhiều hơn.

Mỗi lần đoàn vận tải đi thì gia đình binh sĩ của Thiên hộ tháp tùng theo để mua sắm.

Từ Doi Đồn vô đến Tổng hành dinh, theo đường mòn đến một giồng, gọi là Giồng Cát, hay là nơi Động-Cát, là nơi có trạm gát để đoàn vận tải ghé nghỉ ngơi. Bỗng một lúc, dân chúng vùng ngoài vô cất vài cái nhà bên trạm gác để ở. Hai nhà này sống khác thường, có bề sung túc lắm.

Thình lình, một đêm kia, hai gia đình ấy, một số quân canh tại trạm với số người vận tải, sau buổi cơm chiều, ngủ qua một đêm tới sáng đều chết cả, không một mạng nào sống sót.

Mãi đến khi xác gần sình, mới có người báo cáo cho Thiên hộ hay. Ngài liền phái ông Thủ chiếu là lương y về thuốc Rắn đến điều tra.

Khán nghiệm các tử thi, ông chẳng tìm được nguyên do nào cả, ông phải ức đoán là số người kia bị thuốc chết mà thôi.

Án mạng còn trong vòng bí mật thì ngoài cai Đồn mật báo cho Thiên hộ hay rằng, đoàn áp tải đã nhiều lần trao tin tức cho người mang đến cho một thuộc hạ của Pháp là Trần công Khanh biết về tình hình của Thiên hộ chừng trong hành dinh của ngài hay được thì bọn đó đã chết rồi.

Đồng thời cũng có tin cho biết hai gia đình cất nhà gần bên trạm gát ở Động cát là người của viên đội Courcy tổ-chức dọ thám tình hình kháng chiến của Thiên hộ Dương.

Thiên hộ bổn thân đến quan sát tại Động cát tìm được một hang rắn miệng bằng cái lu, bèn ra lịnh cho ông hộ vệ Tân là thầy thuốc rắn đại tài bắt đoàn rắn ấy.

Ông Tân xem qua hang rắn trình rằng dưới hang có con rắn chúa sáu khoan, trước kia lớn lắm, nay còn chừng múc đũa, dài trên một thước, một canh chỉ ló ra năm khoan để lấy hơi sương, chớ không ra hết mình bao giờ. Rắn ấy đã tu không cần ai, nhưng ai quyết hại nó mà nó cần thì không có thuốc gì cứu được.

Hang rắn được Thiên hộ để yên.

Sau đó, một buổi chiều, đồn Doi bị tấn công, quân ta chống trả mãnh liệt nhưng phải rút lui, đến Động cát rồi lui về Tổng hành dinh.

Quân Pháp đuổi đến Động cát thì trời đã tối, bèn hạ trại nghỉ ngơi, sáng sẽ tiến vào. Không ngờ đêm ấy quân sĩ Pháp chết hơn chục mạng.

Gặp phải sự chết chóc lạ thường này mà không hiểu lý do, quân Pháp đành rút trở ra, không dám tiến sâu vô nữa.

Rồi thì nhân dân đồn rằng Thiên Hộ nhờ đạo binh « rắn-thần » đẩy lui giặc ra khỏi vùng Động cát. Quân Pháp nghe thế, càng sợ sệt hoang mang rút luôn về Cao-Lãnh.

Quân ta trở ra đóng tại Đồn Doi như cũ.

Ít lâu sau, quân Pháp cũng đánh bại quân ta ở Đồn Doi, đuổi đến Động cát rồi cũng đóng binh lại nghỉ đêm. Đêm ấy, nhiều người đang ngủ bỗng la lên rồi chết, làm cả đoàn binh thức canh đến sáng mới phát giác ra được cái hang rắn. Viên chỉ huy bèn hạ lệnh đổ dầu lửa đốt hang.

Trong lúc khói lửa mịt mù, bỗng tiếng ào ào như giông gió nổi lên ; từ phía rừng một con rắn hổ mây bề tròn bằng miệng thúng không biết từ đâu tiến đến như vũ như bão, lăn xả vào lửa, hả họng đập đuôi, nhăn răng làm dữ.

Quân sĩ hoảng hồn, không ai bảo ai, bỏ chạy tán loạn, viên chỉ huy cũng không can đảm gì hơn, vắt giò lên cổ chạy, càn bừa trong rừng để sậy lau.

Trong khi chúng tranh nhau chạy chết thì quân của Thiên hộ do ông Huấn Hiệu kéo đến tấn công bất thình lình.

Quân đội Pháp còn lòng dạ nào chiến đấu, nghĩa binh toàn thắng, tóm thâu được nhiều chiến lợi phẩm, lương thực, quần áo và giết được viên đội chỉ huy.

Còn bao nhiêu binh Pháp sống sót, càn rừng lướt bụi chạy về đến Đồn Doi bị dân chúng bắt được đem nạp cho ông Huấn Hiệu.

Đánh xong trận đó, quân của ngài Thiên-hộ mạnh mẽ tiến ra chiếm đóng Đồn Doi như trước.

Thế là đạo binh rắn Thần đã giúp ngài Thiên-hộ ba lần đánh lui quân Pháp. Nhưng biết đâu, đó chẳng là mưu sách của vị tướng lãnh đại tài để tăng uy-tín cho nghĩa binh, chiến đấu vì Chánh Nghĩa !

LIÊM-PHA VỚI LẠN-TƯƠNG-NHƯ VIỆT-NAM

Trướng hạ của Ngài Thiên hộ thuộc Bộ tham-mưu có những ông Thủ-Chiếu, Phòng Biều, Nhiêu-Bá, Nhiêu Chấn và Thông Phụng là những bực túc trí thâm nho, đều là bực khoa cử của Triều đình Huế hồi trước.

Mở đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, các ông lần hồi tìm nhau qui tụ về cộng tác với Ngài Thiên-hộ để mưu đồ đại nghĩa Tuy cũng là khoa cử xuất thân, nhưng có cao có thấp, trong đó có ông Thông Phụng là kém hơn hết.

Song cái hơn bù cái kém, ông Thông Phụng rất giỏi võ-nghệ, lại cộng tác đắc lực nên được ngài Thiên hộ yêu mến, kính nể. Những việc cơ mật về quân cơ, Thiên hộ thường bàn riêng với Thông Phụng, vì thế cho nên ông Phòng Biều và ông Nhiêu-Bá ganh tỵ, thường tỏ thái độ bất-mãn cho ông Nhiêu-Chấn và ông Thủ Chiếu nghe.

Việc này thấu tai ngài Thiên-hộ, ngài quyết-định đánh tan nỗi bất hòa. Nhân hôm đánh lui quân Pháp nhờ chúa Rắn thần trong rừng ra động cát trợ chiến, ngài mở tiệc khao quân long trọng. Xong, ngài mời Ngũ hổ tướng, tức năm vị cận vệ cơ mật, đến phòng riêng đàm đạo.

Rượu nửa tuần ngài hỏi ông Thông Phụng :

— Nghe nói quan cơ mật biết đờn và đờn hay lắm, phải không ?

Tỉnh thật, ông Thông Phụng thưa :

— Thưa ngài, tôi có biết, nhưng chỉ chuyên có một bản thôi.

— Bản gì ?

— Thưa, bản Trường tương tư

Ông Nhiêu-Bá bèn xen vào mỉa mai :

— Bản đờn đó thuộc về loại « Trịnh Vệ chi phong », thứ bản dâm dật.

Câu nói cố ý của ông Nhiêu-Bá làm ông Thông Phụng đỏ mặt. Tình trạng đến lúc gay cấn, ngài Thiên-hộ rót hai ly rượu để trao cho ông Phụng và ông Bá mỗi người một ly đoạn nói :

— Hôm nay, ngày vui mừng thắng giặc Pháp, tôi xin kể một chuyện cổ tích Trung-Hoa quí quan nghe chơi, để giúp vui trong bữa tiệc

THIÊN-HỘ-DƯƠNG KỂ CHUYỆN XƯA

Thời « Đông-Châu Liệt-Quốc » thất quốc tranh hùng, nước Tần mạnh nhứt.

Nghe tin nước Triệu có viên « Ngọc bạch bích » quí lắm, Tần-Vương đưa thơ xin đổi 15 thành. Triệu Vương được thơ, liền nhóm đại thần là bọn thượng tướng Liêm Pha bàn nghị, muốn cho Tần thì e bị Tần lừa, ngọc mất mà thành không được, từ khước thì lại sợ Tần giận, gây việc binh đao, các đại thần bàn luận lăng xăng, phân phân bất nhứt.

« Sau cùng, quan đại phu là Lạn Tương Như đứng ra xin mang ngọc bích sang Tần, tâu rằng : Nếu Triệu được thành thì tôi để ngọc bích ở Tần, bằng không, tôi xin giữ hoàn toàn được viên ngọc đem về Triệu ».

« Qua đến nơi, Tương Như trình ngọc cho Tần xem, lòng tham vua Tần dấy động, muốn chiếm lấy ngọc mà không chịu mất thành.

« Biết được dã tâm của Tần Vương, Lạn Tương Như sinh một kế, đến trước mặt vua tâu : « Viên ngọc ấy có tì vết, tôi xin chỉ cho đại vương xem ».

« Vua sai tả hữu đem ngọc bích giao cho Tương-Như. Lấy lại được viên ngọc rồi, Tương-Như lùi ra mấy bước, đứng tựa vào cột điện, quát hỏi Tần-Vương :

— Đại Vương thơ cho chúa tôi đem Ngọc bích qua đây đổi lấy thành, sao Đại-vương lại định cướp luôn ? Nếu Đại-vương muốn bắt tôi mà cướp ngọc thì cái đầu tôi đây xin cùng ngọc bích đập nát vào cây cột, thà chết chớ không để cho Tần đoạt ngọc vậy.

Tần vương tiếc ngọc, chịu đổi thành, và chấp thuận điều kiện của Tương-Như là trai giới 5 ngày để nhận ngọc.

Tương-Như biết vua Tần dối trá, đêm ấy sai kẻ tâm phúc mang ngọc về Triệu, sáng ra thì sự đã rồi.

Chừng Tương-Như về nước, Triệu vương ban thưởng rất hậu. Lần sau Tương-Như bảo vệ Triệu Vương hội kiến với Tần Vương được an toàn và trọn gìn quốc thể. Triệu Vương càng kính trọng phong Tương-Như làm Thượng đại phu, trên Liêm-Pha một bực.

« Vì thế mà Liêm-Pha oán ghét, hâm rằng nếu gặp Tương Như tất phải giết chết. Tương Như nghe vậy mỗi khi gặp buổi công triều liền thác bịnh không đi, tránh cùng Liêm-Pha gặp mặt.

« Một hôm, hai người cùng có việc ra ngoài, Tương-Như trông thấy toán lính tiền đạo của Liêm-Pha vội sai tên ngự xe đánh xe đi tránh vào trong ngõ, đợi cho Liêm-Pha đi qua rồi mới ra. Bọn xá nhân chê Tương-Như là hèn nhát, toan bỏ đi.

Tương-Như nhóm tất cả lại, hỏi :

— Các ngươi xem Tần mạnh hay Lục quốc mạnh ?

Đáp :

— Tần mạnh.

Tương Như lại hỏi :

— Liêm tướng quân mạnh hay Tần mạnh ?

— Liêm Pha sao sánh được với Tần !

Tương Như bèn giải thích :

— Ta đã không sợ Tần thì đâu có sợ một Liêm tướng quân ! Sở dĩ Tần không dám đánh Triệu, là vì e có hai người chúng ta, nay hai con hổ cùng đánh nhau, thế không cùng sống, Tần tất thừa cơ đánh Triệu. Nên ta coi việc nước làm trọng mà việc nhà làm khinh vậy !

Một ít lâu sau, bọn xá nhân của Lạn Tương Như đi ra quán xá lại gặp bọn xá nhân của Liêm-Pha, và cùng nói cho nhau nghe duyên cớ tránh mặt của Lạn Tương Như rồi bảo nhau noi theo gương chủ tướng, thì tình cờ bọn xá nhân Liêm-Pha nghe được và về thuật lại câu chuyện ấy cho chủ tướng rõ.

Sau khi biết được chủ tâm cao thượng của Lạn-tương-Như: vì nước mà phải tránh mặt mình, không sợ thiên-hạ cười chê là hèn nhát ; Liêm-Pha hối-hận khôn cùng, liền chạy đến tướng phủ họ Lạn ôm lấy Tương-Như oà khóc tạ lỗi, khiến Tương-Như cảm-động quá cũng ôm lấy Liêm-Pha mà khóc.

Từ đó, hai ông coi nhau như anh em ruột thịt, dốc lòng chung lo việc nước. Nước Tần thấy thế không dám đánh Triệu.

SAU KHI NGHE THIÊN HỘ DƯƠNG KỂ CÂU CHUYỆN

Họ Liêm và họ Lạn, ông Nhiêu-Bá hối-hận và thẹn thầm.

Bấy giờ, ngài Thiên Hộ đoán được tâm trạng mấy ông, bèn nói :

— « Đêm nay trời trong trăng tỏ, thôi các ông hãy ra đề tài làm mấy bài thi thưởng nguyệt ».

Đoạn ngài giao cho ông Phòng Biều ra đề.

Biết hai ông Phụng và Bá có xích mích nhau, ông Phòng Biều lấy sự tích của Quách tử Nghi đời Hán làm đầu đề.

Nguyên vua Đại Tôn gả con gái cho con Quách tử Nghi tên là Quách-Ái. Ỷ mình con vua, cô dâu không chịu làm tròn bổn phận tứ đức tam tùng trong gia đình, nên bị Quách Ái đuổi về và mắng :

« Mầy đừng ỷ cha mầy là vua, chớ cha tao khinh ngôi vua mà không thèm làm ! ».

Câu chuyện gia đình xảy ra như vậy, chừng Quách Tử Nghi hay đặng, đến xin lỗi cùng vua Đại Tôn.

Đề đã ra xong, ngài Thiên hộ biểu ông Nhiêu-Bá làm trước, rồi ông Thông Phụng hoạ lại. Được lịnh, ông Nhiêu-Bá cất bút đề :

Ngại vàng cất mão dám tâu qua :
Lỗi ở con làm tội đến cha ?
Trẻ dại chẳng kiêng bề lớn bé,
Già cam chịu lỗi phận sui gia.
Cháy da chưa đủ đền ơn nước,
Dại miệng khôn kiêng lỗi việc nhà.
Cái nghĩa quân thần là đạo trọng.
Muôn ơn rộng lượng giết cùng tha.

Ông Nhiêu-Bá làm xong đọc lên, mọi người đều vỗ tay khen là tuyệt bút.

Bấy giờ đến phiên ông Thông Phụng, ông liền cầm bút hoạ như vầy :

Thần vương nghĩ lại chuyện hôm qua,
Lỗi ở con làm, há trách cha !
Dại miệng khoe khoang tài chú rể,
Nghiêng tai giả điếc phận ông gia.
Người khôn ngõ đặng đền giềng nước,
Đứa dại xui cho rối đạo nhà :
Khó nhọc dễ quên công mấy thuở,
Quân thần đạo trọng, trẫm ban tha !

Cử toạ cũng khen bài thơ ông Thông Phụng thật hay, tỏ rõ sự tha thứ về sự tranh chấp của hai ông từ trước tới giờ hiểu lầm nhau !

NGÀI THIÊN HỘ VÕ NGHỆ TINH THÔNG

Thời kỳ Thiên Hộ Dương cứ hiểm Đồng Tháp Mười tận tình kháng chiến, ngày ngày đều luyện võ ôn văn.

Sau khi bữa tiệc văn thi vừa dọn dẹp, Thiên hộ mời mấy ông cùng ra sau diễn võ trường để xem ngài thao diễn võ nghệ.

Tục truyền rằng ngài Thiên hộ có một đường roi « song đôi » rất tài tình, đã có lần ngài dượt qua, có các bậc tướng hạ thân cận xem, ai cũng thán phục.

Ra đến diễn võ trường, một cái sân rộng lớn, tràm và chưng bầu trồng che kín chung quanh, ngài Thiên hộ cởi áo ra, mấy ông kia cũng cởi theo ; đoạn ngài lấy cây roi bằng khúc mây lớn hơn cườm tay, múa lên. Lúc đầu còn thấy bóng người, sau cùng chỉ nghe tiếng vù vù, khúc mây cong oặc oà như khúc cao su, bao bọc lấy thân ngài, trong nửa tiếng đồng hồ.

Ngài tới lui giáp vòng cái sân, đoạn tiến vào giữa sân, hai chân ngài xê dịch chỉ một chỗ không sai chạy chút nào, càng mau, tiếng gió phát từ đường roi nghe vi vút ghê mình.

Thật là một thế « yểm bách » mười phần lợi hại.

Ngài thường nói : « Thế đó khi nào bị vây giữa vòng thì « thượng bảo kỳ thân, hạ bảo kỳ mã » (trên giữ mình, dưới che cho ngựa).

Cuối cùng, khi ngài ngừng roi, thì một tiếng vút từ ngọn roi đập xuống đất, lẹ như chớp, ngài đã lao mình nhảy lên đứng trên cái gò gần đó, cao chừng ba thước.

Các ông kia nãy giờ đứng xem không nháy mắt, thỉnh thoảng lắc đầu chắc lưỡi. Khi thấy ngài nhảy lên cái gò cao, một tay chống nạnh, một tay chống cây mây đứng oai vệ như thiên thần, họ vỗ tay lấy làm khâm phục.

Khi ngài nhảy xuống, ông Phòng Biều đề nghị cùng ngài :

— Đường roi « song đôi » của ngài có thể cho chúng tôi thí nghiệm hôm nay chăng ?

Ngài đáp :

— Nếu muốn biết sự lợi hại của đường « song đôi » mấy ông hãy dắt một con trâu ra đây.

Ai nấy chưa hiểu thế nào, nhưng một ông vâng lời chạy vào phía sau, dắt ra một con trâu cồ, sừng nhọn hoắc mập tốt vô cùng.

Ngài liền nói :

— Bây giờ ra ngoài bờ kinh gần đây, tôi cỡi con trâu này ở dưới kinh leo lên bờ, mấy ông cứ đứng trên, tôi sẽ đôi roi đi lên cho các ông xem.

Giao hẹn xong, ông Thủ-Chiếu, Nhiêu-Chấn và Thông Phụng lựa lấy khí giới rồi cùng nhau ra bờ kinh.

Ánh trăng rọi mờ mờ, ngài Thiên hộ ngồi trên mình trâu nghều nghệu, tay cầm roi, oai phong lẫm liệt.

Ra đến bờ kinh, ngài thúc trâu nhảy đùng xuống nước, đoạn nắm vàm trâu thúc trâu quay đầu nhắm bờ kinh tiến lên.

Trên bờ, ba ông Chiếu, Chấn và Phụng hờm sẵn khí giới khi trâu vừa gần đến mé kinh, ba ông nhứt tề tấn công, tiếng binh khí va chạm nhau rơm rớp.

Thiên-Hộ lui trâu lại, kẹp hai vàm trâu quấn vào đầu hai ngón chơn cái, đoạn thúc trâu tiến lên bờ.

Đêm đang yên lặng, bỗng sự kinh động bắt đầu, tiếng nước tung toé ào ào, pha lẫn tiếng khí giới chạm nhau lốp bốp. làm làm cho toà.. dinh binh sĩ ai nấy cũng giựt mình thức dậy.

Họ quơ khí giới cầm tay rồi đồ xô chạy xuống mé kinh, thấy hai ông Bá Biều đứng xem, còn ba ông Chấn, Chiếu, Phụng đánh với ngài Thiên-Hộ một trận ác liệt oai hùng.

Đang lúc phân vân chưa hiểu tại sao, thì thấy ông Chiếu đánh xuống một roi liên tiếp ba đòn, làm cho Thiên-Hộ thúc trâu lui lại và khen :

— Đòn đó khá đấy !

Ngài vừa khen vừa cười, đoạn thúc trâu tiến lên nữa. Có lẽ lúc đầu, ngài để cho ba ông đang lúc hăng sức dùng hết thần lực một hồi. Khi đoán chừng mấy ông có hơi mệt, ngài liền dùng tuyệt kỹ thế roi « song đội » điều khiển cây roi nghe vùn vụt, hai chân thúc mạnh vào hông trâu cho tiến lên mãnh liệt.

Thấy ngài quyết đội roi tiến lên, ông Chấn và ông Phụng kêu ông Chiếu, phân công biểu ông này nhắm đánh vào giò trâu cho ngã, nhưng đường roi của Thiên-Hộ càng lúc càng biến ảo, linh động lạ thường, ngài vừa ngăn hai ngọn roi của ông Phụng và Chấn thì đâm đót roi dùng thế « hồi thủ » doạ đánh qua ông Chiếu, làm ông Chiếu thâu roi trở lại, không dám đánh vào giò trâu, rồi lẹ như chớp nhoáng, ngài Thiên-Hộ thừa lúc ông Chiếu rút roi về còn lỡ bộ, ông tiếp theo một đòn làm cho cây roi ông Chiếu văng đi xa hơn 10 thước, đoạn ngài chuyển roi đề hai ngọn đòn của ông Chấn và Phụng đánh tới, và đồng thời thúc mạnh cho trâu vọt lên bờ.

Thấy ngài Thiên-Hộ thúc trâu lên bờ được rồi, hai ông Chấn và Phụng thâu roi trở lại, nhảy lui lắc đầu nói : « Ngài thật là kỳ tài trong thiên hạ ! »

Những người đứng xung quanh đều vỗ tay vang rân, tiếng khen nức nở, dưới ánh trăng mờ, người ta thấy ngài Thiên-hộ ở trần, ngực nổi nở tròn, hai tay gân guốc, cặp cây roi từ trên lưng trâu nhảy xuống, thật là một viên kiện tướng.

HAI CHÍ HƯỚNG...

Lúc ngài Thiên-Hộ truyền hịch khắp nơi, kêu gọi sĩ phu ra giúp nước, thì có ông Đà ông Dật, lúc nhỏ học một trường, hai nhà ở gần nhau, lớn lên cùng học một thầy và cùng đậu Tú tài như nhau.

Thế mà ông Đà phục vụ quân Pháp còn ông Dật thì theo nghĩa quân chiến đấu ở Tháp Mười.

Cuộc đời đưa đẩy, ông Dật được ngài Thiên-hộ phái ra vùng Cao-Lãnh chiêu dụ sĩ tử và thám dọ tình hình của Pháp do đội Cousy điều khiển

Ra vùng địch chiếm, ông Dật dùng tài học của mình giao thiệp cùng những nhà ái quốc, và nhờ người giới thiệu cho ông những sĩ tử ẩn dật trong vùng việc hoạt-động của ông chưa được kết-quả mỹ mãn thì ông bị bắt.

Hay tin ông Dật bị bắt, ông Đà đến nói với viên đội Cousy cho ông khuyến dụ ông Dật qui hàng. Với đường lối mua chuộc hơn là khủng-bố, viên đội Coursy cho ông Đà trọn quyền hành động để có thể khuyến dụ ông Dật.

Chỗ giam ông Dật là một nơi đặc biệt, tại nhà ông Thông Tri, có người phục dịch cơm nước rượu trà. Ông Đà đến nơi giả vờ hối tiếc rằng ông không hay để cho ông Dật bị những ngày lao lung buồn khổ.

Ông Dật mỉm cười đáp :

— Đã là chiến sĩ thì sự lao lung gian khổ, đó là thường, là phần thưởng danh dự, đâu phải đáng buồn.

Vì chưa hay ông Đà theo Pháp nên ông Dật hỏi ông Đà ở đây làm gì, ông Đà ngâm bài thi vịnh cuộc đời mình :

Lỡ làng chưa trọn phận làm trai,
Tạm sống cho qua đoạn tháng ngày.
Trái mắt cũng thôi đành ngậm miệng
Đau lòng chịu vậy đã nghiêng tai
Về Tào chi sá thân hèn mọn,
Ở Hán còn bao kẻ trí tài.
Nầy nước nầy nhà hai gánh nặng.
Xốn xang lòng tớ có ai hay.

Nghe ông Đà ngâm bài thơ, ông Dật đã hiểu bèn ngâm hoạ lại :

Tai ngơ sao được phận làm trai,
Mấy thuở gây nên được những ngày.
Thục nữ còn ra giành trách nhiệm,
Tu mi sao để chịu nghiêng tai !
Biết Tào nên chẳng ra phò trợ,
Gặp Hán sao không quyết trổ tài ?
Sóng gió rồi đây trời bể lặng,
Gìn lòng đâu phải gọi rằng hay !

Bài thơ của ông Dật đã làm cho ông Đà hơi hổ thẹn, nhưng người ông Đà lúc bấy giờ đã quá nhiễm Tây thì một bài thơ đâu đủ làm cho ông thức tỉnh.

Thế rồi, ngày lần tháng lữa, nhiều phen ông Đà khuyên ông Dật nên theo Pháp. Nhưng bị ông Dật mắng cho nhiều trận nên thân. Ông Đà căm tức, gởi cho ông Dật bài thơ «Vịnh con tôm».

Ỷ mình lớn mắt với dài râu,
Gan ruột nhà va nỡ có đâu !
Chim chít khoe khoang tài mũi nhọn
Sụt sùi núp lén chốn giòng sâu.
Đánh hơi thấy xác mùi ra miệng
Nghe tiếng chài te cứt lộn đầu
Càn giọng múa men cơn gặp nước
Cực vì ăn chạ mắc sa câu !

Ý của ông Đà là chê ông Dật núp lén đánh du kích theo ngài Thiên hộ ở trong bưng sình, muỗi, đĩa, sao bằng ông Đà đàng hoàng đứng bên cạnh người Pháp, không trốn chui, không sợ sệt.

Xem bài thơ ông Đà, ông Dật buồn cười cho hạng người mãi quốc cầu vinh, quên giòng mất gốc. Ông liền cầm bút hoạ lại một bài :

Loài ở lộn bùn cũng mộ râu (?)
Ngo ngoe nó biết mốc chi đâu !
Cong lưng cứ ỷ tài đâm bắn,
Lố mắt không dò ngách cạn sâu
Ngoài ủ lom xom càn múa gọng
Trong thoi sùi sụt đít co đầu
Giỡn rồng xin chớ đừng quen thói
Một ngủi là xong mấy tát câu

Viết xong, ông dặn viên tùy phái của ông Đà :

— Ngươi đem thơ nầy về cho chủ ngươi và nhớ nói : ta không muốn chủ ngươi nghĩ đến ta, tốt hơn là để nghĩ cách giúp lũ xâm-lăng Pháp cho mau thăng chức, lên lương mà thôi !

(1) *Trích báo Tiến Thủ số 64, ngày 17-3-1956 Trăng Đồng Tháp. Phóng sự kỳ ảo của TCYA.*

AI VỀ ĐỒNG THÁP

« Ai về Đồng Tháp xa xôi,
Dừng chơn tôi gởi đôi lời nhớ nhung.
Ai về ngã sáu, Ấp Trung,
Cho tôi gởi nhớ về trong Tháp Mười.

***

« Ai về Đồng Tháp mà coi,
Mả ông Thiên-Hộ trăng soi lạnh lùng !
Bà con đùm đậu quanh vùng,
Tháng giêng ngày giỗ xin đừng ai quên.

Tiếng hò ấm áp, du dương, trầm bổng những câu thơ mộc mạc của bác nông phu, các chú lái đò, hay anh cắm câu trong con kinh dài đườm đượm, giữa cánh đồng ruộng minh mông gió ù ù thổi, trăng dõi-dõi soi, gợi cho du khách nỗi niềm hoài cổ, tưởng nhớ vị anh hùng xưa, Ngũ-Linh-Thiên-Hộ cách nay trên trăm năm (1866-1969) « gieo Thái-Sơn nhẹ tợ hồng mao »

Đọc giả cùng chúng tôi hãy theo dõi du-khách bạn với một thanh niên, một đêm trăng mờ ảo, viếng mộ ngài Thiên hộ nơi Gò Tháp rồi ký thác lên mảnh hoa tiên mấy giòng chữ sau đây :

« . . . Nguyễn đưa tay chỉ đám tràm trước mặt rồi bảo Sinh :

— Miếu thờ ông Thiên-Hộ ở đó.

« Xuồng cặp vào mé tràm. Trăng trên đầu hai người vẫn soi sáng vắng vặc. Gió thổi lào xào qua những lá tràm xanh. Đâu đây, có những tiếng chim trích kêu trong lớp bưng xa.

« Một tòa cổ miếu tường rêu loang lở, mái ngói hết màu son, đứng trên nền đất, cao ngang đầu gối bên cạnh cây « bông sứ cùi », có vẻ lạnh lẽo âm u. Vài cây sao nghiêng bóng xuống, che bớt ánh trăng cho ngôi miếu thêm phần cổ kính.

« Sinh lặng ngắm giây lát rồi hỏi Nguyễn :

— Sao nền miếu lại đắp cao quá vậy anh ?

— Phải đắp cao để phòng khi nước dâng nhiều. Bây giờ nước lên còn yếu, anh đừng tưởng rằng mực nước chỉ có thế nầy mà thôi.

« Nguyễn lại chỉ tay :

— Anh đến và viếng mộ ông Thiên hộ.

« Sinh theo tay chỉ bước đi. Ánh trăng nghiêng đổ trên mặt đất ... Gió đồng lạnh thổi lên ù ù. Một đám mây bay qua che màu trăng sáng.

Cảnh vật như chìm trong ánh sáng nhờn nhợt mờ mờ. Vài con chim ăn đêm cất tiếng kêu khô khan trong nền trời rộng vắng.

« Sinh dừng chơn trước ngôi mộ mờ ảo ánh trăng. Hai hàng cây sao đôi bên đổ bóng xậm xuống mặt đất nhợt nhạt màu tro. Gió ngoài đồng vẫn thổi vút, kêu rít trên mặt nước xa như tiếng ai văng vẳng hú gọi nhau. Nhưng gió ở ngôi mộ lại hiu hiu như từ trong lòng đất thổi lên.

« Sinh lặng ngắm ngôi mộ, lòng như se thắt, bồi hồi. Sinh chép miệng.

— Quả thật là trăng soi lạnh lùng !

Nhưng cái lạnh lùng của trăng soi đối với nơi an nghỉ của vị anh hùng vẫn chưa đáng đau lòng bằng cách đối xử lạnh lùng của bọn người hậu thế anh ạ !

« Sinh hỏi :

— Anh nói thế là nghĩa làm sao ? Tôi nghĩ rằng, dưới ba tấc đất, kẻ anh hùng đâu có màng chi đến tấm lòng hậu thế.

Nguyễn lắc đầu :

— Những bổn-phận của kẻ hậu sinh là thế nào, anh có nghĩ đến điều ấy chưa ? Cho đến cả cái ngày từ trần của ông, thế gian sau này cũng không còn ai biết nữa. Lạnh lùng đến như thế, người chết tuy không cần, nhưng những kẻ sống có một tấm lòng hẳn phải thấy rằng mình đáng trách chớ.

— Anh bảo rằng không ai biết ngày chết của ông, nhưng sao tôi nghe được mấy câu này :

Bà con đùm đậu quanh vùng
Tháng giêng ngày giỗ xin đừng ai quên !

— Anh nghe như vậy, rồi anh tưởng « tháng giêng ngày giỗ » là ngày của ông Thiên-Hộ từ trần ? Sự thật ngày đó — ngày mồng 3 tháng giêng — chỉ là một ngày của dân chúng trong vùng này đặt ra để kỷ niệm người anh hùng đấy thôi.

« Sự tích như thế này :

« Ngày xưa, dường như không có ai giỗ ông Thiên Hộ cả. Nhưng, cũng đã từ lâu rồi, có lẽ trên hai mươi năm, dân chúng trong vùng Gò Tháp năm ấy ăn một cái Tết thanh-bình có thịt kho dưa giá, có bánh tét ngon lành.

« Giữa đêm mồng ba Tết, sau khi bánh tét trong trã đã chín rồi, những người con trong xóm nhà mới lần lượt đội bánh tét đến tặng cho những người cha trong xóm nhà cũ.

« Khi đi ngang qua đây, giữa hai hàng sau này, trong ánh đuốc chập chờn, họ thấy một người đứng tuổi, bịt khăn be, mang giày ống như võ quan đàng cựu, đi từ chỗ cái mả nầy đến cái miếu kia rồi biến mất.

« Họ độ rằng đó là anh linh ông Thiên-hộ hiện ta và với tấm lòng biết ơn một người đã dày công chống ngoại xâm đi đôi với niềm tôn kính, dân chúng do việc xảy ra đó mà lấy ngày mồng ba tháng giêng làm ngày giỗ ông . . . »

ÔNG THẦY RẮN
với câu chuyện Lê-huy-Nhạc vùng Đồng-Tháp

Ai cũng biết vùng Đồng Tháp Mười xưa nay là nơi có tiếng về rắn. Nhất là mấy trăm năm về trước, nơi Đồng Tháp có biết bao rắn to và dữ, xứng danh mãng xà vương giết hại biết bao nhân mạng.

Nhưng ở đời vỏ quít dầy thì có móng tay nhọn. Vật dầu độc dữ đến đâu cũng có thứ để trị lại.

Khoảng năm 1858, tại vùng Đồng Tháp xuất hiện một mãng xà vương cực kỳ độc dữ. Ai đi vào vùng ấy, rủi gặp phải rắn ấy thì tính mạng kể như đi đời.

Ngày kia, một nông dân tên Năm Hơn có việc phải vào sâu chốn hiểm. Bỗng trông thấy một người cao lớn vạm vỡ đang phóng mình đuổi theo một con rắn to lớn hãi hùng. Năm Hơn sửng sốt đứng nhìn mà run sợ.

Đôi bên người và thú quần nhau giờ lâu, rắn dữ lần lần kém thế bị người bắt được, chân đè chặt khúc đuôi tay nắm cổ rắn, tay mổ bụng moi lấy gan rắn mà ăn tươi nuốt sống ngay lúc ấy. Đoạn dùng khúc cây to mà đập đầu rắn cho tới chết mới buông.

Năm Hơn vừa kinh ngạc vừa cảm phục, chạy đến chào hỏi người ấy, tỏ vẻ thán phục :

—Ông thật là phi thường mới trừ nổi rắn dữ. Dám mong Ông cho biết quý danh.

Người ấy cười nói :

—Ta là Lê huy Nhạc. Lâu nay ta tìm bắt con rắn này, mỗi ngày đều đã tẩm thuốc rắn khắp thân thể, nên mới không bị trúng độc của nó. Hơi thở của nó cũng đủ giết được người. Ta chuyên nghề bắt rắn cả đời, cũng phải ghê loạ mãng xà vương đó.

Năm Hơn khẩn cầu theo học. Lê-huy-Nhạc cảm động lòng thành, bằng lòng thâu nhận, dạy bảo cho.

Được một năm, Năm Hơn bắt rắn cũng nổi danh. Xa gần đều khen ngợi. Có điều không ai được gặp Ông thánh rắn Lê-huy-Nhạc, chỉ Năm Hơn thì lâu lâu mới thấy Ông đến thăm chừng.

Bỗng có một con rắn lớn xuất hiện, mình nửa đen nửa trắng, da dẻ xù xì trông dễ sợ. Hễ ai trúng độc của nó thì chết không phương cứu chữa. Dân quanh vùng sợ hãi, treo giải thưởng 30 nén bạc cho ai trừ được độc xà.

Năm Hơn được mời thỉnh đi trừ hại. Không chút nao núng, chẳng mấy ngày Năm Hơn tìm thấy rắn, lập cách giết đi. Xem kỹ xác rắn, thấy mình mầy nó cứ mỗi khoang đen phân cách nhau thì có một vòng nhỏ. Năm Hơn kinh nghiệm đã nhiều, nhưng thật không rõ rắn ấy thuộc loại nào. Bèn hớn hở lãnh thưởng và mang luôn xác rắn về nhà, định sẽ chờ thầy học đến sẽ hỏi cho biết.

Cũng may cho Năm Hơn. Anh vừa mang xác rắn về, tươi cười trò chuyện với vợ, xảy thấy ông thánh rắn Lê-huy-Nhạc cũng vừa tới cửa.

Sực trông thấy xác rắn, ông Nhạc kêu lên :

— Trời đất ! Nọc độc của thứ này còn dữ gấp trăm mãng xà vương nữa. Mày làm sao hạ được nó vậy Hơn ?

Năm Hơn thuật chuyện. Ông Nhạc thở ra :

— Phước cho mày gặp tao sớm, không thì mày phải chết.

Năm Hơn kinh ngạc :

— Vì sao ? Xin thầy dạy bảo cho con biết.

Ông Nhạc giải rõ :

— Đó là Phi-lân-xà, vì nó có vảy bay được. Ai tới gần nó hay bắt nó, không sao tránh khỏi vảy nó bay trúng vào mình, truyền nọc độc mà chết. Con đã bị trúng vảy nó rồi, chỉ chậm vài ngày nữa thì vảy đánh thấu trái tim, hết phương cứu chữa.

Năm Hơn còn nghi ngờ. Ông Nhạc biết ý, chỉ mấy cái vòng tròn trên xác rắn mà nói :

— Đó là vảy rắn. Tất cả có 8 cái. Nay chỉ còn có 6 cái, hai cái thì lờ mờ, ấy thì nó đã bắn vào mình con rồi. Con cởi áo ra xem kỹ thì biết.

Thật quả nơi mình Năm Hơn có hai vòng nhỏ ấy, một cái ở trên rún, một cái bên cạnh sườn, hơi lộ ra ngoài da thịt.

Ông Lê-huy-Nhạc bèn căn dặn :

— Con hãy nằm nhà, đừng đi đâu hết. Để thầy đi tìm thuốc trị cho, kẻo không kịp.

Dặn xong ông ra đi ngay ! Năm Hơn nằm nhà, dần dần cảm thấy nọc độc phát ra kinh sợ khôn cùng Đến khi ông Thánh rắn đem thuốc về thì Năm Hơn nằm mê sảng, bất tỉnh.

Ông lật đật lấy thuốc hoà rượu đổ vào miệng Năm Hơn. Đoạn khiến vợ Năm Hơn đem mền chiếu đắp kín thân thể Năm Hơn lại, và dùng dây trói chặt trên ván, phía dưới thì để một lò than cháy đỏ.

Xong, ông bảo vợ Năm Hơn lui ra ngoài sân. Ông cũng ra theo, đóng chặt cửa lại bỏ một mình Năm Hơn nằm trong nhà.

Trời đang nóng nực. Phần bị trùm mền, chiếu, phần bị hơ lửa đỏ, Năm Hơn bừng tỉnh kêu la vùng vẫy.

Vợ Năm Hơn cuống quít, định tông cửa chạy vào cứu chồng. Ông thánh rắn khoác tay :

— Có vậy nó mới sống được. Đừng sợ. Giây lâu thì khỏi.

Suốt mấy tiếng đồng hồ cựa mình vùng vẫy, kêu rên, Năm Hơn dần dần thiếp đi. Nghe bên trong đã im lặng rồi. Ông thánh rắn mới chịu mở cửa cho vợ Năm Hơn vào.

Lò than đã tắt. Trên giường, Năm Hơn nằm như chết. Người vợ vừa khóc vừa mở mền chiếu xem kỹ.

Không sao, Năm Hơn vẫn còn hơi thở điều hòa chỉ vì mệt mỏi quá sức nên nằm ngủ li bì.

Đến khi tỉnh dậy, Năm Hơn cảm thấy khoẻ khoắn nhẹ nhàng. Ông Thánh rắn vạch bụng và sườn của Năm Hơn ra xét lại. Hình vảy rắn đã biến mất. Năm-Hơn mừng khôn xiết tả và càng cảm phục Ông thánh rắn Lê-huy-Nhạc hơn lên.

Về sau, Lê-huy-Nhạc theo cụ Thủ-Khoa-Huân dấy nghĩa kháng Pháp. Vì ông là người gốc gác tỉnh Định-Tường, nên rất yêu mến xứ sở ông, hăng hoạt động trong vùng Định-Tường cứu giúp đồng bào trong cơn khốn khổ. Ông mất tại Đồng tháp Mười, được nhiều người thương tiếc.

GIAI-THOẠI VỀ LÀNG SẦM-GIANG

Có một đạo, trên làn sóng điện « Tiếng nói Việt-Nam Cộng-Hòa », quí vị thường nghe ban nhạc Sầm Giang do bạn Trần-văn-Trạch phụ trách, bạn Trạch mượn danh từ Sầm-Giang đặt cho ban nhạc mình vì bạn vẫn nhớ đến quê hương là nơi bạn đã được sinh dưỡng trưởng thành và tài năng bạn đã được khí thiêng non nước Sầm Giang un đúc.

Sầm-Giang ! tục gọi là Rạch Gầm là tên con sông xinh xắn chảy ngang qua làng Vĩnh Kim thuộc tỉnh Định-Tường cách tỉnh lỵ Mỹ-tho mười bốn cây số. Làng Vĩnh kim nằm trong quận châu thành Mỹ-tho, nay đổi là quận Long định còn có một tên tục là Chợ Giữa vì làng nằm giữa các làng Bình Trưng, Đông Hòa, Sông-Thuận, Kim-Sơn và Bàn-Long

Sầm-Giang bắt nguồn từ làng Long Tiên, dài khoản 25 cây số, uốn khúc quanh co qua các làng Mỹ-long, Bàn-long, Vĩnh-kim, Kim-sơn và cuối cùng đổ ra sông Cửu-long. Ở cửa sông Sầm-Giang tục gọi là Rạch Gầm một nơi lịch sử đã từng xảy ra cuộc thủy chiến giữa quân Xiêm và quân nhà Nguyễn. Chiến thuyền Xiêm bị quân ta phá tan tành và tiêu diệt. Tháng 4 năm Ất-tỵ (1785) ông Nguyễn-Huệ đánh quân Tiêm la ở Mỹ-tho.

Cũng như các con sông xinh đẹp mơ màng duyên dáng của Miền Tây, Sầm Giang có một vẻ thanh kỳ sầm uất nên thơ, gợi nguồn rung cảm vô biên cho bao nhiêu văn nhân mặc khách.

Sông đẹp vì thiên nhiên mà cũng đẹp nhờ người làng góp phần xây dựng, có những khoảng bờ dài năm ba cây số trồng toàn dừa nước quanh năm lá xanh dờn, luôn cong mình xào xạc theo chiều gió, một nguồn lợi đáng kể của địa phương vì lá dừa nước dùng lợp nhà rất bền bỉ, có những khoảng trống toàn cây bần tàng sum sê, mùa hè bần trổ hoa trắng, tím rồi kết thành trái đòng đưa trông thật là đẹp mắt. Còn gì thích thú cho bằng thả thuyền lướt nhẹ trên sông lòn qua những cành bần rợp bóng. Về đêm, bần sáng ngời một vùng vì muôn nghìn tia sáng do muôn nghìn đom đóm điểm tô. Khách du

viếng Sầm giang được ngắm cảnh thơ mộng về đêm của sông nầy. Bạn Khổng-Nghi trong bài hồi ký « Trong dòng Cam Chạy » đã có dịp đem so sánh khoảng sông Sầm-giang, có đám bần gie đom đóm đậu sáng ngời với dòng Cam Chạy thơ mộng tỉnh thành Kampot (Cao-Miên).

Như trên chúng tôi đã nói, Sầm-Giang đẹp không phải hoàn toàn vì cảnh trí mà phần quan trọng nhờ người Sầm-Giang nổi tiếng một nơi « Địa linh nhơn kiệt », một nơi thanh kỳ đã quyến rũ một số danh nhân nghệ sĩ vì đặc điểm hào hoa phong nhã của nhân vật.

Thả thuyền trên sông từ Vàm Rạch Gầm ngược dòng ta đi qua rạch Bà Hào, rạch Bà Lung, rạch Ông Hổ ngã ba Bà Nhan, ngã ba Cả Cấm, rạch Bà Tét v . v . . . toàn là những tên nhân vật.

Rạch Ông Hổ bắt nguồn từ Long-Hưng đổ ra Sầm Giang được truyền là một rạch lịch sử rất thiêng, nơi mà đức Tả quân Lê văn Duyệt thuở thiếu thời đã từng tắm lội nô đùa với đoàn lũ mục đồng

Ông Phạm-Quỳnh hồi còn làm chủ bút tờ Nam-phong, trong 3 tháng du lịch ở miền Nam đã lưu tại làng Sầm Giang gần nửa tháng (khoảng 1918). Nối gót ông Phạm-Quỳnh còn có vết chân của các ông Diệp văn Kỳ, Nguyễn văn Bá nguyên chủ bút tờ Thần-Chung, bác sĩ Nguyễn văn Nhã, thi sĩ Trúc-Phong Hà-Tiên, các thi nhân thời tiền chiến : Xuân-Diệu, Huy-Cận. Khi Xuân-Diệu, Huy-Cận đến viếng Sầm-Giang do sự hướng dẫn của bạn Khổng-Nghi (nhà văn sanh trưởng ở Sầm giang) đã được đón tiếp hết sức long trọng như Hội tề làng đón tiếp tỉnh trưởng... Ban nhạc Sầm-Giang lúc bấy giờ do nhạc sĩ Mỹ Ca điều-khiển đã ra tận đầu làng mừng đón 2 thi nhân bằng những bản nhạc vui tươi hào hứng. Các thiếu nữ làng Sầm-giang nổi tiếng duyên dáng và tài hoa đã tham dự cuộc tiếp tân tặng hoa danh dự và tự tay làm những thứ bánh đặc biệt để làm quà 2 bạn thi nhân đất Bắc. Một cuộc du thuyền được tổ chức trên sông Sầm giang những thú ngâm thơ hoạ đàn của người xưa trên bến Cô-Tô, trên sông Xích-Bích đã được thực hiện giữa anh em văn

nghệ sĩ để ghi thêm trong lịch-sử Sầm-Giang một giai thoại văn chương kỳ-thú cuộc chơi thuyền lịch sử này được bạn Khổng Nghi tường thuật trên tuần báo Đông-Dương tạp chí bấy giờ do Thúc Tề làm chủ bút.

Sầm-Giang được phồn thịnh nhứt vào khoảng 1930-1944 khoảng thời-gian này nhơn tài Sầm-giang xuất hiện đã gây một tiếng dội trong nước và ngoài nước.

Nhạc sĩ Trần-văn-Khê, Trần-văn-Trạch, Nguyễn-Mỹ-Ca, Hàng-Thuận-Đặng, Đồng-Dinh.

Khoản thời gian nầy ông Nguyễn-văn-Bá gốc người Huế chủ biên nhật báo Thần-Chung đã lựa Sầm giang làm quê hương thứ hai. Bà Nguyễn-văn-Bá tức là cô ruột của 2 bạn Khê-Trạch.

Chính ông Nguyễn-văn-Bá đã sáng lập Tao Đàn Sầm-Giang. Không những là thi đàn của các thi nhân mà tao đàn này còn là một hội trưởng phát huy tài-năng của nhân vật Sầm-giang. Hội viên phải tuần tự thuyết trình một luận đề về thi ca, văn chương âm nhạc v.v...

Thính giả được quyền vào nghe và có quyền tranh luận.

Một số hội viên có tên tuổi như các ông Nguyễn-anh-Bồn, giáo sư trung học Định-Tường, Bùi-văn-Quê cựu hiệu trưởng trường Cầu-Kho, ông Mai-hiền-Năng cựu hiệu trưởng trường Khánh-Hội v.v...

Trong các gia đình nhân tài, hai gia đình Trần-Nguyễn nổi bậc về truyền-thống âm nhạc. Cụ Nguyễn-tri-Phương soạn giả tuồng hát « Giọt lệ chung tình » viết riêng cho kịch đoàn Đồng Nữ do bà Trần-ngọc-Viện sáng lập. Cụ đã sáng tác nhiều bản cổ nhạc như « Phong xuy trịch liễu », « Thất trĩ bi hùng », « Yến tước tranh ngôn » đã được vào dĩa bên Pháp, và tiếng sáo của cụ đã được tàng trữ ở viện nhân chủng Pháp Musée de l'homme, cụ vừa từ trần tại Sầm-Giang năm 1962, sau khi để lại một loạt bài khảo cứu về nhạc. Thiên « Cầm ca giai thoại » đăng ở Sáng Dội Miền Nam.

— Nhạc sĩ Trần văn Khê tiến sĩ văn chương và chánh trị, đã từng đi diễn thuyết thường xuyên qua các thủ đô lớn ở Âu châu, đã đem về cho Việt-Nam giải nhì về âm nhạc Dân ca (2è prix de Folklhore tại thủ-đô Budapest).

— Nhạc sĩ Mỹ Ca đã đến nợ nước tại Cà Mau trong năm 1945 trong thời kháng Pháp nổi tiếng với những bản nhạc trầm hùng mà các bạn trẻ yêu nhạc vẫn còn mến chuộng.

— Gồm mấy mươi gia đình mà con cháu đỗ đạt thành tài như gia-đình kỹ sư Ngô tấn Nhơn, kỹ sư Tăng Linh Mai (chú của bà sương phụ Phan văn Hùm. Bác sĩ thú y Trương tấn Ngọc (Docteur vétérinaire d'Etat de l' école d'Alfort et de la faculté de Médecine de Paris). Vị bác sĩ thú y đầu tiên đã tìm ra vi-trùng của loại Vịt làm rạng danh cho nền thú y nước nhà.

Bác sĩ Trần-nam-Hưng, bác sĩ Nguyễn tấn Vi Trọng, giáo sư Nguyễn anh Bồn, giáo sư Bùi văn Trứ, giáo sư Phạm xuân Quang. Các sĩ-quan như Thiếu-tá Trần hữu Hạnh, thiếu tá Nguyễn thị Hằng (cháu ruột bác sĩ Nguyễn Tấn Vi Trọng), gia-đình cựu Thủ hiến Hồ quang Hoài v.v...

Vào thời bình, khách du đến viếng Sầm-giang sẽ được người làng tiếp đón nhiệt thành nồng hậu, khách đã đến vì mục-đích ham mộ thì được tôn trọng là thượng khách muốn ở dưới bao lâu, ở bất kỳ nhà nào vẫn được niềm nở tiếp đón. Mỗi gia đình, mỗi nhân vật dù sang dù hèn, dù giàu dù nghèo, vẫn có những khía cạnh những đặc-điểm gần như là truyền-thống. Sau khi chia tay khách phải công nhận Sầm-giang là làng năng lưu khách, nhân vật Sầm-giang nổi tiếng đa kỳ.

«Sầm giang nhân vật tối đa kỳ»

Câu thơ của cử nhơn Phan Hiền Đạo đầu tiên tặng Sầm-Giang.

Chúng tôi xin trích một vài giai thoại kỳ thú về những nhân vật đầu tiên Sầm-giang.

Giáo sư Nguyễn-văn-Hanh tác giả quyển Hồ xuân Hương, một hôm về chơi Sầm Giang, ông đang khảo cứu viết quyển sách «ca dao miền Nam» sau khi nói nguyện vọng của ông cho bạn Khổng-Nghi, Khổng-Nghi liền giới thiệu cho ông Hanh một cô

gái quê làng Sầm-Giang . . . Một buổi tối, tại nhà bạn Khổng-Nghi từ 8 giờ đến 10 giờ, cô gái quê Sầm-Giang đã hát cho ông Hanh một tràng ca dao mà ông chép không hở tay. Sáng hôm sau cuộc hội đàm giữa ông giáo sư và cô gái quê vẫn được tái diễn. Ông giáo sư văn chương đi từ ngạc nhiên này đến ngạc-nhiên khác. Ông cho đó là một giai thoại lý thú nhứt trong đời ông.

MỘT GIAI THOẠI THỨ HAI VỀ TÁNH ĐA KỲ

Bà Trần-ngọc-Viện cô ruột của 2 bạn Khê, Trạch có sáng kiến thành-lập một đoàn hát gồm toàn nữ diễn viên từ 18 đến 21 tuổi. Tự bà soạn tuồng, vẽ y phục v.v... Bà đã thành công sau ba năm lưu diễn, khi bà lâm bịnh và sắp từ trần, bạn Khổng-Nghi có một ý nghĩ táo bạo là làm lễ tế sống bà, nghĩa là bài điếu văn thay vì đọc trước quan tài sau khi bà chết, được đọc khi bà còn sống trong một đêm văn nghệ giã-từ giáo sư Nguyễn-văn-Hanh Nguyễn-văn-Trứ trường Pétrus Ký cùng một số đông nhân vật ở Saigon được mời về dự lễ. Bài điếu văn của bạn Khổng-Nghi đã làm cho hầu hết thính giả khóc mùi. Bài điếu văn có giá trị văn chương bị thất lạc trong cuộc chiến tranh. Bạn Nguyễn-ngu-Ý tức tối tiếc mãi vì không còn sưu tầm lại được

Lưu-hữu-Phước, Mai-văn-Bộ khi về chơi Sầm giang đã có một bài thơ đề tặng Khổng-Nghi nổi tiếng là « kỳ » ở Sầm-Giang.

Sầm-giang nhân vật tối đa kỳ
Đệ nhất Kỳ là bạn Khổng Nghi
Tình tứ hoang mang đầu chửa bạc
Tài hoa son trẻ dạ còn si
Giang hồ phiêu bạt đây rồi đó
Thơ túi ngâm tràng mộng với mê
Nhắn khách nặng tình vì non nước
Sầm giang nhân vật tối đa kỳ

Câu chuyện Sầm giang còn dài nhưng để kết thúc bài này chúng tôi xin tuyển ra hai bài thơ giai thoại Sầm Giang.

Bài bát cú của nữ sĩ Đỗ Liên Tư Vĩnh-Long cháu ruột thi sĩ Bồng-Dinh.

Sầm-Giang là chốn rất cao kỳ,
Danh tiếng vang lừng xóm phú thi
Chợ giữa nhiều trang văn Ngọc Diệp
Vĩnh-Kim lắm kẻ học Liên Trì
Tài ba đời cổ chưa nơi sánh
Lỗi lạc lối kim ít chỗ bì
Kính tặng một bài lưu dấu để
Ai người đến đó mới tường tri.

Bài trả lời điệu ca trù của Thi sĩ Hàng Thuận Đặng trong Tao Đàn Sầm Giang.

ĐỊA LINH NHÂN KIỆT

Khắp ba kỳ trong nước Việt thiếu chi nơi
Cảm tình ai châu ngọc bấy nhiêu lời
Nín cũng ngại hở thời cũng ngại
Người Chợ Giữa đi khắp bốn phương hồ hải
Giỏi vạn nghề há phải một nghề thi
Nầy ngón tơ đồng trong 6 tiếng chưa có tương-tri
Chơi phong nhã nói gì cờ với vẽ
So kim cổ biết bao nhiêu kẻ
Dẫu thoa quần cũng san sẻ gánh non sông
Chuyện năm xưa ai có nhớ hay không
Ô dân khí ! dân quyền rền một lúc
Nước trong vắt sông Sầm uốn khúc
Dẫu sang hèn chả tục mảy may nào
Đã bao phen trỗ lắm bực văn hào
Đến quê dốt cũng giàu lòng khẳng khái
Bốn phương rộng xe tàu qua lại
Cảnh Thanh kỳ chớ ngại xa gần
Hỡi ai tài tử giai nhân

Nhắc đến giai thoại Sầm-Giang, chúng tôi hồi tưởng đến nhà văn Khổng-Nghi bạn đã giúp cho quyển Định Tường nhiều tài liệu. Nay bạn đã ra người thiên cổ với một cái chết đột ngột, anh em ai nấy đều ngậm ngùi mến tiếc. Trước vong linh người quá cố, chúng tôi xin thành tâm cầu nguyện hương hồn bạn sớm tiêu diêu nơi tiên cảnh.

ĐỒN CHỢ GIỮA

Giai thoại về đồn Chợ Giữa thường được dân địa phương thuật cho nhau nghe trong những lúc trà dư tửu hậu. Tác giả thường nghe một số anh em văn nghệ sĩ làm quà câu chuyện văn nghệ này tại nhiều nơi trong trường hợp khác nhau. Nhưng khi đến Sầm-Giang, tác giả lại được nghe bạn Khổng-Nghi kể chuyện Đồn Chợ Giữa với một nghệ thuật vừa văn hoa bay bướm vừa khôi hài hấp dẫn và bạn Khổng-Nghi yêu cầu tác giả nếu có đem chuyện này vào Quyển Định-Tường thì xin trả lại cho César cái gì của César, tức là trả lại câu chuyện Đồn Chợ Giữa từ nơi xuất xứ của nó.

Vĩnh Kim hiện nay là quận lỵ Sầm-giang còn có một tên nôm na là Chợ Giữa vì trung tâm quận lỵ nằm giữa các xã Kim-sơn, Song thuận, Long Hưng, Đông Hòa, Bình Trung, Bàn long. Năm 1945, khi tái chiếm Mỹ-tho, quân viễn chinh Pháp chiếm luôn Vĩnh-Kim và đặt một đại đội trú phòng có trọng pháo và thiết vận xa yểm hộ dưới quyền chỉ huy của tên quan ba Savary. Vĩnh Kim bây giờ được Pháp gọi là Secteur de Vinh Kim, xem như là thị trấn quan trọng về chiến lược.

Tên quan ba Savary có một tướng bộ hạ hết sức hung-ác là tên ách Thẹo. Đồng bào gọi hắn là ách-Thẹo vì hắn ta luôn luôn ở trần phô trương thân mình đầy thẹo mà hắn ta thường tự khoe là kết quả của những chiến công oanh liệt của hắn ở Phi-Châu. Bọn chúng thường bắt bớ khủng bố dân làm tiền, dùng mưu mô thủ đoạn để kiếm tiền như ra lịnh đúng 6 giờ chiều, Đồn Chợ Giữa, bắn ba tiếng súng báo hiệu giờ thiết quân luật thì các ghe thương hồ từ Kim-sơn đi vào Bàn-Long và ngược lại ghe thuyền từ Bàn Long ra Kim sơn phải ngừng lại và đậu cách đồn Chợ Giữa 500 thước.

Đồn Chợ Giữa tổng hành dinh của quan ba Savary nằm ở tả ngạn sông Rạch Gầm chỗ ngã ba sông Rạch Gầm (Sầm giang) và Rạch ông Hổ là nhà bảo sanh của dân mà chúng nhẫn tâm dùng làm đồn để kiểm soát tất cả ghe xuống xuôi ngược trên sông.

Sông Sầm-Giang thời tiền chiến nổi tiếng là con sông xinh đẹp, cảnh sắc thanh kỳ quyến rũ bao nhiêu văn nhân mặc khách bốn phương đến thả thuyền tìm thi hứng. Một cuộc chơi thuyền của anh em văn nghệ sĩ Sầm-Giang được nổi bật và đi vào lịch sử Sầm-Giang là cuộc chơi thuyền của các bạn Trần-văn-Khê, Mỹ-Ca, Khổng Nghi tổ-chức đón tiếp hai thi nhân đất Bắc là Xuân-Diệu và Huy-Cận.

Câu chuyện văn nghệ Đồn Chợ Giữa xảy ra trên bến sông Sầm trong một khoang thuyền của một người lái nuôi vịt tàu một chiều thiết quân luật vào năm 1946.

Để cho độc giả thấm nhuần sự thích thú của câu chuyện, tác giả xin giới thiệu sơ lược nhân vật điển hình là ông Xã R. ở Bàn-Long.

Tại xã Bàn-Long cách Vĩnh-Kim 4 cây số, đồng bào đa số sống về nghề nuôi vịt tàu. Ông Xã R. sống về nghề nuôi vịt tàu với truyền thống cha truyền con nối. Bầy vịt của ông xã trung bình độ 5.000 con. Lúc vịt còn nhỏ ông Xã nuôi trên những đồng tại địa phương nhưng khi vịt gần thời kỳ đẻ trứng, ông xã cho vịt đi ăn thật xa đôi khi tận những cánh đồng phì nhiêu của miền miền Hậu giang trù phú, với phương pháp chuyên môn ba chiếc xuồng nhỏ do 3 người lái kèm đàn vịt cho trôi theo giòng Cửu long, cứ nước lớn đi, nước ròng đậu lại, nơi nào ruộng ruộng lúa vừa gặt xong, ông xã cho vịt lên ăn, nuôi theo lối nầy, vịt mau lớn và đẽ sai trứng. Vì khi đồng vừa gặt xong lúa rơi rớt rất nhiều, vịt tha hồ ăn lúa rớt và bao nhiêu ốc, cua, cá con trên đồng cũng vào bụng vịt.

Một hôm đàn vịt của ông xã đồ bộ tại một cồn trên sông Vàm cống.

Tại Vàm cống Long-Xuyên vào những tháng năm thanh-bình, các ghe thương hồ tứ xứ thường được thưởng thức những cảnh thú vị của cuộc đời trên sông nhứt là những đêm trăng.

Các cô gái báu vàm với một giọng rao giọng hò lảnh lót đã làm say mê các tay thương hồ chuyên sống cuộc đời nổi trôi trên sóng nước.

Vào một đêm trăng, sau khi dùng đăng bao cho đàn vịt ngủ xong trên cồn, ông xã R. nằm trên chiếc ghe lường chở trứng, tự cho mình có quyền nằm thảnh thơi để lắng nghe những điệu hò đồng vọng của các cô thiếu nữ bán vàm. Tiếng rao trong trẻo ngân nga theo nhịp sóng của trường giang có một sức quyến rũ vô cùng kỳ thú :

— Ai ăn bánh ú o không ?

— Bánh ú o !

— Ai gọi đấy ?

— Ở ghe lường này.

Nhìn được phương hướng, cô bán vàm cho xuồng cặp nhẹ.

— Bánh gì mà gọi là bánh ú o, nghe lạ quá vậy cô ?

— Thì mời ông anh dùng thử một cái rồi sẽ biết.



CỬU-LONG GIANG

Giữa dòng sông trời nước bao-la
thuyền khách thương-hồ xuôi ngược.

— Thử thì thử, đâu cô cho một cái xem.

Tiền trao cháo múc; ông xã R. vừa nhận chiếc bánh ú mở ra ăn, ông vội kêu trời như bọng

— Bánh ú gì mà thiêu nhớt. Cô bán vàm vừa xô xuồng xa ghe, ông vội vã dùng chèo móc xuồng cô lại.

— Nè cô Ba! Bánh gì mà thiêu nhớt mà cô gọi là bánh ú o.

— Thì bánh hơi thiu, em mới o lại bán, vì vậy mới gọi là bánh ú o chớ.

Ông xã R. không còn biết trả lời sao. Mặc dù bị gạt nhưng đối diện với một cô bán vàm duyên dáng có một nụ cười khoe hàm răng trắng điểm 1 chiếc răng vàng. Ông xã R. chẳng những không giận mà còn thấy thích thú cho mình được cô bán vàm qua mặt.

Lời qua tiếng lại, ông xã R. và cô gái bán vàm lại dễ thông cảm với nhau.

Lạ gì : Trai tứ chiếng gái giang hồ
Gặp nhau ta nỗi cơ đồ cũng nên.

Những đêm trăng kế tiếp cô gái bán vàm đã bỏ nghề bán bánh ú o để theo ông xã R. học nghề nuôi vịt tàu là một người nhiều kinh nghiệm. Cô gái vàm cống không chịu sống tạm bợ mà bắt buộc ông xã R. phải làm sáng tỏ vấn đề hôn nhân nghĩa là phải được sự chấp thuận của bà lớn.

Khi trở về Bàn Long ông xã R. cố dùng ba tấc lưỡi của Tô-Tần để thuyết phục bà xã lớn.

Nào là : Đời tôi nghiệp dĩ phải sống kiếp sông hồ nhiều lúc nơi đất khách quê người cảm thấy cô đơn buồn chán quá. Mình thì có bổn phận phải ở quê nhà lo việc vườn tược, làm sao theo chân tôi mãi mãi được. Duyên số đã khiến tôi gặp gỡ

Dì Ba nó quyết hy sinh cuộc đời sống lo lắng đỡ đần cho tôi. Mong rằng mình hãy rộng lượng xử sự cho trong ấm ngoài êm.

Bà xã lớn từng hiểu chồng mình, hễ muốn là được nên bà đành chấp thuận không cãi vả.

Nhưng sau một thời gian buông trôi, nghe bọn người nhà thuật lại cuộc đời êm ấm của chồng và Dì Ba nó trên mặt sông, bà xã lớn cảm thấy nổi cơn máu Hoạn Thư.

Chuyến lui ghe ngày mười bốn, bà xã lớn nhứt định đòi đi theo lấy cớ đi cho biết đó biết đây một chuyến và tiện dịp qua thăm quê Dì Ba ở Vàm Cống.

Ông xã R. không có cách nào từ chối được ý muốn chánh đáng của bà xã lớn, đành phải miễn cưỡng chấp nhận tuy đoán trước chuyến đi này sẽ gặp nhiều trở ngại.

— Đây ! trong một trường hợp đặc biệt như vậy, ghe ông Xã Bàn-Long phải đậu lại trên bến nước Sông Sầm-giang cách đồn Chợ Giữa 500 thước đêm trăng tháng giêng 1946.

Trong khoang chiếc ghe lường tồng hành dinh nổi trôi của ông xã, bà xã hai nằm giữa khoang, ông xã R. nằm ở đầu khoang và Dì ba nó nằm ở cuối khoang. Như trên đã nói, đêm trăng ở sông Sầm-Giang đượm nét thanh kỳ dù ở thời chiến vẫn gợi cho lòng người một cảnh nên thơ. Đối cảnh sanh tình, bà Ba động lòng quê nhớ lại cuộc đời tự do phóng túng trên sông Vàm Cống. Bà Ba bèn dùng điệu Hò miền Hậu giang để nói lên tâm tư của mình :

— Hò ơ ! Đêm khuya nước lặng sóng yên.
Chèo ai có muốn chóng thuyền thì sang.

Ông xã R. nằm chèo queo ở đầu thuyền nghe bà ba hò, ông biết bà muốn nhắn nhe với mình. Ông vẫn muốn qua nhưng ngặt Đồn Chợ giữa nằm chình ình không còn lối thoát. Ông xã bèn hò đáp lại :

— Hò ơ ! Muốn mua muốn bán cho vui
Ngặt Đồn Chợ Giữa thì xuôi đàng nào ?

Bà xã lớn nghe 2 người đối đáp biết họ vô kế khả thi, bị kế ly gián của mình, bà bèn mỉm cười hò khuyến khích ông xã :

— Hò ơ ! Muốn qua buôn bán cho vui
Qua đồn nộp thuế thì xuôi chớ gì.

Phải ! Quan ba Savary là tay tổ ăn hối lộ. Mặc dù bắn ba phát súng báo hiệu giới nghiêm, nhưng nếu ghe nào có chuyện gấp muốn qua, biết chạy chọt ông ba bò thì ghe vẫn qua lọt như thường.

— Qua Đồn nộp thuế thì xuôi chớ gì

Bà xã Ba nghe điệu Hò của bà Hai tức lộn ruột vì nếu qua đồn Chợ giữa nộp thuế thì còn gì vốn liếng để bán buôn. Nghĩ vậy là bà Ba hò kết thúc mục đích bảo ngầm ông xã đừng dại qua đồn :

— Hò ơ ! Chả mua chả bán làm chi
Nộp thuế hết vốn còn gì bán buôn.

Thuật câu chuyện Đồn Chợ Giữa đến đây bạn Khổng-Nghi ngừng một phút để cho thính giả nhận thức ý nghĩa khôi hài tế nhị của câu chuyện văn nghệ, rồi bạn kết thúc :

— Đồn Chợ Giữa xuất xứ từ Vĩnh Kim Sầm Giang.

Nếu các bạn có nghe ai thuật chuyện này về cho César cái gì của César. Trả lại Đồn Chợ Giữa từ nơi xuất xứ của nó.

Phần thứ năm :

— Văn-hoá nghệ-thuật

— Thi thơ tân cựu

Thổ-nghi sản-vật Định-tường và các bộ môn văn học nghệ thuật

Tỉnh Định-Tường xưa vốn là phần đất gần thủ phủ Gia-định thành, nên kể về văn vật cũng trội hơn các nơi, có lắm nhân tài lừng lẫy tiếng tăm. Vả chăng, nền kinh tế của Định-Tường xưa cũng rất phồn thịnh, trù phú, ảnh hưởng khá nhiều đến văn hóa xã hội, khiến nên đời sống của dân chúng được tốt đẹp phần nào.

Trong quyển « Nam-kỳ phong tục nhân vật diễn ca » tập II tr. 62, về phần tỉnh Định-Tường, dưới ngòi bút tài hoa của ông Nguyễn-Liên-Phong, thổ nghi sản vật của tỉnh Định-Tường, được đề cao :

Thổ nghi vườn ruộng tương liên
Bông hoa quả phẩm thường xuyên thiếu gì.
Cá tôm sò ốc đâu bì
Của nơi sông biển lắm khi dư dùng.
Tốt tươi bắp đậu các giống
Khoai lang Trấn định người trồng vạn thiên.
Cải rau bông thuốc khắp miền
Đỗ làm trong rẫy xóm diềng nhặt sai.
Bí thời tiếng bí Vũng-Luông
Mía thời Gò cát ai ai đẹp tình
Hoà quới với tổng Hoà-thinh (1)
Dừa khô thổ sản có danh Nam-kỳ.

---

(1) Hòa quới, Hòa Thinh hai Tổng này nay sáp nhập vào Kiến Hòa (Bến-Tre)

Cây dừa chẳng bỏ món chi
Niên niên thạnh lợi nhiều khi dân nhờ
Trời sanh vật giữa cõi bờ.
Ở đâu đã sẵn tư cơ cho người
Cái váng kể biết mấy mươi
An-hồ, Tân-thạch chuối khô dập dồn.
Tư bề Thừa-đức nội thôn
Đất trồng Dưa hấu ngọt ngon quá chừng
Vật hèn cây lát cây đưng
Cũng là giúp đỡ nhân dân lợi dùng
Thẳng theo bờ ruộng các đồng
Chưng bầu làm củi sẵn trồng nơi nơi
Cây bần tạp dụng để chơi
Cù lao mé nước mỗi nơi kẹo lền.
Chữ kêu thủy liễu tốt tên
Che hay hứng mát dựa bên gần bờ.

Về văn học, ngày xưa nổi bật những tên tuổi lớn Phan-hiền-Đạo, Phạm-viết-Chánh, Mai-đẳng-Phương. Đến sau, đáng kể có Mai-văn-Ngọc, Nguyễn-văn-Bá, Cao-Hải-Đề.

Chính ông Nguyễn-văn-Bá từng làm chủ bút tờ « Thần-Chung » của Diệp-văn-Kỳ tại Saigon. Và ông Cao-Hải-Đề, người làng Cái-Sơn, quận Cái-Bè (Sùng-hiếu) từng coi sóc tờ « Nông cổ mín đàm » cũng nức tiếng một thời.

Khoảng năm 1930, ông Nguyễn-văn-Bá cùng với cụ Bồng Dinh Nguyễn-văn-Sỏi và thi sĩ Hồng-Thuận-Đăng có sáng lập một tao đàn lấy tên là Tao-đàn Sầm-giang. Tăm tiếng tao đàn đã vang dội một thời khắp gần xa. Nhiều tao nhân mặc khách nghe tiếng đồn, tìm đến viếng tao đàn, hứng thú, xướng họa thi ca.

Về bộ môn sân khấu kịch nghệ

Tỉnh Định-Tường và Vĩnh-Long là hai nơi đã xướng xuất đầu tiên về nghệ-thuật cầm ca. Thầy Năm Tú là một ông bầu khét tiếng từng lập gánh cải lương trước nhất ở Mỹ-tho. Rạp « Viễn-trường » ngày nay chính là nơi tọa lạc ngôi rạp của Thầy Năm Tú. Nên cồ nhạc xứ Mỹ do đó được nẩy nở sáng chói từ đây. Một nhân vật tên tuổi có tiếng hào hoa phong-nhã ở Định-Tường, xài tiền đởm ván lại thêm hào hiệp ít ai bằng. Thời đó được người đời tặng cho danh hiệu là Bạch công tử tên là Phước Georges đề đối với Hắc công tử Hậu-giang là cậu ba Trần-trinh-Huy (ở Bạc-Liêu thời ấy).

Phước Georges con nhà giàu, ruộng đất cò bay thẳng cánh, nhưng có tinh thần văn nghệ, đứng ra lập gánh hát đề bản hiệu Huỳnh-Kỳ đại ban, lưu diễn khắp ba kỳ nức tiếng. Nền cồ nhạc Mỹ-tho lúc bấy giờ phát huy rất phong-phú và rực rỡ, nổi bật nhất trong nghệ thuật cầm ca.

Nam danh ca thì có Tư Giỏi, Hai Thông, Bảy Nhiêu, Năm Châu, Huỳnh-thủ-Trung (tự Tư-Chơi) Từ-Anh, Tám Cang, Tám Mẹo (mới chết), đạo diễn Trần-hữu-Trang v.v...

Nữ danh ca có Năm Phỉ, Phùng Há, Mười Tiền, Chín Bia, Bảy Nam thân mẫu của nữ nghệ sĩ Kim-Cương hiện đại.

Những nghệ-sĩ hữu danh trên đây đều là người xứ Mỹ cả.

Ở Vĩnh Kim có hai nhà họ Trần, họ Nguyễn có những biệt tài đáng kể. Quí ông Nguyễn tri Lạc, Nguyễn tri Khương và Nguyễn tri Hựu.. v.. v...

Chính ông Nguyễn tri Lạc từng sáng chế nhạc khí mới và nhiều bài bản mới được hoan nghinh. Còn họ Trần thì có Trần văn Triều, tục gọi nhạc sĩ Bảy Triều (thân phụ hai nhạc sĩ Trần văn Khê, Trần văn Trạch), người có tài học uyên bác, lại thêm có tài về cồ nhạc. Bảy Triều nổi tiếng với cây đàn cò ; lúc bấy giờ lục tỉnh Nam Kỳ không có nhạc sĩ nào đối thủ.

Nhất là người chị của Bảy Triều là cô ba Trần ngọc Diện, một người đàn bà, đàn rất hay, sành tất cả giọng ca, điệu hát, nhạc khí của âm nhạc Việt, lại có uy tín đạo đức rất lớn. Bà Trần ngọc Diện, tục gọi cô ba Diện, nổi tiếng với cây đàn tranh và đàn tỳ bà, và là người phụ nữ đầu tiên ở Việt Nam thành-lập một đoàn hát lấy tên là « Đồng Nữ Ban », vì diễn viên toàn là phụ nữ thuộc con nhà gia giáo trong làng. Mục đích của bà lập gánh là để tuyên truyền cho tư tưởng dân tộc và cách-mạng. Y phục của diễn viên đều do bà sáng chế và may lấy. Đoàn nổi tiếng với tuồng «Võ-Đông-Sơ » « Giọt lệ chung tình ». Đoàn hát Đồng Nữ lưu diễn ba năm để lấy tiền làm việc chánh nghĩa rồi tự giải tán.

Nhạc sĩ Trần văn Khê, Trần văn Trạch và nữ sĩ kiêm nhạc sĩ Mộng Trung, sau này rất có danh trong giới ca nhạc quốc-tế, chính đã do bà Trần ngọc Diện, vừa là cô ruột vừa là thầy đào tạo cho.

Tóm lại, xin mượn bài ca trù của thi sĩ Hồng Thuận Đăng, một thi sĩ khét tiếng của Định Tường thuở trước, miêu tả đủ đường nét hào hoa phong nhã của người dân Chợ Giữa (Vĩnh-Kim) nói riêng, tỉnh Định Tường nói chung. Bài ca trù này có trích đăng trong tạp chí « Nam Phong » ở ngoài Bắc :

ĐỊA LINH NHÂN KIỆT

Khắp ba kỳ trong nước Việt thiếu chi nơi
Cảm tình ai châu ngọc bấy nhiêu lời
Nín cũng ngại hở thời cũng ngại
Người Chợ Giữa đi khắp bốn phương hồ hải
Giỏi vạn nghề há phải một nghề thi
Nầy ngón tơ đồng trong 6 tiếng chưa có tương-tri
Chơi phong nhã nói gì cờ với vẽ
So kim cổ biết bao nhiêu kẻ
Dẫu thoa quần cũng san sẻ gánh non sông
Chuyện năm xưa ai có nhớ hay không
Ô dân khí ! dân quyền rền một lúc
Nước trong vắt sông Sầm uốn khúc
Dẫu sang hèn chả tục mảy may nào
Đã bao phen trỗ lắm bực văn hào
Đến quê dốt cũng giàu lòng khẳng khái
Bốn phương rộng xe tàu qua lại
Cảnh Thanh kỳ chớ ngại xa gần
Hỡi ai tài tử giai nhân.

Bài này nói lên nho phong sĩ khí của người Chợ Giữa Vĩnh Kim, nơi đây thời Pháp thuộc đã từng nổi lên làm cách mạng chống Pháp trước hơn hết.

MỘT GIA-ĐÌNH VĂN-NGHỆ-SĨ

Định-Tường có một điểm đặc biệt là có gia đình của nhà họ Lê sanh ra 12 người con, trước thời tiền chiến có một ít người đeo đuổi nghiệp cầm ca nổi danh nức tiếng làm vẻ-vang cho xứ sở nói chung, Định-Tường nói riêng.

Chúng tôi được ông Lê-văn-Toại một nhà mô phạm con của nhà họ Lê, tặng cho một bài thi gồm tất cả tên của những người con gồm trong bài thơ nầy, trong đó có danh ca Năm-Phỉ và Bảy-Nam thân mẫu cô Kim-Cương, để nói lên người tỉnh Định-Tường, từ xưa đến nay lúc nào cũng đóng góp, phụng sự quê hương qua các ngành đều nổi bật tên tuổi đáng được nhắc nhở, và những người con không phải là nghệ sĩ nay đã được thành danh mộtđời, thật là một gia đình hữu phước, ít có gia-đình nào được như thế.

NGHIỆP NHÀ

CÔNG trình xây dựng lắm gian nan
THÀNH đạt nền Lê tiếng vẻ vang
DANH rạng nhờ lòng gìn hiếu nghĩa
TOẠI nguyền cậy nết giữ trung cang
PHỈ tình kẻ khuất vui hương lửa
CHÍ cả người còn xót hợp tan
NAM hải mưa dào ơn Phật độ
NHI viên ánh nắng ấm trời chang
BIA hiền không thẹn gương kim cổ
TRUYỀN vững nghiệp nhà ý lạc quan
TẠC dạ cháu con trau hạnh kiểm
ĐỀ soi ngàn thuở nét son vàng.

Duy-Lân tặng

ĐỊNH-TƯỜNG
dưới mắt tao-nhân mặc-khách xuyên qua những vần thơ tân cựu

Tác giả xin mở đầu hai câu nói lên tình quê hương yêu mến :

Mỹ-Tho cảnh đẹp người xinh
Quyện lòng du khách gợi tình nước non.

Nói chung về cảnh vật Định-Tường, trong Quyển « Nam-kỳ phong-tục nhân-vật diễn ca » tập II, tr. 62 về phần Định-Tường, ông Nguyễn Liên Phong tấm tắc khen ngợi :

Phong cảnh vui xem hạt Định-Tường
Tàu xe đông đảo mỗi đầu đường
Cồn Rồng đất nổi che tiền diện
Cổ lịch đồn xây trấn viễn phương.
Phú nữ hào nam nơi tổng lý
Cử nhân tấn sĩ chốn khoa trường.
Thuần lương tập tục dân no đủ
Hoá hoá sanh sanh lợi ruộng vườn.

Nói riêng từng nơi, đặc biệt có hai nơi là Thuộc nhiêu và Vĩnh-Kim là được tao nhân mặc khách để mắt đến nhiền hơn cả. Đất Thuộc nhiêu từng nổi tiếng sản xuất lắm bậc anh tài làm rạng rỡ quê hương.

Nhà thơ khét tiếng trào phúng ở miền Nam khi xưa là Học Lạc, lúc rời làng Mỹ-chánh dời nhà về Thuộc nhiêu, được dân chúng mến mộ, gây nên học phong sĩ khí rất tốt đẹp ở Thuộc nhiêu. Đất) lành chim đỗ, mến cảnh mến người, Học Lạc vịnh một bài thơ về Thuộc-nhiêu, tình tứ rất đẹp :

Đất linh bồi đắp cuộc Ba-giồng
Cảnh Thuộc-nhiêu nhiều khách ngợp trông
Đường thẳng ngựa biêu chân ngán bước
Rạch cùng cá lội mến quên sông.
Tướng văn giỏi kẻ thêu rồng cọp
Miễu võ thờ tay trí bá tòng
Cứng cát thú quê vui tục cũ
Thềm dâu ruộng lúa dễ cho không.

Nguyễn-Liên-Phong cũng có lúc ngụ cư đất Thuộc-nhiêu, giao du rất thân mật với Học Lạc. Khi có người ngoài chợ vàm Rạch Gầm rước ra đó dạy học, Nguyễn Liên Phong từ tạ ra đi, Học Lạc tiễn hành một bài thơ, tâm tình gắn bó xiết bao với cảnh Thuộc nhiêu :

Le the một cụm Thuộc Nhiêu giồng
Chân bước ra đi mắt lại trông
Chỉ nhện lăng nhăng cò vướng cánh
Bãi lau lẫn bẫn cá quên sông.
Tấm lòng qua lại cầu Bà bếp
Khúc ruột quanh co rạch Lão tòng
Hai chữ tương tư đây nặng gánh
Nước non thăm thẳm biết hay không ?

Bài này và bài trên của Học Lạc đều chung mấy vận, càng chứng tỏ tấm lòng yêu mến Thuộc-nhiêu biết ngần nào. Vả chăng, Thuộc-nhiêu quả thật đáng được nhắc nhở, vì nơi đây còn là quê quán của ông Cử Đa, người đã đóng góp tâm huyết vào cuộc kháng Pháp và về sau đi tu trên núi Tà lơn thành đạo (chúng tôi đã có riêng bài ông Cử Đa ở phần Huyền thoại).

Rồi đến Vĩnh Kim càng nổi bật hơn. Vĩnh Kim đã mang tên thơ mộng Sầm-giang, lại còn có tên nôm na là Chợ Giữa, vì Vĩnh-Kim nằm giữa các xã Kim-sơn, Song-thuận, Long-hưng, Đông-hoà, Bình-trưng, Bàn-Long.

Nữ sĩ Đỗ Liên Tư, người Vĩnh-long, cháu ruột cụ Bồng-dinh Nguyễn văn Sỏi, đề vịnh về Vĩnh-Kim rất thâm trầm, nơi đây có « tao-đàn Sầm Giang ». Các thi hữu bốn phương thường đến đây trao đổi thi văn đáp hoạ.

Sầm-Giang là chốn rất cao kỳ,
Danh tiếng vang lừng xóm phú thi
Chợ giữa nhiều trang văn Ngọc Diệp
Vĩnh-Kim lắm kẻ học Liên Trì
Tài ba đời cổ chưa nơi sánh
Lỗi lạc lối kim ít chỗ bì
Kính tặng một bài lưu dấu đề
Ai người đến đó mới tường tri.

Trải qua giai đoạn vật đổi sao dời, riêng một cuộc cải tên trường trung học Mỹ-tho là Le Myre de Villers đổi lại là trường Nguyễn đình Chiểu, đủ gợi cho thi sĩ Anh-pha Nguyễn Tri Hựu niềm hân hoan vọng tưởng quê hương trìu mến :

Cửa thánh thâm nghiêm chốn Định-tường
Cải tên khỏi lễ khỏi đèn hương
Le Myre đức bạc đành che mặt
Đồ-Chiểu lòng vàng đáng biểu dương
Đô hộ lỗi thời quỳ xếp giáp
Tự do đắc thế đứng treo gương
Bút nghiên giải-phóng nền văn hoá
Gấm Việt hoa Tiên điểm học đường.

Dù khi rời xa xứ Mỹ thân yêu, người dân xứ Mỹ vẫn bâng khuâng tưởng nhớ. Nếu nhà thơ khét tiếng đất Hà-Tiên là cố Đông-hồ tiên sinh, yêu mến cảnh hồ Đông của đất Hà, nên mang lấy tên Hồ làm bút hiệu nâng niu, thì một người thơ trẻ của xứ Mỹ hiện nay đang ở Cần thơ, có hiệu là Hà-uyên, lại còn cưu mang thêm một hiệu Thạch-hồ, để tưởng nhớ hồ Tân-thạch nơi xứ Mỹ. Những đêm Cần thơ nao nao vọng về hướng Mỹ tho, nhà thơ trẻ tuổi Thạch-hồ chi xiết bàng hoàng :

Hai đứa mình xa mấy nẻo xa.
Nụ cười chưa dám gửi vào mơ.
Mỹ tho mây tóc chừng u ẩn
Mưa nhớ Cần-Thơ cũng thiết tha.
Gió Lạc-hồng đêm ru tiếng em
Ninh kiều bến đẫm dấu chân hoen
Cồn Rồng lửa đóm ai hiu hắt
Anh Xóm chài khêu nhớ giọt đèn.
Những dãy « bar » còn trơ dáng xưa ?
Nơi đây son phấn cũng phai nhoà
Người đem bán rẻ tình đô thị
Sao bỗng dưng mình mua ngẩn ngơ ?
Đại-lộ nào bay hương gót chân ? !
Hoà bình huyết phượng bỗng rưng rưng
Áo ai xanh thẳm màu sông cũ
Con phố Hùng Vương thoáng ngại-ngần !

(của Thạch-hồ)
Mỹ-Tho

Đã miên man cảm về đất Định-Tường xưa, Mỹ-tho nay, nhà thơ xứ Mỹ mang hiệu Thạch-hồ càng thấy lòng da diết nhớ lạ lùng từng chốn mến yêu của quê hương :

TÂN HIỆP

Từ độ nón tình xa tóc rối
Bờ tre Tân-hiệp xót gì không ?
Rừng kè rũ bóng quê hương đó
Đêm chuyến xe qua nhớ lạ lùng.

TRUNG LƯƠNG

Nước dạt, bèo trôi : ba nẻo thương.
Nụ cười thêm nếp mận Trung-lương
Nửa trưa lãng tiếng gà eo óc
Không gót đài trang cũng phố phường.

LẠC HỒNG

Đêm Lạc-Hồng thuyền trôi ngả nghiêng.
Hoa đèn, sóng nhạc gói công viên.
Sao em áo trắng buồn thương nữ
Đôi má lên hồng theo dáng men !

CỒN RỒNG

Một dãy bần xanh-xanh dáng xuân
Phù sa quyện máu Thủ-Khoa Huân
Thương hồ mấy nẻo đời xuôi ngược
Nghe gió Kỳ-hôn nhớ một lần . . .

VĨNH TRÀNG

Mày tím rêu còn phủ dấu xưa ?
Những ngày chuông nối những đêm mưa
Cành đa ngọn tháp vườn trâm đó
Trăng Vĩnh-Tràng em mấy độ mờ ?

Những cảnh đẹp quê hương càng đẹp lộng lẫy qua ngọn bút thi nhân điểm xuyết. Những địa danh Tân Hiệp, Trung Lương, Cồn Rồng, Kỳ Hôn với công viên Lạc Hồng, ngâm ngợi lên ai chẳng hướng về xứ Mỹ mà mơ một ngày để gót lãng du thăm viếng đấy, cho thỏa tình người con đất nước thiết tha với đường nét quê hương qua khắp nẻo đường đất nước nói chung, và riêng Định Tường chứa chan thi vị.

Thi sĩ Nguyễn thanh Trạc, bút hiệu Bửu Đa, một thi sĩ ở miền Nam lắm người biết, quán Tây Ninh xuống viếng Định-Tường để chân dạo khắp trong thành phố, rồi thi sĩ ra ngắm cảnh ở vườn hoa Lạc Hồng bờ sông Cửu Long, cảm hứng dệt lên những vần thơ lưu niệm sau đây :

Định-Tường Hoài-cảm

Cửu-Long khói sóng như mơ,
Sanh tình xúc cảnh dệt thơ cảm hoài,

***

Con đò mộng mênh mang dòng sông Cửu
Tiếng hò reo xé rách cả không gian
Bờ Mỹ-Tho êm êm nghe giọng hát
Chiều Định-Tường mây nước dệt tranh xinh

***

Ngoạ Long đảo (1) nằm mơ về dĩ vãng
Chứa đau thương gần suốt một chu kỳ
Hình dung lại lòng đời đầy lỗ rách
Ai dang tay bắt mạch giúp cho đời ?

***

Sông Cửu Long máu sóng hùng nước gợn
Không gian còn inh ỏi tiếng khoa quân
Rợ hồ lỗ (2) xem càng thêm vỡ mật
Ngọn gió sầu Tho-thủy thổi lê thê

***

(1) Cù lao Rồng
(2) Giặc Hồ lỗ ám chỉ người Pháp
Câu thơ xưa như sau :
Vô bái khả kinh, Hồ lỗ phách.
bất hàm cam đoạn tướng quân đầu

Thế hệ vàng son vẻ vang quốc sử
Nhuệ khí hùng bia miệng mãi muôn thu
Hỡi hai bên thiên hạ xin xem đấy
Đấy gánh cương thường đâu phải là gông

***

Bóng phụng đảo (1) xa ngân chuông huyền diệu
Rã mười phương mộng ảo khách trần gian
Lờ mờ xa cửa Phạm thấy huy hoàng
Như nhắc nhở khách trần qua bến giác

***

Bến yêu mơ, gởi nỗi sầu man mác
Niệm thương đau gởi cho cánh mây ngàn
Chiếc thuyền đời xuôi mãi với tràng giang
Đi nhanh chóng chở khẩm đầy hy vọng

***

Đường về xứ bướm còn bao nhiêu dặm ?
Mà khách đời chen chút mãi bôn xu ?
Thế nhân ơi ! kìa là trăng thiên thu
Đôi bờ mộng bóng cây đời mát mẻ

***

Xưa Mỹ tho buồn nay trôi viễn xứ
Nắng đẹp phiêu du hoa kết xinh tươi
Ôm trọn mùa thu trong tay bao người
Một trong sáu tỉnh Định tường còn vang

Bửu Đa Nguyễn thanh Trạc
Định-Tường lưu niệm ngày 30-11-65

---

(1) Phụng đảo nghĩa là cù lao phụng đêm ngày nghe tiếng chuông ngân để thức tỉnh lòng trần.

những cây viết xứ dừa thơ mộng

Xứ Mỹ-Tho từ xưa tới nay sản xuất lắm bực tài hoa, góp công tô điểm nền văn học nước nhà không ít.

Thời cận đại thì có quý ông : Nguyễn văn Giai, Bùi thế Mỹ, Long Giang, Hoàng-Lạc, Bà Phương Lan v.v... Riêng trong giới nhà thơ trẻ của Tỉnh Định-Tường thì có Khải Ninh, Phụng Vân, Thanh-Trúc, Ngũ Yên, một thi sĩ vừa chớm nở trên trường văn trận bút. Ngủ Yên ở làng Nhị Quý (quận Khiêm Ích là một người trai thế hệ tuổi đôi mươi, có tinh thần hiếu học vui thích nghiệp văn chương. Một hôm nghe tiếng gọi của non sông xếp bút nghiên theo việc đao binh, chàng hăng hái ra đi theo tiếng gọi đàn khi quốc biến nhập ngũ tùng chinh đáp lời sông núi, chàng nguyện hy sinh thân-thế để lo tròn nghĩa vụ phận làm trai.

Gió bụi đất trời quen biết mặt
Sinh lầy mưa nắng chốn hùng anh.

Thi sĩ Ngũ Yên đã làm tròn sứ-mạng một công dân trong thời quốc loạn. Dấu chân của chàng đã dẫm khắp nẻo đường đất nước, không quản tuyết sương.

Khi còn là một thư sinh, Ngũ Yên thường đăng thơ trên các nhựt báo và sáng tác tập thơ « Ba chuyện lòng », « Tình yêu và cuộc đời » « Tình xứ Mỹ », xuất bản vào năm 1962, tập thơ ấy được thi sĩ Kiên giang đề tựa và các báo thủ đô không ngớt lời giới thiệu và khích lệ.

Là đứa con xứ Mỹ nên Ngũ Yên đã gợi được ít nhiều đặc tính chân thật trong mùi vị hình ảnh hoa trái của quê hương.

Đây bánh tét thơm mùi đồng ruộng
Dây dừa xiêm nước mát Cửu-Long
Đây kẹo chuối đượm tình xứ Mỹ
Mận Hồng Đào ngọt ý quê hương.

Lời thơ chân thật, ý thơ mộc mạc đã nói lên niềm rung cảm của Ngũ Yên trong một chuyến về thăm quê ngoại :

Đường về quê ngoại còn xa
Chuyến xe chết máy khi qua nửa đường.

Ngoài đặc tính ấy, thơ của Ngũ-Yên cũng đã phản ảnh được ít nhiều chân tình đối với học đường : hoa điệp, cánh xe áo học trò . . .

Mùa hè ngày trước ngây thơ quá.
Một buổi trưa đi đến học đường
Nón lá em cài hoa điệp đỏ
Tập tôi ép những cánh hoa buồn

Nhưng Ngũ-Yên không phải là một « Cậu Ấm », một « Công Tử » nên vẫn còn đi xe buýt, ăn cơm quán với một tâm tư thầm kín :

Chuyến xe buýt sáng người đông
Mà tôi thấy lạnh như không có người
Trưa nay thiếu một tiếng cười.
Quán cơm Anh-Vũ chao ôi là buồn.

Ngũ-Yên đã tìm thấy góc cạnh của cuộc đời, của tình yêu, nên một khung trời, một tia nắng nhạt, một tà áo hay cũng có thể tạo được thi hứng.

Có những khung trời đẹp quá
Thoáng qua là vấn vương rồi
Có những người chưa quen biết
Nhìn nhau... rồi nhớ không thôi.

Thơ của Ngũ-Yên không văn hoa bóng bẩy, lời thơ êm dịu nói lên tiếng nói chân thành của một tuổi trẻ đang vươn mình góp mặt với thi nhân thế hệ...

Nhắc đến thi sĩ Ngũ Yên khiến chúng tôi hồi tưởng cố nhà văn Sầm-nghi-Tử ở Sầm-giang, một người bạn từng tranh đấu trên đường gió bụi, có nhiều cảm tình với anh chị em văn nghệ sĩ ở thủ-đô.

Lúc sanh tiền Sầm-nghi-Tử đã thành công trong những vở tuồng « Muồng Tênh cô gái Chùa Tháp », «Tấm bao lơn», các tác phẩm này được đăng trong báo Bách-Khoa vào năm 1959-60, vở Muồng tênh của anh được đoàn Dạ Lý Hương đem ra trình diễn nhiều nơi rất ăn khách, được khán giả hoan nghinh tán thưởng.

Sự nghiệp văn chương của Sầm-Nghi-Tử viết lách rất nhiều, được độc giả chú ý với lối văn truyền cảm. Tuổi chưa tới nữa đời mà anh đã trút gánh nợ trần quá sớm. Làng văn đã mất người bạn hiền hòa thẳng thắn, quê hương đã mất bàn tay xây dựng. Cảnh vật sông nước Sầm-giang vắng vẻ u buồn, từ đây không còn thấy hình bóng văn nhân thả thuyền ngâm thi vịnh phú như thuở nào !

Nhân-tài xứ Mỹ

Quý độc-giả đã từng nghe Bác sĩ Thú-y Trương-tấn-Ngọc người Việt-Nam đầu tiên được nổi danh về ngành Thú-y, ông đã từng sang các nước Âu-châu nghiên cứu và thi đỗ bằng Tiến sĩ Thú-y khoa tại Đại-học quốc-gia Dafort Seine (Paris), khi ra đi cũng như lúc trở về, được nhiều văn nhân thi sĩ trí thức tỉnh nhà chúc tụng những bài thơ nói lên công nghiệp của người làm rạng rỡ nước non nhà.

THƠ MỪNG BÁC SĨ TRƯƠNG-TẤN-NGỌC

TRƯƠNG vi lướt gió vượt trùng dương
TẤN tới vinh quang vững bước đường
NGỌC ẩn bao ngày, chôn bầy sắc
Tài phô một thủa, rạng ngàn phương
Đáng công táo bạo tung hồ hải
Khen chí ngang tàng đượm tuyết sương
Biết gióng chiêng vàng nơi đất khách
Mấy ai hưởng được số phi thường.

Huỳnh-khắc-Dụng (Mỹ-tho)
hiện là Chánh Biện-Lý Toà Saigon

HỌA NGUYÊN VẬN THƠ MỪNG BÁC SĨ TRƯƠNG-TẤN-NGỌC

Muốn rộng kiến văn phải xuất dương
Cho nên rứt áo đặng lên đường
Vi trùng tế khuẩn dầu muôn liệu
Tên cỏ cung dâu chí bốn phương
Tài dụng cậy công nhiều nhẫn nại
Vẻ vang cảm bạn mấy ngòi sương
Minh mông khoa học ai rằng tận
Song cũng làm gương ấy lẽ thường.

Cố Giáo Sư NGUYỄN-VĂN-GIAI
bút hiệu HẠNH-ĐÀN (Định tường)

Hai bài thơ này được vinh hạnh vào dĩa hát trong đêm mùng 4 Tết Quí Mão (28-1-63) nhân dịp Hội Tài-Tử hòa Cổ nhạc tại biệt thự Cầm-Tú của Cụ Tuần-Lý Huỳnh-khắc-Dụng, và được thêm phần long trọng nhờ có tiếng ngâm của Ông Vĩnh-Hảo, giáo sư âm nhạc hòa-hiệp đờn với những tiếng tranh Vĩnh Bảo, Sáo Tư Định, Cầm Trần-Kiệt, Kiểm Mười Kiệm, Cò Mười Hý.

THƠ TẶNG BẠN THI ĐỖ TIẾN-SĨ

Kính mừng Tiến-Sĩ Thú-Y khoa
Xứng đáng nhà TRƯƠNG TẤN NGỌC a (1)
Ở Pháp lẫy-lừng công khảo cứu
Về Nam rạng rỡ bảng vinh hoa
Cành tài cội đức tươi xinh cả
Nguồn trí nền nhơn vững đặc mà
Phỉ chí tang bồng trai đất Việt
Nêu gương hùng-hậu nước non nhà.

Mừng là :

Đất Việt vẻ-vang con cháu lạc.
Non Nam rạng rỡ giống nòi Hồng

Khen gọi là :

Thú-Y khảo cứu dày công
Nhiều năm gian khổ nấu nung siêng cần
Quyết tròn nhiệm vụ Quốc-Dân
Đạt thành mục-đích tinh thần nêu cao
Thật là đáng mặt anh hào
Ngàn năm bia tạc đồng bào Việt-Nam.

Sầm-Giang Nguyễn-Tri-Khương
Chợ-Giữa, ngày 5-12-1959.

Những bài thơ trên đây nói lên người xứ Mỹ đem chuông đi đánh xứ người làm rạng rỡ quê hương qua các bộ môn văn hoá, nghệ-thuật, khảo cứu v. v...

Thời đại nào Định-Tường cũng sản xuất lắm nhơn tài ra phục vụ xứ sở qua mọi ngành chuyên-môn, xứng đáng người sinh trưởng của xứ nổi tiếng là Địa Linh Nhơn Kiệt.

---

(1) Bác sĩ Thú y Trương-tấn-Ngọc người ở Vĩnh-Kim nay 80 tuổi Người Việt đầu tiên tìm ra vi trùng hạch vịt, được nhiều báo chí Việt-Pháp khen ngợi.

Lời nhà biên-khảo

Đây là những bài thơ chọn lọc của một nhân vật xứ Mỹ lắm người nghe danh biết tiếng, ông đã từng sáng tác và dịch thuật nhiều sách vở có giá trị, được báo chí hằng nhắc đến, đó là ông Huỳnh-khắc-Dụng đương kim Biện-lý Tòa Sàigòn.

Nhơn dịp chúng tôi xuất bản quyển « Định-Tường Xưa và Nay », ông có nhã ý tặng cho chúng tôi một số thi thơ do ông sáng tác, để nói lên tiếng nói quê hương của người xứ Mỹ, góp công xây dựng tô bồi nền văn hóa nước nhà trong muôn một.

NHỚ

Nhớ quanh nhớ quẩn nhớ mình-mông
Nhớ thét càng thêm bận cõi lòng
Nhớ tiếng a-inh bom đạn nổ,
Nhớ lời độc-lập nước nhà chung.
Nhớ thời quá-khứ tràn ân-hận
Nhớ chữ tương-lai ngập hãi-hùng.
Nhớ lũ mang râu không bờ-ngờ
Nhớ người đang trả nợ non sông.

Tuần-Lý
5-3-49

QUAN NAY

Đứa dốt-dốt, đứa ương-ương,
Thời loạn nưng cao bước hoạn trường.
Ất Giáp nhom-nhem bàn chánh-trị
A B quọp-quẹp luận văn-chương.
Lâu-đài tráng-lệ mòn công-quỹ.
Xa-pháo nghinh-ngang bực phố-phường.
Bớ lũ con hoang mau tỉnh giấc,
Nhìn đàn hiếu-tử khá noi gương.

Tuần-Lý
29-3-49

TỰ TRÀO

Có mấy bài thơ để giắt lưng,
Gặp tay sành-sõi phải coi chừng.
Bóp đầu tứ rỗng âu đành chịu
Gậm bút vần lơi chẳng muốn nhưng...
Mắc tiếng thi-nhân đeo lủng-lẳng
Báo hàng chánh-khách nhảy tưng-tưng
Khen chê thương ghét thôi ta mặc
Lục-đục mà xem lửa cháy bừng.

TL 1950

CẢM TÁC

Năm nay bốn sáu cái xuân rồi
Mà cũng chửa nhàn ! Mẹ kiếp tôi !
Vợ yếu con khờ đeo nhủng-nhẳng
Chí hèn sức mọn khiến lôi-thôi.
Sách đèn mai mỉa dốt còn dốt
Danh phận ư-ơ ngồi vẫn ngồi
Chạnh kẻ ngậm hờn trong khói lửa
Đói lòng, lạt miệng nuốt không trôi.

Tuần Lý 1953

XUÂN ẤT MÙI

Xuân đến ngoài hiên, mai trổ bông,
Ất-Mùi xuân lại vắng trong lòng
Giang-san còn đượm màu tang-tóc
Nhựt-nguyệt chưa tàn hận tổ-tông
Nước ít tưới sơ sân cỏ úa
Nắng già táp gắt khóm hoa hồng.
Thủ-đô rộn-rịp chào năm mới
Dưới mắt lơ-là một đứa ngông.

T.L. 1955

CON KHỈ

Dáng-điệu trông qua cũng giống người
Tuy lông bao phủ khắp mình thôi.
Tay thòng quá gối chơn hay nhảy
Môi nhích khoe răng, miệng cứ cười
Đấu phép giả hình con khỉ đá
Thua cờ mắc kế quả đào tươi.
Múa men giữa chợ vui đàn trẻ
Lố-bịch sao mà chẳng hổ ngươi ?

T.L. 1955

XUÂN THÂN KHAI BÚT

Gắng-gượng chào xuân có mấy câu
Không ham khanh-tướng, sợ công-hầu.
Năm Dê hóm-hỉnh lừa ba cõi,
Tết Khỉ tưng-bừng bịp chín châu
Pháo đốt cháy tay nào đứa thích ?
Hàng rao mỏi miệng có ai cầu !
Thằng dân muốn hỏi sơn-hà đó
Sao chỉ một nhà được tóm thâu ?

T.L. 1956

HỰU

Vừa cuối năm Mùi đến Tết Thân,
Quanh tôi vạn vật đượm hương xuân.
Mai vàng hí-hửng đơm trên nhánh,
Liễu yếu tơi-bời rụng dưới sân.
Nghe nặng bên tai tràng pháo nổ,
Thấy buồn trong dạ tiếng chuông ngân.
Xuân ơi, ai bảo xuân nhăn mặt,
Làm lạnh câu thơ khó kiếm vần

T.L. 1956

XUÂN DẠ SẦU NGÂM

Đêm xuân thấm dịu mé tường hoa,
Như gợi tâm hồn nhớ thuở xa.
Tiếng dế bên thềm nghe rấm rít,
Giọng sầu trong dạ cứ ngân nga.
Trăng thanh bịn-rịn trên đầu liễu,
Mây bạc lơ thơ tận mái nhà.
Xuân ấy xuân nầy sao khác thế ?
Gió cười ta ngại giọt sương sa

T.L.
Xuân Tân Sửu 1961

XUÂN TÂN SỬU

Tân-Sửu xuân về, liễu thướt-tha,
Hương trời như đượm nhị muôn hoa.
Nắng tươi sưởi ấm lòng cô quả
Gió dịu ru êm mộng thái hòa.
Tham dục dẫu gieo mầm ác nghiệp,
Từ bi ắt gỡ mối can qua.
Thưởng xuân cho thoả trong năm vận,
Vui với đì đùng tiếng súng xa.

T.L. mùng 1 Tết
(15-2-1961)

XUÂN NHÂM DẦN
(hí đề)

Năm mới cầu cho bạn sống lâu,
Sống lâu bữa bữa chẳng âu sầu.
Công danh đắc thế lên cao vọi,
Phú quý đầy trang dẫy ngọc châu.
Ngâm ngợi vang rền thơ chật túi
Say sưa ngả ngớn rượu lưng bầu.
Ước ao sớm tối vui phong nguyệt,
Sông Vị rong thuyền thả một câu.

Thường Tiên Lão Thúc
Thân tặng Tuần Lý
7-2-1962

MƯỢN VẬN HỌA

Xuân Cọp đây chờ đã khá lâu,
Mong hoa cỏ lạ trục hương sầu.
Bao năm sương tuyết trơ gành đá,
Một cảnh điêu linh nhỏ giọt châu !
Danh lợi mặc ai lo nhóc túi,
Thiên tai còn doạ há nghiêng bầu ?
Đông quân nhớ gót bên đồi lạnh,
Bến Nghé thì-thầm được mấy câu ?

Tuần-Lý
1962

THU CẢM

Máy tạo vần xoay quả địa cầu,
Một trời mưa gió tiết sơ thu.
Sân ngô lá rụng vàng tô mặt,
Ngàn lách hoa phơi bạc nhuộm đầu.
Giờn sóng bầy le đà lại đó,
Xông sương chiếc nhạn sẽ về đâu ?
Cũng trong bức vẽ màu thu ấy,
Chỗ thấy vui vui, chỗ thấy sầu.

Kỉnh-Chi
th. 10, 1962

THU NỰC
(mượn vận trên họa)

Mưa ngâu đọng vũng ngập trên cầu,
Bực bội lòng người giận tiết thu !
Tám hướng mây đè, chim lạc giọng,
Bốn phương gió bặt, tớ điên đầu.
Ngô buông lá thúi, cành trơ đó,
Liễu ngậm sương mờ, nước chảy đâu ?
Quạt mãi không qua cơn nóng bức,
Lạ thay cái nực cũng gieo sầu !

Tuần Lý
th. 10, 1962

CẦU THIÊN LÔI

Ông ở trên cao, có thấy chăng
U-mê bám chặt đám người hăng ?
Đứa tung hoả-tiễn tuồng vênh-váo,
Đứa hẹn thiên-đàng điệu lố-lăng.
Quỷ-quyệt vài chàng no tức bụng
Lơ-mơ một lũ đói nhăn răng !
Lừa thầy phản bạn chuyên gây rối,
Đáp xuống đi ông ! Sót mấy thằng ?

Tuần Lý
13-12-1962

KÉP DỞ

Sao đem thằng ngốc mặt mày ngu
Bắt đóng vai vua ? Tức thấy ù !
Đi đứng ngô-nghê : gà mắc rặn
Nói-năng bập-bẹ : chó đương tru !
Ngai vàng được thế, oai nhờ lọng,
Đức bạc e khi gió tét dù !
Giận bấy tuồng hay giao kép dở,
Ra về nhức óc, mỏi xương khu...

Tuần Lý
19-12-62

XUÂN QUÝ MÃO

Tết đến sao lòng thấy dửng-dưng ?
Trời trong gió dịu, nắng đầy sân.
Mơ-màng, liễu nhún rung hồ-điệp,
Nhí-nhoẻn oanh cười ngạo thế-nhân.
Chiều xuống tỉ-tê câu dế rỉ,
Khuya về nức-nở giọng chuông ngân.
Trai tâm ước trọn đời thanh bạch
Khẽ gật chào thơ tứ ướp xuân...

Tuấn Lý
22-1-1963

CHÁN CHƯỜNG

Quý-Mão chào tôi vẻ chán-chường,
Trán nhăn, mắt mệt, tóc pha sương
Gió xuân không thấm niềm u-hận
Tiết lạnh càng lê nỗi vấn-vương.
Trời đất nghẹn-ngào than chiến-cuộc,
Nước non gượng-gạo thẹn biên-cương
Mai, lan đông mãn chưa buồn nở,
Hay cũng thầm ca khúc đoạn-trường ?

Tuấn Lý
9-1-1962

HỌA bài XUÂN của Lệ Thủy

Quý-Mão chần-chờ mãi mới qua,
Hương xuân nhuần đượm nước non nhà.
Mấy năm chinh-chiến gieo trường hận,
Bao thuở giang-san dứt bất hoà ?
Vạn vật xôn xao chào xán-lạn
Đông quân rộn-rực đón anh-hoa.
Rừng sương bóng thỏ vươn mình tới...
Tiếng gió thì-thầm nhắn-nhủ ta...

Tuấn Lý
30-1-1963

QUÝ MÃO khai bút

Năm Mèo tháng Cọp bút hoa khai,
Mô-tả non sông nét cảm-hoài.
Văn-hiến thêu thùa tranh thế-hệ,
Từ-tôn nhẫn nhủ bậc nhơn tài.
Khúc phim tranh thủ còn mờ-mịt,
Vở kịch bi-hài khéo mỉa-mai
Nước tổ đêm xuân mây khói toả
Hạc reo tiếng gió khắp bên ngoài.

Long Giang
27-1-1963

HỌA

Quý-Mão Long-huynh hạ bút khai,
Sương xuân như đọng nét u-hoài.
Cọp no tức bụng, người ghê mặt,
Mèo đói nhe răng, chuột khiếp tài
Bướm liệng chập-chờn tơ lá liễu,
Gió vờn lững-thững cánh bông mai
Nắng tươi sưởi ấm lòng thi-sĩ
Nhạc dỗ hồn thơ thoát cõi ngoài.

Tuấn Lý
29-1-1963

Phần thứ sáu :

Định-Tường ngày nay

- Văn-hoá Giáo-dục
- Kinh-tế
- Y-tế
- Xã hội
- Tín ngưỡng, Đạo giáo
- Vài thổ sản đặc biệt
- Nông sản là một nguồn lợi dồi dào

Đường vào xứ Mỹ

Du khách từ miệt trên thủ đô xuống, theo quốc lộ số 4 qua cầu Tân An một đỗi thì đã vào địa phận Định Tường. Rồi thì lần lượt trải qua Bến Tranh, Tân Hiệp, dẫn đến Trung Lương. Tại ngã ba Trung Lương, hãy tạm dừng lại đôi chút ngắm phong quang. Một đường đi thẳng thì du khách sẽ tới Long-Định, Cai Lậy (Khiêm ích), Cái Bè (Sùng Hiếu), An Hữu rồi thì dừng lại nơi bắc Mỹ-Thuận. Ấy là những đoạn đường nằm trong địa phận Định-Tường. Bên kia Mỹ-Thuận, đã là phần đất thuộc Vĩnh-Long. Nhưng chỉ quyết viếng Định-Tường, ắt hẳn du khách háo hức vào thẳng tỉnh lỵ Mỹ-Tho thăm viếng trước là hơn.

Mỹ-Tho ngày nay đã khoác cánh lộng lẫy không kém bất cứ tỉnh lỵ nào khác của miền Nam. Du khách sẽ được thỏa thích ngắm bao di tích, nhất là sẽ có dịp so sánh công viên Lạc Hồng với tất cả công viên tỉnh khác.

Các đại lộ Hùng-Vương, Phan-thanh-Giản, giờ đây đã tăng vẻ mỹ quan hơn xưa gấp bội. Khu chợ cũ bao gồm khu tả ngạn rạch Bảo Định, từ Kinh cùng đến sông Cửu Long, chỉnh trang khởi sắc. Phần châu thành mở rộng, gồm các khu Tân Mỹ Chánh, phía tây và phía bắc khu Vòng nhỏ, khu xã Đạo Thạnh, giăng giăng những cơ sở kiến trúc đầy hấp dẫn.

Định-Tường kiến thiết đã đẹp, mà các ngành sinh hoạt trong tỉnh cũng bừng sức sống mạnh, nói lên sự vươn mình tiến triển cho xứng danh là một trong sáu tỉnh lớn ngày xưa.

VĂN-HÓA GIÁO-DỤC

Tỉnh Định-Tường là tỉnh đầu tiên duy nhất có trường Trung học. Nhưng phải chờ mãi đến những năm gần đây, ngành giáo dục bậc trung học mới được bành trướng đến cấp quận, song hành với đà phát triển mau chóng của bậc tiểu học.

Tuy nhiên số lớp và trường, nhất là ở bậc tiểu học, dù có được mở thêm hàng năm vẫn chưa đáp ứng nhu cầu của số trẻ em hiện học ngày càng gia tăng.

Nhiều tư nhân được khuyến khích và nâng đỡ trong việc mở thêm trường bán công, tư thục, cả hai bậc trung và tiểu học, để góp phần nâng cao dân trí.



Trường trung-học Nguyễn-Đình-Chiểu

A.- BẬC TRUNG-HỌC

Bậc trung học có tất cả 9 trường công lập, đáng kể có trường Nguyễn-đình-Chiểu, 9 trường bán công và 11 tư thục.

1— Trong số trường trung học công lập, đáng kể có trường Nguyễn-đình-Chiểu là lâu đời nhất và là trường trung học đầu tiên duy nhất trong 6 tỉnh ngày xưa. Nguyên trước kia trường được thiết lập do nghị định ngày 17-1-1789 (bổ túc bằng nghị định 14-6-1881) lấy tên là trường Le Myre de Vilers. Hoạt động trong vòng 10 năm, trường đóng cửa vì lý do kinh phí, chiếu nghị định ngày 11-12-1889. Rồi ít lâu, nhân trường trung học d'Adran ở Saigon bị bãi bỏ, trường trung học Mỹ-Tho nầy mới mở cửa lại ngày 8-3-1894. Mãi đến ngày 26-9-1953, chiếu nghị định số 179/NĐ/GD ngày 22-9-1952, của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, trường mới cải tên Le Myre de Vilers lại là Nguyễn-đình-Chiểu cho tới nay.

Khu trường Nguyễn-đình-Chiểu chiếm một diện tích 25.000 thước vuông giữa châu thành Mỹ-Tho, nghiễm-nhiên là một khu học đường rộng rãi nhất đối với các trường trung học cấp tỉnh.

Thứ đến phải kể trường Nữ trung học Mỹ-Tho. Trường này thành lập vào năm 1957, do nghị định số 1.250 NĐ/GD ngày 26-8-1957. Lúc đầu, chính ông hiệu trưởng trung học Nguyễn-đình-Chiểu kiêm nhiệm điều khiển. Cho đến niên học 1960-1961, trường mới có nữ hiệu trưởng cai quản riêng biệt.

Trường này được đổi thành trường trung học đệ nhị cấp do nghị định số 1.736 GD/PC ngày 29-11-1961 của Bộ Quốc-Gia Giáo Dục kể từ niên khóa 1961-62.

B.- BẬC TIỂU-HỌC

Bậc tiểu học có 122 trường công lập và 21 tư thục, như sau :

I.— CÔNG-LẬP :

Trường sở	Số trường	Số lớp	số giáo viên	Sĩ số
Sơ cấp	167	44	139	8.447
Phổ thông	915	68	849	49.861
Cộng đồng	110	6	106	6.000
Học nghề	2	2	6	126
Nữ công	2	4	7	103
Cộng	122	1.198	1.107	64.536

II.— TƯ-THỤC :

Trường sở	Số trường	Số lớp	s. giáo viên	Sĩ số
Sơ cấp	7	19	20	762
Tiểu học	13	59	60	2.286
Chuyên nghiệp		2	2	16
Cộng	20	80	82	3.064

KINH-TẾ

Tỉnh Định Tường là một tỉnh chuyên về nông nghiệp, xí-nghiệp, công kỹ nghệ chưa mở mang nhiều, nên số công nhân tương đối còn ít. Một số nông dân sau những ngày mùa, biến thành công nhân để tìm thêm lợi tức.

1.— KỸ NGHỆ :

Nhà máy điện	9
Nhà máy nước đá	10
Nhà máy ép dầu	1
Xưởng dệt	7
Xưởng nước mắm	51
Lò gạch	7
Nhà in	4
Lò tương, tàu vị yểu	7
Trại cưa máy	21
Nhà máy xay lúa	143
Xưởng làm vật dụng bằng sơ dừa	1

2.— TIỂU CÔNG NGHỆ :

Trại cưa tay	36
Trại làm đồ gỗ	38
Lò nấu xà phòng	8
Lò nấu xi-rô	2
Lò bánh mì	11

3.— NÔNG NGHIỆP :

Nằm tại vàm sông Cửu Long, được sông này và các phụ lưu bồi đắp mãi với đất phù sa rất phì nhiêu, lại thêm có một hệ thống kinh đào dẫn thủy, tỉnh Định Tường được xem là một trong những tỉnh nông nghiệp đứng hàng đầu với mức sản xuất khá cao.

Diện tích cày cấy	:	163.000 mẫu
Mức sản xuất	:	326.000 tấn lúa

Tại Định Tường, nông dân trồng rất nhiều giống lúa, mỗi mùa màng có riêng một số giống.

a) Lúa sớm gồm có các giống : Puang-ngeon, Sa-mo rằn, Sa-mo trắng, Lúa xiêm, Nàng cóc, Cà-đun sớm, Lúa tiêu, Lúa nhum, Cà đun kết sớm.

b) Lúa lở gồm có các giống : Nàng quớt, Ba Xuyên, Chim nghệ, Cà lây, Lúa nối, Nàng lai, Nàng chồn, Móng chim, Nàng mâu, Nàng vu, Nàng co lở, Đốc vàng.

c) Lúa mùa gồm các giống : Nàng rà, Nàng phật, Nàng gồng Nàng co mùa, Sóc nâu, Trắng nhỏ, Tàu hương Lúa chùm, Lúa soi, Lúa móng chùm, Lúa nhỏ, Chùm mai, Chùm mùa, Bông sen, Cà đum.

d) Lúa muộn gồm có các giống : Lúa sa vút, Vé vàng, Nàng thơm, Tàu chén.

Các loại hoa màu khác, đứng đầu là trái cây. Những vùng có nhiều vườn trái cây là Cái Bé, Giáo Đức, Cai Lậy, và Long Định.

Rau cải sản xuất nhiều tại các quận Bến Tranh, Long Định.

Trái cây sản xuất hàng năm là 40.000 tấn

Rau cải	:	1.200 tấn
Khoai	:	2.600 tấn
Dưa hấu	:	240 tấn
Dừa	:	18.000.000 trái
Mía	:	13.300 tấn
Thuốc lá	:	30 tấn

Y - TẾ

Ngành y tế Định Tường được thành lập ngay sau khi Pháp chiếm đóng Mỹ Tho vào cuối năm 1861 và do quân đội Pháp phụ trách.

Khu bệnh viện Thủ Khoa Huân hiện giờ, xây cất trong khoảng từ năm 1872 đến 1878.

Hiện nay, cơ sở y tế Định Tường gồm có :

— 2 bệnh viện có hộ sinh và chẩn y viện.
— Bệnh viện Thủ Khoa Huân Mỹ Tho.
— 1 khu giải phẫu.
— 79 nhà hộ sinh xã.
— 1 trại bài hủi.
— 1 phòng bài lao.

Tỉnh còn lập thêm các bệnh xá có hộ sinh và chẩn y viện trong các quận để giúp cho đồng bào khi bệnh hoạn sanh đẻ khỏi thất công ra tỉnh.

Ngành y tế Định Tường ngày nay trên đà phát triển mạnh, thuốc men không thiếu, được sự trợ giúp của các cơ quan từ thiện của nhiều nước bạn, hằng năm ngành y tế ở đây gặt hái nhiều kết quả tốt đẹp là chữa lành cho nhiều bệnh nhân, xoa dịu sự khổ đau cho mọi giới.

XÃ - HỘI

Các cơ quan chẩn tế xã hội gồm có :

— 1 Ủy ban xã hội cấp tỉnh.

— 7 Ủy ban xã hội cấp quận.

— 93 Ủy ban xã hội cấp xã.

— 1 cô nhi viện tại tỉnh lỵ Mỹ Tho.

— 4 ấu trĩ viện tại Mỹ Tho.

— 1 viện dưỡng lão tại Mỹ Tho.

— 1 phòng phát thuốc Xã hội.

— 1 phòng xã hội tại bệnh viện Mỹ Tho.

— 1 phòng xã hội tại trung tâm cải huấn Mỹ tho.

— 1 ký túc xá nam sinh.

— 1 phòng phát thuốc nam của hội Tịnh Độ cư sĩ.

Tóm lại : Định-Tường ngày nay rất chú trọng về mặt xã-hội, tích cực nâng đỡ cho đồng bào nghèo trong tỉnh. Rồi đây trong tương-lai sẽ còn phát triển thêm nữa, từ xưa tới nay vấn đề xã-hội lúc nào cũng có những bậc ân nhân, những nhà từ thiện hảo tâm, đóng góp xoa dịu cho phần nào đau khổ do chiến tranh gây ra.

TÍN-NGƯỠNG – ĐẠO-GIÁO

Người Việt-Nam dù bất cứ sinh quán ở tỉnh nào, vẫn là người có lòng tin tưởng Trời Phật Thánh Thần. Do đó, khắp các tỉnh từ chợ chí quê, không tỉnh nào và không nơi nào là chẳng có đình, chùa, nhà thờ, thánh thất, tịnh xá, tiêu biểu cho các giáo phái, làm giềng mối cho sự tín ngưỡng, hữu thần. Về mặt tín ngưỡng, đạo giáo, tỉnh Định Tường từ xưa tới nay chẳng khác gì mọi tỉnh trên cõi Việt.

Nói tổng quát cũng như đồng bào các nơi khác, người dân Định-Tường mặc dầu sau 80 năm Pháp thuộc, kế tiếp chịu ảnh hưởng các chủ nghĩa ngoại lai, vẫn sùng bái đạo Nho, quí trọng các thuần phong mỹ tục cổ truyền, rất tin tưởng vào tôn giáo mà mình đã tín ngưỡng.

Định-Tường có nhiều tông giáo, đứng đầu là Phật giáo, kế đến là Ky-Tô giáo, Cao Đài, Tin Lành, Phật giáo Hoà Hảo, Du tăng khất sĩ và đạo Hồi giáo của một số Ấn kiều.

Phật giáo rất thịnh hành ở Định Tường, số tín đồ sùng mộ Phật càng gia tăng, nhiều ngôi chùa xinh đẹp được tu bổ hoặc dựng thêm. Đặc biệt, tỉnh Định tường có lắm ngôi chùa cổ hơn đâu cả, mà chúng tôi đã trình bày lịch sử từng các chùa chiền xưa, ở phần di tích.

Về phía Thiên Chúa giáo, tỉnh Định tường chia ra làm hai giáo khu, gồm 14 tiểu giáo khu. Và còn một giáo khu thứ ba là giáo khu Bà Bèo dành cho đồng bào Bắc Việt di cư, thành lập vào năm 1955.

Đạo Cao Đài là một tông giáo khai sáng từ Tây Ninh năm 1927, bành trướng mau chóng tại tỉnh Định Tường và năm 1934 được xem là thời kỳ cực thịnh của nguồn Đại Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ.

Phật giáo Hoà Hảo có tín đồ rải rác trong hai quận Cai Lậy (Khiêm Ích) và Cái Bè (Sùng Hiếu).

Đạo Tin Lành có ít tín đồ hơn, nhưng mấy năm gần đây đã phát triển.

Du tăng khất sĩ cũng đang trên đà được chú ý, đang nỗ lực truyền bá giáo lý.

Nhưng tóm lại, Khổng giáo tức đạo Nho mới thật là mối tín ngưỡng truyền thống của người Việt Nam, vì trong tất cả gia đình hầu hết đều lấy việc thờ cúng tổ tiên làm trọng.

Dựa theo « Địa phương chí » do chính quyền tỉnh Định Tường ấn hành, theo sự kiểm tra mới nhất thì số cơ sở đạo giáo và số tín đồ của mỗi giáo phái liệt kê như sau :

1.— Phật giáo có 303 chùa, 100.000 tín đồ.

2.— Thiên Chúa có 36 nhà thờ, 42. 000 tín đồ.

3.— Cao Đài có 76 thánh thất, 66. 000 tín đồ.

4.— Tin Lành có 6 nhà thờ, 6. 000 tín đồ.

5.— Phật giáo Hòa Hảo có 6 nhà thờ, 9. 000 tín đồ.

6.— Hồi giáo có 1 chùa, 31 tín đồ.

Tổng quát là thế. Nhưng chúng tôi dốc lòng phục vụ bạn đọc, cố công thu thập tài liệu và sưu tầm hình ảnh, xin cống hiến thêm sự trình bày rõ hơn về từng đạo giáo dưới đây.

Điểm cần nhấn mạnh, đất Định Tường xưa đã từng có một nhân vật xuất sắc về mặt đạo giáo, chính là ông cử Đa, quê ở Thuộc Nhiêu, tu tiên đắc đạo, có hiệu là Ngọc Thanh và Hư Không. Chúng tôi đã trình bày riêng về cuộc đời ông Cử Đa ở phần huyền thoại.

Lại nữa, nếu kể phần đất Kiến Hòa (Bến Tre) bây giờ, khi xưa vốn thuộc về Định Tường, thì một nhân vật đáng kể khác trong đạo giáo, chính là ông đạo Dừa tức tu sĩ Nguyễn thành Nam hiện nay vậy.

Định-Tường qua vài thổ-sản đặc biệt

— Mận Hồng Đào (Trung-Lương)
— Vú sữa Lò Rèn (Long-Định)
— Cam mật (Cái-Bè)
— Ổi xá lỵ (An-Hữu)
— Xoài cát (Mỹ-Thuận)

Những năm gần đây, bạn đọc có dịp đi về các tỉnh Hậu-Giang, chắc đã phải để ý tới một nông sản đặc biệt của tỉnh Định-Tường, hay nói rõ hơn, của một địa điểm trong tỉnh ấy : Chúng tôi muốn nói đến mận Trung-Lương. Từ Sàigòn về Lục-Tỉnh, khi xe chạy hết khúc đường thẳng từ Phú-Lâm vượt qua đồng ruộng phong phú của Chợ-Lớn, Long-An, nhắm tỉnh lỵ Mỹ-Tho trực chỉ, nhưng còn bốn cây số nữa tới đích, xe bạn phải quẹo qua tay mặt để hướng về Lục-Tỉnh, tại ngã ba đường đã trở nên một trạm lưu thông khá náo nhiệt, vui vẻ là ngã ba Trung-Lương. Dầu muốn dầu không, bạn cũng phải để ý đến những giỏ, những thúng, những bao đầy sắp một loại trái cây có vẻ rất ngon lành, hấp dẫn, sắp dài hai bên lề, có khi nối tiếp trên năm bảy chục, cả trăm thước, chờ khách khắp nơi tới chở đi phân phối tại đô thành với các tỉnh miền Đông, có khi xa hơn nữa, ra tới miền Trung, lên cao nguyên Đà-Lạt hay Ban-Mê-Thuột là đàng khác.

Đó là một thứ trái cây tầm thường, khá phổ biến từ lâu đời ở Việt-Nam : Trái mận ở Bắc cũng có song kêu là Trái Roi. Một thứ trái cây bộng ruột, bên ngoài có cùi, hoặc dày hoặc mỏng, chứa nhiều nước vị ngọt thanh, nên trong tháng nắng được nhiều người thích ăn để giải khát. Tuy nhiên đó chỉ là loại trái cây để ăn chơi, công chúng cho là không có giá trị bổ, béo gì nên bán không đặng giá, dầu nhằm lúc đầu hay cuối mùa. Và đó có lẽ là nguyên nhân khiến nông gia không đặc biệt chú ý tới loại cây này ; mỗi vườn chỉ trồng một, hai cây ; nhiều lắm là ba, bốn — tùy theo đất rộng hẹp — cho đủ giống cây ăn trái vậy thôi.

NỔI TIẾNG NHẤT MẬN TRUNG-LƯƠNG

Mận Trung Lương chiếm một địa vị khác hẳn vì nhiều đặc điểm rất được công chúng ưa thích, tán thưởng : lớp cơm bên ngoài trái mận đã dày, chắc lại nhiều nước và có vị ngọt, nhiều người không ngần ngại cho rằng nếu chưa sánh kịp xá lỵ hoặc bôm thì nó cũng không thua kém nhiều. Công bình mà nói, giá trị những trái mận Trung Lương quả thật đã tăng gia nhiều, tuy chưa sánh được bôm hay xá lỵ, song thứ tốt hiện thời có thể dùng làm món ăn tráng miệng, chứ không phải chỉ ăn chơi, giải khát nữa.

Sở dĩ có sự tăng tiến đáng kể như vậy là do một sự tình cờ. Cách đây lối ba mươi năm, vùng này cũng đã có nhiều nhà trồng mận song lần hồi, thiên hạ đồng ý rằng ngon nhứt chỉ có những trái mận trồng trước nhà ông Bộ Nhọn. Ông tên thật là Đỗ văn Nhọn, làm chánh lục bộ trong làng, nhà ở gần bến đò Cửu Điện nay đổi tên là bến Ba Ký, tại ấp Đạo Tâm, xã Đạo Thạnh, tỉnh Mỹ Tho.

Khác với mận phổ thông trong vùng, nhứt là giống mận trồng nhiều bên cồn, da xanh mét, và cơm mỏng nên người ta

quen kêu là « mận da người », mận của ông Bộ Nhọn có nhiều đặc điểm từ hình thức đến giá trị : da màu hường, hoặc lợt, hoặc đậm, có trái có sọc, cơm dày, dòn, ngọt và nhiều nước. Có trái muốn đặc ruột là khác song thành thật mà nói, phần giữa của nhiều trái vẫn còn xốp nên chưa thể so sánh được với trái bôm hay xá lỵ của các xứ Tây phương. Tuy nhiên, sánh với mận phổ biến ở các nơi khác, nhất là với giống mận da người bên cồn, thì giá trị của nó hơn nhiều, « ăn đứt » khá xa. Vì màu da tươi đẹp của nó, đồng bào trong vùng đặt cho nó cái tên khá văn hoa là « Mận Hồng Đào ». Tùy theo nó có sọc hay không, người ta còn kêu phân biệt là « Hồng Đào trơn » hay « mận Hồng Đào sọc ».

Một chi tiết đặc biệt nữa nên ghi là giống mận quí này hiện chỉ có tại bên làng Đạo Thạnh, Lương Hòa Lạc, Long An và Trung An trong tỉnh Định Tường. Tất cả qui tụ tại vùng Trung Lương, chung quanh bến đò Cửu Điện, cận ấp Đạo Tâm là nơi cây mận Hồng Đào đầu tiên của ông Bộ Nhọn cho giống và có thể coi là thủy tổ cả trăm cả ngàn cây mận đồng tông ngày nay. Theo một thuyết khác thì người có cây mận Hồng Đào đầu tiên là ông Bùi văn Thi — cũng kêu là Bảy Thi — nhà ở ấp Đạo Tâm xã Đạo Thạnh. Cây mận ấy trồng ở mé xẻo ăn ra sông Bảo Định, khoảng năm 1935. Đến năm 1937, tình cờ một nông gia lối xóm phát giác vị đặc biệt của trái mận đó : ngọt, nhiều nước và dòn không thua trái xá lỵ, nên xin năm nhánh chiết về trồng. Nông gia ấy là ông Lê-văn-Lượng, cũng kêu là Hai-Khánh, khéo chăm nom, săn sóc nên mấy cây ấy mọc xanh tốt cho trái mận ngon ngọt không thua gì cây mẹ, và giống mận Hồng Đào nổi tiếng rồi phổ biến rộng rãi khắp các xã Đạo-Thạnh, Lương-Hoà-Lạc, Long-An. Và ngày nay người ta gặp mận Hồng-Đào rải rác ở các tỉnh lân cận như Kiến-Hoà, Vĩnh-Long, Sa-Đéc v.v...

TỪ NĂM THỨ NHÌ ĐÃ CÓ TRÁI

Mận Hồng Đào gây giống bằng nhánh chiết, và kỹ-thuật này áp dụng cho tới ngày nay.

Cây mận mọc mạnh, mau lớn nên chỉ nội trong vòng một năm rưỡi, hai năm, sau khi trồng là có thể chiết nhánh đem về trồng. Nhánh chiết trồng trên líp.

Nếu chiết và trồng nhánh cây tơ (2 năm), nội năm đầu cây có thể trổ bông và bói trái. Tuy nhiên, nhà vườn không lấy, người ta chịu khó ngắt bỏ bông và trái non, để giữ chất bổ dưỡng cho cây. Từ năm thứ nhì, cây bắt đầu cho trái lớn, ngọt, có thể để chín và hái bán. Tuy nhiên, đến năm thứ năm, cây mới tăng trưởng đúng mức và cho trái dồi dào.

Để bạn đọc ý thức được phần nào nguồn lợi do mận Hồng Đào có thể đem lại, đây là những con số do một chủ vườn vùng Đạo Thạnh cho biết.

Một đại điền chủ có ba mẫu vườn trồng toàn mận, được trên 1.000 cây. Mỗi cây lớn đúng mức có thể cho 10 thúng trái 5 giạ. Giá bán sỉ xê xích từ 120 đến 150 một giạ (vào dịp Tết có thể lên đến 200 đồng). Vậy lấy những con số trung bình 120 đồng : một giạ, mỗi cây cho 5 giạ trái và mỗi mẫu 350 cây thì mỗi mẫu trồng mận Hồng Đào có thể cho huê lợi trên 200.000 đồng (120×5×350). Một nông dân chỉ để ra một cao đất trồng mận, mãn năm cũng có trên 20.000 đồng, đủ sửa sang nhà cửa chi phí may mặc, Tết nhứt. Sau năm năm, ngoài việc quét mương đắp bùn mỗi năm hai lần, cần phải vô thêm phân chuồng để cây đủ chất bổ dưỡng. Có nhà vườn cho rằng vô phân gà tốt hơn và mấy năm gần đây, vài nông dân còn bón thêm phân hoá học. Theo lời các bực nông gia lão thành kinh nghiệm thì một cây săn sóc đúng mức cho huê lợi suốt 30 năm.

(Trích Thời Nay số 139 ngày 1-7-1965)

VÚ SỮA LÒ RÈN QUẬN LONG-ĐỊNH

Trong những ngôi vườn sầm uất cây trái của tỉnh Định-Tường, mận Hồng Đào sọc tăng phần trù phú cho vùng Trung Lương, ổi xá lị giữ nét độc đáo cho xã An-Hữu, cam hồng mật gây uy thế cho quận Cái Bè, thì vú sữa lò rèn cũng làm nổi bật cho xã Vĩnh Kim (Sầm Giang) quận Long Định.

Tác giả được tháp tùng theo phái đoàn ký giả văn nghệ sĩ Thủ Đô đến viếng quận lỵ Long-Định một sáng chúa nhật 13-3-1966, theo lời mời của các cấp Quân Dân Chánh, do nhà văn Khổng Nghi hướng dẫn. Ban tổ chức đã chọn đúng mùa vú sữa chín rộ để giới thiệu với anh em văn nhân ký giả quang cảnh thanh kỳ trù phú (mặc dù trong thời khói lửa) của những ngôi vườn vú sữa trung tâm quận Long-Định.

Bước chân vào ấp tân sinh Vĩnh-Bình, chúng tôi đã được rửa mắt bằng thứ màu sắc đặc biệt của loại cây vú sữa trắng với cành nặng trĩu trái xanh lá cây. Lá vú sữa có hai màu, bề mặt màu xanh đậm, bề trái màu sô cô la, óng ánh láng mướt dưới tia nắng.

Dừng chân nghỉ mát tại vườn bạn Khổng Nghi, mọi người thưởng thức một nghệ thuật hái vú sữa của các em nhỏ từ 12 đến 15 tuổi. Với một cây sào dài 4 hay 5 thước, đầu chẻ ra như cái kẹp, các em giơ cao, thoăn thoắt và lẹ làng, bẻ từ trái một và liệng xuống cho một em khác đứng dưới đất dùng khăn một thước vuông buộc vào cổ đề hứng trái cho khỏi rớt và khỏi dập.

Chúng tôi được nếm liền dưới gốc cây mùi vị thơm mát của vú sữa lò rèn Vĩnh Kim.

Anh Kiên Giang Hà Huy Hà trưởng phái đoàn thay mặt anh em ký giả, nhận hai cần xé vú sữa do hai anh Tư Hoài và Hai Sự thay mặt đồng bào Vĩnh Kim thân tặng anh em văn nghệ sĩ Thủ Đô.

Khi trở về Saigon, bạn Kiên Giang đã viết trong tờ Thời-sự Miền Nam trang « Tổ Quốc mến yêu » :

Vú sữa Sầm Giang căn dáng mộng.
Nắm rơm Long Định ủ ngàn sương.

Trong bài thơ « Đẹp Hậu Giang » Kiên Giang đã ca ngợi vú sữa Cần Thơ. Nhưng khi đến Vĩnh Kim, Kiên Giang đã hạ vú sữa Cần Thơ để tôn vương vú sữa Lò Rèn Vĩnh Kim.

Vú sữa Lò Rèn đã làm cho vú sữa Vĩnh Kim có mặt trong thị trường cây trái một cách rõ ràng.

Vú sữa Lò Rèn da mỏng láng như da mặt xuân nữ, sữa trắng thơm như sữa con so. Ăn vú sữa Lò Rèn bạn chỉ bỏ lớp da mỏng rồi bạn thưởng thức một hương vị độc đáo vừa dịu vừa thơm ngon.

Sở dĩ trái vú sữa Vĩnh Kim mang tên vú sữa Lò Rèn vì lần đầu tiên ông Sáu Châu, một ông thợ rèn đi xa mang về một nhánh chiết trồng thử. Sau hai năm cây vú sữa Lò Rèn đầu tiên có trái. Đồng bào trong ấp đem so sánh với các loại vú sữa đã trồng như vú sữa tím, vú sữa bánh xe, vú sữa ổi. Đồng bào nhận xét vú sữa Lò Rèn chẳng những sai trái lại lớn tròn. Khi trái còn sống thì da màu xanh lá cây, khi chín thì nổi ửng màu vàng hột gà dễ phân biệt, trái chín với trái sống.

Để giúp bạn đọc tìm hiểu tầm quan trọng của vú sữa Lò Rèn vùng Vĩnh Kim, tác giả chịu khó tìm phỏng vấn các ông chủ vườn trong ấp được họ cho biết.

Hiện nay, họ đến tất cả loại cây ăn trái như mận, xoài, mít và cả cam, quít chỉ trồng đặc biệt trong vườn một thứ vú sữa Lò Rèn mặc dù vú sữa chiếm đất khoảng tám thước vuông một cây.

Hằng năm một số lái buôn trung gian được hưởng phần lời cả trăm ngàn tức là lời 60 phần trăm với số vốn họ đã bỏ ra.

Liên tiếp gần năm năm nay trên thị trường, các vựa trái cây cầu Ông Lãnh đã biết mặt vú sữa Lò Rèn Vĩnh Kim vì có thị trường tiêu thụ mạnh, nên họ dám giúp vốn cho các ông lái buôn đi bỏ tiền cọc đặt mua trước.

Nhiều ông lái dám bỏ vốn mua huê lợi mùa từ 2 năm đến 3 năm. Ví dụ : - Mùa 1966 chủ vườn đã bán cho họ 50.000 đồng. Năm 1967 mặc dù vú sữa chưa có hoa, họ chịu mua trước với giá 70.000 đồng và mùa 1968 với giá 90.000 đồng. Cứ mỗi năm một lên và chắc chắn họ không bao giờ lỗ, vì chiến tranh gây nghèo khó, các ông chủ vườn biết để trái lớn bán có lợi hơn, nhưng vì túng tiền họ đành mượn trước và bán rẻ một phần.

Nhà văn Khổng Nghi tác giả tập Muồng Tênh có một ngôi vườn 2 mẫu tây trồng được 120 gốc sữa. Ngôi vườn của bạn được xem là vườn đẹp nhất trong ấp Vĩnh Bình.

Chính bạn Khổng Nghi có ý nghĩ bàn với tác giả. Sau này đất nước thanh bình trở lại, hàng năm bạn sẽ kêu gọi anh em ký giả cổ động tổ chức rầm rộ « Hội mùa vú sữa » để cho các bạn đô thành thèm khát hương vị đồng quê có dịp trẩy hội về quê hương Sầm Giang thưởng thức mùi vị đặc biệt của vú sữa Lò Rèn Long Định, nhưng than ôi ! khi chúng tôi hoàn-thành quyển sách nầy thì bạn Khổng Nghi đã ra người thiên cổ.

Nông-sản là một nguồn lợi dồi dào của người dân quê

ỔI SÁ LỴ :

Người nông dân Mỹ Tho ngày nay không như những ngày xưa cũ. Vấn đề trồng trọt và sản xuất thật là quan trọng đối với họ. Phần đông người nông dân ở đây đều có ruộng vườn.

Vấn đề trồng cây lấy trái cũng đã biến thành sự sống của họ hằng ngày. Ngoài những thứ cây trái đã có lưu truyền từ đời này qua đời khác, họ còn tìm được những thứ cây trồng mau hưởng huê lợi hơn. Trong những thứ cây mau có trái nhất đó là ổi sá lỵ vậy.

Ngày nay, du khách xuôi về miền Tây hay ngược lại, khi bước qua bên này, hay bên kia bến « Bắc » Mỹ Thuận thảy đều lấy làm ngạc nhiên khi nhìn những cần xé ổi đầy ngập đề dài bên đường với những tiếng mời mọc, phát ra từ trong đôi môi của những cô gái ngây-thơ, mộc-mạc hiền-lành, ngọt ngào hơi hướng đồng xanh ấy :

— Mua giùm em chục ổi đi thầy ! Ổi sá lỵ ngon, dòn lắm thầy ơi !... Cô ơi !...

Khi đó, nếu du khách đưa tầm mắt quan sát thì sẽ lấy làm lạ vì ổi ở đây tràn ngập thị trường. Không những chỉ hai bên bến « Bắc » mà thôi, bây giờ ở đâu cũng có, nhứt là những tỉnh lỵ gần nơi sản xuất ổi như Mỹ Tho, Long An, Saigon, Biên Hòa v.v...

Nơi sản xuất nhiều nhất là xã Hưng Thuận, An Hữu và quận Cai Lậy. Cho đến ngày nay vì sự sản xuất mau chóng, nên người nông dân hè nhau mua thứ này về trồng.

Ổi sá lỵ rất dễ trồng, nhưng ở những nơi có nước ngọt quanh năm thì sự trồng ổi dễ dàng hơn. Cây ổi sá lỵ chỉ cần đặt xuống xen kẽ nhau trong những cây dừa, bưởi, có nhiều bóng mát, bỏ ít phân và luôn luôn tưới nước, chỉ trong một năm là có trái.

Mỗi cây ổi sá lỵ có thể sản xuất từ 50 đến 100 trái mỗi năm. Như vậy, người nông dân chỉ trồng được 100 cây thì mỗi năm thâu khá nhiều huê lợi, sống một đời sống rất sung túc.

ĐẶC ĐIỂM CỦA ỔI SÁ LỴ :

Từ lúc người nông dân phát giác ra ổi sá lỵ với cách trồng rất dễ dàng và mau chóng thâu lợi, họ mới biết rằng thứ ổi này rất ngon, không như những thứ ổi thường mà sự trồng rất khó khăn và lâu thâu lợi.

Ổi sá lỵ thật ngon, bởi ổi có thứ hột như (nhưn) bánh lại dòn và hương vị thơm tho. Nếu so sánh thứ ổi sá lỵ với bôm sá lỵ, thì thứ ổi này ngon hơn nhiều. Bởi vậy, người nông dân mới đặt tên cho thứ ổi này là ổi sá lỵ, vì trái sá lỵ cũng ngon thơm. Bôm, xá lị là món được nhập cảng ở nước ngoài vào, nên người ta thường cho nó là món ăn quí. Còn ổi sá lỵ là do người trong nước sản xuất, dù ngon hơn, thơm tho hơn, có nhiều đặc điểm tốt hơn, nhưng ít khi được chú ý đến.

Nếu ổi sá lỵ phát triển mạnh, thì trong tương lai sẽ xuất cảng ra ngoài, thì thứ ổi này sẽ hơn bôm và sá lỵ vậy.

Vì điểm đặc biệt của nó, lại rất dễ trồng, cho nên người nông dân mới đặt ra những câu ca dao và được truyền khẩu từ người này sang người khác, nhứt là lúc đưa con :

Hò lơ ... Ai về chợ Mỹ quê em
Mua ổi sá lỵ để mừng bà con.
Ổi này hương vị rất ngon,
Anh ơi ! Ăn thử mỏi mòn đợi ai ... !
Chúng mình chỉ mới gặp nhau,
Tặng anh trái ổi, ngọt ngào tình thương.
Rồi khi mòn mỏi bụi đường,
Nhớ ổi sá lỵ, tình thương mặn mà.
Hò lơ ... Hò là hò lơ ... ơ ... ơ ... ơ ... !
Khi nào anh thấy nhớ ai ...
Xin về chợ Mỹ đường dài dễ đi.
Mỹ Hưng anh xuống tức thì,
Có em chờ đợi mong người tình quê.
Vườn xoài, vườn ổi xum xuê,
Mặc tình anh «hái» anh đòi ... em cho !

Những câu ca dao về ổi sá lỵ lồng trong mối tình quê trong trắng, trắng như ruột ổi, thơm tho như mùi lúa chín, mùi mạ non. Nhờ ổi sá lỵ mà người nông dân xã Mỹ Hưng ngày nay có một đời sống rất cao và sung túc. Người con gái quê thường dùng những câu trên để mời khách mỗi khi nàng thấy cần bán chục ổi cho khách qua đường.

Thật là một thứ ổi dễ trồng, lại ngon hơn bôm, sá lỵ mà người nông dân ngày nay đang tăng gia sản xuất hưởng huê lợi khá cao về thứ ổi này.

XOÀI CÁT — CAM MẬT

Ngoài những thứ trồng từ bao lâu nay, Mỹ Tho còn có nhiều trái cây rất quí, vì là một vùng đất nước ngọt quanh năm, đất đai màu mỡ, cho nên việc trồng cây lấy trái rất dễ dàng.

Bạn có ăn thử mận Hồng Đào, vú sữa, ổi sá lỵ, bạn phân tách từng hương vị một của mọi thứ, các bạn mới thấy được những giá trị tuyệt đối thuần túy của thổ-sản Việt Nam.

Nhưng nếu chưa nếm đủ các thứ trái cây của miền sông Hậu, hãy cần tìm thử, hay ít ra một lần thưởng thức mới thấy được sự quí báu của mọi thứ trái cây này.

Bởi vì, mỗi thứ cây, đều trổ bông đơm trái từng mùa, theo thời tiết, xuân, hạ, thu, đông.

Mận, vú sữa thì có trái vào mùa mưa và chỉ trong vòng một tháng thì có thể bẻ được. Ổi sá lỵ thường bẻ được phải qua thời gian 45 ngày. Tuy đơm bông, kết trái vào mùa mưa, nhưng nó có thể kéo dài qua tới mùa nắng.

Xoài cát thường hái được vào những tháng 7 và 8. Nhưng với thứ cam mật, sự kết trái cho đến khi hái được phải từ 70 đến 90 ngày. Người nông dân thường hái cam mật vào mùa xuân, nói đúng hơn là vào những ngày sắp Tết để cho khách hàng mua về chưng trên bàn thờ tổ tiên.

ĐẶC ĐIỂM CỦA XOÀI CÁT

Nói đến xoài thì có nhiều thứ, mỗi thứ đều có hương vị khác nhau. Như xoài Tượng thì thường người ta dùng sống, cần thịt xoài cứng để ăn với nước mắm đường ; xoài voi, xoài hột, những thứ này thường hay chua, cho nên người ta không thích mấy !

Nhưng xoài cát lại có hương vị đậm đà của nó. Khi trái xoài đã chín, người ta thường dùng làm món ăn tráng miệng sau những bữa cơm.

Xoài cát tròn, thịt thơm tho, lại dẻ, ngọt, bùi có thể so với hồng tươi của Tàu. Nhưng xoài cát mềm mại và hương vị đậm đà hơn hồng tươi. Dành cho những người trọng tuổi tráng miệng thì tốt nhứt.

Loại xoài này trồng nhiều nhứt là vùng Bắc Mỹ Thuận, An Hữu, Cái Bè. Những vùng khác cũng có trồng nhưng mức sản xuất không nhiều như mấy vùng trên.

ĐẶC ĐIỂM CỦA CAM MẬT

Cam mật xưa nay rất có tiếng tăm ở miền Nam nước Việt, vì cam mật rất khó trồng và sự trồng trọt rất công phu, vì là loại cây nắng không ưa, mưa không chịu, thường khi muốn trồng thứ cam này, người ta chiết nhánh và ươn hột.

Vì chiết nhánh, thì trồng mau có trái, còn ươn hột thì lâu nhưng được bền.

Muốn trồng cây cam mật, người nông dân rất công phu và phải mất một thời gian thật dài. Cần lựa một nhánh thật tốt và mập, rồi phải bó đất vào thân của nhánh cây, tưới nước hằng ngày, cho đến khi nào nhánh mọc rễ thật nhiều và đợi đến khi mưa thuận gió hòa người ta mới cắt nhánh và bỏ vào một « chậu » đan bằng tre, bỏ thêm phân và đất, xong rồi, mới đem vào chỗ mát mẻ, tưới nước vun phân cho đến khi thấy cây vững, mạnh, người nông dân mới đem trồng.

Muốn trồng cam mật, người nông dân phải vét mương, chia từng « líp » và thường thì trồng ở những nơi có tàng cây mát mẻ, nhứt là giữa những hàng dừa.

Vì cách trồng cam mật rất khó khăn, nên nó rất quí, thứ cam nầy lúc trồng và thời gian có trái rất lâu, tối thiểu cam kết trái lần đầu phải mất hai năm và phải từ ba đến bốn năm, mới có trái nhiều. Nhà vườn phải bắt kiến vàng trên ngọn cây để cho cam có nước, trồng cam cả là một vấn đề săn sóc công phu.

Tuy nhiên, chỉ có cam mật vùng Cái Bè là danh tiếng hơn hết. Vùng nầy phần đông người nông dân thích trồng thứ cam này, lại nữa là một vùng đất tốt, hạp giống cây, cho nên ngày nay, mức sản xuất loại cam mật vùng Cái Bè lên thật cao.

Cam mật có đặc điểm, nước nhiều, ít hột, thật ngọt, hương vị mặn mà, làm cho người thưởng thức thứ cam này lấy làm vừa ý.

Tuy là loại cam vỏ xanh, nhưng không thua thứ cam nhập cảng vỏ đỏ. Nó có thể còn trội hơn, bởi vì, cam nhập cảng cũng phải để lâu ngày, nắng gió làm mất hết hương vị của nó. Trái lại cam mật vỏ còn tươi xanh và khi hái thì đem ra bán liền, không làm mất đi hương vị, và còn đầy đủ những sinh tố cần thiết, có thể giúp cho người bịnh dùng nó thay cho cháo, hay sữa.

Lại nữa, chất tươi, mát của cam, làm cho người bịnh mau phục hồi sức lực.

Chiến tranh dai dẳng, miền quê thường bị tàn phá bởi bom, đạn. Người nông dân mãi lo âu và mất đi phần nông sản. Trong tương lai nếu đất nước thanh bình, thì miền Hậu-Giang sẽ là nơi sản xuất nhiều nhứt về cây trái, sẽ trở thành vùng đất phì nhiêu nhứt, có đủ yếu tố cần thiết cho sự sản xuất, các món ăn cho dân tộc và cây trái cũng có thể thay thế cho những trái cây nhập cảng vậy.

BẢNG LIỆT KÊ

Số QUẬN, TỔNG, XÃ, ẤP và DÂN-SỐ

Sau ngày Quận Gò-Công tách rời năm 1963 đến tháng 4-1965 để tái lập tỉnh.

Định Tường hiện nay có 7 Quận, 14 Tổng, 93 Xã.

Diện tích và dân số chia ra như sau :

QUẬN	Số Tổng	Số Xã	Số Ấp	Diện tích toàn quận	Dân số toàn quận
Bến Tranh	2	15	92	21.663 m 07 s 90 t	64.437
Cái Bè	2	11	83	26.329 m 84 s 53 t	84.010
Cai Lậy	2	20	83	32.105 m 15 s 36 t	108.728
Châu Thành	2	12	97	10.028 m 02 s 56 t	105.217
Chợ Gạo	2	11	95	14.558 m 13 s 89 t	49.089
Giáo Đức	2	10	50	19.539 m 23 s 05 t	58.672
Long Định nay đổi lại là Sầm Giang	2	14	106	24.715 m 90 s 46 t	47.821
TỔNG CỘNG	14	93	606	148.939 m 37 s 75 t	517.974

DANH - SÁCH
Quí vị Tỉnh-Trưởng Định-Tường
Từ năm 1949 đến ngày nay

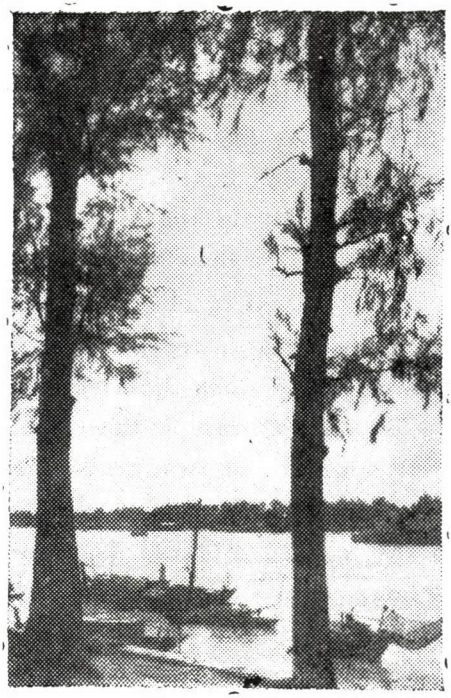
Ông	Lê-văn-An	22-11-49	—	4- 2-53
Ông	Nguyễn-thúc-Lang	1- 4-53	—	31- 8-54
Ông	Phương-tuất-Tài	16- 9-54	—	18- 2-55
Ông	Nguyễn-văn-Kế	19- 2-55	—	31-10-52
Ông	Đỗ-văn-Công	4- 4-56	—	10-5 -56
Ông	Hồ-bảo-Thành	11- 5-56	—	30-9 -56
Ông	Nguyễn-Trân	1-10-56	—	21-11-58
Ông	Trương-hữu-Diệp	22-11-58	—	17-8 -60
Thiếu-Tá	Lâm-quang-Thơ	18- 8-60	—	14-7 -63
Thiếu-Tá	Nguyễn-khắc-Bình	15- 7-63	—	6-11-63
Trung-Tá	Trần-Hoàng-Quân	7-11-63	—	24- 3-64
Trung-Tá	Đỗ-kiến-Nhiều	30- 3-64	—	1-10-64
Trung-Tá	Trần-văn-Phúc	2-10-64	—	7- 9-68
Trung-Tá	Huỳnh-ngọc-Diệp	7- 9-68	—	25-3-68
Trung-Tá	Lê-minh-Đảo	25- 3-69		

Định Tường với huê viên Lạc Hồng

NẰM SÁT BỜ SÔNG CỬU LONG

(Nơi quyến rũ tao nhân mặc khách)

Mỹ Tho cảnh đẹp người xinh,
Quyện lòng du khách gợi tình nước non.

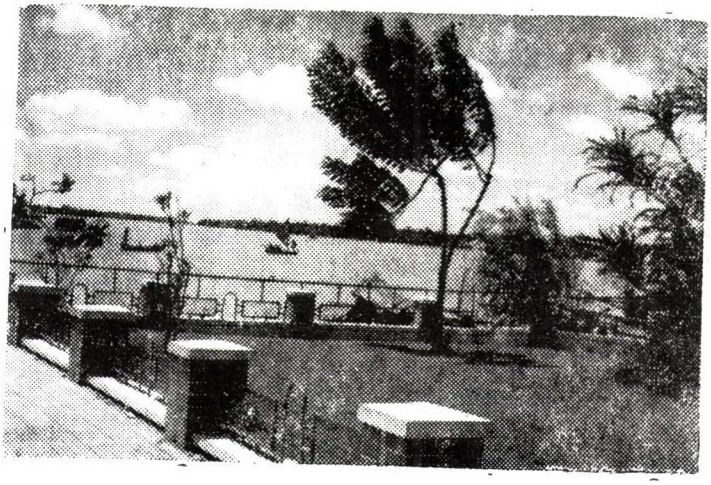


Những hàng dương cổ thụ soi bóng dưới bờ sông Cửu-Long trước vườn hoa Lạc-Hồng

Du khách viếng Định Tường ngày nay, muốn tìm nơi ngắm cảnh cho thoải mái tinh thần, ai chẳng trầm trồ khen vườn hoa Lạc Hồng khéo hoà hợp với cảnh vật thiên nhiên, nổi bật phong quang tân tạo sinh tươi, êm đềm nhàn lạc thú. Vườn hoa Lạc Hồng là một địa điểm gắn liền với tăm tiếng Mỹ Tho, gần như là một danh thắng của tỉnh Mỹ.

Nếu biết rằng đây xưa kia là nhà ga xe lửa ồn ào náo nhiệt mà nay thay đổi sắc thái trầm lặng mỹ quang, du khách chẳng khỏi tấm tắc khen thầm người đã có công kiến tạo một chốn yêu kiều dành riêng cho khách hào hoa thanh lịch, tăng vẻ đẹp cho châu thành cảnh trí đầy thơ mộng. Ấy là « tác phẩm » của cựu tỉnh-trưởng Trương hữu Diệp thành lập vào năm 1957-1958 và các vị kế tiếp gần đây đã chẳng ngớt điểm tô thêm lộng lẫy. Vị trí vườn hoa Lạc Hồng nằm sát bờ sông Cửu Long, rộng độ 40m, dài 400m, ngó qua cù lao Rồng. Đầu trên là căn cứ hải quân, phía dưới là vàm sông Mỹ Tho, ghe thuyền tấp nập đưa khách sang sông qua Cồn Rồng hoặc Cồn Phụng nơi mà tu sĩ Nguyễn thành Nam kiến thiết, du khách thường tới lui viếng cảnh Vườn hoa Lạc Hồng. Dọc theo bờ sông cần đá kiên cố, có làm lan can để tránh sự rủi ro cho du khách. Hàng dương soi bóng nước Cửu Long, từng đã trơ gan cùng tuế nguyệt mấy mươi năm qua, chứng kiến giòng lịch sử ngược xuôi biến chuyển xoay vần. Nhìn hàng dương cổ thụ, lòng du khách bồi hồi cảm cựu, chi xiết miên man tưởng nhớ nhân vật đất đai Định Tường từ xưa vẫn là một trong 6 tỉnh miền Nam lừng lẫy tiếng tăm. Đã thế, còn có một cội đa nằm phía đầu trên, sát nhà hàng Cửu Long, tàng nhánh sum sê, thân già cỗi hẳn cũng từng ghi nhớ bao cuộc Định Tường thăng trầm biến đổi.

Khắp nơi hoa cỏ khoe màu tươi thắm. Thảm cỏ xanh trải dọc theo các lối đi. Hoa kiểng tranh phô chiều thanh vẻ lịch, duyên dáng đậm đà, quyến rũ du khách say nhìn, suy tư rộn rã. Nhất là lúc chiều tà, bên vườn hoa còn có bóng giai nhân nhẹ gót hài tha thướt, đủ các cánh áo màu sặc sỡ trông như bướm lượn vờn hoa, phong quang đẹp càng tăng nét diễm kiều huyền ảo, gợi lòng tao nhân mặc khách bàng hoàng ngây ngất.



Huê-viên Lạc-Hồng

Mỹ Tho có bến Lạc Hồng
Hoa xinh người đẹp mặn nồng phô duyên.
Ngẫn ngơ du khách triền miên,
Tưởng chừng lạc bước đào nguyên thuở nào.

Rải rác trong vườn, hàng băng đá để sẵn như mời chào du khách hãy dừng chân, ngồi thưởng thức cho thỏa mãn, cho phỉ tình thăm viếng Mỹ-tho, cho lòng lưu luyến mãi «Lạc-Hồng» dù khi lên đường đặt bước ở phương trời xa lạ.

Đăm mắt nhìn qua những lượn sóng nhấp nhô cợt cười trên mặt nước, đưa đẩy mấy chiếc thuyền câu trôi lên hụp xuống giữa dòng sông lạnh, phía bên cồn Rồng những dãy nhà giăng giăng cất sát bờ sông, bên trong cây cối phủ che một màu thanh lịch, gió hiu-hiu giao động, chuyển mình gợi cảnh hữu tình non nước, du khách sẽ càng thêm cảm khái.

Cồn Rồng thời Pháp thuộc đó là chỗ tập trung người cùi, nay không còn cảnh thảm não ấy nữa. Cồn này ở ngang vườn Lạc-Hồng, cách sông chừng 800 m. Hiện thời dân cư đông đúc, lập vườn trồng cây ăn trái rất thạnh mậu. Nhưng nghe đến hai tiếng « Cồn Rồng » và đoái nhìn vàm sông Mỹ-tho kia, du khách nếu ngược giòng lịch sử, ắt phải chẳng khỏi chạnh đến cái chết của cụ Âu dương Lân, một nhà cách mạng lẫy lừng tên tuổi bị Pháp hành quyết ở mé sông Mỹ-tho, và tưởng nhớ đến cái chết của cụ Thủ-khoa Huân, mà đâu đây như còn nghe văng vẳng :

Sông Mỹ năm xưa tràn giọt máu !
Cồn Rồng đêm vắng gió buồn thu !

Lại nữa, gần đây khi quân đội Nhựt đóng Mỹ-tho, khiến phi cơ đồng minh đã dội bom tại đấy, đánh chìm hai chiếc tàu chiến của Nhật nơi giữa sông, mé trên vườn Lạc-Hồng bây giờ, và một chiếc mang tên Amiral Charner bị chìm phía bên kia cồn, xác tàu vẫn còn nằm đó, đánh dấu ngày tàn của thực dân đã chấm dứt ở Mỹ-tho trên 80 năm đô hộ.

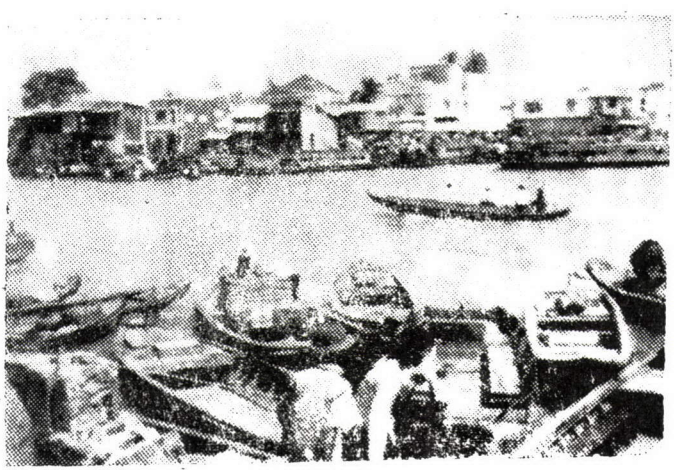
Đang miên man thả hồn về quá khứ, du khách chợt bừng tỉnh về ngay hiện tại, vì tiếng cười rộn rã ở gần đấy như giục khách hãy sống vui, sống mạnh ở buổi này. Ấy là tiếng cười do từ nhà hàng Cửu-Long thiết lập gần vị-trí khu vườn đưa lại, đồng vọng từng đêm lại từng đêm, gợi niềm tha thiết yêu đời, hưởng thụ lạc thú trần gian.

Nhà hàng Cửu-Long cất sát bờ sông, khách sang trọng thường lui tới ăn uống, ngó ra sông ngắm cảnh. Ở mé sau vườn hoa Lạc-Hồng là đường Gia-Long, có dãy khách sạn và các quán ăn day mặt ra vườn hoa đón rước ngọn gió mát từ bên cồn Rồng thổi vào.

Về đêm, những ngọn đèn ống đủ màu của hãng dầu Shell, Socony bên cồn phản chiếu làm tăng màu sắc diễm ảo. Giai nhân tài tử dập dìu. Du khách bốn phương góp mặt, say sưa thưởng lãm cảnh trí đầy quyến rũ.

Sóng nước Cửu Long cuồn cuộn quả như rồng uốn khúc mang theo nhiều mầu mỡ bồi đắp vườn tược cây trái oằn sai, trông qua như rồng dậy.

Xa xa phía đầu trên là cầu Bắc, qua rạch Miễu mé bên kia là địa phận tỉnh Kiến Hòa. Ngồi tại vườn Lạc Hồng, du khách bâng khuâng có cảm tưởng như mình đang ở bến Ninh Kiều của Cần Thơ. Vì bến Ninh Kiều cũng đẹp đẽ khang trang chẳng kém, duy thiếu hoa đưa hương ngát và phía trước mặt bến Ninh Kiều là xóm Chài, xa xa phía đầu trên là cầu Bắc.



Ghe xuồng tấp nập tại vàm sông Bảo-Định, đầu vườn hoa Lạc-Hồng, để đưa rước khách sang sông.

Định Tường chào mời du khách :

Viếng thăm vườn cảnh Lạc-Hồng
Màu hoa thắm đượm say lòng
Sóng nước Cửu-Long hừng chí,
Cồn Rồng gợi nhớ Thủ-khoa Huân
Rạch Miễu gương trong Mai ẩn sĩ (1)
Về đây bạn, dạo chơi đất Mỹ,
Ngắm « Lạc Hồng » chạnh nghĩ nước non ta.
Giòng Tiên-Rồng, nòi Hồng-Lạc cao xa
Nền văn hiến bốn ngàn năm chói rạng,
Về đây bạn, Lạc-Hồng vườn hoa thắm,
Ủ ấp lòng, say đắm mộng phi đằng.
Thanh niên vượt tiến, hùng cường,
Vinh quang nòi Việt trường tồn non sông.

Ngắm vườn hoa Lạc Hồng hồi tưởng lại những chuyện của năm xưa mà thương đến những anh hùng dân tộc, những trang mưu quốc của Định Tường đã hy sinh vì non nước mến yêu còn phảng phất đâu đây, sóng nước Cửu Long đang cuồn cuộn ngược xuôi trên dòng sông lịch sử của bao thế hệ.

(1) Ông Mai văn Ngọc, nhạc phụ nhà chí sĩ Phan văn Hùm.

Phần Phụ-Lục :

DANH-NHÂN

Lãnh-binh Huỳnh-Khắc-Hơn

trước khi vào đề

Khi tác-phẩm này in gần xong, chúng tôi may mắn nhận được thêm một tài liệu nói về Lãnh-binh Huỳnh-khắc-Hơn. Vì phần Danh Nhân lịch sử đã chạy rồi, vậy chúng tôi xin bổ-túc vào phần phụ-lục để cống hiến quí bạn đọc tìm hiểu thêm một nhân vật của tỉnh Định - Tường, đã lập nên những chiến-công hiển hách, nói lên ý-chí chống xâm-lăng, nêu cao tinh-thần bất-khuất của người dân Việt, góp công tô điểm quê hương, làm rạng-rỡ cho tỉnh nhà, đáng được ghi vào thanh sử.

HUỲNH-MINH

LÃNH BINH HUỲNH-KHẮC-HƠN
và câu chuyện cái dấu son lá bùa hộ mạng cho các ghe thương hồ

Một nhân vật có công với đất nước, mưu hạnh phúc cho giống nòi nói chung, Mỹ-Tho nói riêng, vị ấy chính là Lãnh binh Huỳnh-khắc-Hơn đã vang danh một thời dưới chế độ Tân trào, khi Pháp xâm chiếm đất Nam-Kỳ đầu tiên, gồm ba tỉnh miền Đông, Gia-Định Biên-Hòa và Định-Tường vào năm 1862. Lúc bấy giờ những đứa con trung thành của đất nước đứng ra hoạt động chống Pháp khắp nơi, trong số ấy có vị anh hùng xứ Mỹ là Lãnh binh Huỳnh-khắc-Hơn, có tài xuất quỷ nhập thần, gây điêu đứng cho đối phương không ít, nhưng tiếc rằng, các nhà chép sử thời ấy không ghi rõ công lao tên tuổi của ông đành mai một. Đã là nhà văn với óc sưu tầm, chuyên vạch bóng người xưa, chúng tôi được các vị bô lão cao niên ở Định-Tường và đồng bào cù lao Ao-hóa giới thiệu cho biết, miêu-duệ của vị anh hùng ấy hiện nay còn ở Mỹ-tho là ông Huỳnh-khắc-Quảng công chức hồi hưu và ông Huỳnh-khắc-Dụng Biện lý tòa Sàigòn. Chúng tôi thân hành tìm đến thăm ông Biện lý và xin hỏi qua câu chuyện về ông Huỳnh-khắc-Hơn cho rõ rệt, theo lời nhiều người xưng tụng. Chúng tôi hân hạnh được tiếp kiến với ông Huỳnh-khắc-Dụng tại biệt thự Cầm-Tú đường Công Lý Sàigòn, biết ông là người trong giới văn học, viết nhiều sách và sáng tác thi thơ, các giới trong nước đều nghe danh biết tiếng.

Ông niềm nở tiếp đãi chúng tôi với tình thân mật. Vào đề hỏi qua câu chuyện vị Lãnh binh Huỳnh-khắc-Hơn, ông thấy việc chúng tôi làm rất hữu ích cho nền văn hóa dân tộc, ông không ngần ngại kể qua một ít quá trình về cuộc đời của vị anh hùng cho chúng tôi nghe, và đồng thời ông trao cho một tài liệu nói về nơi xuất xứ của vị Lãnh binh Huỳnh-khắc-Hơn, và một ít thi thơ do ông sáng tác. Nhận thấy một tài liệu quí giá mà lâu nay ít ai nhắc đến nên nhiều người không biết, vì thế mà chúng tôi xin phép ông Huỳnh-khắc-Dụng để ghép vào quyển Định-Tường, nói lên tinh thần bất khuất của dân tộc ta, sánh như Thủ-khoa Huân, Lãnh binh Cẩn, Lê-tán-Kế, Thiên-hộ-Dương, mỗi vị đều có một biệt tài khác nhau, đáng được nêu lên soi gương hậu thế.

Xin bạn đọc theo dõi về câu chuyện Lãnh binh Huỳnh-khắc-Hơn dưới đây :

Ông sanh trưởng tại làng Phước-Thạnh, ấp Phước-định, tỉnh Mỹ-tho tức Định-Tường, là nơi nhau rún của một nhân vật kháng Pháp : ông Huỳnh-Khắc-Hơn. Ông sinh năm Giáp-Thân (1824) nhằm Minh-Mạng ngũ niên, thất lộc tại Sài-Gòn đêm mồng chín tháng 8 năm Đinh Mùi (16-9-1907), hưởng thọ được 83 tuổi.

Tình trạng người Pháp xâm lăng, cướp đất Nam-kỳ, làm cho dân chúng phẫn nộ cực điểm. Năm 1862, chiếm được thành Mỹ-Tho, thủy-sư đề đốc Charner được thay thế bởi đề đốc Bonard. Ông nầy phải tiếp tục mở cuộc tảo thanh để tiêu diệt những phần tử kháng chiến trong các tỉnh miền đông và miền

tây. Vùng Mỹ-tho dọc theo các rạch ngòi, nghĩa quân theo ông Huỳnh-Khắc-Hơn phải chịu biết bao gian lao khổ, hạnh, lương thực thiếu thốn, phải nhờ cậy vào đồng bào dọc bờ sông, nhưng họ cũng từng làm cho quân xâm-lăng thất điên bát đảo. Lãnh-binh HƠN oai-quyền lớn võ nghệ cao cường, ghe thương hồ nhờ danh ông mà khỏi bị lính tráng bốc lột. Mỗi khi chận ghe khám xét, hễ trông thấy dấu son của lãnh binh HƠN là tán đởm kinh tâm, vì ngụy binh hà hiếp dân chúng thế nào cũng bị nghĩa quân dưới trướng Lãnh-binh HƠN bắt giết và moi gan ruột. Khắp vùng Định-Tường ai cũng khiếp oai ông HƠN vì đường siêu của vị tướng nầy đến chỗ tuyệt-luân.

Những phen xuất chiến bất thần, mạnh như vũ-bão của nhóm lãnh-binh HƠN đã khiến cho quân tân trào vỡ mật. Ông bác sĩ quân y J. C. BAURAC viết : « Bọn cướp từ vùng Mỹ-Tho và Biên-Hòa thường len lỏi trên thuyền con thoạt ẩn, thoạt hiện, dài theo những sông lạch, ban đêm tấn-công bất thần đốt phá các làng mạc yên tĩnh, rồi biến mất, sau khi gây tang tóc cho dân cư được ta bảo hộ.

« Đối với một chiến thuật như thế của địch, cuộc phòng thủ của ta vô hiệu ...

« Chưa hề có một cuộc viễn-chinh Nam-kỳ nào nhọc nhằn hơn và hao binh hơn. Mưa bão kinh khủng, bộ binh và thủy binh ta phải lội sình lội nước dọc theo bờ kinh. Chúng chạm phải rất nhiều trọng-pháo, rào chận và chướng ngại vật đủ-loại của địch. Quân ta phải đánh ngày đêm chống lại những quân và vật trong một lãnh-thổ lạ-lùng và huyền-bí : một số lớn phải chết mòn vì quá mệt mỏi hoặc vì chứng dịch tả á đông ».

(... Des pirates expédiés de Mỹ-tho et de Biên-hoà

Passaient la nuit entre nos stationnaires et se faufilaient dans des pirogues invisibles, à l'abri des broussailles qui bordent les cours d'eau. Ils apparaissaient brusquement et en troupes nombreuses, tantôt sur un point, tantôt sur un autre, pillant et brûlant les villages paisibles ; ils disparaissaient ensuite après avoir porté la désolation parmi les habitants placés sous notre protection.

La guerre défensive était impuissante contre cette tactique à laquelle nos ennemis avaient recours pour nous troubler dans la paisible possession de la colonie.

Jamais expédition de Cochinchine ne fut plus pénible et ne coûta plus de monde. Les premières pluies venaient de commencer et sous des orages terribles, comme on n'en voit que dans les régions tropicales, nos soldats et nos marins cheminèrent laborieusement à travers les vases et les rivières détrempées qui bordent les deux rives du canal.

Ils rencontrèrent sur leur chemin de nombreuses batteries, des barrages et des obstacles de toute nature accumulés par l'ennemi. Ce fut un combat continuel, le jour et la nuit, contre les hommes et contre les choses d'une contrée inconnue et mystérieuse ; un grand nombre de ceux qui y prirent part succombèrent à l'excès de leurs fatigues ou aux atteintes du choléra asiatique ». (*)

(*) *Dr J C. BAURAC*, **La Cochinchine et ses habitants**, *Saigon Imp. Commerciale Rey, Curiol et Cie, 1894.*

Sau một thời-gian kháng-chiến trong rừng bụi, trăm bề thiếu-thốn, phần bị bịnh-hoạn hành-hạ, phần bị quân-binh tân-trào lùng bắt, ông Huỳnh Khắc Hơn thua trận, bị bắt sống. Quan tỉnh dụ ra làm quan cho Pháp, ông nhứt-định khước-từ, được tha về quê-quán, là làng Phước-định, ẩn-dật. Ít lâu sau lại bị bắt vì tội chứa-chấp nghĩa-quân và bị lưu-đày. Nhờ con trai là Huỳnh Khắc Kiệm bán gia-sản lo cho khỏi vòng lao-lý.

Ông có nhiều vợ, ngoài Bắc có, trong Nam có. Bà chánh-thất sinh được 6 con là Cần, Kiệm, Đây, Tầm, Kiểm, Doãn. Bà thứ sinh một người tên là Chín. Một bà hầu tên thị Vị, có con trai đi lính cho Pháp bị nghĩa-quân giết. Những bà khác không con.

Ông Kiệm sinh hai người con là Huỳnh Khắc Thuận và Huỳnh thị Thiệu, dòng chánh, con bà Nguyễn thị Ngàn, người quê Phước-tuy. Bà chắp-nối tên Lê thị Hằng, sinh Huỳnh thị Sung và Huỳnh Khắc Kỷ.

Huỳnh Khắc Thuận theo tân học, làm quan tới chức tri-phủ. Trong giới văn-học miền Nam trước Âu-chiến 1914-1918, nhiều người hâm-mộ tài ông. Hợp-tác với ông Trần Phong Sắc, ông Huỳnh Khắc Thuận đã dịch ra nhiều bộ truyện Tàu, như : Phong-thần, Vĩnh-khánh thăng-bình, Lục-mẫu-đơn, Anh-hùng náo Tam-môn-giai, Hậu Anh-hùng. Ông Thuận còn là một thi-sĩ.

Cũng là một đứa con thân-yêu của Định-tường.

Ông Thuận sinh 4 con trai là Quảng, Dụng, Chung và Trường. Ông tạ-thế tại làng Phước-định.

Lãnh-binh HƠN khi lâm-trận hay xử-dụng cây siêu-đao. Hiện-thời tại đình thần làng Phước-định hãy còn thờ sắc phong và cây siêu-đao ấy.

Cháu nội Khuỳnh Khắc Kiệm nghĩa là chắt nội của ông Lãnh-binh Huỳnh Khắc Hơn hiện còn sống. Ông Huỳnh Khắc Dụng bút-hiệu Tuấn-Lý là một, hiện là Biện lý Toà Saigon.

Kết-Luận

Chúng tôi đã trình bày trong quyển « Định-Tường Xưa và Nay » qua các thành-phần :

Lịch sử, Địa lý, Danh-nhân, Di-tích, anh hùng liệt sĩ có công bảo-vệ quê hương Nói lên những nỗi thăng trầm của xứ sở qua các thời đại, và giới thiệu các ngành sinh hoạt trong tỉnh, những nông sản đặc biệt được nêu lên làm tăng thêm phần vẻ vang cho tỉnh nhà.

Ước mong quyển sách này được quý đọc giả cần đọc đến nó sẽ hiểu rõ « Định-Tường Xưa và Nay » qua mọi khía cạnh. Hãnh-diện non nước tỉnh nhà được người gia công sưu tầm ghi lại những trang sử oai hùng tinh thần bất khuất của dân-tộc nói chung, Định Tường nói riêng, làm nổi bật hùng khí của người xưa có công bảo-vệ đất nước Quý bạn sẽ có dịp say sưa những Huyền sử, Giai thoại từng địa phương mà chúng tôi phí nhiều ngày giờ năm tháng sưu-tập những chuyện xưa tích lạ, do các bô lão kể lại, có nhiều chứng tích hình ảnh trung thực

Tuy nhiên, quyển sách này không sao tránh khỏi những điểm thiếu sót trong việc sưu khảo.

Thưa quý bạn đọc,

Việc làm của chúng tôi với tánh cách đơn phương, nhưng vì yêu dải gấm vóc của tiền nhân, cố công sưu tập những gì đã thâu lượm được, góp công tô bồi nền văn hóa nước nhà trong muôn một Vì sự ích lợi chung để phổ biến những tác phẩm lành mạnh và hữu ích, nên chúng tôi không nài khó nhọc cố gắng viết và tự xuất bản là cả một vấn đề vất-vả.

Xin quý bạn đọc cảm thông và bổ túc cho những phần còn lại ước mong khi tái bản quyển Định-Tường sẽ được đầy đủ và phong phú hơn.

Chúng tôi rất hoan nghinh những lời hay ý đẹp, tinh-thần xây dựng của các bậc cao minh, các sử gia nặng lòng với những bậc tiền nhân đã hy sinh xương máu bảo vệ dải đất mến yêu mà chúng ta đang sống, cố làm sao để làm sáng tỏ sự nghiệp của các ngài sống mãi với sử xanh, đó là lý tưởng duy nhất của chung tôi vậy.

HUỲNH-MINH

CẢM-TẠ

Đượm tình xứ sở, hoài bão Quê hương góp công tô điểm non sông gấm vóc, phát huy nền văn hóa dân tộc, đó là nhiệm vụ thiêng liêng của mỗi người.

Vạch bóng thời gian để tìm chuyện xưa tích củ đất Định-Tường qua các thời đại, làm sống lại hùng khí của các bậc Danh-Nhân anh hùng liệt sĩ có công với đất nước, để tăng thêm phần hào khí cho người hiện đại và thế hệ mai sau. Đó là lý tưởng của chúng tôi và cũng là lý tưởng chung của mọi người có tinh thần yêu nước.

« Định-Tường Xưa và Nay » hân hạnh ra mắt quí đọc giả, giữa lúc đất nước nhuộm đầy tang tóc, vật giá leo thang, gặp lắm điều trở ngại cho việc xuất bản, nhưng chúng tôi cố gắng cho ra đời thêm một đứa con tinh thần nữa, để cống hiến cho quí đồng bào, và thân hào nhân sĩ trong nước cũng như ngoài nước có dịp đọc qua tác phẩm nói trên.

Sở dĩ, tác phẩm nầy được hoàn thành sớm là do sự khuyến khích của quí vị.

Trước hết, chúng tôi có đôi lời cảm tạ Trung Tá Lê-minh-Đảo Tỉnh-Trưởng Định-Tường. Ông Lê-văn-Hội phó Tỉnh-Trưởng hành chánh. Ông Huỳnh-văn-Trực Trưởng Ty Tài chánh. Quí bổ lão, các vị thân hào nhân sĩ tỉnh Định-Tường đã hết lòng nâng đỡ và cung cấp tài liệu. Riêng về Trung-Tá Tỉnh-Trưởng, và ông Phó Tỉnh-Trưởng hành chánh Lê-văn-Hội, quí ông đã nhiệt tâm với xứ sở, và chẳng những có tinh thần văn hóa, nâng đỡ chúng tôi trên mọi mặt lại còn giới thiệu dùm tác phẩm trong tỉnh với đồng bào, nghĩa cử cao đẹp ấy, đã nói lên sự đóng góp nền văn hóa dân tộc, với tinh thần vô tư của quí vị.

Trước khi rời khỏi Quí Tỉnh, chúng tôi chân-thành cảm tạ quí vị, và xin lưu niệm lại tác-phẩm « Định-Tường Xưa và Nay » với lòng ưu ái.

HUỲNH-MINH

MỤC - LỤC

— Lời nói đầu 5
— Bản đồ tỉnh Định-Tường 8

PHẦN THỨ NHỨT :

SƠ - LƯỢC

— Nhân dân Trung-phần di cư vào Nam đầu thế kỷ 17 13
— Bang giao giữa Việt và Miên 14
— Cuộc di dân của người Tàu 15
— Chúa Nguyễn đặt nền hành chánh trên Nam-phần 17
— Định-Tường đẫm máu dưới thời Tây-Sơn và Nguyễn-Ánh. 19
— Định-Tường dưới thời Gia-Long 20
— Định-Tường dưới triều Minh-Mạng 21
— Định-Tường dưới triều Tự-Đức 21
— Quân Pháp xâm chiếm Nam-Kỳ 22
— Định-Tường thất thủ ngày 1-4-1861 22
— Anh hùng hào kiệt Định-Tường dựng cờ kháng Pháp khắp nơi : Phủ-Câu, Phan-Liêm, Phan-Tôn, Thân-văn-Nhíp, Trương-Huệ, Thủ-khoa-Huân, Thiên-hộ-Dương v.v... 26
— Những chiến công oanh-liệt ở Đồng-tháp-Mười 37
— Định-Tường hành chánh dưới chế độ Tân trào 40
— Định-Tường trước 1945 41

ĐỊA - LÝ

— Vị trí 42
— Địa chất, đất đai, vùng đất mới, cù lao, sông ngòi sông Cửu-Long, Bờ-biển, 44

PHẦN THỨ HAI :

DANH NHÂN LỊCH SỬ, ANH HÙNG KHÁNG PHÁP 53

— Đỗ-Thanh-Nhân đóng quân tại Ba-Giồng Định-Tường 55

— Tả quân Lê-văn-Duyệt
theo phò Chúa Nguyễn tại Long-Hưng 60

— Hồ văn Lân 65

— Nguyễn văn Hiếu 68

— Chưởng cơ Đặng văn Lượng 73

— Người hùng Trương văn Hoảng 76

— Chưởng cơ Lê văn Thụy 78

— Lê văn Quân 81

NHỮNG ANH HÙNG LIỆT SĨ NHO GIA KHÁNG PHÁP

— Lãnh binh Nguyễn văn Cần 84

— Âu Dương Lân 87

— Phan Hiển Đạo 89

— Nguyễn văn Lạc (Học Lạc) 92

— Cử nhân Nguyễn văn Thạnh 96

— Mai văn Ngọc v.v... 99

PHẦN THỨ BA :

DI-TÍCH LỊCH-SỬ

— Đại Thạch Bia, thiết lập do sắc chỉ vua Gia-Long truy niệm công thần 105

— Đàn xã tắc 105

— Đàn Tiên Nông 106

— Miếu Thành Hoàng 106

— Miếu thờ Thần Bão Tố 107

— Đền thờ Phú Thọ 108

— Vị cồ Phật bằng đá 108

— Ao Tha La Tân lý tây 109

— Miếu thờ trinh nữ Nguyễn thị Liệu 109

— Ngôi cồ mộ thân sinh Tả quân. 110

— Mộ Tổng đốc Lộc 110

— Mộ Chưởng Cơ Kỳ thiện Hầu 112

— Mộ hai vị Thượng quan, ông Kinh, ông Đạt 112

— Mộ Tứ Kiệt ở Cai Lậy 114

— Mộ Tả quân Lê văn Duyệt 115

— Danh lam cồ soái nơi vua Gia-Long lánh nạn 116

— Linh phong cồ tự, tục gọi chùa Thành 120

— Đại Già Lam Bửu-Lâm 120

– Chùa Vĩnh-Tràng 121

— Sự tích kinh Bảo định Hà 125

— Sự tích kinh Tổng đốc Lộc 127

PHẦN THỨ TƯ :

HUYỀN-SỬ — GIAI-THOẠI

— Định-Tường với trận đánh Rạch-Gầm lịch sử 129
— Quang-Trung, Nguyễn-Huệ đại phá 2 vạn quân Xiêm 129
— Tả quân Lê-văn-Duyệt với câu chuyện Xã trưởng Vĩnh-Kim-Đông chở đá 134
— Trinh nữ Nguyễn-thị-Liệu, hồn thiên ra Huế báo mộng kêu oan cùng vua Tự-Đức 137
— Oai linh ông Thần Cả-Dám (làng Kim-Sơn) 140
— Câu chuyện ông Cử-Đa tại Thuộc-Nhiêu đi tu trên núi Tà-Lơn xưng hiệu Ngọc-Thanh 143
— Chùa Phật Đà (Linh-Phước-Tự) 149
— Sự tích Đình Điều-Hòa cổ kính 152
— Sự tích Đá mọc trên thửa ruộng Bưng Ngang 156
— Chùm Bà Kết Long Phan Tự (quận Chợ Gạo) 158
— Bến thuyền ngày xưa, với một đại hồng chung cổ dưới mé sông 160
— Giồng Ông Lũy Bình Phục Nhứt, mồ chôn hằng ngàn tử thi thời cựu trào 162
— Giai thoại về Đồng Tháp và ông Thiên-hộ-Dương 164
— Rắn thần tiếp chiến với Thiên-hộ-Dương 165
— Liêm-Pha và Lạn-Tương-Như Việt-Nam 169
— Thiên-Hộ-Dương võ nghệ tinh thông 174
— Ai về Đồng-Tháp . . . 180
— Ông Thầy Rắn với câu chuyện Lê-huy-Nhạc vùng Đồng-Tháp 183
— Giai thoại về làng Sầm-Giang 186
— Giai thoại Đồn Chợ Giữa năm xưa 192

PHẦN THỨ NĂM :

VĂN HÓA NGHỆ THUẬT — THI THƠ TÂN CỰU 199

— Thổ Nghi sản vật và các bộ môn văn nghệ học thuật 201

— Về bộ môn sân khấu kịch nghệ 203

— Định-Tường dưới mắt tao nhân mặc khách xuyên qua những vần thơ tân cựu 207

— Những cây viết xứ dừa thơ mộng 214

— Nhân tài xứ Mỹ 217

PHẦN THỨ SÁU :

ĐỊNH-TƯỜNG NGÀY NAY 229

— Đường vào xứ Mỹ 231

— Văn Hoá giáo dục 232

— Kinh-tế 235

— Y-Tế 237

— Xã-Hội 238

— Tín Ngưỡng Đạo giáo 239

— Định-Tường qua vài thổ sản đặc biệt 241

— Mận Hồng Đào (Trung-Lương) 242

— Vú Sữa Lò Rèn (Long Định) 245

Nông sản là một nguồn lợi dồi dào : Ổi sá-lỵ 248

— Cam mật (Cái Bè) 251

— Xoài Cát (Mỹ-Thuận) 252

có bài tường thuật nơixuất xứ

— Bảng liệt kê

số Quận, Tổng, Xã, Ấp, diện tích, dân số toàn tỉnh 255

Định-Tường với vườn hoa Lạc-Hồng ngày nay 257

PHẦN PHỤ LỤC: Lãnh binh Huỳnh-khắc-Hơn.

Một nhân vật vang danh dưới thời kháng Pháp 266

Kết luận 271

Đôi lời tâm huyết

Trên tinh thần phục vụ văn hóa dân tộc, góp công tô điểm quê hương, bảo tồn di tích lịch sử nước non nhà, đó là lý tưởng duy nhứt của chúng tôi, đã đeo đuổi trên mấy mươi năm khi còn ở cửa Khổng sân Trình, nay tuổi đã trén nửa đời mới thực hiện được trong muôn một.

Nhận thấy giang sơn cẩm tú Việt-Nam trải qua bao cuộc thăng trầm, lắm lần thay ngôi đổi chủ, sanh mạng con người rất bé bỏng, nay còn mai mất chẳng nghĩa lý gì, vì thế mà chúng tôi không nài khổ nhọc, làm một công việc mà ít ai chịu khó làm. Nghĩ như thế, chúng tôi muốn lưu lại một sự nghiệp văn chương nho nhỏ cho đời, dầu hay, dầu dở, cũng là công trình của tôi đối với nền văn hóa. Ở đời nhơn vô thập toàn, nói hay, nói giỏi mà không làm đâu cũng còn đó, tôi nghĩ vậy tự vạch một con đường để đi theo chí hướng quan niệm của mình là TÌM HIỂU NON SÔNG ĐẤT NƯỚC, *gợi lại công nghiệp của tiền nhân, bảo tồn phong tục tập quán của quê hương làng mạc qua từng địa phương.*

tìm hiểu non sông đất nước

Lúc nhỏ tôi sanh sống ở thửa vườn, miếng ruộng, thường chơi đùa dưới những cội đa cổ thụ sau bờ ao cạnh lũy tre xanh, dưới máy đình chùa cổ-kính, tắm theo bờ sông rạch. Đi xem hat đình vào những đêm trăng thanh gió mát, của thuở thanh bình, nay không bao giờ trở lại.

Trải mấy mươi năm khói lửa, cảnh tang tóc diễn ra trên đất nước thân yêu, chúng tôi đành phải ngậm-ngùi rời khỏi làng mạc, ra đi với lòng sầu tủi.

Đứng trước cảnh quốc phá gia vong, lòng người ly tán, khi gặp nhau xem như kẻ xa lạ, tình đời đen bạc, không còn giữ được phong độ ngày xưa, rồi đây sẽ mất hết, vì tiền tài, vật chất, chạy theo văn minh, khoa học mà quên cả lễ nghi phong hóa nước nhà, đến đỗi quên chính bản thân mình nữa.

Với sức mọn tài hèn, chúng tôi tự quyết nêu lên những gương trung liệt của các danh nhân chí sĩ nước nhà, những phong tục tập quán của giống nòi, để đánh thức những ai đang phản bội lại quê hương mình, quên cả mồ mã ông bà, quên những người nông dân tay lấm chân bùn, quên mâm cơm cá đồng mắm kho, bông bí luộc

ĐÍNH CHÁNH

Vì sự sơ xuất của nhà in, nên trang 234, bảng I.— CÔNG LẬP đã in lộn con số trường qua số lớp, số lớp qua số trường. Vậy xin độc giả xem theo bảng in lại dưới đây cho đúng.

I.— CÔNG-LẬP :

Trường sở	Số trường	Số lớp	số giáo viên	Sĩ số
Sơ cấp	44	167	139	8.447
Phổ thông	68	915	849	49.861
Cộng đồng	6	110	106	6.000
Học nghề	2	2	6	126
Nữ công	2	4	7	103
Cộng	122	1.198	1.107	64.537

non nước mến yêu

Hỡi ai, là người có tinh thần tồn cổ, hoài bão quê cha đất tổ, xin đọc các tác phẩm sưu khảo từng tỉnh miền Nam :

VĨNH-LONG XƯA VÀ NAY
BẠC-LIÊU XƯA VÀ NAY
GÒ-CÔNG XƯA VÀ NAY
CẦN THƠ XƯA VÀ NAY
KIẾN HOÀ XƯA VÀ NAY
ĐỊNH-TƯỜNG XƯA VÀ NAY

Các tác phẩm này ở nhà sách đã hết. Muốn có trọn bộ đóng riêng từng quyển mạ vàng bìa cứng rất đẹp, xin đến tác giả.

Chúng tôi sẽ lần lượt soạn khảo thêm các tỉnh khác sẽ ra mắt bạn đọc một ngày gần đây.

HUỲNH-MINH

ĐÓN ĐỌC :

VŨNG TÀU Xưa và Nay

do Huỳnh-Minh soạn khảo
sẽ xuất bản trong ngày gần đây.

Một tác phẩm sưu tầm khảo cứu rất công phu, gồm nhiều hình ảnh có giá trị, xác thực.

Nơi mà du khách và báo chí tặng cho là :

ĐỆ NHỨT THẮNG CẢNH CỦA MIỀN NAM

— Trăng nước gió mây cây rũ bóng.
— Vũng Tàu cảnh đẹp như mơ !

Vũng Tàu thật là một cảnh hữu tình đầy thơ mộng. Những ngày Chúa nhựt, ngày lễ, Vũng-Tàu là nơi tiếp nhận đủ mọi giới, du khách đến thưởng lãm, tắm biển, câu cá, viếng các nơi danh thắng, di tích lịch sử của thị xã nầy :

LĂNG CÁ ÔNG, THÍCH CA PHẬT ĐÀI, TƯỢNG ĐỨC MẸ NÚI ĐIỆN BÀ, HANG ÔNG HỔ, NGỌN HẢI ĐĂNG, CHÙA TỊNH ĐỘ CƯ SĨ, TỊNH XÁ NGỌC HƯƠNG, THANH TÂM ĐẠO VIỆN, TỊNH XÁ NGỌC BÍCH, LINH-SƠN CỔ TỰ, BỐN CỖ ĐẠI BÁC KHỔNG LỒ . . .

BÃI TẮM DƯƠNG, MŨI NGHINH PHONG, BÃI THÙY VÂN, Ô QUẮN, BÃI DÂU (PHƯƠNG THẢO). VÒNG QUANH NÚI ĐỒI, ngắm xem :

Biển rộng bao-la, núi-non hùng-vĩ, phong cảnh nên thơ, huyền-ảo.

Đọc VŨNG TÀU XƯA VÀ NAY, bạn sẽ thỏa mãn qua mọi khía cạnh, biết được non sông đất nước của mình, gợi lại tình quê hương xứ sở.

NHÀ XUẤT-BẢN — TỔNG PHÁT-HÀNH

CÁNH BẰNG

CHỦ TRƯƠNG DO NHÀ SƯU-KHẢO HUỲNH-MINH

585/88, Phan-đình-Phùng — Saigon

CÙNG MỘT TÁC GIẢ

Những loại sáng-tác, sưu-tầm, khảo-cứu về tôn giáo, khoa-học, và loại sách học làm người v v...

ĐÃ XUẤT-BẢN :

— ĐỜI NGƯỜI TRONG NÉT BÚT I, II, III *(in lần 4)*
— DANH NHÂN TƯ-TƯỞNG
— SỐNG TRANH ĐẤU
— LUYỆN CHÍ
— HUYỀN BÍ HỌC
— THẾ GIỚI VÔ HÌNH, NGƯỜI VÀ MA
— THẦN PHƯƠNG KHẢO LUẬN *(in lần 2)*
— SỐNG VUI HAY SỐNG KHỔ *(in lần 2)*
— ANH SÁNG CHƠN-LÝ *(in lần 3)*
— ĂN CHAY CÓ LỢI GÌ ? *(in lần 2)*
— LƯỢC SỬ TU-SĨ NGUYỄN-THÀNH-NAM
— ĐỜI KHỔ HẠNH ÔNG ĐẠO DỪA
— ĐỊA-LINH NHƠN-KIỆT
(KIẾN-HOÀ *(BẾN-TRE)* XƯA VÀ NAY)
— BẠC-LIÊU XƯA VÀ NAY
— CẦN-THƠ XƯA VÀ NAY
— VĨNH-LONG XƯA VÀ NAY
— GÒ-CÔNG XƯA VÀ NAY
— ĐỊNH-TƯỜNG XƯA VÀ NAY

NHÀ SÁCH — XUẤT BẢN — TỔNG PHÁT HÀNH

SỐNG-MỚI

30 b, Phạm-Ngũ-Lão — Saigon

Nơi tập trung đủ các loại sách giá trị của các Văn nhân, Thi sĩ, Học giả, Giáo sư v. v...

Muốn tìm những loại sách nào, xin đến ngay :

NHÀ SÁCH SỐNG-MỚI

✳

Muốn mua sách « Tìm hiểu các tỉnh miền Nam » của nhà Sưu-khảo Huỳnh-Minh, hãy đến các nhà sách ở thủ-đô sau đây :

— SỐNG MỚI — KHAI TRÍ — Á CHÂU
— TỰ LỰC — THẾ SỰ — TÍN-ĐỨC THƯ-XÃ
— LÊ-LAI — THU-HƯƠNG — ĐOÀN HÙNG

và các tỉnh Nam-Trung-Phần.

Kiểm duyệt số 4345 BTT/NBC/PHNT

Từ kho sách xưa của Quán Ven Đường

ĐÔI LỜI TÂM-SỰ

Tìm hiểu non sông đất nước, làm sống lại hùng khí của các bực Danh-Nhân anh hùng liệt sĩ dân-tộc. Nêu cao khí tiết giống Tiên-Rồng bốn ngàn năm văn hiến. Bảo vệ phong-tục tập-quán, di tích lịch sử nước non nhà.

Nói lên những nỗi thăng trầm của mảnh đất quê hương trải qua các thời đại, đó là lý tưởng duy nhứt của chúng tôi.

Lần đầu tiên, «Định-Tường Xưa và Nay» với sự cộng tác của ông Đào văn-Hội một nhà khảo cứu đã viết và xuất bản nhiều sách có giá-trị.

Trên tinh-thần phục-vụ văn-hoá dân-tộc, góp công tô-điểm Quê-Hương qua các tác phẩm lành mạnh, nhứt là các tỉnh miền Nam Việt-Nam yêu mến.

Vì sự ích lợi chung của nền văn-hoá hiện đại, chúng tôi đã nhận được những thơ khuyến khích của quí độc-giả, thân hào nhân sĩ trong nước cũng như ngoài nước gởi đến ủng hộ rất nhiều.

Tinh-thần và nghĩa cử cao đẹp ấy, chúng tôi xin chân thành cảm tạ và nguyện cố-gắng tiếp tục theo con đường đã vạch sẵn.

Việc làm của chúng tôi với tánh cách đơn phương, thiếu thốn tất cả mọi phương tiện, tuy nhiên không sao tránh khỏi những điểm thiếu sót, mong quí độc-giả niệm tình thông cảm và nâng đỡ trên tinh-thần văn-nghệ. Chúng tôi mong rằng sẽ được lãnh hội những ý kiến xây dựng.

TIẾNG LÒNG

Khanh tướng công hầu chẳng ước mong,
Thực thi lý tưởng chí tang bồng.
Sưu tầm khảo cứu Danh-Nhân sử,
Lê bước thâu gồm cảnh núi sông.
Hươi bút dệt thành tranh cẩm tú,
Nêu cao hào kiệt giống Tiên-Rồng.
Điểm tô đất nước tươi màu sắc,
Lưu lại đời sau một tấm lòng.

HUỲNH-MINH

giá 220$
Công sở 250$

Nhà Sách KHAI-TRÍ
62, Đại-Lộ ... SAIGON